

QUỐC-SỬ

LỚP NHÌ



SÁCH SỬ-KÝ BẠC TIỂU-HỌC
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

1965

Soạn-giả : **PHẠM-VĂN-TRỌNG**
và **PHẠM-THỊ NGỌC-DUNG**
Trình-bày : **Họa-sĩ HUỖNH-PHÚ-NHIỀU**

QUỐC-SỬ

LỚP NHÌ

SÁCH SỬ - KÝ BẬC TIỂU-HỌC
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1965

SOẠN-THẢO VÀ ÁN-HÀNH TRONG
KHUÔN-KHỔ CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-
TÁC GIỮA BỘ VĂN - HÓA GIÁO-
DỤC VÀ PHẢI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ
_____ TÀI VIỆT-NAM _____

LỜI NÓI ĐẦU

Thế theo lời chỉ-dẫn của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục, Nghị-định số 1005-GD/NĐ ngày 16-7-1959 — chúng tôi soạn-thảo sách Quốc-sử này, dành cho học-sinh lớp Nhì, với những quan-điểm sau đây :

— Những bài học ở lớp Nhì không còn là những truyện sử về các bậc danh-nhân nước nhà như ở lớp Ba và lớp Tư nữa, mà chính là những bài Quốc-sử dạy theo thời-đại và niên-kỷ.

— Mỗi bài học chỉ chú-trọng vào việc lớn chứ không nặng về tiểu-tiết, nhưng cũng không đẽo nới quá khô-khan.

— Cũng như ở lớp Ba và lớp Tư, mỗi bài học được minh-họa bằng những hình-ảnh tô màu để học-sinh vui xem thích đọc.

— Bài học nào cũng kèm theo một số câu hỏi sắp-xếp sẵn để tiện dẫn-dắt học-sinh bình-phẩm một nhân-vật, một triều-đại, một biến-cổ, giúp cho học-sinh biết phán-đoán, thấy rõ đâu là lợi, đâu là hại, cho nước, cho dân.

— Sau mỗi bài học, một bài đọc chọn-lọc, hoặc là một tài-liệu lịch-sử, hoặc là một vài lời giảng-luận, làm sống lại đoạn sử trong bài, khiến cho học-sinh vui-vẻ hay buồn-ngùi, ngợi-khen hay căm-tức.

— Cốt yếu bài Quốc-sử là làm nảy-nở nơi học-sinh, một cách tự-nhiên và thành-thật, một tinh-thần quốc-gia chân-chánh.

Chúng tôi thành-khẩn mong-ước quý bạn đồng-nghiệp chỉ-giáo cho những điều sơ-xuất.

Chúng tôi trân trọng thỉnh cầu quý vị tác-giả có bài trích in trong sách này thể nhận cho lòng biết ơn thành kính của chúng tôi.

SOẠN - GIẢ

CHƯƠNG - TRÌNH

Nguồn-gốc nước Việt-Nam, cách sinh-hoạt về đời thượng-cổ : nghề làm ruộng (nông-khí bằng đá, nước thủy-triều, nghề đánh cá, tực vẽ mình).

THỜI - ĐẠI BẮC - THUỘC :

Các Thái thú, các cuộc khởi-nghĩa. Ảnh-hưởng về văn-hóa và chính-trị của thời Bắc-thuộc.

THỜI - ĐẠI ĐỘC - LẬP :

NHÀ NGÔ

NHÀ ĐÌNH

NHÀ TIỀN - LÊ

NHÀ LÝ : Nội-trị, phật Tống, bình Chiêm.

NHÀ TRẦN : Hội-nghị Diên-Hồng : đuổi giặc Mông-cổ, hai lần đánh phá quân Nguyên. Tổ-chức nội-trị, xây-dựng nền văn-hóa. Văn-chương quốc-ngữ và ông Hàn-Thuyên.

NHÀ HỒ : Chính-trị, văn-hóa, giao-thiệp với Tàu và Chiêm-thành.

NHÀ HẬU-TRẦN : Chính-sách đô-hộ của nhà Minh.

MƯỜI NĂM KHÁNG-CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH : Lê Lợi.

NHÀ HẬU-LÊ : Việc nội-trị, việc võ-bị, văn-hóa và chính-trị của Lê Thánh-Tôn
Cớ sao nhà Lê mất ngôi.

THỜI - ĐẠI NAM BẮC PHÂN TRANH :

NHÀ MẠC : Chính-trị.

HỌ NGUYỄN giúp nhà Lê.

TRỊNH NGUYỄN phân tranh.

NGƯỜI ÂU-CHÂU sang Việt-Nam.

TÂY-SƠN khởi-nghĩa.

HỌ TRỊNH mất nghiệp Chúa.

MỤC - LỤC

Bài	TRANG
— 1. Nguồn - gốc nước Việt - Nam	11
— 2. Cách sinh - hoạt về đời Thượng - cổ	15
— 3. Họ Hồng - Bàng	18
— 4. Văn - Lang thuộc Nhà Thục — Vua An - dương - vương (257 - 207 trước tây - lịch).	21
— 5. Văn - Lang thuộc Nhà Triệu — Triệu Vũ - Vương và các vua kế - tiếp (207 - III trước tây - lịch).	24
— 6. Bắc - thuộc thời - đại — Thời - kỳ thứ nhất (III trước tây - lịch — 39 sau tây - lịch).	29
— 7. Cuộc khởi - nghĩa của hai Bà Trưng — Trưng Nữ - vương (40 - 43).	32
— 8. Bắc - thuộc thời - đại — Thời - kỳ thứ hai (43 - 544)	35
— 9. Cuộc khởi - nghĩa của Bà Triệu — Nhụy - Kiều tướng - quân (248).	38
— 10. Cuộc khởi - nghĩa của Lý Bôn — Nhà Tiền - Lý (544 - 602)	41
— 11. Bắc - thuộc thời - đại — Thời - kỳ thứ ba (602 - 938) Mai Hắc - đế — Bồ Cái đại - vương	44
— 12. Họ Khúc dấy nghiệp (906 - 923)	47
— 13. Giải - phóng đất nước — Dương - diên - Nghệ — Ngô Quyền (938)	50
— 14. Cuộc bang - giao giữa Giao - châu và các nước lân - cận trong thời - đại Bắc - thuộc.	53
— 15. Ảnh - hưởng của thời - đại Bắc - thuộc.	56
— 16. Nhà Ngô (939 - 965)	61
— 17. Nhà Đinh (968 - 980)	64
— 18. Nhà Đinh (tiếp theo).	67
— 19. Nhà Tiền - Lê (980 - 1009) Đại - Hành Hoàng - đế	70
— 20. Nhà Tiền - Lê (tiếp theo) Lê - long - Việt — Lê - long - Đĩnh	73
— 21. Nhà Hậu - Lý (1010 - 1225) — Lý Thái - Tổ	79
— 22. Nhà Hậu - Lý — Các vua sau Lý Thái - Tổ	82
— 23. Nhà Hậu - Lý — Thời - kỳ hưng - thịnh — Việc nội - trị	85

Bài	TRANG
- 24. Nhà Hậu - Lý — Các cuộc dẹp nội-loạn	89
- 25. Nhà Hậu - Lý — Thời - kỳ hưng - thịnh — Cuộc chiến - tranh với Nhà Tống	92
- 26. Nhà Hậu - Lý — Thời-kỳ hưng-thịnh — Cuộc chiến-tranh với Chiêm-thành	95
— 27. Nhà Hậu - Lý — Thời - kỳ suy - vong	98
— 28. Nhà Trần (1225 - 1400) — Trần-thủ-Độ giúp Trần Thái - Tôn dựng nghiệp	103
— 29. Nhà Trần — Thời - kỳ hưng - thịnh — Việc nội - trị	106
- 30. Nhà Trần — Thời-kỳ hưng-thịnh — Văn-học và Tôn-giáo	110
- 31. Nhà Trần — Thời - kỳ hưng - thịnh — Chiến - thắng Mông - cổ lần thứ nhất.	113
- 32. Chiến-thắng Mông-cổ lần thứ hai	116
- 33. Chiến-thắng Mông-cổ lần thứ ba	119
— 34. Nhà Trần — Sự giao-thiệp với Ai-lao và Chiêm-thành	123
— 35. Nhà Trần — Thời - kỳ suy - vong	127
— 36. Nhà Hồ (1400 - 1407) — Những việc cải - cách	130
— 37. Nhà Hồ — Việc giặc - giã	133
— 38. Nhà Hậu - Trần (1407 - 1413)	137
— 39. Nước ta thuộc Nhà Minh (1414 - 1427)	140
— 40. Lê Lợi khởi-nghĩa chống quân Minh (1418 - 1427).	147
— 41. Nhà Hậu - Lê (1428 - 1527) — Thời - kỳ hưng - thịnh — Việc nội - trị	150
— 42. Nhà Hậu - Lê — Thời-kỳ hưng-thịnh — Văn-học và Tôn-giáo . .	153
— 43. Nhà Hậu - Lê — Võ - công	156
— 44. Nhà Hậu - Lê — Thời-kỳ suy-vong (1504 - 1527).	159
— 45. Nhà Mạc (1527 - 1592)	165
— 46. Họ Nguyễn giúp Nhà Lê	168
— 47. Họ Trịnh và họ Nguyễn xưng chúa	171
— 48. Trịnh Nguyễn phân tranh — (1627-1672)	175
— 49. Người Âu-châu sang nước ta	178
— 50. Tây-sơn khởi-nghĩa.	181
— 51. Họ Trịnh mất nghiệp Chúa — Nhà Hậu-Lê mất ngôi.	185

THỜI-ĐẠI THƯỢNG-CỔ

1. *Nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam*
2. *Cách sinh-hoạt về đời thượng-cổ*
3. *Họ Hồng-Bàng (2879-258 trước tây-lịch)*
4. *Văn-Lang thuộc nhà Thục
Vua An-Dương-vương (257-207
trước tây-lịch)*
5. *Văn-Lang thuộc nhà Triệu
Triệu Vũ-vương và các vua kế-tiếp
(207-111 trước tây-lịch)*

NGUỒN-GỐC NƯỚC VIỆT-NAM

I. BÀI GIẢNG

1. Gốc-tích người Việt-Nam

Về gốc-tích người Việt-Nam, có nhiều thuyết khác nhau.

Một thuyết cho rằng người Việt-Nam phát-tích từ xứ *Tây-tạng* rồi dọc theo sông *Nhị-hà* tràn xuống miền trung-châu Bắc-Việt và phía Bắc xứ Trung-Việt ngày nay. Sau những người này theo cái đà ấy tiền dần về phía Nam

Một thuyết khác nói rằng người Việt-Nam xưa thuộc giòng *Anh-đô-nê-giêng*. Giống này bị giống *A-ry-ăng* đánh đuổi khỏi xứ *Ấn-độ*, phải chạy sang bán-đảo *Ấn-độ Trung-hoa*. Tại phía Bắc bán-đảo, giòng *Anh-đô-nê-giêng* hợp với giòng *Mông-cổ* làm thành giòng *Việt-Nam*.

Một thuyết nữa bảo rằng người Việt-Nam xưa gốc ở miền hạ-lưu sông *Dương-tử*, bị người nước Sở đánh đuổi, phải chạy xuống vùng *Quảng-đông* và *Quảng-tây*, rồi chia ra nhiều nhóm gọi là *Bách-Việt*. Các nhóm này lần lần bị đồng-hóa với người Trung-hoa. Chỉ còn nhóm *Lạc-Việt* kéo sang miền *Bắc Việt-Nam* để lập nghiệp. Nơi đây, ngay từ lúc đầu, nhóm này chia làm hai nhánh.

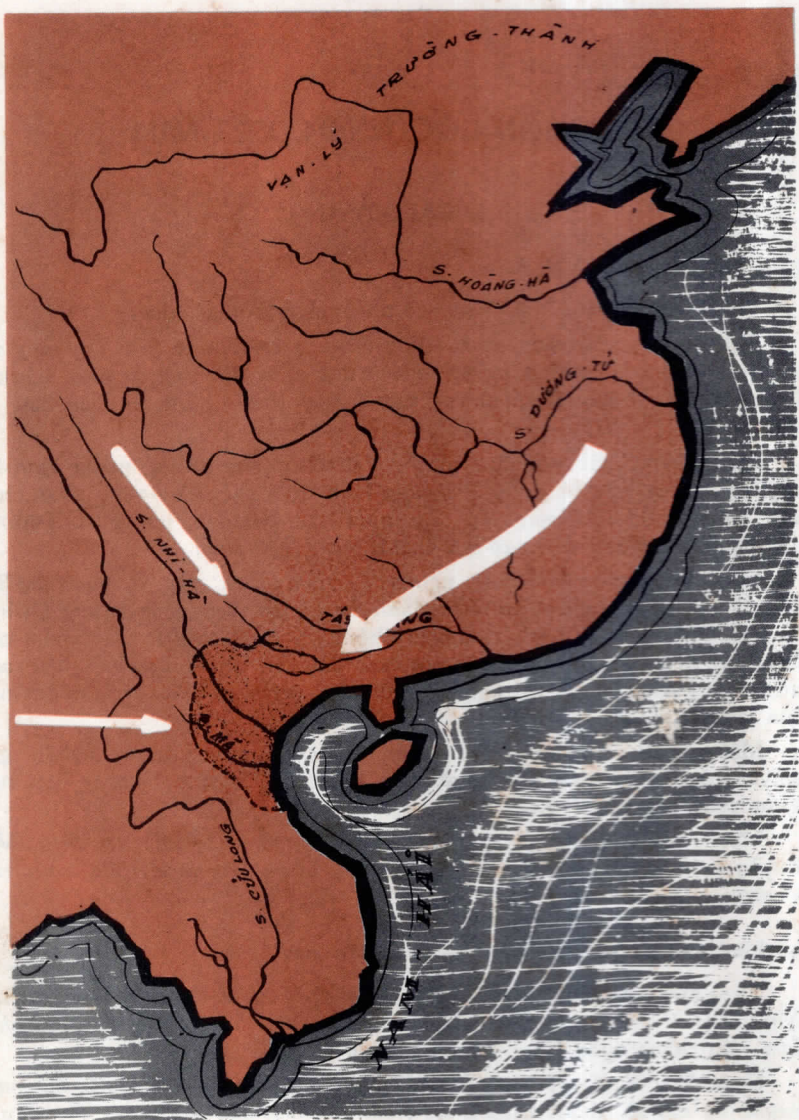
Một nhánh sông vùng rừng núi, ít tiếp-xúc với người ngoài, giữ nguyên phong-tục riêng của mình, tiền-bộ chậm. Người *Thượng* hiện nay là con cháu của nhánh này.

Một nhánh sinh-sống ở vùng châu-thỏ sông *Nhị-hà* và sông *Mã*, chuyên nghề nông, chịu ảnh-hưởng văn-hóa Trung-hoa phát-triển mau, tức là người *Việt-Nam* ngày nay.

2. Lãnh-thổ nước Việt-Nam từ xưa đến nay

Theo như trên đây, nước ta lúc sơ-khai chỉ gồm có Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt. Về sau, vì lẽ sống còn, tổ-tiên ta phải cố mở-mang bờ-cõi về phía Nam, lập thành miền Nam Trung-Việt và Nam-Việt.

Nước Việt-Nam ngày nay chạy dài từ ải *Nam-quan* đến mũi *Cà-mau*, hơn 2.500 cây số, thuộc vùng *Đông-Nam Á-Châu*, mặt hướng ra Thái-bình-dương, lưng dựa vào dãy *Tràng-sơn*.



Bản đồ chỉ gốc tích người VIỆT-NAM

3. Quốc-hiệu nước ta qua các triều-đại

Trải qua các triều-đại, quốc-hiệu nước ta đã thay đổi nhiều lần.

Trước tiên, về đời Hồng-Bàng, quốc-hiệu là *Văn-Lang*.

Về đời Thục, An-Dương-vương gọi là *Âu-Lạc*.

Triều Đà sáp-nhập nước ta vào đất lương Quảng và gọi chung là *Nam-Việt*.

Thời-kỳ Bắc-thuộc, nước ta bị coi như là một phủ của Trung-hoa và gọi là *Giao-châu*

Nhà Đinh dựng nền tự-chủ đặt tên nước là *Đại-Cổ-Việt*.

Nhà Lý đổi lại là *Đại-Việt*.

Vua Gia-Long sáng-lập nhà Nguyễn đặt quốc-hiệu lại là *Việt-Nam*.

II. CÂU HỎI

- 1) Dân-tộc Việt-Nam phát-tích từ nước nào ở Trung-hoa ?
- 2) Sau khi bị người nước Sở đánh, dân nước Việt chạy đi đâu ?
- 3) Nói qua sự-tích các nhóm Bách-Việt.
- 4) Nhóm Lạc-Việt đi đến đâu để lập nghiệp ?
- 5) Nhóm ấy lại chia ra làm mấy nhánh ?
- 6) Nhánh ở vùng rừng núi hiện nay còn ở đâu ?
- 7) Nhánh ở vùng châu-thổ hiện nay là giống người nào ?
- 8) Lãnh-thổ nước Việt-Nam lúc sơ-khởi gồm những nơi nào ?
- 9) Về sau, tổ-tiên ta phải làm gì để mở-mang thêm bờ-cõi ?
- 10) Quốc-hiệu nước ta thay đổi thế nào từ xưa đến nay ?

III. BÀI HỌC

Gốc-tích dân-tộc Việt-Nam chưa được biết rõ-ràng. Giả-thuyết sau đây được các sách nhắc nhở tới luôn :

Thuở xưa, ở vùng hạ-lưu sông Dương-tử bên Tàu có nước Việt bị nước Sở đánh chiếm. Người nước Việt chạy xuống miền Nam Trung-hoa, rồi chia ra làm nhiều nhóm gọi là **Bách-Việt**. Các nhóm này lần lần đồng-hóa với người Tàu. Chỉ có nhóm **Lạc-Việt** kéo sang miền Bắc Việt-Nam lập nghiệp rồi từ đó mở-mang bờ-cõi mãi về phía Nam để lập ra nước **Việt-Nam** ngày nay.

Nước ta trước tiên gọi là **Văn-lang**, thay đổi tên nhiều lần rồi mới lấy quốc-hiệu là **Việt-Nam**.

IV. BÀI ĐỌC

TÔI LÀ NGƯỜI VIỆT.

Tôi là một người dân Việt, sinh giữa lòng của đất nước tổ-tiên tôi.

Nước tôi là một nước bé nhỏ ở ven bờ bể cả, có núi lớn làm thành, sông sâu làm lũy, có những danh-lam thắng-cảnh trang-hoàng.

Dân tôi là một giống dân hiền-lành nhưng quả-cảm, kiên-nhẫn và kiêu-hùng, một giống dân giàu tình-cảm và nhân-đạo.

Tôi yêu nước tôi, tôi mến dân-tộc tôi, lòng yêu mến của tôi vô lượng vô biên, thiêng-liêng cao-cả. Vì nước tôi là nơi chôn nhau cắt rún của tôi, vì dân tôi đã biết giữ-gìn đất nước tôi.

Tôi sống trên mảnh đất tổ-tiên tôi đã sống, tôi thờ không-khí của tổ-tiên tôi đã thờ ; những đồi núi sông ngòi, những cỏ cây hoa lá, đâu đâu cũng phảng-phất in hình dấu-vết tổ-tiên tôi.

Theo HOÀI-SƠN

Bài 2

CÁCH SINH-HOẠT VỀ ĐỜI THƯƠNG-CỔ

I. BÀI GIẢNG

1. Sinh-hoạt vật-chất

Đời thương-cổ, dân-tộc chúng ta sinh-sống tương-tợ như người Thượng miền cao-nguyên ngày nay. Trước tiên, họ sống về nghề săn-bắn và đánh cá. Dần dần họ biết đến nghề nông. Họ đã biết lợi-dụng mực nước sông lên để tát vào ruộng, và làm được hai mùa lúa, nhưng chưa biết dùng trâu bò và cày bừa mà chỉ dùng thứ cuốc bằng đá trau.

Nhà ở làm bằng tre, gỗ, hầu hết là nhà sàn, để tránh thú dữ. Về cách ăn mặc, họ vẫn khố, mang váy, bới tóc lên sau ốt và mỗi tai đeo một vành to. Họ cũng đeo vòng đồng, vòng xương ở cổ tay, cổ chân.

Vũ-khí là búa rìu bằng đá, mũi tên bịt đồng hoặc tẩm thuốc độc và đòn gậy bằng tre.

2. Phong-tục

Người Việt thời cổ có tục vẽ mình. Vì những khi lặn lội dưới nước để bắt cá, họ thường bị giồng thường-luồng làm hại, nên phải lấy chàm vẽ hình thủy-quái vào mình, để giồng ấy tưởng là đồng-loại mà không hại nữa. Tục này truyền mãi đến đời Trần mới bỏ.

Ngoài ra, họ có tục nhuộm răng đen, ăn trầu và dùng trầu cau trong việc cưới hỏi.

Về gia-tộc, họ theo chế-độ mẫu-hệ, con sinh ra lấy họ mẹ và chỉ biết có mẹ. Trong gia-đình, người đàn bà làm chủ. Đàn ông lấy vợ rồi phải đến ở nhà vợ, sống theo vợ.

3. Tín-ngưỡng

Người thời cổ nhận thấy chung quanh họ có lắm sức mạnh thiên-nhiên rất ảnh-hưởng tới đời sống hàng ngày của họ. Kinh-sợ, họ tin rằng mỗi sức mạnh ấy là một vị thần linh, rồi họ tôn-thờ cúng-bái để cầu phúc tránh họa. Họ thờ nào là thần núi, thần sông, thần mưa, thần gió, đền ông hổ, ông rắn, cây đa, cây đề, v.v...

Hàng năm, về mùa xuân, khí trời ấm-áp, hoa cỏ tốt-tươi, để tạ ơn thần, họ bày cuộc tế-lễ linh-đình, gọi là Hội mùa xuân. Nhân dịp này, trai gái hội-hợp để ăn mừng và múa hát theo tiếng trống đồng.

4. Tổ-chức xã-hội

Theo sử cũ, dân trong nước hợp thành nhiều thôn-ấp gọi là *bộ-lạc*, đặt dưới quyền những *Lạc-tướng*, chuyên về nghề võ và những *Lạc-hầu*, giỏi về nghề văn. *Lạc-tướng* và *Lạc-hầu* thường là anh em bà con với nhau và đều phục-tùng một vị chúa tể trong nước, gọi là *Lạc-vương*.

II. CÂU HỎI

- 1) *Đời thượng-cò, dân-tộc ta sinh-sống bằng những nghề nào ?*
- 2) *Nói qua về cách làm ruộng thời ấy.*
- 3) *Nhà ở của họ ra thế nào ?*
- 4) *Họ ăn mặc thế nào ?*
- 5) *Vũ-khí của họ có những gì ?*
- 6) *Họ có những tục-lệ gì ? Tục nào đã bỏ ? Tục nào còn đến ngày nay ?*
- 7) *Về gia-tộc, họ theo chế-độ gì ?*
- 8) *Về tín-ngưỡng, họ thờ những gì ?*
- 9) *Hàng năm có hội nào lớn ?*
- 10) *Tổ-chức xã-hội ra sao ?*

III. BÀI HỌC

Về đời thượng-cò, dân-tộc ta sống về nghề săn-bắn và đánh cá. Lần lần, họ biết làm nghề nông, nhưng chỉ biết dùng cuốc bằng đá trau chóc chưa biết dùng cày bừa.

Họ ở nhà sàn, ăn mặc đơn-sơ, có tục vẽ mình, ăn trầu, nhuộm răng.
Về gia-tộc, họ theo chế-độ mẫu-hệ.

Họ thờ nhiều thần và thường năm có **Hội mùa xuân**.

Nước chia ra làm nhiều bộ-lạc đặt dưới quyền cai-trị của các **Lạc-tướng, Lạc-hầu và Lạc-vương**.

IV. BÀI ĐỌC

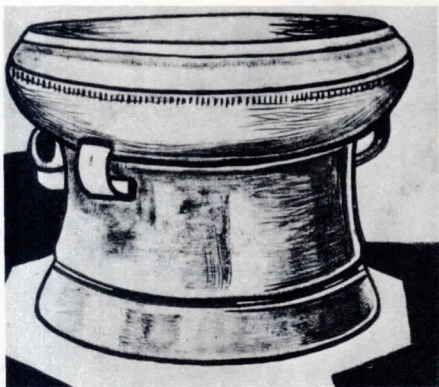
TÔN-GIAO LẠC-VIỆT

Người Lạc-Việt tin linh-hồn bất tử. Vì thế cha mẹ chết đi, con cái thờ-phụng để ghi nhớ công ơn, thành ra tục cúng giỗ tổ-tiên. Các người có công với giống-nòi hoặc chết vì nước, được cả quốc-dân thờ-phụng mãi-mãi. Sự sùng-bái tổ-tông và anh-hùng theo thuyết linh-hồn bất tử đã thành ra một tôn-giao Lạc-Việt. Người xưa sùng-thượng anh-hùng đến nỗi tin rằng các bậc đó vì tài-hoa tri-dũng cùng phẩm-hạnh khí-tiết khác phàm mà hóa ra bất tử như đức thánh Gióng, thánh Tản, v.v...

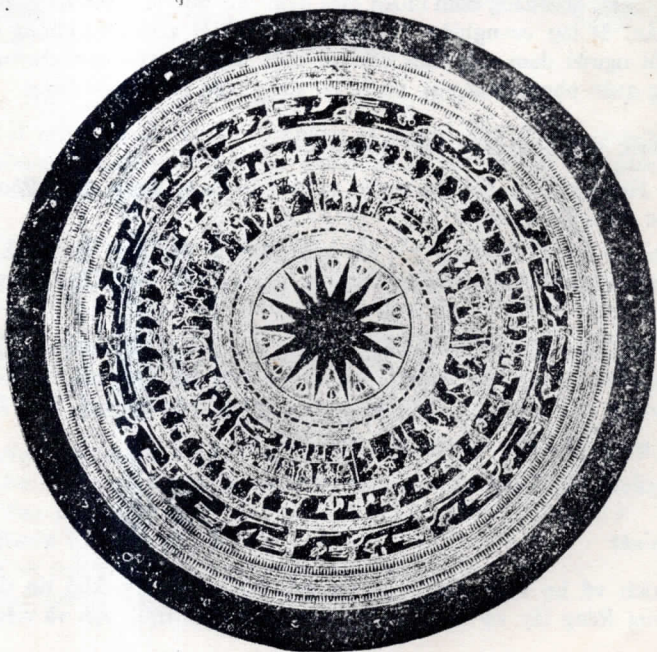
Tín-ngưỡng ấy đã hun-đúc nên một tinh-thần Lạc-Việt rất mạnh, chống lại kịch-liệt với công-cuộc phá-hoại và đồng-hóa của thời Bắc-thuộc nghìn năm.

NGUYỄN-SĨ-ĐẠO

(Đại-Việt triết-học lịch-sử)



Trống đồng NGỌC-LŨ,
di-tích nền văn-minh cổ VIỆT-NAM



Hình mặt trống đồng NGỌC-LŨ

HỌ HỒNG-BÀNG

(2879 - 258 trước tây-lịch)

I. BÀI GIẢNG

1. Truyền-thuyết về họ Hồng-Bàng

Sử cũ của ta chép rằng họ làm vua trước tiên ở nước ta là họ Hồng-Bàng. Họ ấy là con cháu vua Thần-nông bên Tàu được phong sang làm vua ở phương Nam. Ông vua thứ nhất là *Kinh-Dương-vương* truyền ngôi cho con trai là Sùng-Lãm tức *Lạc-Long-quân*. Lạc-Long-quân lấy bà *Âu-Cơ*, sinh được một trăm cái trứng nở thành một trăm người con trai. Khi đàn con khôn lớn, Lạc-Long-quân nói với vợ rằng : « Ta là dòng-dõi *Rồng* mà nàng là nòi giống *Tiên*, ăn ở với nhau lâu ngày không được. Nay ta chia con ra, cho nàng năm mươi đứa đem lên núi, ta đem năm mươi đứa xuống biển, để lập cơ-nghiệp lâu dài về sau ». Nói xong, vợ chồng chia tay nhau, mỗi người đem một đàn con đi một ngả. Người con trưởng được Lạc-Long-quân phong làm vua nước ta, xưng hiệu là *Hùng-vương*.

2. Tổ-chức chính-trị vào đời Hồng-Bàng.

Vua Hùng-vương đặt tên nước ta là *Văn-lang*, đóng đô ở *Phong-châu*, nay thuộc tỉnh Vinh-yên.

Lãnh-thổ nước Văn-lang lúc bấy giờ gồm có Bắc-Việt và 3 tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh. Nước chia ra làm 15 bộ, thuộc quyền thông-trị của vua.

Con trai vua gọi là *Quan-lang*, con gái vua gọi là *My-nương*. Quan vẫn gọi là *Lạc-hầu*, trông việc cai-trị, có nhiều thôn-ấp rộng-rãi. Quan võ gọi là *Lạc-trưởng*, lo việc gìn-giữ biên-cương có thôn-ấp nhỏ hơn Lạc-hầu.

Vua quan đều cha truyền con nối đời đời.

Tất cả có 18 Hùng-vương, trị-vì hơn 2.000 năm.

3. Nhận-xét

Sự-tích về họ Hồng-Bàng có vài việc hoang-đường, khó tin được. Đó là việc vua *Rồng* lấy vợ *Tiên* sinh trăm trứng nở trăm con và việc 20 ông



Đền Hùng (Phú-thọ)

vua trị-vì trên 20 thế-kỷ. Phải chăng là người xưa đã cõ tình thần-thoại-hoá nguồn-gốc dân-tộc mong cho con cháu về sau tự-hào mà gắng sức cư-xử cho xứng đáng với tổ-tiên ?

4. Di-tích về họ Hồng-Bàng.

Nhiều di-tích tìm được dưới đất giúp cho ta biết qua cách sinh-hoạt về thời-đại Hồng-Bàng. Ngoài ra, hiện nay, tại địa-phận phủ Lâm-thao, tỉnh Phú-thọ, còn đền thờ các vua Hùng-vương. Hàng năm, đến ngày mồng 10 tháng 3 âm-lịch có lễ giỗ các vua Hùng, gọi là giỗ Tổ.

II. CÂU HỎI

- 1) Họ nào làm vua nước ta trước tiên ?
- 2) Nói lại sự-tích Lạc-Long-quân và Âu-Cơ. Câu chuyện này ngụ-ý gì ?
- 3) Vua Hùng-vương đặt tên nước là gì ? Đóng đô ở đâu ?
- 4) Nước chia ra thế nào ?
- 5) Con trai vua gọi là gì ? Con gái vua gọi là gì ?
- 6) Lạc-trưởng khác Lạc-hầu ở điểm nào ?

- 7) Có cả thấy mây vua Hùng-vương ? Trì-vì được bao lâu ?
- 8) Sự-tích họ Hồng-Bàng có những việc gì không tin được ?
- 9) Tại sao người xưa thần-thoại-hóa nguồn-gốc của mình ?
- 10) Hiện nay còn di-tích về họ Hồng-Bàng ở đâu ?

III. BÀI HỌC

Họ Hồng-Bàng làm vua nước ta trước tiên. Nước ta lúc ấy gọi là **Văn-lang**, chỉ gồm có Bắc-Việt và ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh ngày nay.

Nước chia ra làm 15 bộ, có các **Lạc-tướng**, **Lạc-hầu** cai-trị. Trên hết có vua, xưng là **Hùng-vương**. Tất cả có 18 Hùng-vương, trị-vì hơn 2.000 năm.

Sự-tích về họ Hồng-Bàng có vài điều hoang-đường nhưng hiện nay còn đền thờ các vua Hùng-vương ở tỉnh **Phú-thọ**, và hàng năm đến ngày **mùng 10 tháng 3 âm-lịch** có lễ giỗ.

IV. BÀI ĐỌC

BÀI HÁT « ĐI HỘI ĐỀN HÙNG »

Ca khúc I

Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm,
 Nơi cố-hương của giống Tiên Rồng
 Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm
 Những vết xưa của núi sông
 In vết chân biết bao anh-hùng.
 Cùng với nhau : Nam - Bắc - Trung,
 Chúng ta về thăm mộ Tổ ta,
 Cho về-vang với nước non nhà.

Ca khúc II

Biết bao đời Tiên-vương nổi lên,
 Lo chống ai đắp lũy xây thành.
 Biết bao đời Tiên-vương nổi lên,
 Giữ núi sông trọng thanh-danh,
 Xây nước non với tôi trung-thành.
 Cùng khắc tên trên sử xanh,
 Hiến thân mình để lo quốc-gia,
 Cho về-vang với nước non nhà.

Ca khúc III

Chúng ta cùng vui ca hát lên,
 Ta hát lên trước cảnh huy-hoàng.
 Chúng ta cùng vui ca hát lên,
 Lễ Tổ-tiên, người Văn-lang.
 Ta hát lên khúc ca nhịp-nhàng.
 Cùng với nhau, lên tiếng vang,
 Chúng ta cùng nhau lên tiếng ca,
 Cho về-vang thêm nước non nhà.

VĂN-LANG THUỘC NHÀ THỤC VUA AN-DƯƠNG-VƯƠNG

(257 - 207 trước tây-lịch)

I. BÀI GIẢNG

1. Thục Phán chiếm Văn-lang

Hùng-vương thứ 18 có một người con gái rất xinh-đẹp. Vua nước Thục ở về phía Bắc nước Văn-lang sang cầu hôn, Hùng-vương từ chối. Thục-vương đem lòng oán-giận, cử binh đánh nhưng bị thua. Khi sắp mất, Thục-vương dặn cháu là Thục Phán phải lo báo thù.

Quả nhiên, về sau, Thục Phán thừa lúc Hùng-vương không phòng-bị đánh chiếm được Văn-lang. Hùng-vương nhảy xuống giếng tự-tử (258 trước tây-lịch).

2. Thục Phán lập nghiệp

Thục Phán tự xưng làm vua, hiệu là *An-Dương-vương*, (257 trước tây-lịch) đặt tên nước là *Âu-lạc*, đóng đô ở *Phong-kê*, thuộc tỉnh Phúc-yên bây giờ. An-Dương-vương cho xây thành *Cổ-loa* rất kiên-cố. Thành cao và rộng, hình xoay tròn như ốc, nên gọi là *Loa-thành*, nay vẫn còn di-tích.

3. Chiến-tranh với nhà Tần

Lúc bấy giờ, ở bên Tàu, vua *Tấn Thủy-hoàng* vừa thống-nhất thiên-hạ, liền sai tướng *Đỗ Thư* cử binh sang đánh Âu-lạc. Quân Âu-lạc rút vào rừng rậm, dùng lối du-kích chống cự với quân Tấn dằng-dai đến 10 năm. Sau cùng, *Đỗ Thư* bị giết, quân Tấn tổn-thất nặng phải rút lui.

4. An-Dương-vương bại-vong

Ít lâu sau, tướng *Triệu Đà* từ quận *Nam-hải* (Quảng-đông ngày nay) kéo quân sang đánh An-Dương-vương. Sau nhiều phen thất-bại, *Triệu Đà* lập kế xin giảng hòa rồi thỉnh-linh đến đánh dử-dội. An-Dương-vương mắc mưu thua chạy rồi tự-tử. Nước ta thuộc nhà *Triệu*.

5. Truyền-thuyết về nỏ thần

Theo lời truyền, An-Dương-vương được thần *Kim-Quy* cho một cái *móng chân* để làm lẫy nỏ. Nỏ này bắn ra một phát giết được hàng vạn người. Vì thế, *Triệu Đà* đánh mãi không nổi.

Triệu Đà bèn dùng mưu đưa con trai là *Trọng-Thủy* sang kết hôn với *Mỹ-Châu* là con gái An-Dương-vương. *Trọng-Thủy* lừa vợ cho xem nỏ rồi lấy cái móng thần *Kim-Quy* đi, làm cái lẫy khác thay vào.

Triệu-Đà lại sang đánh. An-Dương-vương cậy có nỏ thần không phòng bị. Đến khi giặc đến vây thành, mới lấy nỏ ra dùng thì không còn hiệu-nghiem nữa. An-Dương-vương lên ngựa chạy, chở Mỹ-Châu sau lưng. Đến núi *Mộ-dạ* (Thanh-hóa), cùng đường, vua khấn thần *Kim-Quy*. Thần hiện lên bảo: « Chính giặc ngồi ngay sau lưng nhà vua đấy ». Vua bèn chém con rồi nhảy xuống sông tự-vẫn.

Trọng-Thủy theo tìm được xác Mỹ-Châu, đem về chôn trong Loa-thành rồi nhảy xuống giếng chết.

II. CÂU HỎI

- 1) Vua Hùng-vương thứ 18 có một người con gái thề nào ?
- 2) Tại sao vua Thục oán-giận Hùng-vương thứ 18 ?
- 3) Tại sao Thục Phán đánh thắng được Hùng-vương thứ 18 ?
- 4) Thục Phán lên ngôi xưng là gì ? đặt tên nước là gì ? đóng đô ở đâu ?
- 5) An-Dương-vương cho xây thành gì ? Thành ấy hình-dáng thế nào ?
- 6) Nhà Tần bên Tàu sai ai đánh Âu-lạc ?
- 7) Quân Âu-lạc chống cự thế nào ?
- 8) Tại sao Triệu Đà không đánh thắng được Âu-lạc ?
- 9) Triệu Đà dùng mưu gì để thắng An-Dương-vương ?
- 10) Thuật lại chuyện cái nỏ thần.

III. BÀI HỌC

Vì có thù riêng với Hùng-vương thứ 18, Thục Phán đem quân đánh lấy nước Văn-lang.

Thục Phán lên làm vua xưng là An-Dương-vương, đặt tên nước là Âu-lạc, đóng đô ở Phong-kê (Phúc-yên) và xây thành Cổ-loa rất kiên-cố.

Nhà Tần sai tướng là Đồ Thư sang đánh. Dân Âu-lạc kháng-chiến được 10 năm. Đồ Thư bị giết, quân Tần rút lui.

Triệu Đà sang đánh, nhưng cũng không thắng nổi An-Dương-vương. Sau Triệu Đà dùng mưu cầu hòa rồi đánh úp. An-Dương-vương bại trận tự-tử. Nước ta thuộc nhà Triệu.

IV. BÀI ĐỌC

THÀNH CỎ-LOA

Thành Cỏ-loa thuộc xã Cỏ-loa, huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên bây giờ, do vua Thục An-Dương-vương đắp năm 257 trước tây-lịch. Thành đắp ra có ba tầng vòng, quanh co như hình trên ốc, nên mới gọi là Loa-thành, rộng chừng nghìn trượng, lại có tên là Hắc-long-thành. Nhà Đường thấy thành ấy đắp ở một dải cao-nguyên nên gọi là Côn-lôn-thành.



Đền thờ AN-DƯƠNG-VƯƠNG (Phúc-yên)

Ở giữa thành có đền thờ vua An-Dương-vương và miếu thờ nàng My-Châu. Trước cửa miếu có cái giếng gọi là giếng « tày ngọc ». Tương truyền rằng khi lấy được ngọc trai ở ngoài Đông-hải đem về giếng ấy rửa thì ngọc trai sáng thêm ra.

Trước cửa miếu có một cây đa cồ-thụ, rễ mọc tỏa ra hai bên, thành ra một cái cửa, đi lại ở giữa được. Trong miếu có một bài thơ của cồ-nhân đề, dịch nôm như sau:

Trộm nỏ ngờ đâu cha mắc bọm !
Ghi lòng biết có thiếp ngay lòng.
Nước trong rửa được hòn châu sáng,
Rửa được lòng cha tức giận không ?

Sau miếu có chùa gọi là chùa Bảo-sơn. Cồ truyền rằng : vua Ngô-vương Quyền cũng đóng đô ở đây.

TRẦN-HUY-BÁ
(Tri Tân số 21, ngày 31-10-1941)

VĂN-LANG THUỘC NHÀ TRIỆU TRIỆU VŨ-VƯƠNG VÀ CÁC VUA KẾ-TIỆP

(207 - III trước tây-lịch)

I. BÀI GIẢNG

1. Triệu Đà lập quốc

Triệu Đà đánh được An-Dương-vương, đem nước Văn-lang sáp-nhập vào quận Nam-hải (Quảng-đông) và quận Quê-lâm (Quảng-tây), lập thành nước *Nam-Việt*, rồi lên ngôi, hiệu là *Triệu Vũ-vương*, đóng đô ở *Phiên-ngung* (Quảng-đông).

2. Việc nội-trị

Vũ-vương chia đất Văn-lang ra làm hai quận: *quận Giao-chỉ* gồm Bắc-Việt và *quận Giao-châu* gồm mấy tỉnh miền Bắc Trung-Việt. Trong mỗi quận, Vũ-vương đặt quan cai-trị. Các Lạc-hầu, Lạc-tướng vẫn giữ quyền cai-trị các bộ-lạc như cũ.

3. Việc giao-thiệp với nhà Hán

a) *Chịu thụ-phong*. Khi Vũ-vương lập cơ-nghiệp ở Nam-Việt thì ở Trung-hoa, Lưu Bang thắng Hạng Vũ, lên ngôi Hoàng-đế, hiệu là *Hán Cao-tổ*. Năm 196 trước tây-lịch, nhà Hán cử *Lục Giả* sang tần-phong cho Vũ-vương. Lúc đầu, Vũ-vương hiên-ngang bảo rằng: « Nếu ta khởi-nghiệp ở Trung-quốc thì cũng chẳng kém gì Hán-đế ». Nhưng sau khi nghe *Lục Giả* phân-trần lợi hại, Vũ-vương chịu làm lễ thụ-phong.

b) *Đánh Hán, xưng Đế*. Hán-Cao-tổ mất. *Lữ-hậu* chuyên quyền, nghe lời gièm pha, căm người Hán buôn-bán với Nam-Việt, Vũ-vương bèn xưng *Đề* rồi cử binh sang đánh. Nhà Hán sai quân đánh báo thù nhưng bị thua phải rút về. Uy-thể Vũ-vương rất lừng-lẫy.

c) *Thần-phục nhà Hán*. *Lữ-hậu* mất. Vua Hán *Văn-đề* lại sai *Lục Giả* đem thư khuyên-dụ Vũ-vương. Vũ-vương xem thư thấy lời lẽ nhã-nhận, và muốn tránh chiến-tranh với một nước mạnh, chịu thần-phục Hán-triều, bỏ *đề*-hiệu.

Triệu Vũ-vương mất năm 137 trước tây-lịch.

4. Các vua Triệu kế-vị

Lần-lượt nối ngôi cho Triệu Vũ-vương là ba vua Văn-vương, Minh-vương và Ai-vương. Cả ba đều nhu-nhược, bắt tài. Mẹ vua *Ai-vương* là *Cù-thị*, vốn người Hán, nghe lời sứ-giả Thiệu-Quý, xúi giục Ai-vương đem nước dâng cho nhà Hán. Ai-vương định nghe lời mẹ. Tể-tướng *Lữ Gia* can ngăn không được bèn truyền hịch khắp nơi hải tặc cho dân-chúng biết



LỮ GIA (họa theo sách cũ)

rồi bắt giết cả mẹ con Ai-vương và Hán-sứ. Người anh khác mẹ của Ai-vương được lập lên làm vua, hiệu là *Dương-vương*.

5. Nhà Triệu mất nghiệp

Nhà Hán sai tướng *Lỗ-bác-Đức* đem quân sang đánh chiếm thành Phiên-ngung. Lữ Gia và Dương-vương quân ít, chống cự không lại, bị bắt giết. Nhà Triệu mất nghiệp và từ đó nước ta bị nội-thuộc nước Tàu (III trước tây-lịch).

II. CÂU HỎI

- 1) Triệu Đà lấy những đất nào lập nước Nam-Việt?
- 2) Triệu Đà lên ngôi xưng hiệu là gì? Đóng đô ở đâu?
- 3) Vũ-vương tổ-chức việc cai-trị đất Văn-lang ra thế nào?
- 4) Nói lại việc giao-thiệp của Vũ-vương và nhà Hán.
- 5) Kể các vua kế-tiếp Vũ-vương.

- 6) *Ai-vương* nghe lời mẹ định làm gì ?
- 7) *Lữ Gia* can vua không được rồi làm gì ?
- 8) *Ai* lên ngôi thay *Ai-vương* ?
- 9) *Tại sao* nhà Hán sai tướng sang đánh nhà *Triệu* ?
- 10) *Nhà Triệu* mất, nước ta ra thế nào ?

III. BÀI HỌC

Triệu Đà đánh thắng được *An-Dương-vương*, lập nước **Nam-Việt**, lên ngôi xưng là **Vũ-vương** (207 trước tây-lịch), đóng đô ở **Phiên-ngung**.

Vũ-vương chia đất **Văn-lang** ra làm hai quận : **Giao-chi** và **Giao-châu**.

Vũ-vương có tài-trí nhưng các vua kế-tiếp đều nhu-nhược.

Vua **Ai-vương** nghe lời Thái-hậu **Cù-thị** và Hán-sứ định đem nước dâng cho nhà Hán. **Lữ Gia** bèn bắt giết cả ba rồi tôn **Dương-vương** lên ngôi.

Nhà Hán sai tướng **Lỗ-bác-Đức** sang đánh chiếm **Nam-Việt**.

Từ đó, nước ta nội-thuộc **Trung-hoa** (111 trước tây-lịch).

IV. BÀI ĐỌC

THƯ HÁN VĂN-ĐẾ GỬI TRIỆU VŨ-VƯƠNG

« Trẫm vì các vương-hầu cùng bách quan cõ ép, cho nên phải lên ngôi
« **Hoàng-Đề**. Mới rồi trẫm nghe nhà vua có đưa thư cho **Long-lư-hầu**, nhắn tin
« anh em họ hàng ở quận **Chân-định**, và xin bãi binh ở quận **Trường-sa**.

« Trẫm cũng nghe lời thư của nhà vua và đã bảo tướng-quân **Bắc-dương**-
« **hầu** bãi binh về. Còn anh em họ hàng nhà vua ở **Chân-định** thì trẫm cho
« người thăm-nom, lại sai sửa-sang phần-mộ tiên-nhân thật là tử-tế.

« Thế mà vừa rồi trẫm nghe nhà vua còn đem binh quấy-nhiều ngoài
« biên, quận **Trường-sa** thật khổ, mà **Nam-quận** lại còn khổ hơn. Làm như
« thế, nước nhà vua có chắc lợi được một mình không ? Tất là tướng-tá
« quân-sĩ chết nhiều, làm cho người góa chồng, con người mồ-côi bố, cha
« mẹ mất con, được một mất mười; trẫm không lòng nào nở làm như vậy.

« Và lại được đất nhà vua cũng không lấy làm to; được của nhà vua cũng
« không đủ làm giàu. Vậy từ phía nam núi **Lĩnh** thì mặc ý nhà vua tự-trị lấy.
« Nhưng nhà vua cứ xưng **đề-hiệu**, hai bên cùng là **đề-quốc**, mà không sai
« sứ giao-thông, thế chẳng hóa ra ganh nhau ư ? Ganh nhau mà không
« nhường, thì người nhân không thêm làm.

« Trẫm nay xin cùng nhà vua gác bỏ điều cũ, từ rày trở đi thông sứ
« như xưa. Vậy trẫm sai **Lục-Giả** sang đem ý trẫm khuyên nhà vua nên nghe,
« chớ làm chi nhiều sự cướp-bóc tai-hại ».

TRẦN-TRỌNG-KIM

(Việt-Nam sử-lược)

THỜI-ĐẠI BẮC-THUỘC

(111 trước tây-lịch — 938 sau tây-lịch)

1. Thời-kỳ thứ nhất (111 trước tây-lịch — 39 sau tây-lịch)
2. Cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng
Trưng Nữ-vương (40-43)
3. Thời-kỳ thứ hai (43-544)
4. Cuộc khởi-nghĩa của Bà Triệu
Nhụy-Kiều tướng-quân (248)
5. Cuộc khởi-nghĩa của Lý Bôn - Nhà
Tiền-Lý (544-602)
6. Thời-kỳ thứ ba (602-938) Mai Hắc-
đế (722) — Bó Cái đại-vương (791)
7. Họ Khúc dấy nghiệp (906-923)
8. Giải-phóng đất nước - Dương-diên-
Nghệ (931-937) Ngô Quyền (938)
9. Cuộc bang-giao giữa Giao-châu và các
nước lân-cận trong thời-đại Bắc-thuộc
10. Ảnh-hưởng của thời-đại Bắc-thuộc.

BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI

THỜI-KỲ THỨ NHẤT

(111 trước tây-lịch—39 sau tây-lịch)

I. BÀI GIẢNG

1. Phân chia lãnh-thổ

Nhà *Tây-Hán* diệt được họ *Triệu*, chiếm nước *Nam-Việt*, đặt nền đô-hộ đầu tiên ở xứ ta.

Nước *Nam-Việt* bị cải thành một bộ của *Trung-hoa*, gọi là *Giao-chỉ-bộ*. *Giao-chỉ-bộ* chia ra làm 9 quận, chỉ có 3 quận thuộc địa-phận nước ta.

1 - Nam-hải	}	thuộc tỉnh Quảng-đông bây giờ.
2 - Hợp-phố		
3 - Uất-lâm	}	thuộc tỉnh Quảng-tây bây giờ.
4 - Thương-ngô		
5 - Châu-nhai	}	thuộc đảo Hải-nam bây giờ.
6 - Đạm-nhĩ		
7 - <i>Giao-chỉ</i> :		nay là Bắc-Việt.
8 - <i>Cửu-chân</i> :		nay là Thanh-hóa và Nghệ-an.
9 - <i>Nhật-nam</i> :		từ Hà-tĩnh trở vào Trung.

2. Việc cai-trị

Việc cai-trị ở mỗi quận giao cho một viên *Thái-thú*. Các *Thái-thú* đặt dưới quyền kiểm-soát của một viên *Thứ-sứ*, đứng đầu toàn cõi *Giao-chỉ-bộ*.

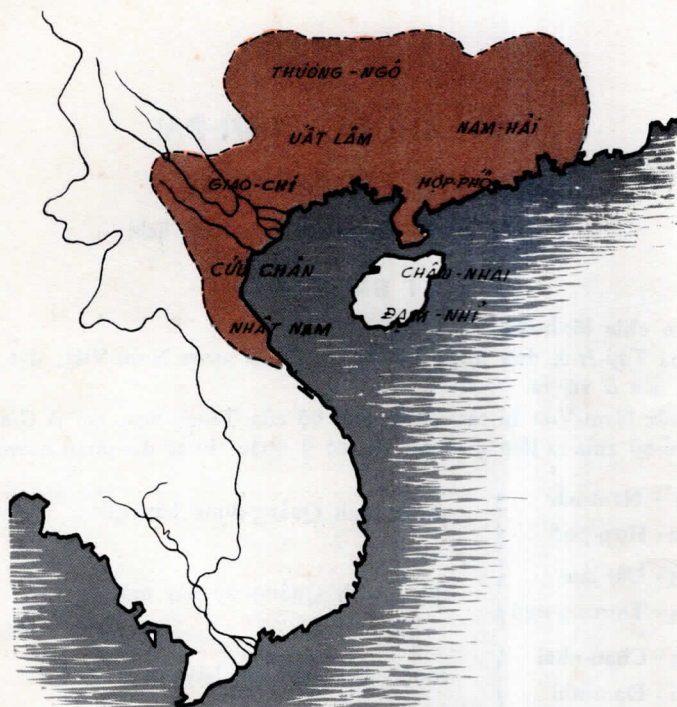
Thứ-sứ, *Thái-thú* cùng các quan-lại bậc trên đều là người Tàu. Người nước ta chỉ được dùng vào các chức nhỏ mà thôi.

Ở mỗi quận, dưới quyền *Thái-thú*, có một *Đô-úy* lo việc giữ-gìn an-ninh, trật-tự. Binh-lính gồm một phần người Tàu, một phần người bản-xứ.

Riêng các *Lạc-hầu*, *Lạc-trưởng* được giữ quyền cai-trị thái-ấp của mình như cũ. Tuy nhiên, hàng năm, họ phải nộp lúa-thóc và dâng lễ-vật cho các *Thái-thú*.

3. Các Thái-thú

Các *Thái-thú* sang cai-trị nước ta đa số là những kẻ tham-lam, tàn-ác. Họ chỉ lo vơ-vét của dân cho đầy túi riêng làm cho dân khổ-sở vô cùng



Bản-đồ GIAO-CHỈ-BỘ (nước ta thuộc nhà Hán)

Không biết kêu ca vào đâu, dân-gian chỉ còn nước ngậm hờn nuốt lệ.

Suốt thời-gian 150 năm, chỉ được hai Thái-thú có nhân hết lòng khai-hóa cho dân :

Tích Quang, Thái-thú quận Giao-chỉ dạy dân những điều lễ-ngĩa, mở trường học, truyền-bá tư-tưởng và học-thuật Trung-hoa. Người trong quận rất kính-phục.

Nhâm Diên, Thái-thú quận Cửu-chân, dạy dân dùng sức trâu bò và lưỡi cày bằng sắt để cày ruộng và bày vẽ cách khai-khẩn đất hoang. Ông lại dạy dân theo nghi-lễ Trung-hoa trong việc cưới hỏi. Ông còn bắt quan-lại trong quận trích một phần lương-bổng của mình để giúp kẻ nghèo khó. Người trong quận lập đền thờ để ghi ơn.

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Tây-Hán chiếm nước Nam-Việt đổi tên là gì ?
- 2) Giao-chỉ-bộ chia ra làm mấy quận ?
- 3) Những quận nào thuộc địa-phận nước ta ?
- 4) Việc cai-trị ở mỗi quận ra thế nào ?

- 5) *Đứng đầu toàn Giao-chỉ-bộ là ai ?*
- 6) *Các Lạc-hầu, Lạc-tướng còn quyền gì ?*
- 7) *Các Thái-thú phần nhiều ra sao ?*
- 8) *Có hai ông nào tốt với dân-chúng ?*
- 9) *Tích Quang đã làm gì ? Nhâm Diên đã làm gì ?*
- 10) *Dân-chúng đòi với hai ông thế nào ?*

III. BÀI HỌC

Nhà Tây-Hán chiếm nước Nam-Việt đặt tên là **Giao-chỉ-bộ**. Giao-chỉ-bộ chia ra làm 9 quận, riêng địa-phận nước ta (Văn-lang) có 3 quận : **Giao-Chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam**.

Toàn Giao-chỉ-bộ đặt dưới quyền một **Thứ-sử** và mỗi quận có một **Thái-thú** cai-trị. Lạc-hầu, Lạc-tướng được giữ quyền cũ.

Các Thái-thú đều là người Tàu, hầu hết tham-lam, tàn-bạo. Chỉ có **Tích Quang** và **Nhâm Diên** lo việc khai-hóa cho dân : dạy điều lễ-nghĩa, mở-mang sự học, chỉ cách dùng lưỡi cày sắt và khai-khẩn đất hoang.

IV. BÀI ĐỌC

LỊCH-SỬ BẮC-THUỘC.

Nước ta nội-thuộc Trung-hoa trong 1.050 năm, từ năm III trước tây-lịch đến năm 939 sau tây-lịch.

Trong thời-gian dài đằng-dẵng ấy, nhân-dân đã chịu bao nhiêu nỗi lầm-than, tàn-khổ, dưới sự uy-hiếp của ngoại-chủng. Các triều-đại Trung-hoa liên-tiếp nhau, từ nhà Hán đến các nhà Ngô, Tần, Lương, Tùy, Đường và Ngũ-Quý đã cắt-cử người sang cai-trị xứ ta, mà họ coi như một dân-tộc man-di.

Tuy nhiên, chí quật-cường của nòi-giống vẫn tiềm-tàng trong quần-chúng, không sự áp-chế nào làm tiêu-tan được, và đã bộc-lộ một cách rõ-rệt trong những cuộc khởi-nghĩa vô cùng mãnh-liệt, tượng-trưng cho lòng ái-quốc vô biên.

— Thời-kỳ Bắc-thuộc lần thứ nhất dài 150 năm (III trước tây-lịch đến 39 sau tây-lịch) chấm dứt do cuộc khởi-nghĩa của hai Bà Trưng.

— Thời-kỳ Bắc-thuộc lần thứ hai dài hơn 5 thế-kỷ (43-544) chấm dứt do cuộc khởi-nghĩa của Lý Bôn.

— Thời-kỳ Bắc-thuộc lần thứ ba dài 336 năm (602-938) kết thúc bằng cuộc khởi-nghĩa của Ngô Quyền, vị anh-hùng cứu quốc đã mở đầu nền tự-chủ của non sông.

Theo PHẠM-XUÂN-ĐỘ

(Việt-sử dẫn-giải)

CUỘC KHỞI-NGHĨA CỦA HAI BÀ TRUNG

TRUNG NỮ-VƯƠNG (40 – 43)

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Năm 34 sau tây-lịch, nhà *Đông-Hán* sai *Tô Định* sang làm Thái-thú quận *Giao-chỉ*.

Tô Định là một người tham-lam tàn-bạo. Dân-chúng vô cùng oán-giận, *Lạc-hầu*, *Lạc-tướng* cũng căm-hờn. Con *Lạc-tướng* huyện *Châu-diên*, nay thuộc tỉnh *Vĩnh-yên*, là *Thi Sách*, mưu tính việc chống quân Tàu. *Tô Định* hay được bèn bắt giết đi. Vợ *Thi Sách* là *Trung Trắc* nổi lên đánh *Tô Định* để báo thù cho chồng, rửa hận cho nước.

2. Hai Bà Trưng khởi-nghĩa thành-công

Trung Trắc là con gái *Lạc-tướng Mê-linh*, nay thuộc tỉnh *Phúc-yên*. Khi Bà cùng em là *Trung Nhị* phất cờ khởi-nghĩa thì các *Lạc-tướng* và dân-chúng hưởng-ứng rất đông. Chẳng bao lâu, quân hai Bà tràn đi khắp nơi, chiếm được 65 thành-trị. *Tô Định* chống cự không lại trốn chạy về Tàu.

Hai Bà lên ngôi vua, đóng đô ở *Mê-linh* (năm 40 sau tây-lịch). Dân-chúng vui mừng độc-lập.

3. Chống cự với nhà Đông-Hán

Trung nữ-vương trị vì được hơn một năm thì nhà *Đông-Hán* sai danh-tướng là *Mã Viện* đem binh sang đánh. Quân của *Mã Viện* là quân thiện-chiến, quân ta thì mới nhóm lên, nhưng nhờ sự dũng-cảm quân ta thắng được mấy trận đầu. Quân giặc phải rút về đóng ở vùng *Lãng-bạc* (tức gần Hồ Tây ở Hà-nội bây giờ). Sau, *Mã Viện* được thêm viện-binh, dùng mưu lừa quân ta kéo lên mạn thượng-du rồi đánh úp. Hai Bà thua to rút binh về giữ *Mê-linh*.

4. Hai Bà tuấn-tiết

Mùa thu năm 43, *Mã Viện* đem binh vây đánh thành *Mê-linh*. Quân ít, thế cùng, hai Bà phải bỏ chạy. *Mã Viện* xua quân đuổi theo. Hai Bà nhảy xuống sông *Hát* (chỗ sông Đáy đổ ra Hồng-hà) trầm mình để khỏi sa vào tay giặc.

5. Dân-tộc sùng-bái đời đời

Hai Bà *Trung* làm vua không được bao lâu nhưng là hai vị anh-thư cứu quốc đầu tiên của nước ta nên được hậu-thế sùng-bái đời đời.

Hiện nay, ở làng *Hát-môn*, thuộc huyện *Phúc-thọ*, tỉnh *Sơn-tây* và làng *Đồng-nhân*, gần *Hà-nội*, có đền thờ hai Bà, hàng năm, đến ngày mồng sáu tháng hai âm-lịch là ngày hội.

II. CÂU HỎI

- 1) *Thái-thú Tô Định là người thề nào ?*
- 2) *Tại sao Tô Định bắt giết Thi Sách ?*
- 3) *Tại sao Trưng Trắc nổi lên đánh Tô Định ? Bà nhờ ai giúp sức ?*
- 4) *Hai Bà thành-công thề nào ?*
- 5) *Hai Bà làm vua đóng đô ở đâu ?*
- 6) *Nhà Đông-Hán sai tướng nào sang đánh hai Bà ?*
- 7) *Mấy trận đấu bên nào thắng ? Tại sao ?*
- 8) *Về sau, tại sao hai Bà thất trận ?*
- 9) *Quân ta tan-rã, hai Bà làm gì ?*
- 10) *Hiện nay, ở đâu còn đền thờ hai Bà ?*

III. BÀI HỌC

Thái-thú quận *Giao-chi* là *Tô Định* rất tham-lam tàn-bạo. *Thi Sách* mưu tính việc chống cự liền bị bắt giết. Vợ *Thi Sách* là *Trưng Trắc* cùng em là *Trưng Nhị* phát cờ khởi-nghĩa. Nhiều nơi hưởng-ứng, hai Bà hạ được 65 thành. *Tô Định* chạy về Tàu.

Hai Bà xưng vương, đóng đô ở *Mê-linh* (năm 40).

Năm sau, tướng *Mã Viện* sang đánh. Máy trận đầu hai Bà thắng. Nhưng về sau, quân ít, thế yếu, hai Bà thất trận, nhảy xuống sông *Hát-tự-tử* (43)

Ngày nay, ở làng *Hát-môn* (*Sơn-Tây*) và làng *Đồng-nhân* (gần *Hà-nội*) còn đền thờ hai Bà.

IV. BÀI ĐỌC

BÀI BIA HAI BÀ TRƯNG Ở ĐỒNG-NHÂN

Trong vòng vũ-trụ, sự-nghiệp lạ phần nhiều ra từ những tay đại trượng-phu. Kẻ phận gái mà làm nên sự-nghiệp lạ chẳng cũng là bậc nữ trượng-phu ư ? Thề lại càng đáng ghi chép lắm.

Nhớ hai Bà Trưng: người châu *Phong*, cha làm *Lạc-tướng*, tổ là *Hùng-vương*. Kẻ dòng-dõi, đã không phải hạng tầm-thường ví được. Huống chi hai Bà đem tấm thân ngọc trắng giá trong, ôm cái chí cung dẫu tên cô, thì hoài-bảo ấy lại không phải vừa. Thủ-đoạn làm việc lớn-lao chẳng ở đây thì ở đâu nữa ?



Đền thờ HAI BÀ TRƯNG (Hà-nội)

Kể từ khi nước Văn-lang nửa vời sụp-đổ, bờ-cõi mất về Thục, Triệu và Lữ-ông Hán đã đền vài trăm năm. Thêm nổi ngọn lửa bạo-ngược của Tô Định lại lưng trời ngùn-ngục bốc !

Hai Bà, vợ vì chồng, em vì chị, phùng phùng nổi giận, vùng dấy nghĩa-binh, ném trâm-thoa mà mang nhung-phục, nhăng gương lược mà cầm can qua, không đẩy vài tháng trời đã lược-định được đất sáu mươi lăm thành, dựng nước, xưng vương, đóng đô ở Mê-linh : chẳng phải sự-nghiệp lạ là gì đây ?

Đền như hai Bà phải lui giữ ở Cầm-kê, rồi tuần-tiết ở Hát-giang cũng là bởi trời, chứ há nên bình-luận anh-hùng theo thành hay bại.

Nhưng xét đền gan-dạ kia, mưu-lược kia và tiết-tháo kia, thì hai Bà thật không thẹn là dòng-dõi thần-minh vậy.

HOA-BÀNG
(dịch nôm)

BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI

THỜI-KỲ THỨ HAI (43 — 544)

I. BÀI GIẢNG

I. Mã Viện mở đầu một chánh-sách khắc-nghiệt

Sau khi thắng được hai Bà Trưng, Mã Viện xây thành đắp lũy ở những nơi hiểm-yếu để phòng-bị mọi sự biến-loạn. Mã Viện lại sửa đổi mọi việc cai-trị trong các quận và đặt một *chánh-sách đô-hộ chặt-chẽ hơn trước*.

Sử chép : Khi về Tàu, Mã Viện cho dựng tại biên-giới một cây cột đồng khắc sáu chữ « *Đông-trụ chiết Giao-chỉ diệt* », nghĩa là nếu cây cột đồng ngã thì dân Giao-chỉ bị mất nòi. Vì vậy người nước ta ai qua lại chỗ đó cũng bỏ vào chân cột một hòn đá, lâu ngày lấp mắt trụ kia. Ngày nay không biết cột đồng ở đâu nữa.

2. Việc cai-trị của nhà Đông-Hán

Từ khi Mã Viện sửa đổi mọi việc ở đất Giao-chỉ, việc cai-trị trở nên ác-nghiệt.

Lãnh-thò nước ta bị coi như là một phần đất của Trung-hoa. Lạc-hầu, Lạc-tướng bị tước hết quyền-hành, không còn được làm chủ thái-ấp của mình như xưa nữa.

Các thái-ấp đổi thành *huyện*, do một *huyện-lệnh* người Tàu trực-tiếp trị dân. Các huyện-lệnh đặt dưới sự kiểm-soát của viên Thái-thú nắm trọn quyền trong quận.

Các Thái-thú thẳng tay thi-hành *chánh-sách đồng-hóa* dân ta : cách ăn mặc, nhà ở, phong-tục, học-hành, lễ-giáo v.v... đều bắt buộc phải theo Tàu.

Sau, nhà Đông-Hán lại cải tên nước ta là *Giao-châu*.

3. Tình-trạng khốn-khở của nước ta

Chánh-sách đô-hộ đã hà-khắc, các quan Tàu sang cai-trị phần đông lại tham-những tàn-bạo. Vì ở xa triều-đình, họ tha-hồ hà-hiếp dân ta, không ai kiểm-soát.

Lúc bấy giờ, dân ta thật vô cùng khổ-sở. Họ phải lên rừng *săn voi lấy ngà*, xuống biển *mò trai tìm ngọc* để dâng nạp cho quan Tàu. Người có học thì dầu giỏi đến đâu cũng chỉ làm tay sai cho họ. Rất nhiều người không chịu nổi sự hành-hạ phải bỏ nhà cửa vào ẩn trong rừng núi.

Đã vậy, trong nước thường loạn-lạc. Phần thì các Lạc-tướng và dân

bị áp-bức nổi lên đánh phá, phần thì bọn quan-lại tranh-giành quyền-lợi rồi xâu-xé nhau. Ngoài ra, quân nước Lâm-ấp thường kéo sang cướp phá làm cho dân-chúng thêm khổ-sở.

4. Một Thái-thú có nhân

Trong số các Thái-thú sang cai-trị dân ta, chỉ có *Sĩ Nhiếp* là người có nhân và có công truyền-bá đạo *Khổng* sang nước ta.

Vào cuối đời nhà *Đông-Hán*, nước *Tàu* rối loạn, giặc cướp nổi lên khắp nơi, *Sĩ Nhiếp* cùng anh em trong nhà chia nhau giữ các quận huyện làm cho đất *Giao-châu* được yên-đn. *Sĩ Nhiếp* lại hết lòng lo việc dạy-dỗ và khai-hóa cho dân.

Cảm-mộ công-đức của ông, người bấy giờ tôn gọi ông là *Sĩ-vương*.

II. CÂU HỎI

- 1) *Mã Viện* đòi với dân ta thề nào?
- 2) Kể lại chuyện cây cột đồng.
- 3) Cách cai-trị của nhà *Đông-Hán* thề nào?
- 4) Thái-ấp của *Lạc-hầu*, *Lạc-tướng* đổi thành gì?
- 5) Ai cai-trị các huyện?
- 6) Các quan *Tàu* phần đông ra sao?
- 7) Dân ta bị hà-hiếp thề nào?
- 8) Vì sao trong nước thường loạn-lạc?
- 9) Quân nước nào thường sang đánh phá nước ta?
- 10) Nói lại công-nghiệp của *Sĩ Nhiếp*.

III. BÀI HỌC

Sau cuộc khởi-nghĩa của hai Bà Trưng, nhà *Đông-Hán* cai-trị nước ta rất khác-nghiệt.

Nước ta gọi là *Giao-châu*. *Lạc-hầu*, *Lạc-tướng* mất hết quyền. Các thái-ấp đổi thành huyện, do những huyện-lệnh người *Tàu* cai-trị.

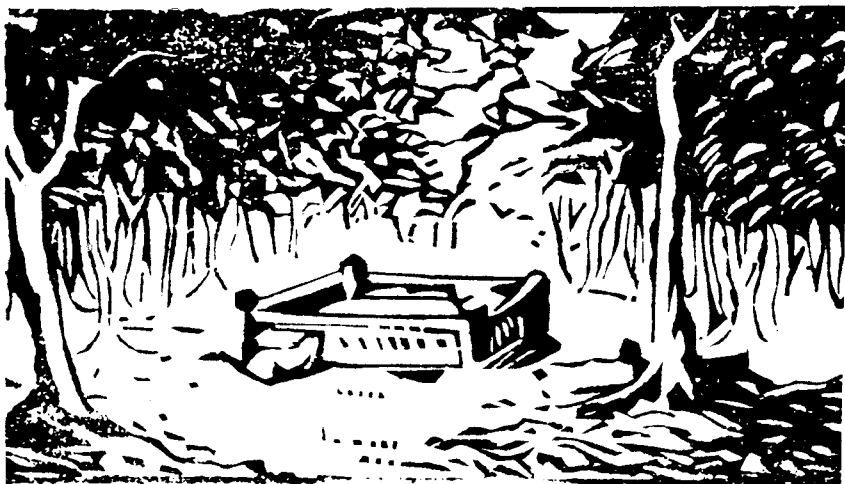
Các quan *Tàu* đều tham-những, tàn-bạo. Trong nước thường loạn-lạc, dân chúng vô cùng khổ-sở.

Chỉ có Thái-thú *Sĩ Nhiếp* hết lòng lo cho dân và có công truyền-bá đạo *Khổng* sang nước ta.

IV. BÀI ĐỌC

VIỆC TRUYỀN-BÁ HÁN-HỌC TRONG THỜI BẮC-THUỘC.

Chẳng phải vì mục-đích nhân-đạo, muốn nâng cao trình-độ trí-thức của ta mà người *Tàu* dạy ta học chữ *Hán*. Họ dạy năm ba chữ cho người *Việt-Nam*



Mộ SĨ NHIỆP

vì họ cần dùng một số tay sai trong việc hành-chính thông-thường ; nhưng rồi sự tiếp-xúc ngày một nhiều, sự nhu-cầu ngày một tăng, nên sự học chữ Hán do tình-thể bắt-buộc cũng được mở-mang dần. Sau hết, một vài Thái-thủ, Thứ-sứ có lòng như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp đem thi, thư giảng dạy cho dân, ấy là chưa kể những nhân-sĩ tránh loạn Vương Mãng chạy sang cũng giúp thêm vài phần vào việc truyền-bá Hán-học.

Sự học tổ-chức ra sao ta không được biết, song ta có thể đoán buổi đầu trình-độ hẳn là thấp kém và không ra ngoài phạm-vi thực-dụng. Tuy sử có chép tên Lý Tiên học giỏi được bổ làm Thứ-sứ và bọn Lý Cầm, Trương Trọng đồ Mậu-tài, Hiếu-liêm, được dùng làm quan ở Trung-quốc, nhưng đó chỉ là một số rất ít được may-mắn sang Tàu du-học, chứ trong sử chưa từng thấy những học-giả do các trường lập tại Việt-Nam trong hồi Bắc-thuộc đào-luyện thành tài.

NGHIÊM TOÀN
(Việt-Nam văn-học-sử trích yếu)

CUỘC KHỞI-NGHĨA CỦA BÀ TRIỆU

NHUY-KIỀU TƯỚNG-QUÂN (248)

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Khi nhà Đông-Hán bên Tàu mất ngôi thì đất Giao-châu thuộc về nhà Đông-Ngô cai-trị. Nhà Đông-Ngô sai Lục Dận sang làm Thứ-sử Giao-châu. Lục Dận là một kẻ tàn-bạo, các quan Tàu dưới quyền lại tham-những. Nhân-dân đau-khổ, căm-hờn, những mong có người phát cờ khởi-nghĩa để nổi lên hưởng-ứng. Người ấy là Bà Triệu.

2. Thân-thế Bà Triệu

Bà Triệu, tên chỉ chưa biết rõ, quê ở huyện Nông-Công, tỉnh Thanh-hóa bây giờ. Mồ-côi cha mẹ từ thuở nhỏ, Bà ở với anh là Triệu-quốc-Đạt. Dầu là phận gái, Bà có sức mạnh lại thêm có chí-khí và mưu-lược.

Lúc 20 tuổi, gặp người chị dâu ác-độc, Bà bỏ nhà vào núi ở. Trước cảnh đông-bào bị người Tàu hà-hiếp, Bà bèn chiêu-mộ binh-mã mưu việc cứu nước. Anh Bà khuyên can, Bà đáp rằng: «Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá tròng-kình ở bể Đông, quét sạch bờ-cõi để cứu dân ra khỏi cơn đăm-đuối, chứ không thèm bắt-chước người đời, cúi đầu cong lưng làm ti-thiếp người ta». Người anh nghe được cũng vào rừng tụ-tập nghĩa-binh để chờ ngày khởi sự.

3. Cuộc khởi-nghĩa

Năm 248, thừa lúc lòng dân phẫn-uất đến cực-độ, Bà cùng anh chiêu binh ở quận Cửu-chân. Khi ra trận, Bà cỡi voi, mặc áo giáp vàng, xông pha giữa chốn ba quân như vào chỗ không người. Quân-sĩ rất kính-phục, gọi Bà là *Nhụy-Kiều tướng-quân*. Bà còn được tôn làm *Lệ-Hải bà-vương*.

Bà đánh với quân Tàu nhiều trận dữ-đội. Thanh-thê Bà lừng-lẫy, vang-dội đến Trung-hoa.

4. Bại trận tử-tiết

Nhà Đông-Ngô vội sai Lục Dận đem một đạo binh rất lớn đi đánh Bà. Bà chống cự hăng-hái được 6 tháng. Sau, vì quân ít thê cô, Bà bại trận. Bà chạy đến làng *Bồ-diễn*, nay thuộc tỉnh Thanh-hóa, rồi tự-tử. Lúc ấy, Bà mới có 23 tuổi. Hiện nay, nơi Bà tự-tử còn đền thờ.



Đền thờ BÀ TRIỆU (Thanh-hóa)

5. Treo gương ái-quốc

Sau hai Bà Trưng, Bà Triệu, đấu sự-nghiệp chưa thành, là vị anh-thư thứ ba treo gương ái-quốc cho dân-tộc, ảnh-hưởng lớn-lao đền các cuộc khởi-nghĩa giải-phóng đất nước sau này.

II. CÂU HỎI

- 1) Khi nhà Đông-Hán mất, nước ta thuộc về nước nào ?
- 2) Thứ-sử Lục Dận cai-trị nước ta thế nào ?

- 3) Bà Triệu quê ở đâu ?
- 4) Bà là người thế nào ?
- 5) Bà có lời nói nào khẳng-khái ?
- 6) Bà khởi-nghĩa ở đâu ?
- 7) Quân-sĩ đối với Bà thế nào ?
- 8) Tại sao quân Tàu khiếp-sợ Bà ?
- 9) Tại sao rốt cuộc Bà thua trận ?
- 10) Hiện nay, ở đâu còn đền thờ Bà ?

III. BÀI HỌC

Nhà Đông-Hán mất ngôi rồi, đất Giao-châu thuộc nhà **Đông-Ngô**. Thù-sử **Lục Dận** rất tàn-bạo nên nhân-dân căm-hờn.

Năm 248, Bà **Triệu**, **kiệt-nữ** quê ở huyện **Nông-cống**, tỉnh Thanh-hóa, cùng anh khởi-nghĩa ở quận **Cửu-chân**. Khi ra trận, Bà cỡi voi mặc áo giáp vàng, xông-pha hăng-hái. Tướng-sĩ kính-phục tôn Bà là **Nhụy-Kiều tướng-quân**. Quân Tàu khiếp-sợ gọi Bà là **Lệ-Hải bà-vương**.

Lục Dận đem binh đánh, Bà chống cự được 6 tháng. Sau, vì quân ít thế cô, Bà thua chạy đến làng **Bồ-diễn** (Thanh-hóa) rồi tự-tử.

Hiện nay, tại Bồ-diễn, còn đền thờ Bà **Triệu**.

IV. BÀI ĐỌC

BÀ TRIỆU

Bà Triệu vốn quê miền Thanh-hóa,
Theo tục-truyền tướng lạ hơn ai.
Gặp cơn thảo-muội cơ trời,
Nước nhà thuở ấy gặp thời **Đông-Ngô**.
Bọn quan-lại tham-ô sẵn lối,
Dân ta không xiết nỗi đọa-đày.
Căm-hờn Bà Triệu ra tay,
Cùng anh **Quốc-Đạt** đêm ngày chiêu binh.
Khắp một dãy rừng xanh **Nông-cống**,
Hết thấy đều theo bóng, nghe vang.
Đầu voi chỉ ngọn cờ vàng,
Oai-danh **Lệ-Hải** bà-vương vang-lừng.
« Chống hổ dễ, chống cùng Bà khó »,
Quân **Đông-Ngô** đã có lời răn.
Khí thiêng khi đã về thần,
Núi **Bồ** còn tiếng « **Tướng-quân Nhụy-Kiều** ».

ĐINH-GIA-THUYẾT

CUỘC KHỞI-NGHĨA CỦA LÝ BÔN

NHÀ TIỀN-LÝ (544 — 602)

I. BÀI GIẢNG

I. Nguyên-nhân.

Trong thời Nam Bắc-triều bên Tàu, đất Giao-châu thuộc nhà Lương cai-trị. Nhà Lương sai *Tiêu Tư* sang làm Thứ-sử Giao-châu. Tiêu Tư làm nhiều điều tàn-ác, lòng người ai cũng oán-giận. Đã vậy, quân nước Lâm-áp lại kéo sang cướp phá luôn.

Trước tình-cảnh ấy, một vị anh-hùng bèn ra tay cứu nước cứu dân. Đó là *Lý Bôn*.

2. Lý Bôn khởi-nghĩa thành-công.

Lý Bôn người huyện *Thái-bình*, nay thuộc tỉnh *Sơn-tây*, tài kiêm văn võ. Tổ-tiên là người Tây-Hán chạy loạn sang Giao-châu nhiều đời thành người bản-xứ.

Năm 541, Lý Bôn nổi lên đánh đuổi Tiêu Tư, rồi chiếm lấy thành *Long-biên*. Ông lại dẹp tan quân Lâm-áp sang quấy-nhiều.

Thắng trận, năm 544, Lý Bôn xưng làm vua, hiệu *Lý Nam-đề*, đặt tên nước là *Vạn-Xuân*, lo sắp đặt việc triều-chính.

3. Triệu-quang-Phục nổi nghiệp Lý Nam-đề

Lý Nam-đề làm vua chưa đầy một năm thì nhà Lương sai *Trần-bá-Tiên* sang đánh. Lý Nam-đề thua mấy trận phải đem quân lui lên mạn ngược, sau cùng lên đóng ở động *Khuất-liêu*, nay thuộc tỉnh Hưng-hóa. Thấy thế-lực quân Lương đang mạnh mà mình thì già yếu, Lý Nam-đề bèn giao binh-quyền cho Tả tướng-quân là *Triệu-quang-Phục*.

Triệu-quang-Phục rút binh về đóng ở đầm *Dạ-trạch* là một nơi bùn-lầy, rừng rậm, đường vào khó-khăn. Ông dùng lối du-kích phá dinh-trại giặc, cướp vũ-khí, lương-thực. Quân địch bị thiệt-hại nhiều nhưng không sao đánh lại được. Người thời bấy giờ tôn ông là *Dạ-trạch-vương*.

Nhân bên Tàu có loạn, Trần-bá-Tiên trở về nước. Triệu-quang-Phục thừa dịp đem quân đánh chiếm lại được thành Long-biên. Lúc ấy, Lý Nam-đề đã mất, Triệu-quang-Phục bèn lên ngôi, xưng là *Triệu Việt-vương* (549).

4. Lý-phật-Tử tranh ngôi rồi để mất nước

Triệu Việt-vương làm vua được mấy năm thì Lý-phật-Tử là cháu Lý Nam-đề đem quân đánh để tranh ngôi. Nghĩ tình Lý Nam-đề, Triệu Việt-vương chia đất cho Lý-phật-Tử và gả con gái cho họ Lý.

Nhưng năm 571, Lý-phật-Tử thỉnh-linh đem quân vây đánh thành Long-biên. Vì bất ngờ, Triệu Việt-vương thua chạy rồi tự-tử ở sông Đại-nha (Nam-định).

Lý-phật-Tử lên ngôi, xưng là Hậu-Lý Nam-đề, đóng đô ở Phong-châu (Vĩnh-yên). Hơn 30 năm sau, nhà Tùy bên Tàu sai danh-tướng Lưu Phương sang đánh. Lý-phật-Tử xin hàng (602).

Nước ta lại nội-thuộc nước Tàu.

II. CÂU HỎI

- 1) Lý Bôn quê ở đâu? Ông có tài gì?
- 2) Vì sao ông khởi-nghĩa?
- 3) Thắng quân Tàu rồi, ông thắng quân nào nữa?
- 4) Ông lên ngôi đặt tên nước là gì?
- 5) Ông đánh với Trần-bá-Tiên thế nào?
- 6) Triệu-quang-Phục thắng Trần-bá-Tiên thế nào?
- 7) Triệu-quang-Phục lên ngôi xưng hiệu là gì?
- 8) Triệu Việt-vương chia đất cho ai? Tại sao vậy?
- 9) Tại sao Lý-phật-Tử thỉnh-linh đánh Triệu Việt-vương?
- 10) Khi quân Tàu sang đánh, Lý-phật-Tử làm gì?

III. BÀI HỌC

Thứ-sử Tiêu Tư quá tàn-ác. Lý Bôn khởi-nghĩa đánh chiếm thành Long-biên, rồi xưng làm vua, hiệu là Lý Nam-đề, đặt tên nước là Vạn-Xuân (544). Nhà Lương sai Trần-bá-Tiên sang đánh. Lý Nam-đề thua chạy về Khuất-liêu (Hưng-hóa) rồi trao quyền cho Triệu-quang-Phục.

Triệu-quang-Phục đóng ở đầm Dạ-trạch dùng lối du-kích làm tiêu mòn quân địch, rồi chiếm lại kinh-thành. Lý Nam-đề mất, Triệu-quang-Phục lên ngôi, hiệu là Triệu Việt-vương (549).

Năm 571, Lý-phật-Tử cướp ngôi Triệu Việt-vương, rồi xưng là Hậu-Lý Nam-đề.

Năm 602, quân Tàu sang đánh. Lý-phật-Tử đầu hàng. Nước ta lại nội-thuộc Trung-hoa.



Lối ra vào đầm DẠ-TRẠCH (Vinh-yên)

IV. BÀI ĐỌC

ĐÀM DẠ-TRẠCH

Năm 547, Triệu-quang-Phục cùng với Trần-bá-Tiên chống nhau, chưa quyết được thua. Quân của Bá-Tiên rất mạnh, Quang-Phục tự xét mình không thể chống lại được bèn lui về giữ đầm Dạ-trạch. Đầm ấy ở Châu-diên, vòng quanh không biết mấy dặm, cỏ cây rậm-rạp, chỗ dày chỗ thưa xanh um, ở giữa có nền nhà ở được, bốn mặt bùn-lầy ướt-át, người ngựa khó đi, chỉ dùng thuyền độc-mộc nhỏ, lấy sào đẩy ở trên cỏ nước, thì mới đến nơi; không phải người đã quen lối biết đường thì không biết chỗ nào cả, nếu lỡ ngã xuống nước, tắt bị rắn cắn. Quang-Phục đã quen đường lối đem hơn hai vạn người đóng đồn ở bãi giữa đầm, ngày thì giấu kín khỏi lửa hơi người, đêm thì lấy thuyền độc-mộc ra đánh úp quân nhà Lương, giết được rất nhiều, lấy những lương-thực để làm kẻ giữ lâu. Bá-Tiên cho người đi dò trước để đánh, nhưng không được. Người trong nước gọi Triệu-quang-Phục là Dạ-trạch-vương.

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

(Tri Tân, số 124)

BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI

THỜI KỲ THỨ BA (602 — 938)

MAI HẮC-ĐẾ — BỐ CÁI ĐẠI-VƯƠNG

I. BÀI GIẢNG

1. Chánh-sách cai-trị của nhà Đường

Năm 618, nhà Tùy bên Tàu mất ngôi, nhà Đường kế nghiệp. Nhà Đường chia lại đất Giao-châu và đổi tên là *An-Nam đô-hộ-phủ*. Kể từ khi nước ta lệ-thuộc Trung-hoa, chánh-sách cai-trị của nhà Đường là ác-nghịch hơn cả. Đã vậy, quân nước *Lâm-ập* và nước *Nam-chiêu* thường kéo sang cướp phá. Dân-gian khổ-sở trăm bề, lòng người vô cùng oán-giận.

Vì thế, những người yêu nước nhiều phen khởi-nghĩa mưu việc giải-phóng non sông.

2. Cuộc khởi-nghĩa của Mai Hắc-đế (722)

Năm 722, *Mai-thúc-Loan*, người tỉnh *Hà-tĩnh*, nổi lên chống với quân Đường. Ông chiếm giữ một phần đất ở *Hoan-châu* (Nghệ-an), xây thành đắp lũy rồi tự xưng làm Hoàng-đế. Ông lại khéo-léo liên-kết với hai nước *Lâm-ập* và *Chân-lập* để làm vây-cánh. Vì ông là người vóc to sức khỏe, mặt mũi đen sì, nên dân chúng gọi là *Mai Hắc-đề*.

Vua nhà Đường sai tướng đem quân sang đánh. Vì thế yếu, Mai Hắc-đế thua chạy rồi bị bệnh mà mất. Hiện nay, ở Nghệ-an, còn dấu-vết thành-trị và đền thờ Mai Hắc-đế.

3. Cuộc khởi-nghĩa của Bố Cái đại-vương (791)

Sau cuộc khởi-nghĩa của *Mai-thúc-Loan*, nhà Đường lại càng siết chặt việc cai-trị hơn nữa làm dân-chúng rất khổ. Năm 791, ở làng *Đường-lâm*, tỉnh Sơn-tây, có *Phùng Hưng* là người nhân-đức và khỏe mạnh lạ thường. Ông nổi lên đem quân đền vây đánh phủ *Đô-hộ*, chiếm phủ-thành, lo việc cai-trị, sửa-sang việc nước. Nhưng chẳng may, chỉ mấy tháng sau ông mất. Dân-chúng cảm-phục công-đức của ông, lập đền thờ tôn ông là *Bố Cái đại-vương*, ý coi ông như cha mẹ vậy (bố: cha; cái: mẹ).

Con ông là *Phùng An* lên cầm quyền. Nhưng nhà Đường sai binh sang đánh. *Phùng An* liệu không chống nổi phải xin hàng.

Nước ta lại nội-thuộc Trung-hoa.

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Đường đổi tên *Giao-châu* là gì?
- 2) Chánh-sách cai-trị của nhà Đường thế nào?
- 3) Quân nước nào thường sang cướp phá *Giao-châu*?

- 4) *Mai-thúc-Loan là người thế nào?*
- 5) *Kể lại cuộc khởi-nghĩa của ông?*
- 6) *Hiện nay ở đâu còn di-tích Mai Hắc-đề?*
- 7) *Phùng Hưng quê ở đâu?*
- 8) *Nói lại cuộc khởi-nghĩa của ông?*
- 9) *Tại sao dân-chúng tôn ông là Bồ Cái đại-vương?*
- 10) *Tại sao Phùng An không giữ được sự-nghiệp lâu dài?*

III. BÀI HỌC

Nhà Đường gọi nước ta là **An-nam đô-hộ-phủ** và cai-trị dân ta rất ác-nghiệt.

Năm 722, **Mai-thúc-Loan** dấy binh chiếm vùng **Hoan-châu** (Nghệ-an) rồi xưng là **Mai Hắc-đề**. Cuộc chuẩn-bị chưa xong, tướng nhà Đường sang đánh. Mai Hắc-đề thua rồi bịnh mà chết.

Năm 791, **Phùng Hưng** khởi-nghĩa chiếm phủ-thành. Ông sửa-sang việc cai-trị được mấy tháng rồi mất. Dân-chúng lập đền thờ, tôn ông là **Bồ Cái đại-vương**.

Con ông lên cầm quyền nhưng vì thế yếu phải hàng quân nhà Đường.

IV. BÀI ĐỌC

NỖI ĐAU-KHỔ CỦA DÂN VIỆT TRONG THỜI BẮC-THỤC

Người Tàu cai-trị độc-ác thế nào, điều ấy ai cũng biết.

Nhưng có gì làm cho người ta chóng giác ngộ bằng đau-khổ? Mà dân-tộc Việt-Nam lúc bấy giờ đã đau-khổ đến cùng-cực phần thì bị người Tàu bóc-lột, phần thì bị người Nam-chiều từ tây-bắc đánh xuống, người Lâm-áp trong Nam đánh ra. Những năm sứ cũ không chép điều gì chính là những lúc nhân-dân im hơi lặng tiếng, nhẫn-nhục qua ngày; rồi đến khi không kham, nổi dậy lên, để mà bị đàn-áp một cách dã-man.

Những nỗi đau-khổ ấy, ngày nọ sang ngày kia, làm cho người Việt lần lần tha-thiết yêu mảnh đất đã tưới biết bao nhiêu mồ-hôi máu-lệ của họ. Họ thấy cần chung lưng đầu cật với nhau, cần hợp sức lại mới giành được quyền tự-chủ, quyền sống trên mảnh đất này.

Nỗi lòng thương đất nước nòi-giống, tinh-thần quốc-gia được cùng với thời-gian hun-đúc thêm, củng-cố thêm, nhất là sau khi những đảng anh-hùng đã để lại những kỷ-niệm xán-lạn huy-hoàng. Sau hai Bà Trưng, có Bà Triệu, các ông Lý Bôn, Triệu-quang-Phục, Mai-thúc-Loan.

DƯƠNG KỲ

(Việt-sử khảo-lược)



Làng BỐ CÁI ĐẠI-VƯƠNG (Hà-dông)

BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI

THỜI-KỲ THỨ BA

HỌ KHÚC DẦY NGHIỆP (906 — 923)

I. BÀI GIẢNG

1. Tình-hình ở Tàu và ở Giao-châu

Cuối đời nhà Đường, nước Tàu rất loạn-lạc. Nhà vua chỉ còn thực-quyền ở kinh-đô. Khắp nơi, những người có thế-lực mạnh ai nấy xưng vương, xưng đế, nhà vua không làm gì được.

Trong lúc ấy, ở Giao-châu, tình-hình cũng rối-ren. Nơi này, dân-chúng căm-hờn dấy binh khởi-nghĩa, nơi khác, trộm cướp thừa cơ nổi lên đánh phá. *Tiết-độ-sứ* dẹp không được, phải bỏ trốn về Tàu.

2. Họ Khúc dầy nghiệp (906 - 923)

Tình-hình loạn-ly lúc bấy giờ giúp họ Khúc dầy nghiệp ở đất Giao-châu.

a) *Khúc-thừa-Dụ* (906 - 907).— Ở *Hồng-châu*, nay thuộc tỉnh Hải-dương, có một hào-phủ tên *Khúc-thừa-Dụ*, nổi tiếng là người khoan-hòa, có nhân, ai cũng kính mến. Gặp lúc *Tiết-độ-sứ* bỏ chạy, dân-chúng tôn *Khúc-thừa-Dụ* lên làm *Tiết-độ-sứ* để cầm quyền cai-trị Giao-châu (906).

Nhà Đường suy yếu phải thuận theo ý dân mà phong chức cho *Khúc-thừa-Dụ*. Nhưng năm sau, nhà *Hậu-Lương* lên cầm quyền, phong *Lưu-Ẩn* làm *Tiết-độ-sứ Quảng-châu* (Quảng-đông ngày nay) để dòm ngó và mưu tính chiếm lại Giao-châu.

Khúc-thừa-Dụ giữ quyền được non một năm thì bị bệnh rồi mất (907).

b) *Khúc Hạo* (907 - 917).— *Khúc Hạo* lên thay cha, tổ-chức lại việc cai-trị, đặt quan-lại, sửa-đổi việc thuế-má, sưu-dịch. Chính-sách khoan-nhân của *Khúc Hạo* làm cho dân được an vui no ấm một thời.

Khúc Hạo lại cho con là *Khúc-thừa-Mỹ* sang *Quảng-châu* giả giao-hiệu để có cơ-hội dò xét *Lưu Ẩn*.

Công việc sửa-sang cho đất nước đang tiền-hành tốt đẹp thì *Khúc Hạo* mất (917).

c) *Khúc-thừa-Mỹ* (917 - 923).— *Khúc-thừa-Mỹ* lên cầm quyền nối nghiệp cho cha. Lúc đó, ở *Quảng-châu*, *Lưu Ẩn* đã mất, em là *Lưu Cung* lên thay. Vì bất hòa với nhà *Hậu-Lương*, *Lưu Cung* xưng đế, đặt tên nước là *Nam-Hán*. *Khúc-thừa-Mỹ* không phục *Nam Hán*, lại nhận chức *Tiết-độ-sứ* của nhà *Hậu-Lương*. Vua *Nam-Hán* tức giận bèn sai tướng đem quân sang đánh bắt *Khúc-thừa-Mỹ* và chiếm lấy *Giao-châu*.

3. Công-trạng của họ Khúc

Tuy họ Khúc vẫn nhận lãnh chức Tiết-độ-sứ của vua Tàu nhưng thực-sự đã tổ-chức mọi việc cho nước ta như *một nước tự-chủ*. Nhờ thế, ý-niệm độc-lập ăn sâu vào lòng dân nên chẳng bao lâu người nước ta lại nổi lên đánh đuổi được quân xâm-lăng để giải-phóng quê-hương và xây dựng nền tự-do vững bền cho dân-tộc.

II. CÂU HỎI

- 1) Cuối đời nhà Đường, tình-hình nước Tàu như thế nào?
- 2) Lúc đó, tình-hình ở nước ta ra sao?
- 3) Tại sao Tiết-độ-sứ bỏ chạy về Tàu?
- 4) Khúc-thừa-Dụ là người thế nào?
- 5) Ông được dân tôn lên làm gì?
- 6) Tại sao vua Tàu phải theo ý dân?
- 7) Khúc Hạo làm được việc gì cho nước?
- 8) Khúc Hạo sai con sang Quảng-châu làm gì?
- 9) Tại sao Khúc-thừa-Mỹ bị mất nước?
- 10) Họ Khúc có công gì với nước ta?

III. BÀI HỌC

Cuối đời nhà Đường, nước Tàu rất loạn-lạc. Tình-hình Giao-châu cũng rối-ren. Tiết-độ-sứ bỏ chạy về Tàu.

Năm 906, dân-chúng tôn một người hào-phú ở Hồng-châu (Hải-dương) tên là **Khúc-thừa-Dụ** lên làm Tiết-độ-sứ. Năm sau, ông mất. Con là **Khúc Hạo** lên thay, sửa-sang việc cai-trị đất Giao-châu như một nước tự-chủ. Năm 917, **Khúc Hạo** mất, con là **Khúc-thừa-Mỹ** nối nghiệp. Đến năm 923, nhà **Nam-Hán** sai tướng sang đánh bắt Khúc-thừa-Mỹ và chiếm lấy Giao-châu.

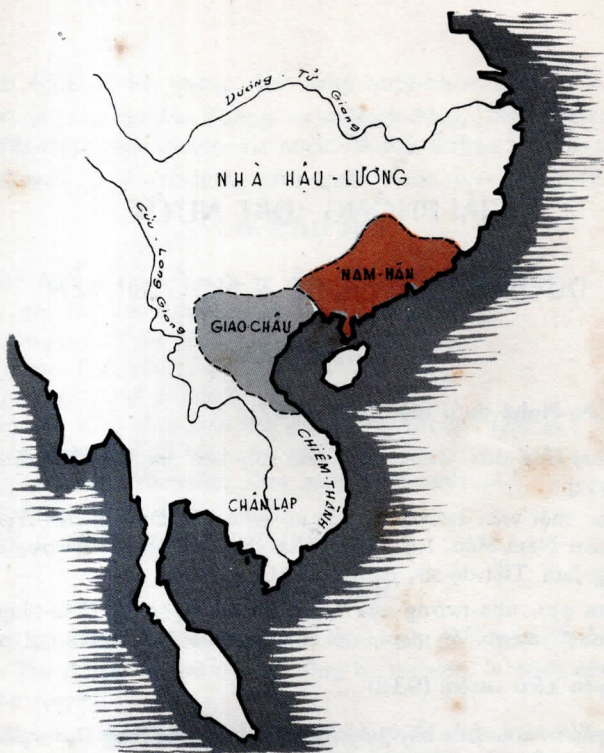
Họ Khúc tuy không lập cơ-nghiệp lâu dài nhưng cũng có công gây nền tự-chủ cho nước nhà.

IV. BÀI ĐỌC

TRONG THỜI BẮC-THUỘC, TÌNH-HÌNH Ở TRUNG-HOA

ẢNH-HƯỞNG ĐẾN NƯỚC TA THẾ NÀO?

Xét chuyện nước Tàu từ đời Hán cho đến đời Đường cứ mỗi nhà lên cầm quyền chính-trị được vài trăm năm, rồi trong nước lại biến-loạn, Nam Bắc phân-tranh độ chừng năm bảy mươi năm, thì khi ấy có một nhà đứng lên dẹp loạn yên nước, lập nên cơ-nghiệp một nhà khác.



Bản-đồ GIAO-CHÂU và NAM-HÂN

(thời-kỳ họ Khúc đẩy nghiệp)

Xem như khi nhà Hán suy, thì nước Tàu phải loạn Tam-quốc, hết Tam-quốc thì có nhà Tấn nhất-thống. Đến khi nhà Tấn suy, thì Nam Bắc-triều; hết Nam Bắc-triều thì có nhà Đường nhất-thống. Nhà Đường suy lại phải cái loạn Ngũ-Quý.

Xứ Giao-châu mình từ đời nhà Hán cho đến đời Ngũ-Quý vẫn là đất nội-thuộc của nước Tàu, cho nên sự trị loạn bên Tàu cũng ảnh-hưởng đến nước mình. Nhờ khi bên Tàu có loạn-lạc, người Tàu phải bận việc nước, thì bên Giao-châu cũng rục-rịch tự-lập được năm ba năm. Nhưng chỉ vì nước thì nhỏ, người thì ít, mà người trong nước lại không biết đồng tâm với nhau, không hiểu cái lẽ hợp-quần đoàn-thề là thế nào, cho nên không thành-công được.

TRẦN-TRỌNG-KIM

(Việt-Nam sử-lược)

GIẢI-PHÓNG ĐẤT NƯỚC

DƯƠNG-DIÊN-NGHỆ — NGÔ QUYỀN

I. BÀI GIẢNG

1. Dương-diên-Nghệ đuổi giặc (931—937)

Nhà *Nam-Hán* dứt được họ Khúc rồi, bèn sai *Lý Tiên* làm Thứ-sứ Giao-châu (923).

Năm 931, một viên tướng cũ của họ Khúc là *Dương-diên-Nghệ* nổi lên đánh đuổi quân *Nam-Hán*. *Lý Tiên* thua chạy về nước. *Dương-diên-Nghệ* bèn tự xưng làm Tiết-độ-sứ, cai-trị đất Giao-châu.

Đến năm 937, nha-tướng của *Dương-diên-Nghệ* là *Kiều-công-Tiện* làm phản giết chủ để cướp lấy quyền và chiếm thành Đại-la (Hà-nội ngày nay).

2. Ngô Quyền cứu nước (938)

a) *Trừ phản-loạn*. Lúc bấy giờ, *Ngô Quyền*, người làng *Đường-lâm*, huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-tây, vừa là tướng vừa là rể của *Dương-diên-Nghệ*, đang giữ đất *Ái-châu*, Thanh-hóa ngày nay. Được tin *Kiều-công-Tiện* phản-loạn, *Ngô Quyền* tức-tức đem quân ra đánh giết ngay.

b) *Diệt xâm-lăng : trận Bạch-đăng*. Trước khi bị hại, *Kiều-công-Tiện* sai người sang cầu cứu với nhà *Nam-Hán*. Vua *Nam-Hán* là *Lưu Cung* muốn thừa cơ-hội chiếm lại nước ta bèn sai *Thái-tử Hoằng-Thao* đem thủy-quân đi trước, còn chính mình tự dẫn bộ-binh đi tiếp ứng.

Ngô Quyền biết vậy, một mặt truyền hịch cho quân-sĩ phải hết sức phòng-bị, một mặt sai người lấy gỗ bọc sắt nhọn, cắm ngầm dưới lòng sông *Bạch-đăng*. Xong, *Ngô Quyền* chờ nước thủy-triều lên, cho quân ra khiêu-chiến rồi giả đồ thua bỏ chạy. Quân *Nam-Hán* đuổi theo. Quân ta dụ mãi cho qua khỏi chỗ khúc sông có đóng cọc thì nước vừa hạ xuống. *Ngô Quyền* hạ lệnh quay lại đánh dữ-dội. Quân *Nam-Hán* thua chạy, bao nhiêu thuyền vướng vào cọc gỗ, bị đâm lủng và chìm cả, người chết vô số.

Hoằng-Thao bị bắt và bị giết. Hán-chủ đi sau nghe tin ấy khóc òa

lên, rồi rút binh về xứ không dám sang quấy-nhiều nữa.

c) *Mở đường tự-chủ*. Thắng trận Bạch-đăng, Ngô Quyền *chăm dứt thời-đại Bắc-thuộc*, giải-phóng đất nước và mở đường tự-chủ cho dân-tộc.

Ngô Quyền là vị anh-hùng cứu quốc, danh lưu muôn thuở.

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Nam-Hán sai ai sang làm Thứ-sứ Giao-châu?
- 2) Ai nổi lên đánh đuổi quân Nam-Hán?
- 3) Dương-diên-Nghệ bị ai giết?
- 4) Tại sao Kiều-công-Tiện làm phản?
- 5) Ngô Quyền quê ở đâu?
- 6) Hay tin Kiều-công-Tiện làm phản, ông tức-tức làm gì?
- 7) Kiều-công-Tiện đã cầu cứu với ai?
- 8) Tại sao vua Nam-Hán đem quân sang nước ta?
- 9) Kể sơ lại trận Bạch-đăng.
- 10) Ngô Quyền có công gì với nước ta?

III. BÀI HỌC

Năm 931, Dương-diên-Nghệ nổi lên đánh đuổi quân Nam-Hán rồi tự xưng làm Tiết-độ-sứ. Được 6 năm, ông bị ti-tướng là Kiều-công-Tiện giết đi để cướp quyền.

Ngô Quyền, rề của Dương-diên-Nghệ, từ Ái-châu kéo quân ra báo thù. Kiều-công-Tiện cầu cứu với Nam-Hán. Ngô Quyền giết Tiễn rồi dùng mưu phá tan quân Nam-Hán trên sông Bạch-đăng, chấm dứt thời-đại Bắc-thuộc.

Ngô Quyền là vị anh-hùng giải-phóng đất nước và mở đường tự-chủ cho dân-tộc.

IV. BÀI ĐỌC

SÔNG BẠCH-ĐĂNG

Sông Bạch-đăng là một nhánh của sông Thái-bình phân địa-giới hai tỉnh Kiên-an và Quảng-yên ngày nay và đổ ra cửa Nam-triệu. Sông rộng và sâu, bởi thế tàu biển hiện nay cũng phải vào cửa Nam-triệu rồi mới do lạch sông Đinh-vũ mà chạy tới Hải-phòng ở trên bờ sông Cửa cấm.

Xưa kia binh-thuyền của Tàu kéo sang đánh nước ta thường do sông ấy mà tiến vào trong đất, nên có nhiều trận thủy-chiến đã xảy ra trên



Bản-đồ sông BẠCH-ĐẰNG

mặt sông ấy. Trong các trận đó, đáng ghi nhớ là trận Ngô Quyền đánh phá quân Nam-Hán năm 938 và trận Trần-quốc-Tuấn đánh tan quân Mông-cồ năm 1288.

Sông Đàng một dải dài ghê !
 Luồng to, sóng lớn dồn về bể Đông.
 Trời Nam sinh kẻ anh-hùng,
 Tắm kênh yên-lặng, non sông vững-vàng.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM
 (Tri tân số 17)

CUỘC BANG-GIAO GIỮA GIAO-CHÂU VÀ CÁC NƯỚC LÂN-CẬN TRONG THỜI-KỲ BẮC-THUỘC

I. BÀI GIẢNG

Trong thời-kỳ Bắc-thuộc, dân ta đã bị khổ-sở dưới sự áp-bức của các quan Tàu, lại thường bị quân hai nước lân-cận sang đánh phá làm cho nhiều phen vô cùng vất-vả. Đó là hai nước *Lâm-ấp* và *Nam-chiều*.

1. Nước Lâm-ấp

Nước Lâm-ấp ở về phía Nam đất Giao-châu, chạy dài từ Quảng-bình đến Nam-Việt ngày nay. Dân Lâm-ấp thuộc giống Mã-lai, theo tôn-giáo Ấn-độ, khá văn-minh và cường-thịnh.

Bắt đầu từ đời Đông-Ngô, quân Lâm-ấp thường sang đánh phá hai quận *Nhật-nam* và *Cửu-chân*. Mặc dầu bị các Thái-thú Tàu đánh bại liên tiếp, quân Lâm-ấp cứ 5, 3 năm lại sang cướp phá một lần.

Năm 420, Thái-thú *Đỗ-tuệ-Độ* cử binh-mã sang đánh Lâm-ấp, chém giết rất nhiều, rồi bắt hàng năm phải cống-hiến voi, vàng bạc, đồi-mồi... Từ đó mới tạm yên.

Nhưng đến đời Nam Bắc-triều, vua Lâm-ấp là *Phạm-dương-Mai* thấy Trung-hoa loạn-lạc, sai sứ sang công vua Tàu và xin lãnh đất Giao-châu để cai-trị. Vua Tàu không thuận. Quân Lâm-ấp lại sang cướp phá. Thứ-sử *Đàn-hòa-Chi* đem binh trị tội Lâm-ấp và lấy được vàng bạc châu báu rất nhiều.

Đời Tiền-Lý, quân Lâm-ấp cũng sang phá Nhật-nam, bị tướng của Lý Bôn đánh tan (543).

Đời nhà Tùy, tướng *Lưu Phương* lại phải sang đánh Lâm-ấp một lần nữa (605).

Về sau, vua Lâm-ấp đổi quốc hiệu là *Hoàn-vương-quốc* rồi đánh chiếm châu Hoan và châu Ái. Năm 808, vua *Hoàn-vương-quốc* bị quan *Đô-hộ* của nhà Đường đánh đuổi phải lui mãi về phía Nam và đổi quốc-hiệu là *Chiêm-thành*. Từ đó, Chiêm-thành suy-nhược hẳn.

2. Nước Nam-chiều

Nước *Nam-chiều* ở về phía Tây-Bắc đất Giao-châu, dân-tộc thuộc giống Thái.

NAM-CHIẾU



Bản-đồ GIAO-CHÂU, NAM-CHIẾU và LÂM-ẤP

(thời-kỳ Bắc-thuộc)

Vào đời nhà Đường, quan Đô-hộ Giao-châu hà-hiệp dân Mường, Mán và giết tù-trưởng của họ. Người Mường, Mán bèn gọi quân Nam-chiều sang đánh phá làm cho đất Giao-châu khỗ-sở trong hơn 10 năm trời.

Năm 860, quân Nam-chiều lại sang đánh chiếm lấy Phủ-thành, quan Tàu phải chạy về nước. Hai năm sau, nhà Đường cử 3 vạn binh qua, quân Nam-chiều mới chịu rút lui.

Năm 863, Nam-chiều lại trở qua đánh, chiếm lấy Phủ-thành lần thứ hai. Năm 864, nhà Đường sai Cao Biền sang trừ quân Nam-chiều. Cao Biền là một tướng có tài, lại ham văn-học nên quân-sĩ mến-phục. Sau khi thắng được nhiều trận, đến năm 866, Cao Biền mới chấm dứt giặc Nam-chiều.

II. CÂU HỎI

- 1) Nước Lâm-ấp ở đâu ?
- 2) Dân Lâm-ấp thuộc giồng nào ?
- 3) Quân Lâm-ấp thường sang đánh phá những quận nào của Giao-châu ?
- 4) Các quan Tàu sang đánh Lâm-ấp mấy lần ?
- 5) Người nước ta đánh tan quân Lâm-ấp một lần là ai ?
- 6) Về sau, nước Lâm-ấp đổi quốc-hiệu là gì ?
- 7) Nước Nam-chiều ở đâu ?
- 8) Lần đầu tiên, tại sao quân Nam-chiều sang đánh Giao-châu ?
- 9) Quân Nam-chiều chiếm Phủ-thành Giao-châu mấy lần ?
- 10) Ai chấm dứt giặc Nam-chiều ?

III. BÀI HỌC

Nước Lâm-ấp ở về phía Nam đất Giao-châu. Quân Lâm-ấp thường sang cướp phá 2 quận Cửu-chân và Nhật-nam, dầu bị thua mãi nhưng cứ 5, 3 năm lại trở qua. Các quan Tàu cũng nhiều lần cử binh sang đánh Lâm-ấp và lấy được nhiều vàng bạc châu báu.

Về sau, nước Lâm-ấp đổi tên là Hoàn-vương-quốc rồi Chiêm-thành.

Nước Nam-chiều ở về phía Tây-Bắc đất Giao-châu. Quân Nam-chiều sang đánh phá Giao-châu nhiều lần và hai phen chiếm được Phủ-thành, làm cho quan Đô-hộ Tàu phải chạy về xứ.

Về sau, danh-tướng Cao Biền chấm dứt giặc Nam-chiều.

IV. BÀI ĐỌC

CAO BIỀN

Vua nhà Đường phong cho Cao Biền làm Tiết-độ-sứ. Cao Biền chỉnh-dốn mọi công việc, lập đồn-ái ở mạn biên-thùy để phòng giữ giặc-giã, làm sổ sưu-thuế để chi dụng việc công. Cao Biền trị dân có phép-tắc cho nên ai cũng kính-phục, bởi vậy mới gọi tôn lên là Cao-vương.

Cao Biền đắp lại thành Đại-la ở bờ sông Tô-lich. Thành ấy bốn mặt dài hơn 1.982 trượng linh 5 thước, cao 2 trượng linh 6 thước, đắp một đường đê bao bọc ở ngoài dài hơn 2.125 trượng linh 8 thước, cao một trượng rưỡi, dài 2 trượng. Trong thành cho dân-sự làm nhà hơn 40 vạn nóc.

Sứ chép rằng Cao Biền dùng phép phù-thủy khiến thiên-lôi phá những thác ghềnh ở các sông để cho thuyền bè đi được. Thiên-lôi ấy có lẽ là Cao Biền dùng thuốc súng chăng ?

Năm 875, vua Đường sai Cao Biền sang làm Tiết-độ-sứ ở Tây-xuyên. Biền dâng người cháu họ là Cao Tâm làm Tiết-độ-sứ Giao-châu.

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

ẢNH-HƯỞNG CỦA THỜI-ĐẠI BẮC-THUỘC

I. BÀI GIẢNG

Sau hơn một ngàn năm Bắc-thuộc, nước ta đã chịu ảnh-hưởng sâu-xa của Trung-hoa về mọi phương-diện : chính-trị, kinh-tế, văn-hóa và xã-hội.

1. Phương-diện chính-trị

Chánh-sách cai-trị khắc-nghiệt của người Tàu có cái kết-quả bất ngờ là khiến cho dân ta, trong sự đau-khổ chung, biết thương giống-nòi, biết yêu nước và đoàn-kết với nhau. Như vậy tức là rèn-luyện cho dân ta một *tinh-thần dân-tộc* mỗi ngày thêm cứng rắn, vững bền, thường bực-lộ rõ-rệt trong những cuộc khởi-nghĩa chống xâm-lãng.

Ngoài ra, người Tàu đem sang nước ta *chê-độ quận huyện* là cốt để diệt-trừ uy-thề của các lớp quý-tộc bán-xứ (Lạc-hầu, Lạc-tướng). Nhưng nhờ *chê-độ* ấy, dân ta biết bỏ óc địa-phương để tuân theo kỷ-luật của cơ-quan trung-trong và lần hồi có *ý-niệm rõ-ràng về quốc-gia*. Do đó, các triều-đại về sau dễ thực-hiện nền *thống-nhất quốc-gia*.

2. Phương-diện kinh-tế

Trước thời-đại Bắc-thuộc, dân ta đã biết trồng lúa nhưng chỉ biết dùng cuốc bằng đá. Người Tàu chỉ vẽ cách dùng sức trâu bò và *lưỡi cày bằng sắt*, cách khai-khẩn đất hoang. Họ cũng dạy dân ta một số nghề thủ-công như nghề dệt, nghề thêu, làm đồ gốm, làm giấy v.v...

Nhờ *nông-nghiệp phát-đạt* và kinh-tế mở-mang, đời sống được dễ hơn, *dân-số lên mau* làm cho quốc-gia được tăng thêm sức mạnh.

3. Phương-diện văn-hóa và xã-hội

Suốt thời-kỳ đô-hộ nước ta, nước Tàu lúc nào cũng muốn cho dân ta quên nguồn-gốc để trở thành người Trung-hoa. Chánh-sách đồng-hóa ấy, với sự du-nhập *phong-tục, lễ-nghĩ* Trung-hoa cùng với Phật-giáo, Lão-giáo, nhất là *Nho-giáo*, đã biến cải sâu-xa cách sinh-hoạt của dân ta.

Từ cách ăn mặc, nhà ở đến việc hôn-nhân, tang-chế, các ngày tế-lễ (Nguyên-đán, Thanh-minh, Đoan-ngọ, Trung-thu), mỗi mỗi đều phỏng theo Trung-hoa.

Cách cư-xứ giữa vua tôi, cha con, chồng vợ cách ăn ở với đồng-loại,

đúng theo năm điều Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của đạo Nho, được truyền-bá sâu rộng để dân-gian noi theo.

Trong gia-tộc, quyền người đàn ông được nâng cao, chế-độ mẫu-hệ lần hồi bị chế-độ phụ-hệ thay-thế.

4. Kết-luận

Nước ta đã chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-hoa rất nặng-nề, nhưng dân ta vẫn giữ vững được tính-chất riêng biệt nên khỏi bị đồng-hóa với người Tàu.

II. CÂU HỎI

- 1) Chách-sách cai-trị khắc-nghiệt của người Tàu có kết-quả thế nào?
- 2) Tinh-thần dân-tộc của ta được bộc-lộ trong những dịp nào?
- 3) Chế-độ quận huyện diệt-trừ uy-thề của ai?
- 4) Như vậy có lợi gì cho nước ta?
- 5) Về nông-nghiệp, dân ta học được gì của người Tàu?
- 6) Người Tàu đem sang nước ta những phong-tục nào? những đạo nào?
- 7) Nho-giáo dạy ta những điều gì?
- 8) Trong gia-tộc, chế-độ nào thay thế chế-độ mẫu-hệ?
- 9) Ảnh-hưởng của Trung-hoa đối với nước ta thế nào?
- 10) Vì sao dân ta không bị đồng-hóa với người Tàu?

III. BÀI HỌC

Sau hơn một ngàn năm Bắc-thuộc, nước ta chịu ảnh-hưởng của Trung-hoa về mọi phương-diện.

Về chính-trị. Cách cai-trị chặt-chẽ và gắt-gao của người Tàu làm cho dân ta có một tinh-thần dân-tộc mạnh-mẽ và về sau, dễ thực-hiện nền thống-nhất quốc-gia.

Về kinh-tế. Lưỡi cày bằng sắt giúp cho nông-nghiệp phát-đạt. Đời sống no ấm, dân-số lên mau, nước thêm sức mạnh.

Về văn-hóa và xã-hội. Chánh-sách đồng-hóa với sự du-nhập chữ Hán, phong-tục, lễ-giáo Trung-hoa, biến-cải sâu-xa cách sinh-hoạt của dân ta.

Chế-độ phụ-hệ thay thế chế-độ mẫu-hệ.

IV. BÀI ĐỌC

ẢNH-HƯỞNG VĂN-HÓA TRUNG-HOA.

Văn-hóa Trung-hoa sở-dĩ truyền-bá sang nước ta được thuận-tiện, một

là vì xã-hội ta cũng sinh-hoạt trên cơ-sở nông-nghiệp như xã-hội Trung-hoa, hai là vì khi ta tiếp-xúc với Trung-hoa, văn-hóa họ đã phát-triển rực-rỡ mà văn-hóa ta thì chật-phác thấp hèn. Song không phải tồ-tiên ta xưa cứ có một điều là đem hết thấy văn-hóa Trung-hoa sang nước ta, rồi dân-tộc ta dần dần biến-hóa thành người Tàu cả. Sự thực không phải đơn-giản như vậy. Ở đời Bắc-thuộc, người Tàu vẫn dùng chính-sách đồng-hóa dân ta nhưng vì ta ở xa nơi văn-hóa trung-tâm nên những điều ta học ở Tàu đã vì đường xa mà sai bản-tướng, sau lại vì cần thích-ứng với hoàn-cảnh mà biến-cải đi nữa. Từ khi nước ta độc-lập, cái gốc văn-hóa ấy phát-triển một mình, không phải ở trong phạm-vi áp-chế của Trung-hoa nữa mà lại ở tình-thế đòi-kháng với họ, cho nên cuối thế-kỷ thứ 19, ta có thể nói rằng văn-hóa ta tuy nguồn-gốc là Tàu mà đã tự gây dựng được tư-cách riêng để tồn-tại một mình được.

ĐÀO-DUY-ANH

(Việt-Nam văn-hóa sử-cương)



ĐỨC KHÔNG-TỬ

(hình khắc trên gỗ Văn-miếu Hà-nội)

THỜI-ĐẠI ĐỘC-LẬP

CÁC NHÀ NGÔ – ĐÌNH – TIỀN-LÊ

1. Nhà Ngô (939-965)
2. Nhà Đinh (968-980)
Thời-kỳ lập quốc
3. Nhà Đinh
Thời-kỳ suy-vong
4. Nhà Tiền-Lê (980-1.009)
Đại-Hành Hoàng-đế
5. Nhà Tiền-Lê
Lê-long-Việt – Lê-long-Đĩnh

NHÀ NGÔ (939 – 965)

I. BÀI GIẢNG

1. Tiền Ngô-vương

Sau khi đại phá quân Nam-Hán, *Ngô Quyền* xưng vương (939), đóng đô ở *Cổ-loa*, huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên. Ngô-vương định triều-nghi, đặt quan-chức, sửa-sang việc cai-trị, mong xây dựng một nền tự-chủ vững bền cho quốc-gia. Tiếc thay sự-nghiệp chưa hoàn-thành thì Ngô-vương mất (944), thọ 47 tuổi.

2. Dương-tam-Kha cướp ngôi (945 - 950)

Trước khi băng - hà, Ngô-vương phó-thác cho em vợ là *Dương-tam-Kha* việc lập con là *Ngô-xương-Ngập* lên ngôi. Nhưng *Dương-tam-Kha* bỏ lời di-chức, cướp ngôi của cháu (945). *Ngô-xương-Ngập* trốn ra vùng Hải-dương, vào rừng ẩn-trú. *Dương-tam-Kha* bèn bắt em của *Ngô-xương-Ngập* là *Ngô-xương-Văn* đem về làm con nuôi.

3. Hậu Ngô-vương (950 - 965)

Lúc bấy giờ, người trong nước không phục *Dương-tam-Kha* nổi lên chống lại khắp nơi. Năm 950, ở Sơn-tây có loạn, *Dương-tam-Kha* sai *Ngô-xương-Văn* đem quân đi dẹp. *Ngô-xương-Văn* mưu cùng tướng *Đỗ-cánh-Thạc* quay về hạ được *Dương-tam-Kha*. *Ngô-xương-Văn* lên ngôi xưng là *Nam-tân-vương* rồi cho người đón anh về cùng trị nước. *Ngô-xương-Ngập* xưng là *Thiên-sách-vương*. Sứ gọi hai anh em là *Hậu Ngô-vương*.

Thế-lực nhà Ngô mỗi ngày thêm suy-sụp, giặc-giã nổi lên tứ tung. *Thiên-sách-vương* thọ bệnh mất năm 954. *Nam-tân-vương* đi đánh dẹp luôn nhưng loạn-lạc vẫn còn mãi. Năm 965, trong khi đi đánh giặc ở vùng Sơn-tây, *Nam-tân-vương* bị trúng tên chết tại trận. *Nam-tân-vương* làm vua được 15 năm, không người kế - vị.

5. Ngô-xương-Xí

Con *Thiên-sách-vương* là *Ngô-xương-Xí* lên ngôi. Nhưng nhà Ngô đã suy-nhược lắm, không ai phục-tùng nữa. *Ngô-xương-Xí* phải lui về

Bình-kiểu, tỉnh Hưng-yên, đóng giữ một phần đất, cũng như các thổ-hào khác, để thành một Sứ-quân.

Nước ta lâm vào một thời-kỳ vô cùng hỗn-độn : nước chia ra làm 12 miền, mỗi miền do một Sứ-quân cai-trị. Các Sứ-quân luôn luôn đánh lẫn nhau làm dân-chúng vô cùng khổ-sở. Thời-kỳ này được gọi là loạn Thập-nhị Sứ-quân.

II. CÂU HỎI

- 1) *Ngô Quyền xưng vương rồi đóng đô ở đâu ?*
- 2) *Ngô-vương lo sửa-sang việc gì ?*
- 3) *Ngô-vương mất rồi, Dương-tam-Kha làm gì ?*
- 4) *Ngô-xương-Văn làm thế nào hạ được Dương-tam-Kha ?*
- 5) *Ngô-xương-Văn cho đón anh về làm gì ?*
- 6) *Tại sao trong nước có nhiều giặc-giã ?*
- 7) *Hai anh em Hậu Ngô-vương chết thế nào ?*
- 8) *Ngô-xương-Xí lên ngôi thế-lực thế nào ?*
- 9) *Ngô-xương-Xí phải làm sao ?*
- 10) *Nước ta có loạn nào ?*

III. BÀI HỌC

Sau khi đại phá quân Nam-Hán, **Ngô Quyền** xưng vương (939), đóng đô ở **Cổ-loa** (Phúc-yên). Ngô-vương sửa-sang việc cai-trị, mong xây một nền tự-chủ vững bền, nhưng chỉ trị-vì được 5 năm thì mất (944).

Dương-tam-Kha cướp ngôi của cháu là **Ngô-xương-Ngập** (945). Em Ngô-xương-Ngập là **Ngô-xương-Văn** mưu hạ được Dương-tam-Kha. Hai anh em cùng làm vua, tức là **Hậu Ngô-vương**.

Khi hai vương mất, **Ngô-xương-Xí** lên ngôi (965), nhưng thế-lực nhà Ngô đã quá suy-yếu. Nước ta có loạn Thập-nhị Sứ-quân.

IV. BÀI ĐỌC

NGÔ QUYỀN VỚI CHẾ-ĐỘ QUÂN-CHỦ

Dưới thời Bắc-thuộc, trước Ngô Quyền, tuy đã có những vị xưng vương như hai Bà Trưng, Lý Bôn và Phùng Hưng, nhưng các bậc đó trị-vì trong một thời-gian quá ngắn-ngủi, chưa kịp tổ-chức việc cai-trị trong nước. Cho nên ta có thể nói chế-độ quân-chủ ở nước ta bắt đầu từ đời nhà Ngô mới có một tính-cách rõ-rệt.



Lăng NGÔ-VƯƠNG (Sơn-tây)

Chính-thể ấy đã phỏng theo chế-độ quân-chủ của nhà Hán và nhà Đường bên Trung-quốc. Theo quan-niệm này, vua là Thiên-tử thay Trời xuống trị dân. Vua chỉ theo mệnh Trời, còn trong nước, toàn thể nhân-dân đều đặt dưới quyền vua. Vua là chủ-tể toàn quốc, các quan-chức là những vị thay mặt vua để cai-trị dân khắp mọi nơi.

Thực ra, vì Ngô-vương trị-vì có 5 năm nên quyền-hành của nhà vua chưa đủ thì giờ để lan-tràn ra khắp trong lãnh-thò quốc-gia, và chế-độ quân-chủ chưa được hoàn-bị. Bởi thế, sau khi Ngô-vương mất, nền quân-chủ vừa thành-lập đã hầu như tan-vỡ.

Theo PHẠM-XUÂN-ĐỘ
(Việt-sử dẫn giải)

NHÀ ĐÌNH (968 — 980)

I. BÀI GIẢNG

Đình-Bộ-Lĩnh là một vị tướng tài có công dẹp tan loạn Thập-nhị Sứ-quân và lập nhà Đinh.

1. Đình-bộ-Lĩnh

a) *Lúc thiếu-thời.*— Đình-bộ-Lĩnh người động Hoa-lư, tỉnh Ninh-bình, là con Đình-công-Trứ, Thứ-sử Hoan-châu về đời Dương-diên-Nghệ và Ngô Quyền. Mồ-côi cha từ thuở bé, Đình-bộ-Lĩnh theo mẹ về quê, ở với chú. Thường ngày, ông ra đồng chăn trâu cho chú. Trong những trò chơi cùng chúng bạn, ông tỏ ra là một đứa trẻ có mưu-trí. Ông thường tụ-tập bọn mục-đồng, chia ra từng tổp, lấy *bóng lau làm cờ*, bày trận đánh nhau. Lúc nào ông cũng thắng, rồi bắt chúng bạn khoanh tay làm kiệu rước đi. Bọn trẻ trong vùng đều tuân-phục.

b) *Lúc trưởng-thành.*— Lúc lớn lên, Đình-bộ-Lĩnh sang Bò-hải-khẩu, nay thuộc tỉnh Thái-bình, theo giúp Sứ-quân Trần Lãm tức Trần-minh-công.

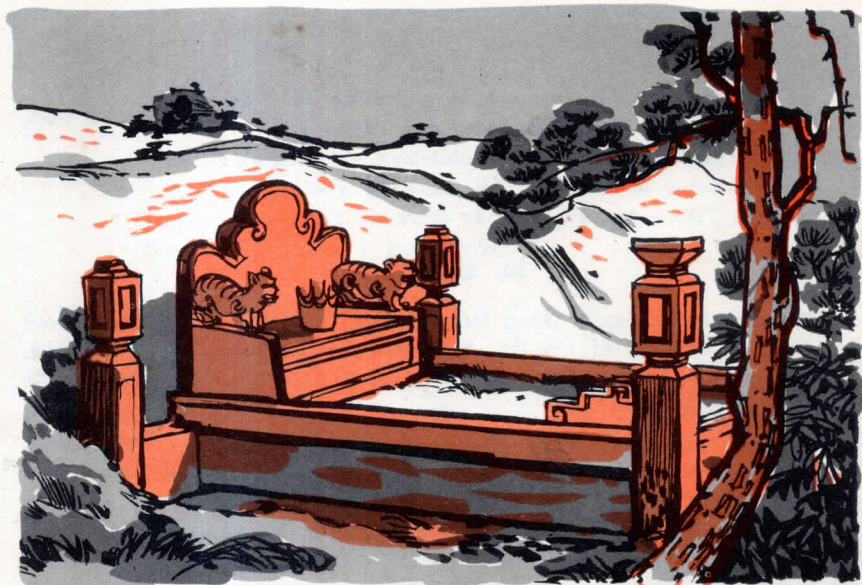
c) *Năm bình-quyển.*— Trần-minh-công thấy Đình-bộ-Lĩnh khôi-ngô, có tài, có chí, nên rất yêu mến nhận làm con nuôi và giao cho *giữ binh-quyển*. Khi Trần-minh-công mất, Đình-bộ-Lĩnh đem quân về đóng ở Hoa-lư vì nơi đó có núi non hiểm-trở. Hậu Ngô-vương đem binh đến đánh ông nhưng không thắng nổi phải rút về.

d) *Dẹp loạn Sứ-quân.*— Đến lúc thế-lực thật hùng-hậu, Đình-bộ-Lĩnh cử binh-mã đánh các Sứ-quân, trận nào cũng thắng, chỉ trong vòng một năm, thông-nhất quốc-gia. Những tướng tài giỏi đều theo ông và tôn ông là *Vạn-thắng-vương*.

e) *Lên ngôi Hoàng-đề.*— Năm 968, sau khi thông-nhất đất nước, Đình-bộ-Lĩnh lên ngôi Hoàng-đề, lấy hiệu là Tiên-hoàng, đặt tên nước là *Đại-Cổ-Việt*, đóng đô ở Hoa-lư.

2. Việc nội-trị của Đinh Tiên-hoàng

Cuộc nội-chiến 22 năm làm cho nước nhà suy-kém. Tiên-hoàng chăm lo sửa-sang lại mọi việc.



Lăng DINH TIÊN-HOÀNG (Ninh-binh)✕

Trước hết, Tiên-hoàng xây cung-điện, lập ra phép-tắc ở trong triều, định các phẩm hàm cho quan văn và quan võ, phong thưởng các người có công.

Về pháp-luật, Tiên-hoàng đặt ra hình-phạt rất nghiêm-khắc. Nhà vua sai đặt vạc dầu sôi ở trước điện, nuôi hổ báo ở trong vườn, dựng cột đồng nung đỏ để trừng-trị những kẻ gian-phi, hoặc làm loạn, không tuân luật-lệ.

Về quân-sự, Tiên-hoàng tổ-chức 10 đạo binh, mỗi đạo 10 vạn binh, luyện-tập kỹ-càng, để phòng giữ các nơi.

Nhờ tài-ba và uy-quyền của Tiên-hoàng mà trong vòng mấy năm nước ta trở lại yên-ổn, có một binh-lực mạnh-mẽ, sau này chống nổi cuộc xâm-lăng từ phương Bắc đến.

II. CÂU HỎI

- 1) Đinh-bộ-Lĩnh quê ở đâu ?
- 2) Kể lại lúc thiếu-thời của Đinh-bộ-Lĩnh ?
- 3) Lớn lên, ông theo giúp ai ?
- 4) Lúc nào ông được nắm trọn binh-quyền ?
- 5) Ông dẹp loạn Sứ-quân thế nào ?

- 6) Ông lên ngôi đặt tên nước là gì ? Đóng đô ở đâu ?
- 7) Về việc triều-đình, Tiên-hoàng làm những gì ?
- 8) Tại sao Tiên-hoàng đặt ra hình-phạt nghiêm-khắc ?
- 9) Tiên-hoàng tổ-chức quân-đội thế nào ?
- 10) Nhờ Tiên-hoàng mà nước ta được thế nào ?

III. BÀI HỌC

Đinh-bộ-Lĩnh là người động Hoa-lư, nay thuộc tỉnh Ninh-bình, từ thuở bé đã tỏ ra có mưu-trí. Lớn lên, ông theo giúp Sứ-quân Trần-minh-công, giữ binh-quyền. Trong vòng một năm, ông dẹp tan loạn Sứ-quân đề thống-nhất quốc-gia.

Năm 968, ông lên ngôi Hoàng-đế, đặt tên nước là Đại-Cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-lư. Tiên-hoàng lo sửa-sang việc triều-chính, tổ-chức quân-đội, đặt ra hình-luật rất nghiêm-khắc.

Nhờ Tiên-hoàng, nước dần dần được yên-ôn và hùng-mạnh.

IV. BÀI ĐỌC

ĐỜI ĐÌNH, NƯỚC TA CÓ 10 ĐẠO QUÂN,

1.000.000 LÍNH ?

Sử chép rằng: « Về nhà Đinh, Vua Tiên-hoàng phân binh-lực ra làm đạo, quân, lữ, tốt, ngũ. Mỗi đạo gồm 10 quân, mỗi quân 10 lữ, mỗi lữ 10 tốt, mỗi tốt 10 ngũ, mỗi ngũ 10 người ».

Một đạo gồm 100.000 người. Nhà Đinh có mười đạo quân, do Lê Hoàn giữ chức Thập-đạo tướng-quân chỉ-huy. Vậy về đời Đinh, nước ta có tới $100.000 \times 10 = 1.000.000$ (một triệu) lính.

Hồi ấy, theo binh-chế nhà Chu, Hoàng-đề nước Trung-hoa là một nước lớn mạnh gấp trăm nước ta, cũng chỉ có 6 đạo quân. Mỗi đạo quân gồm 5 sư, mỗi sư 5 lữ, mỗi lữ 5 tốt, mỗi tốt 4 lượng, mỗi lượng 5 ngũ, mỗi ngũ 5 người. Nghĩa là mỗi quân 12.500 người, 6 quân $12.500 \times 6 = 75.000$ người. Nước chư-hầu lớn có 3 quân $12.500 \times 3 = 37.500$ người, nước chư-hầu nhỏ có 2 quân, nước nhỏ nữa có 1 quân.

Hồi ấy, nước ta chỉ có giá-trị là một nước chư-hầu, thế mà binh-lực lại mạnh lớn đồ-sộ hơn binh-lực Trung-quốc gấp mấy chục lần thì thật là một sự không có thể có được.

Hoặc giả đời Đinh nước ta có 10 đạo quân thật, quân số bao nhiêu không rõ, nhưng chắc chắn là ít hơn số quân chép trong sử nhiều lắm.

Theo LÊ-VĂN-HÒE
(Quốc-sử đình ngọa)

NHÀ ĐÌNH (tiếp theo)

I. BÀI GIẢNG

1. Việc ngoại-giao với Trung-hoa

Lúc *Đình Tiên-hoàng* vừa thông-nhất đất nước thì bên Trung-hoa, *Triệu-khuông-Dẫn* lập nên nhà *Tống*. Vua *Tống* sai binh đánh Nam-Hán. Thấy thế, để tránh việc binh-đao cho nước nhà, *Tiên-hoàng* cho con là *Đình Liễn* sang sứ bên Trung-hoa cống-dâng lễ-vật để cầu phong. Năm sau, nhà *Tống* sai sứ sang phong cho *Tiên-hoàng* làm *Giao-chỉ quận-vương* và *Đình Liễn* làm *Tiết-độ-sứ*. Từ đó, nước ta có lệ triều-cống nước Tàu.

Việc cầu phong chỉ là việc ngoại-giao, *Tiên-hoàng* vẫn chú-ý đến sự chính-đồn quân-đội vì biết rằng lúc nào người Tàu cũng đợi cơ-hội thuận-tiện để tràn sang nước ta.

2. Nhà Đình suy-sụp

Khi nước nhà được yên-ôn rồi, *Tiên-hoàng* đắm ra ham-mê tửu-sắc. Nhà vua lập 5 ngôi *Hoàng-hậu*, gây sự ghen ghét giữa các con và sự kết bè đảng trong hoàng-cung. Nhà vua lại lập con thứ là *Hạng-Lang* làm *Thái-tử*. Con trưởng là *Đình Liễn* đã từng theo cha từ thuở hàn-vi và đã lập nên nhiều công-trạng lại bị bỏ đi. *Đình Liễn* tức giận ngầm sai người giết *Hạng-Lang*.

Năm 979, *Tiên-hoàng* và *Đình Liễn* say rượu nằm ngủ trong cung bị tên *Đỗ Thích* lên vào giết cả hai. Sứ chép rằng *Đỗ Thích* nằm mộng thấy sao sa vào miệng cho là điềm mình sẽ làm vua, nên gặp dịp vua say ra tay sát-hại.

Đỗ Thích bị các quan bắt, đem xử tử.

3. Nhà Đình mất ngôi

Con út *Tiên-hoàng* là *Đình Tuệ* được lập lên ngôi, mới 6 tuổi. *Dương Thái-hậu* giữ việc triều-chính, phong cho *Thập-đạo tướng-quân Lê Hoàn* làm *phụ-chính*.

Nhà *Tống* muốn thừa thế đánh chiếm nước ta, nên cho tập-trung đại-binh ở biên-giới. *Lê Hoàn* phong *Phạm-cự-Lương* làm đại-tướng cất binh đi chống giữ. Trước khi xuất quân, *Phạm-cự-Lương* hội-hợp tướng-sĩ tuyên-

bồ : « Quân nghịch sắp vào cõi, vua thì nhỏ, ai sẽ thưởng phạt chúng ta. Chúng ta dầu cò hết sức lập công, nào ai biết cho chúng ta ? Vậy nên tôn Thập-đạo tướng-quân lên làm vua rồi hãy đánh giặc ».

Tướng-sĩ đồng thanh hô vạn tuế. Dương Thái-hậu thấy mọi người tán-thành, đem hoàng-bào khoác cho Lê Hoàn. Đinh Tuệ bị giáng xuống làm Vệ-vương.

Thê là nhà Đinh mất nghiệp sau 12 năm trị-vì, truyền ngôi được 2 đời vua.

II. CÂU HỎI

- 1) Lúc Tiên-hoàng lên ngôi thì đời vua nào cai-trị nước Tàu?
- 2) Nhà Tống sai binh đánh nước nào?
- 3) Tiên-hoàng sai sứ sang Tàu làm gì?
- 4) Về sau Tiên-hoàng lâm-lỗi thê nào?
- 5) Ai giết Tiên-hoàng? Tại sao vậy?
- 6) Khi Đinh Tuệ lên ngôi, quyền-hành về ai?
- 7) Triều-đình lúc đó thê nào?
- 8) Tại sao nhà Tống tập-trung đại-binh ở biên-giới?
- 9) Lê Hoàn được tôn lên làm vua thê nào?
- 10) Nhà Đinh truyền ngôi được mấy đời vua? trị-vì được mấy năm?

III. BÀI HỌC

Đinh Tiên-hoàng thấy nhà Tống bên Tàu mạnh, sai con là **Đinh Liễn** sang triều-cống để giữ tình hòa-hảo.

Về sau, Tiên-hoàng ham-mê tửu-sắc, lập 5 ngôi **Hoàng-hậu**, bỏ con trưởng lập con thứ, gây rối-loạn trong họ. Năm 979, Tiên-hoàng và Đinh Liễn bị **Đỗ Thích** giết.

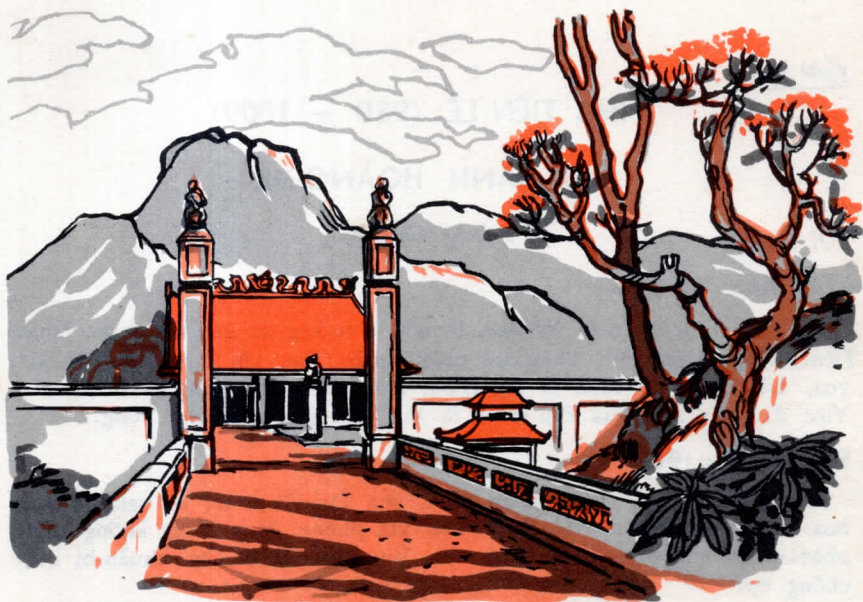
Đinh Tuệ lên ngôi, mới 6 tuổi, quyền-hành về tay Thập-đạo tướng-quân **Lê Hoàn**. Nhà Tống dấy binh định sang đánh. Lê Hoàn được tướng-sĩ tôn lên làm vua để chống với quân Tống.

Nhà Đinh mất ngôi, truyền được 2 đời vua, trị-vì được 12 năm.

IV. BÀI ĐỌC

KHÔNG TRỪ LOẠN, MẶT NÀO NHÌN THẤY TIÊN-ĐẾ.

Năm 979, sau cuộc thí-đoạt điền-rò của **Đỗ Thích**, người con út của Tiên-hoàng là Vệ-vương **Đinh Tuệ** mới có 6 tuổi, được tôn lên làm vua.



Đền thờ ĐINH TIÊN-HOÀNG (Ninh-binh) X

Bao nhiêu quyền-chính vào cả tay Thập-đạo tướng-quân Lê Hoàn.

Lê Hoàn rất được lòng Dương Thái-hậu, tự-do ra vào chỗ cung cấm, nhiếp-chính lộng quyền, tự xưng là Phó-vương.

Trong bọn đại-thần có Nguyễn Bặc là ti-tướng chân tay của Tiên-hoàng khi trước, thấy thế không chịu được, bèn họp hai đại-tướng khác là Đinh Điền và Phạm Hạp lại mà nói rằng :

« Thái-hậu nội-loạn, Lê Hoàn lộng quyền, chúng ta yêu nước, nếu không sớm lo vì vua trừ loạn, mặt nào nhìn thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa » ?

Nói rồi, ba người cùng khởi binh về kinh-đô để giết Lê Hoàn. Quân hai bên đánh nhau ở Hoa-lư, nhưng vì thế yếu, Nguyễn Bặc cùng với Đinh Điền và Phạm Hạp đều bị chết cả.

Mấy vị trung-lương này đã chết cái chết vinh !

NGUYỄN LÂN

(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ TIỀN-LÊ (980 – 1009)

ĐẠI-HÀNH HOÀNG-ĐẾ

I. BÀI GIẢNG

1. Lê Hoàn xưng đế

Lê Hoàn người tỉnh Hà-nam, là một vị tướng tài giỏi nên được Đinh Tiên-hoàng phong làm Thập-đạo tướng-quân. Sau khi được tôn lên làm vua, Lê Hoàn lấy hiệu là *Đại-Hành Hoàng-đế*, vẫn đóng đô ở *Hoa-lư*. Việc đầu tiên của vua Đại-Hành là việc đối-phó với nhà Tống.

2. Phá Tống (981)

Muốn cho nhà Tống hoãn binh, vua Đại-Hành sai sứ sang Trung-hoa mang thư nói là của Đinh Tuệ xin phong. Vua Tống không nghe, nhất-quyết xua binh sang nước ta. Vua Đại-Hành liền chuẩn-bị cuộc chống cự.

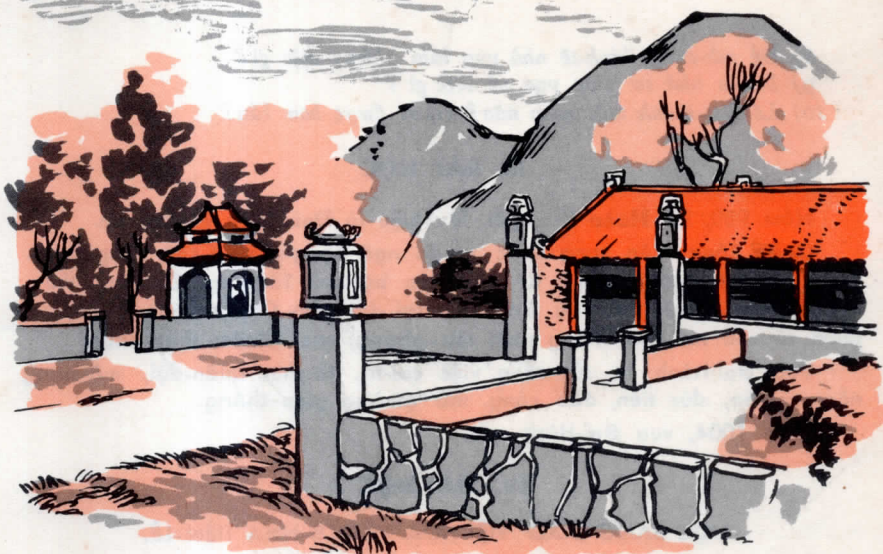
Nhà Tống chia quân tiến sang do hai ngã: bộ-binh từ Lạng-sơn kéo xuống, thủy-quân do sông Bạch-đăng tiến vào. Trước sức mạnh của thủy-quân địch, quân ta phải lui. Nhưng về đường bộ, Lê Đại-Hành dùng kế dụ giặc đến *Chi-lăng*, rồi phục-binh của ta đổ ra đánh dữ-dội. *Quân Tống tan-rã*, viên tướng chỉ-huy bị giết tại trận. Được tin này tướng chỉ-huy thủy-quân hoảng-sợ vội rút quân về.

3. Phạt Chiêm (982)

Lúc mới lên ngôi, vua Đại-Hành sai sứ sang Chiêm-thành để giao-hiệu. Nhưng vua Chiêm liền bắt giam sứ-giã của ta. Sau khi phá quân Tống, vua Đại-Hành ngự giá đi hỏi tội Chiêm-thành. Quân ta đại thắng, chiếm kinh-thành, lấy được nhiều vàng bạc châu báu. *Vua Chiêm kinh-sợ*, ra chịu tội và từ đó thần-phục nước ta.

4. Việc ngoại-giao với Trung-hoa

Để tránh nạn chiến-tranh với Trung-hoa, vua Đại-Hành đầu thắng trận, sai sứ đem hai bộ-tướng bị bắt trả cho nhà Tống và xin theo lệ triều-công. Nhà Tống phần thì bị quân Hung-nô ở phía Bắc đang đánh phá, phần thì thấy binh-lực ta khá mạnh, nên thuận phong cho Lê Đại-Hành làm *Giao-chỉ quận-vương*, rồi sau lại gia-phong làm *Nam-bình-vương*.



Đền thờ LÊ ĐẠI-HÀNH (Ninh-bình) X

Việc nội-trị

Lê Đại-Hành rất chăm lo công-cuộc sửa-sang đất nước.

Việc trước tiên là chỉnh-đốn binh-bị. Nhà vua chọn người mạnh khỏe cho làm quân túc-vệ, gọi là thân-quân, có thích ba chữ *Thiên-tử-quân* trên trán.

Để mở-mang kinh-tế, nhà vua *khuyến-khích nông-nghiệp*, lập sở đúc tiền, đào cảng, mở đường giao-thông đến biên-giới *Chiêm-thành*. Đường này rất thuận-tiện cho cuộc Nam-tiến về sau.

Ngành văn-học cũng được mở-mang nhờ có nhiều nhà sư giúp sức, nhất là sư *Vạn-Hạnh* và sư *Khuông-Việt*.

Năm 1004, Lê Đại-Hành băng-hà, thọ 65 tuổi, trị-vi được 24 năm.

II. CÂU HỎI

- 1) Lê Hoàn lên ngôi lấy hiệu là gì ?
- 2) Công việc đầu tiên của vua Đại-Hành là việc gì ?
- 3) Quân Tống tiến sang nước ta thế nào ?
- 4) Lê Đại-Hành phá quân Tống thế nào ?
- 5) Tại sao Lê Đại-Hành đánh Chiêm-thành ?
- 6) Tại sao Lê Đại-Hành cầu phong với nhà Tống ?
- 7) Tại sao Lê Đại-Hành lo chỉnh-đốn quân-đội ?

- 8) Để mở-mang kinh-tê nhà vua làm những việc gì ?
- 9) Nhiều nhà sư giúp vua về việc gì ?
- 10) Lê Đại-Hành mất năm nào ? trị-vì được bao lâu ?

III. BÀI HỌC

Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi, lấy hiệu là **Đại-Hành Hoàng-đế**.

Quân Tống tiến sang nước ta do ngã Lạng-sơn và ngã sông Bạch-đăng. Vua Đại-Hành dùng kế phá tan bộ-binh Tống tại Chi-lăng, thủy-quân hoảng-sợ rút lui. Vua Đại-Hành lại đại phá Chiêm-thành để trị tội giam giữ của ta. Vua Tống phải tấn-phong, vua Chiêm thần-phục.

Vua Đại-Hành lo sửa-sang việc cai-trị, tổ-chức quân-đội, mở-mang nông-nghiệp, đúc tiền, đào cảng, mở đường giao-thông.

Năm 1004, vua Đại-Hành mất.

IV. BÀI ĐỌC

CUỘC BANG-GIAO VIỆT-HOA VỀ ĐỜI NHÀ TIỀN-LÊ.

Vua Lê Đại-Hành, sau khi đánh bật quân Tống xâm-lăng ra khỏi biên-cương, cho người đem trả vua Tống những viên tướng bị bắt, và cũng theo lệ triều-cống như nhà Đinh. Vua Tống cũng phong vương cho vua Đại-Hành.

Việc « *triều-cống* và *thụ-phong* » đặt ra đây cốt gây tình hòa-hiếu, nhưng không làm thương-tồn tính-cách độc-lập của quốc-gia. Thật vậy, Trung-hoa không hề dính-dáng vào nền nội-trị của Đại-Cồ-Việt.

... Năm 989, để tiếp sứ Tống là Tống Cảo, vua Đại-Hành cho đem tất cả chiến-thuyền ra diễn, lại cho nhân-dân mặc áo sặc-sỡ chèo thuyền đánh trống reo hò. Đồng thời cho đuổi trâu bò của dân ra đồng mà gọi là « *quan-ngưu* ». Lúc nhận chiếu, Lê Đại-Hành cáo là ngã ngựa, đau chân không lạy được. Khi đãi tiệc, cho người đem đến một con rắn dài vài trượng, và nói nếu sứ Tống muốn ăn sẽ cho làm thịt, lại cho dặt tới hai con hồ nói là để chầu.

Với những cử-chỉ như thế, há không phải là vua Lê Đại-Hành gián-tiếp báo cho Trung-hoa biết rằng Đại-Cồ-Việt là một nước văn-hiến hùng-cường, chứ không phải là man-di khiếp-nhược ? Chạm « *cống-tiền* » và « *thụ-phong* » chỉ là một phương-tiện ngoại-giao mềm-dẻo để duy-trì hòa-bình mà kiên-thiết quốc-gia vậy ?

Theo PHAN-XUÂN-HÒA
(Lịch-sử Việt-Nam)

NHÀ TIỀN LÊ

LÊ-LONG-VIỆT — LÊ-LONG-ĐÌNH

I. BÀI GIẢNG

1. Lê-long-Việt

Sau khi vua Lê Đại-Hành mất, các Hoàng-tử tranh-giành ngôi vua. Tám tháng sau, Thái-tử Long-Việt mới lên ngôi được. Nhưng Long-Việt làm vua chỉ có 3 ngày thì bị em là Lê-long-Đĩnh sai người ám-sát.

2. Lê-long-Đĩnh (1005 - 1009)

a) *Việc đánh dẹp.*— Giết anh xong, Lê-long-Đĩnh tự xưng làm vua. Nhưng các Hoàng-tử khác chiếm cứ vùng Hải-dương và dấy binh chống lại. Ở Thanh-hóa cũng có giặc nổi lên đánh phá. Long-Đĩnh phải thân-chinh đi dẹp, đến năm 1006 mới yên.

b) *Việc nội-trị.*— Lê-long-Đĩnh dựa theo cách-thức của Tàu sửa-đổi quy-chè quan văn và quan võ, định lại triều-phục để phân-biệt cấp-bậc bằng các kiểu mũ và màu-sắc áo khác nhau.

c) *Việc ngoại-giao.*— Để giữ mối bang-giao với Trung-hoa, Lê-long-Đĩnh sai sứ sang triều-công nhà Tống. Năm 1007, nhà Tống phong cho Lê-long-Đĩnh làm *Giao-chỉ quận-vương* và cho đúc ấn sai sứ đem sang.

3. Nhà Tiền Lê suy-sụp

Ngoài một vài việc ích-lợi kể trên, Lê-long-Đĩnh càng ngày càng tỏ ra là một vị chúa vô cùng hung-ác. Long-Đĩnh bày ra nhiều hình-phạt vừa quái-gở, vừa dã-man, để làm thú tiêu-khiến, như bắt tù-nhân treo lên ngọn cây rồi sai người cưa gốc, róc mía lên đầu nhà sư..

Đã vậy, Long-Đĩnh lại là một ông vua ham-mê tửu-sắc nên mắc bệnh không ngồi được. Những buổi ra triều, nhà vua phải nằm, người ta gọi là *Lê Ngoạ-triều*.

Long-Đĩnh làm vua được 4 năm thì mất (1009).

4. Nhà Tiền-Lê mất ngôi

Những hành-động bắt nhân của Long-Đĩnh làm cho triều-thần bắt

mãn và dân-chúng oán-giận. Vì vậy khi Long-Đĩnh mất rồi, các quan đồng lòng phế bỏ Hoàng-tử và tôn *Lý-công-Uẩn* đang giữ chức Điện-tiền chỉ-huy-sứ lên làm vua.

Nhà Tiền-Lê mất ngôi, truyền được 3 đời vua, trị-vì 29 năm.

II. CÂU HỎI

- 1) *Lê Đại-Hành* mất, ai nối ngôi?
- 2) *Lê-long-Việt* bị ai giết?
- 3) Khi lên ngôi rồi, *Lê-long-Đĩnh* còn phải đánh dẹp giặc nào?
- 4) Về nội-trị, *Long-Đĩnh* sửa-đổi gì?
- 5) Về ngoại-giao, *Long-Đĩnh* làm việc gì?
- 6) *Long-Đĩnh* đặt ra những hình-phạt thế nào?
- 7) *Long-Đĩnh* có bệnh gì?
- 8) Người trong nước gọi *Long-Đĩnh* là gì?
- 9) *Lê Ngoạ-triều* mất, các quan tôn ai lên ngôi?
- 10) Nhà Tiền-Lê truyền được mấy đời vua? trị-vì được bao nhiêu năm?

III. BÀI HỌC

Lê-long-Việt kế nghiệp cho vua **Lê Đại-Hành** vừa được 3 ngày thì bị em là **Lê-long-Đĩnh** giết di.

Long-Đĩnh lên ngôi (1005), tỏ ra rất hung-ác, đặt những hình-phạt dã-man làm thú tiêu-khiến. **Long-Đĩnh** ham-mê tửu-sắc, bệnh-hoạn mãi, nên khi ngự triều phải nằm. Người trong nước gọi là **Lê Ngoạ-triều**.

Năm 1009, **Long-Đĩnh** mất. Các quan tôn **Lý-công-Uẩn** lên ngôi.

Nhà Tiền-Lê truyền được 3 đời, trị-vì 29 năm.

IV. BÀI ĐỌC

THÚ TIÊU-KHIẾN CỦA VUA NGOẠ-TRIỀU.

Long-Đĩnh là người bạo-ngược, tính hay chém giết, ác bằng Kiệt, Trụ ngày xưa. Khi đã giết anh rồi, lên làm vua thường cứ lấy sự giết người làm trò chơi. Có khi những tù-phạm phải hình, thì bắt lấy rơm tẩm dầu quần vào người rồi đưa đốt sống; có khi bắt tù treo cây rồi ở dưới sai người đồn gốc cho cây đổ; có khi bỏ người vào sọt rồi đem thả xuống sông. Làm những điều ác như thế thì lấy làm thích-chí. Một hôm lấy mía



Một hình phạt đời LÊ NGỌA-TRIỀU

để lên đầu nhà sư mà róc vỏ, rồi thỉnh-thoảng giả tảng lỡ tay bỏ dao vào đầu nhà sư chảy máu ra, trông lấy làm vui cười. Còn khi ra buổi chầu, có ai tâm sớ điều gì thì cho những thằng hề nói khôi-hài hay là nhái tiếng làm trò.

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

THỜI-ĐẠI ĐỘC-LẬP

NHÀ HẬU-LÝ (1010 – 1225)

1. *Lý Thái-Tổ (1010 – 1028)*
2. *Các vua sau Lý Thái-Tổ*
3. *Nhà Hậu-Lý*
Thời-kỳ hưng-thịnh (1010 – 1175)
Việc nội-trị
4. *Các cuộc dẹp nội-loạn*
5. *Cuộc chiến-tranh với nhà Tống*
6. *Cuộc chiến-tranh với Chiêm-thành*
7. *Nhà Hậu-Lý*
Thời-kỳ suy-vong (1176 – 1225)

NHÀ HẬU-LÝ (1010 — 1225)

LÝ THÁI-TỔ (1010 — 1028)

I. BÀI GIẢNG

1. Việc thiên đô

Lý-công-Uân được triều-thần tôn lên làm vua (1010), tức là vua Thái-Tổ nhà Hậu-Lý.

Vua Thái-Tổ thấy đất Hoa-lư chật hẹp, bèn dời kinh-đô ra thành Đại-la tức là Hà-nội bây giờ. Tục truyền rằng khi thuyền nhà vua ra đến Đại-la thì có *rồng vàng bay lên*, mới nhân điềm ấy mà đặt tên là *Thăng-long-thành*.

2. Việc nội-trị dưới triều Lý Thái-Tổ

a) *Việc hành-chánh*.— Lý Thái-Tổ chia các quan văn võ ra làm 9 phẩm. Đại-thần bên văn là Thái-sur, Thái-phó, bên võ có Đô-thống, Nguyên-soái. Nước chia ra làm 24 lộ và hai trại, đặt trần-thủ cai-trị.

b) *Về quân-sự*.— Lý Thái-Tổ tổ-chức quân-đội rất có kỷ-luật. Các Hoàng-tử và các Hoàng-thân phải luyện-tập binh-lính và cầm quân đi đánh giặc. Bởi vậy các vương-hầu thuở ấy có nhiều người giỏi nghề dùng binh.

c) *Luật-pháp*.— Luật-pháp được giảm nhẹ. Một số phạm-nhân bị giam dưới đời Lê Ngoại-triều được thả ra, cấp quần áo, thuốc-men để trở về quê-quán.

d) *Thuê-má*.— Lý Thái-Tổ định ra 6 hạng thuê. Những năm mất mùa đói-kém, các hạng thuế đều được miễn.

e) *Tôn-giáo*.— Vua Thái-Tổ sùng đạo Phật, đặc-biệt trọng-đãi nhà sư, cho làm chùa, đúc chuông rất nhiều, lại sai người sang Tàu lấy kinh Phật đem về truyền-bá ra khắp nơi.

g) *Đẹp loạn*.— Đời Lý Thái-Tổ không có những cuộc chiến-tranh lớn nhưng có những loạn nhỏ nổi lên ở Thanh-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn. Các Hoàng-tử đem quân dẹp tan, làm tăng uy-thể cho triều-đại.

3. Việc ngoại-giao

Vừa lên ngôi, Thái-Tổ sai sứ sang Trung-hoa để giữ tình giao-hảo.

Vua Tống sai đem sắc phong cho Thái-Tổ làm *Giao-chỉ quận-vương*, rồi sau lại gia-phong là *Nam-bình-vương*.

Nước Chiêm-thành và nước Chân-lạp chịu triều-cống Lý Thái-Tổ.

Năm 1028, Lý Thái-Tổ mất, thọ 55 tuổi, ở ngôi được 18 năm. Thái-Tổ nổi tiếng là một ông vua nhân-đạo, có công giữ được an-ninh và gây được thịnh-vượng cho đất nước.

II. CÂU HỎI

- 1) Lý-công-Uản lên ngôi lấy hiệu là gì?
- 2) Tại sao Thái-Tổ dời đô ra Thăng-long?
- 3) Thái-Tổ chia các quan văn võ như thế nào?
- 4) Về quân-sự, Thái-Tổ bắt các Hoàng-tử phải làm gì?
- 5) Pháp-luật được sửa-đổi thế nào?
- 6) Thái-Tổ đặt mấy loại thuế?
- 7) Những năm nào dân được miễn thuế?
- 8) Thái-Tổ làm gì để truyền-bá đạo Phật?
- 9) Việc ngoại-giao với nước Tàu ra sao?
- 10) Lý Thái-Tổ là một ông vua thế nào?

III. BÀI HỌC

Lý-công-Uản lên ngôi, lấy hiệu là **Thái-Tổ**, dời đô về **Thăng-long**.

Thái-Tổ đặt ra 9 phẩm, cho các quan văn võ, chia nước ra làm **24 lộ**, chỉnh-đốn quân-đội, giảm nhẹ luật-pháp, miễn thuế cho dân trong những năm đói kém. Thái-Tổ rất sùng đạo **Phật** nên cho dựng chùa, đúc chuông rất nhiều, lại sai người sang Tàu thỉnh kinh Phật về truyền-bá khắp nơi.

Thái-Tổ **giao-hiệu với Tàu** và được Chiêm-thành và Chân-lạp triều-cống.

Thái-Tổ là một ông vua nhân-đạo, có công gây nền thịnh-vượng cho đất nước.

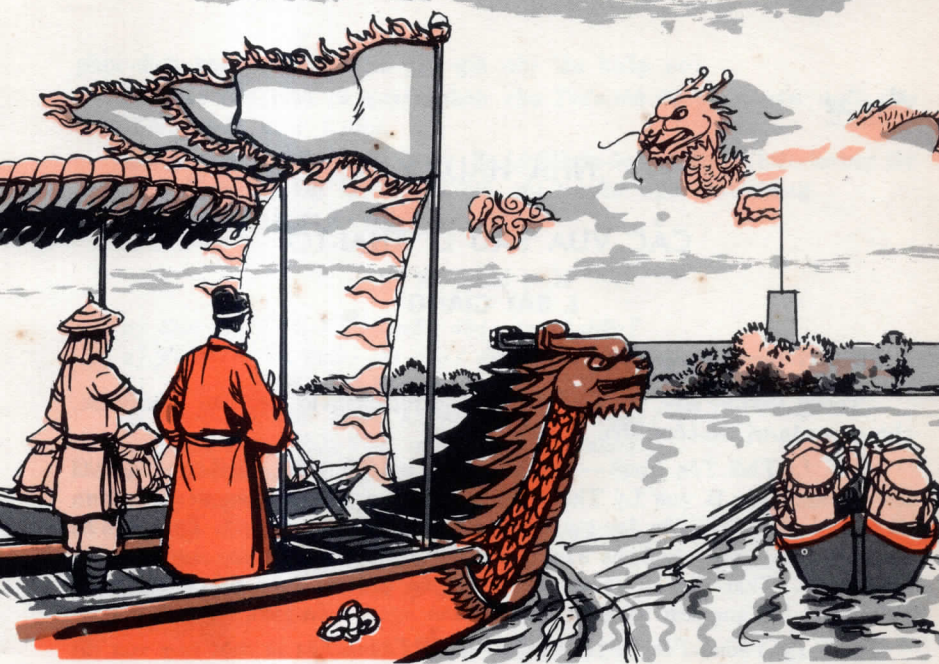
Thái-Tổ mất năm 1028, ở ngôi được 18 năm.

IV. BÀI ĐỌC

Ý-NGHĨA CUỘC THIÊN ĐÔ CỦA LÝ THÁI-TỔ.

Sau khi lên ngôi Hoàng-đế, vua Lý Thái-Tổ nghĩ ngay đến việc thiên đô. Ngài thấy đất Hoa-lư chật-hẹp, không có bể-thề, không thể lấy làm thủ-đô cho một dân-tộc mới phát nhưng đã mang được một sức mạnh, nên năm Thuận-thiên nguyên-niên (1010), vài tháng sau khi lên ngôi cử-ngũ, Ngài xuống thủ-chiều dời đô.

Tờ thủ-chiều ấy dịch ra như sau đây:



LÝ THÁI-TÔ đời đô ra THẮNG-LONG

«Xưa nhà Thương đền vua Bàn-Canh năm lần đời đô, nhà Chu đền vua Thành-vương ba lần đời đô, há có phải các vua đời Tam-đại theo ý riêng của mình, tự-tiện đời-đời đâu, chỉ tại là tính việc to lớn, tìm chỗ giữa trong nước để đóng đô, tính cuộc muôn đời cho con cháu, trên gìn mệnh trời, dưới theo lòng dân, hễ có tiện-lợi thì thiên đô, cho nên ngôi nước được lâu dài. Thế mà đời Đinh, Lê, theo ý riêng, quên mệnh trời, không noi theo nhà Thương, nhà Chu, cứ cầu an ở đây (tức Hoa-lư) đến nỗi ngôi truyền không bền, số toán ngắn-ngủi, trăm họ hao-tồn, muôn vật mất nghi, ta rất lầy lăm buồn, không dời đi chỗ khác thì không được.

Phương chi thành Đại-la là cô-đô của Cao-vương, ở vào giữa khu-vực của trời đất, có thể hồ cứ long bàn, chinh ngôi đông tây nam bắc, tiện thể hướng bội của núi sông, đất rộng và phẳng, cao và sáng-sủa, dân-cư không lo ảm-thấp, muôn vật được giàu nhiều, khắp xem trong cõi nước ta thì ở đây là hơn cả, thực là nơi thượng-đô của đế-vương muôn đời, ta mong muôn nhân cái địa-lợi ấy để định chỗ ở vậy ».

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG
(Tri Tân số 23 ngày 14-11-1941)

NHÀ HẬU-LÝ

CÁC VUA SAU LÝ THÁI-TỒ

I. BÀI GIẢNG

1. Thời-kỳ hưng-thịnh

Trong thời-kỳ này, các vua đều có tài-đức, chăm lo việc dân việc nước, cho nên văn-trị, võ-công đều rực-rỡ.

1 — *Lý Thái-Tôn* (1028 — 1054).— *Lý Thái-Tồ* mất, *Thái-tử Phật-Mã* lên nối ngôi, tức là vua *Lý Thái-Tôn*. Các hoàng-tử kéo quân về vây đánh để tranh ngôi. *Thái-Tôn* dẹp tan, nhưng cho phục chức như cũ. *Thái-Tôn trị nước có nhân*, giảm thuế cho dân những khi mất mùa đói kém, cấm việc mua bán tội-tử. *Thái-Tôn lại có tài cầm binh* nên thường thân-chinh dẹp giặc: giặc *Nùng* ở *Lạng-sơn* và giặc *Chiêm-thành* ngoài biên-giới.

2 — *Lý Thánh-Tôn* (1054 — 1072).— *Lý Thánh-Tôn* là một ông vua rất nhân-tử, thường nói: « *Trẫm yêu dân như yêu con* ». Trời lạnh, nhà vua truyền phát chăn-chiều cho tội-nhân. *Thánh-Tôn* cũng đánh thắng *Chiêm-thành* và lấy được 3 châu.

3 — *Lý Nhân-Tôn* (1072 — 1127).— Vua *Nhân-Tôn* lên ngôi lúc 7 tuổi, nhờ *Lý-đạo-Thành* trông giữ mọi việc trong nước. Lớn lên, *Nhân-Tôn* là một bậc anh-quân. Về văn-trị, *Nhân-Tôn* cho mở khoa thi đầu tiên và chăm lo việc học-hành trong nước. Về võ-công, *Nhân-Tôn* sai *Lý-thường-Kiệt* phá *Tống*, bình *Chiêm*.

4 — *Lý Thán-Tôn* (1128 - 1238).— *Lý Thán-Tôn* trị-vì trong một thời-kỳ yên-ôn. Nhà vua đại-xá tù-phạm, cho binh-lính về làm ruộng, dân-chúng được an-cư lạc-nghịệp.

5 — *Lý Anh-Tôn* (1138 - 1175).— Vua *Anh-Tôn* lên ngôi lúc mới 3 tuổi. Có *Tô-hiền-Thành* hết lòng lo việc nước và dẹp yên giặc *Thân Lợi* ở *Thái-nguyên*.

2. Thời-kỳ suy-vong

Trong thời-kỳ này, các vua đều bất tài, ham chơi-bời, bỏ việc triều-chính:

Lý Cao-Tôn chỉ lo săn-bắn, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải

phục-dịch khổ-sở khiến cho giặc-giã nổi lên khắp nơi.

Lý Huệ-Tôn giao cả quyền-hành cho Trần-thủ-Độ và truyền ngôi cho một Công-chúa mới 7 tuổi.

Công-chúa này lên ngôi, hiệu là Lý Chiêu-hoàng. Lý Chiêu-hoàng lấy cháu của Trần-thủ-Độ là Trần Cảnh, rồi truyền ngôi cho chồng.

Thế là nhà Hậu-Lý mất nghiệp(1225).

II. CÂU HỎI

- 1) Sau Lý Thái-Tổ, có mấy đời vua kế-tiếp?
- 2) Thái-Tôn trị nước thế nào? dẹp những giặc gì?
- 3) Thánh-Tôn thương dân thế nào?
- 4) Nhân-Tôn làm được những việc gì vẻ-vang?
- 5) Dưới triều Thánh-Tôn, trong nước thế nào?
- 6) Anh-Tôn nhờ ai phò tá?
- 7) Về sau, tại sao nhà Hậu-Lý suy-yếu?
- 8) Vua Cao-Tôn làm khổ cho dân thế nào?
- 9) Vua Huệ-Tôn giao quyền-hành cho ai? nhường ngôi cho ai?
- 10) Nhà Hậu-Lý mất nghiệp thế nào?

III. BÀI HỌC

Sau Lý Thái-Tổ, có 8 đời vua kế-tiếp.

Các vua đầu tiên Thái-Tôn, Thánh-Tôn, Nhân-Tôn đều có tài-dức, chăm lo việc dân, việc nước, tạo nên một thời-kỳ hưng-thịnh. Trong nước, dân-chúng được an-cư lạc-nghệp; ngoài biên-thùy, quân-đội phá Tống, bình Chiêm.

Về sau, các vua đều bất tài, ham chơi-bời, bỏ việc triều-chính. Đến khi Lý Chiêu-hoàng lên ngôi thì Trần-thủ-Độ nắm cả quyền-hành. Lý Chiêu-hoàng lấy cháu Trần-thủ-Độ là Trần Cảnh và nhường ngôi cho chồng. Thế là nhà Hậu-Lý mất nghiệp.

IV. BÀI ĐỌC

TRĂM YÊU DÂN NHƯ YÊU CON.

Vào khoảng thế-kỷ thứ II, nước ta có một ông vua rất nhân-từ: vua Lý Thánh-Tôn.

Một năm, trời rét như cắt ruột, những người nhà giàu mặc mớ ba, mớ bảy, áo kép, áo bông, mà cũng còn run như cây sậy.



Một trường thi thời xưa

Vua thầy thế, nói với thị-thần rằng :

« Ta mặc áo hồ-cầu thế này mà còn lạnh, huống chi như những tù-phạm trong lao-ngục, chưa rõ gian ngay thế nào, mà cơm áo không đủ, e đói lạnh có kẻ đền chết, ta thương-xót lắm».

Nói xong, nhà vua truyền lấy chăn chiếu cho tù và ban cơm mỗi ngày hai bữa đầy-dủ.

Lại một hôm, ngự tại điện Thiên-khánh để xét các án tù, vua chỉ vào Đông-thiên công-chúa đứng hầu bên cạnh mà bảo triều-thần rằng :

« Trẫm yêu dân như yêu con trẫm. Chỉ vì dân-gian ngu-dại mà mang tội, trẫm lấy làm thương-hại. Từ nay về sau, tội gì của dân cũng nên giảm nhẹ bớt đi ».

NGUYỄN LÂN

(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ HẬU-LÝ — THỜI-KỲ HƯNG-THỊNH

VIỆC NỘI-TRỊ

I. BÀI GIẢNG

Các vua đầu nhà Hậu-Lý chăm lo sửa-sang việc nội-trị. Nhờ vậy nước ta được một thời-kỳ hưng-thịnh, phía Bắc thắng quân Tống xâm-lãng, phía Nam phá tan quân Chiêm háo-chiến.

1. Việc cai-trị

Từ đời Đinh Tiên-hoàng, quốc-hiệu nước ta là *Đại-Cổ-Việt*. Vua Lý Thánh-Tôn sửa lại là *Đại-Việt*. Về sau vua Tàu gọi nước ta là *An-nam-quốc*.

Nhà vua chia nước ra làm 24 lộ, 2 trại, đặt nhà trạm trên đường quan-lộ để chạy công-văn từ kinh-đô ra các tỉnh.

2. Luật-pháp

Nhà Hậu-Lý *sửa-đổi luật-pháp* quá nghiêm-khắc của nhà Đinh và nhà Tiền-Lê, lập thành *Hình-thư*, định cách tra hỏi, các bậc hình-phạt và đặt lệ cho người già và thiếu-nhi phạm pháp được lấy tiền chuộc tội.

3. Việc kinh-tế

Nông-nghiệp được mở-mang : Vua Thánh-Tôn ban chiếu khuyến dân làm ruộng. Vua Nhân-Tôn cho đắp *đê Co-xá* để kinh-thành khỏi ngập lụt và mùa-màng khỏi bị tàn-phá.

Vua Thái-Tôn cho *dúc tiền đồng* để việc buôn-bán được dễ-dàng.

Thuê-má gồm thuế *đinh* và thuế *điền*. Các thứ thuế đều do các Vương-hầu và Công-chúa trưng-thu. Những năm thất mùa hoặc có chiến-tranh nhân-dân được *miễn thuế*.

4. Binh-bị

Các vua nhà Hậu-Lý đều có tài thao-lược nên việc tổ-chức quân-sự rất hoàn-bị.

Quân-đội gồm có *Cầm-binh* đóng ở kinh-đô, *Chính-binh* đóng ở miền trung-châu và *Phiên-binh* tuyển lựa ở miền thượng-du. Thủy-binh cũng được tổ-chức và rất hùng-hậu.

Người dân *đền tuổi phải đi lính* nhưng được thay phiên về làm ruộng. Binh-chê nhà Hậu-Lý nổi tiếng, nhà Tống phải khen-phục và bắt-chước.

5. Văn-học

Nho-học được đặc-biệt suy-tôn. Vua Thánh-Tôn cho lập *văn-miếu* để thờ đức *Khổng-Tử* và các vị tiên-hiền. Vua Nhân-Tôn mở *khoa thi Tam-trường* để chọn người hiền ra làm quan, mở trường *Quốc-tử-giám* và năm 1086 mở *khoa thi* tuyển người tài giỏi vào *Hàn-lâm-viện*. Thủ-khoa là Mạc-hiến-Tích.

Ngoài ra, *Phật-học* và *Lão-học* cũng thịnh-đạt. Nhà vua mở *khoa thi Tam-giáo* để chọn người có học-thức. Do đó, nhà Hậu-Lý có nhiều danh-nhân lỗi-lạc như Lý-thường-Kiệt, Lý-đạo-Thành, Tô-hiến-Thành làm rường cột cho triều-đình.

Dưới đời Hậu-Lý, *Phật-giáo toàn-thịnh* vì được các vị vua đặc-biệt tôn-sùng. Vua Lý Thái-Tổ xuất-thân ở cửa thiền nên khi lên ngôi ban phẩm-phục cho tăng-lữ, sai người sang Tàu thỉnh kinh Phật, xuất tiền kho dựng chùa, đúc chuông, tô tượng. *Phật-giáo ảnh-hưởng sâu-xa* tới việc cai-trị: các vị vua nhà Hậu-Lý thấm-nhuần thuyết từ-bi bác-ái của đạo Phật nên thương yêu dân, cầm giết-hại tù-binh. Phật-giáo cũng ảnh-hưởng tới *mỹ-thuật*. Chùa Một Cột, tháp Thiên-báo 12 tầng, được xây với lối kiến-trúc đặc-sắc.

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Hậu-Lý đặt tên nước là gì? Chia nước ra làm sao?
- 2) Luật-pháp được sửa-đổi thế nào?
- 3) Về việc kinh-tề, nhà Hậu-Lý đã làm những gì?
- 4) Những năm nào dân được miễn thuế?
- 5) Quân-đội được tổ-chức thế nào?
- 6) Việc văn-học được mở-mang thế nào?
- 7) Những khoa thi gì được mở ra?
- 8) Tại sao Phật-giáo toàn-thịnh?
- 9) Các vua làm gì để truyền-bá Phật-giáo?
- 10) Phật-giáo có ảnh-hưởng thế nào dưới triều Hậu-Lý?

III. BÀI HỌC

Nhà Hậu-Lý đặt quốc-hiệu là **Đại-Việt**, chia nước ra làm **24 lộ** và **2 trại**. Luật-pháp lấy lòng nhân làm căn-bản.

Triều-đình ban chiếu khuyến nông và cho đắp đê đề ngừa nạn lụt.

Thuế-má gồm có thuế đinh, thuế điền. Những năm thất mùa dân được miễn thuế.

Việc tổ-chức quân-đội rất hoàn-bị. **Bộ-binh**, thủy-binh đều hùng-mạnh.

Nhà **Hậu-Lý** rất chăm lo mở-mang nền văn-học, lập **Văn-miếu** thờ Đức **Không-Tử**, mở **khoa thi** chọn người tài giỏi ra giúp nước.

Về tôn-giáo, **đạo Phật** toàn-thịnh. Các vua nhà **Hậu-Lý** đều thắm-nhuần giáo-lý của Phật nên rất nhân-từ.

IV. BÀI ĐỌC

LÝ THÁI-TỔ MỘ ĐẠO

Nước ta trong hồi **Đinh**, **Lê**, Phật-giáo đã rất thịnh-hành, vua **Đinh Tiên-hoàng** đã phong một người tăng-thông là **Ngô-châu-Lưu** làm chức **Khuông-việt thái-sur**, vua **Lê Đại-Hành** thì có sai sứ sang **Tàu** để xin bộ kinh **Địa-tạng**. Hình như vua chúa bấy giờ mới biết có Phật-giáo, chưa biết có **Nho-giáo**.

Nhà **Lý** không cách nhà **Lê** mấy ngày, vua **Lý Thái-Tổ** thuê nhỏ lại có nương-tựa ở đám thầy chùa, tất-nhiên là phải quy-phục và ủng-hộ đạo Phật hơn các vua trước.

Ngày lúc mới lên làm vua, **Thái-tổ** đã ban áo mặc cho bọn tăng-đạo. Sang năm **Thuận-thiên** thứ nhất lại phát hai vạn quan tiền để cất lên tám ngôi chùa ở phủ **Thiên-đức**. Rồi ở trong và ngoài thành **Thăng-long** cũng dựng lên mấy nếp chùa, như chùa **Hưng-thiên**, chùa **Vạn-tuế**, chùa **Thăng-nghiêm** v.v... Và ở các nơi thôn-quê, những chùa-chiền nào đổ nát, cũng bắt sửa lại tất cả.

Sang năm thứ tám, **Thái-tổ** lại sai sứ-thần sang **Tàu** xin kinh **Tam-tạng**. Khi được vua **Tống** ban cho, **Thái-tổ** lại bắt một người thiền-sur tên là **Phi Tri** đi tận **Quảng-tây** đón về và để vào kho **Đại-hưng**.

Cách hai năm sau, **Thái-tổ** lại phát vàng bạc đúc mấy quả chuông để đem treo ở các chùa **Hưng-thiên**, **Đại-giáo**, **Thăng-nghiêm**.

Đến năm **Thuận-thiên** thứ mười lăm, Ngài lại xây chùa **Chân-giáo** ở trong thành và bắt các sư vào đó tụng kinh rồi Ngài thân-hành đến nghe.

Từ đó trở đi, Phật-giáo càng được các vua vun-trồng bồi-đắp.

NGÔ-TÁT-TỔ

(Văn-học đời Lý)



Chùa MỘT CỘT

NHÀ HẬU-LÝ

CÁC CUỘC DỆP NỘI-LOẠN

I. BÀI GIẢNG

Giữa thời-kỳ hưng-thịnh, nhà Hậu-Lý cũng phải đối-phó với vài cuộc khởi loạn ở mạn Thượng-du. Nhưng thế-lực hùng-mạnh của triều-đình đàn-áp dễ-dàng mọi cuộc quấy-nhiều.

1. Giặc Nùng

Nùng-tồn-Phúc.— Năm 1038, dưới đời vua Lý Thái-Tôn, có *Nùng-tồn-Phúc* nổi lên chiếm lấy châu Quảng-nguyên (Lạng-sơn). *Nùng-tồn-Phúc* tự xưng là *Chiêu-thánh Hoàng-đề*, Thái-Tôn thân-chinh đi đánh, bắt được *Nùng-tồn-Phúc* và con là *Nùng-trí-Thông* đem về kinh làm tội.

Nùng-trí-Cao.— Năm 1041, con thứ của *Nùng-tồn-Phúc* là *Nùng-trí-Cao* đánh lấy châu Đằng-do (gần châu Quảng-nguyên), Thái-Tôn sai tướng lên đánh bắt được đem về Thăng-long. Nhưng vua nghĩ trước đã giết cha và anh, nay thương tình không giết, tha cho về và lại phong cho làm *Quảng-nguyên-mục*.

Năm 1048, *Nùng-trí-Cao* lại phản, tự xưng là *Nhân-huệ Hoàng-đề*, quốc hiệu là *Đại-Nam*. Thái-Tôn cho quân lên đánh. *Nùng-trí-Cao* xin phụ-thuộc nhà Tống nhưng vua Tống không chịu. *Trí-Cao* bèn đem quân đánh chiếm 8 châu thuộc đất Quảng-đông và Quảng-tây. Vua Tống sai tướng đi đánh dẹp, nhưng đánh mãi không được. *Nùng-trí-Cao* dâng biểu xin lãnh chức Tiết-độ-sứ. Vua Tống toan thuận cho nhưng tướng *Địch Thanh* can, và xin cầm quân đi diệt-trừ. *Địch Thanh* dùng mưu phá được quân của *Nùng-trí-Cao*. *Trí-Cao* thoát được trốn sang nước *Đại-Lý* (Vân-nam). Người nước *Đại-Lý* bắt *Nùng-trí-Cao* chém lấy đầu đem dâng cho nhà Tống. Giặc Nùng từ đó mới yên.

2. Giặc Thân Lợi

Dưới đời vua Anh-Tôn, có *Thân Lợi* xưng là con riêng của Nhân-Tôn, trước đi tu, sau lại tụ họp bộ-hạ rồi nổi lên chiếm mạn *Thái-nguyên*. *Thân Lợi* xưng vương, phong tước rồi đem quân đi đánh các nơi. Về sau *Tô-hiền-Thành* bắt được, đem về kinh làm tội.

II. CÂU HỎI

- 1) *Nùng-tồn-Phúc nổi lên chiếm đất nào?*
- 2) *Nùng-tồn-Phúc bị ai bắt làm tội?*
- 3) *Nùng-trí-Cao nổi lên ở đâu?*
- 4) *Tại sao Thái-Tôn bắt được Trí-Cao rồi lại tha?*
- 5) *Trí-Cao làm phản nữa chiếm đất nào?*
- 6) *Tại sao Trí-Cao lại chiếm 8 châu của Tàu?*
- 7) *Trí-Cao bị ai đánh bại?*
- 8) *Thân Lợi nổi loạn về đời vua nào?*
- 9) *Thân Lợi xưng là gì?*
- 10) *Ai dẹp giặc Thân Lợi?*

III. BÀI HỌC

Đời vua Thái-Tôn, **Nùng-tồn-Phúc** nổi lên chiếm châu **Quảng-nguyên** (Lạng-sơn) rồi xưng là **Hoàng-đế**. Thái-Tôn thân-chinh bắt Nùng-tồn-Phúc đem về kinh làm tội.

Con thứ Nùng-tồn-Phúc là **Nùng-trí-Cao** nổi loạn. Bị bắt rồi được tha, Nùng-trí-Cao lại phản nữa, chiếm châu **Quảng-nguyên** và chiếm cả **8 châu của Tàu**. Sau, Trí-Cao bị tướng nhà Tống là **Địch Thanh** phá tan.

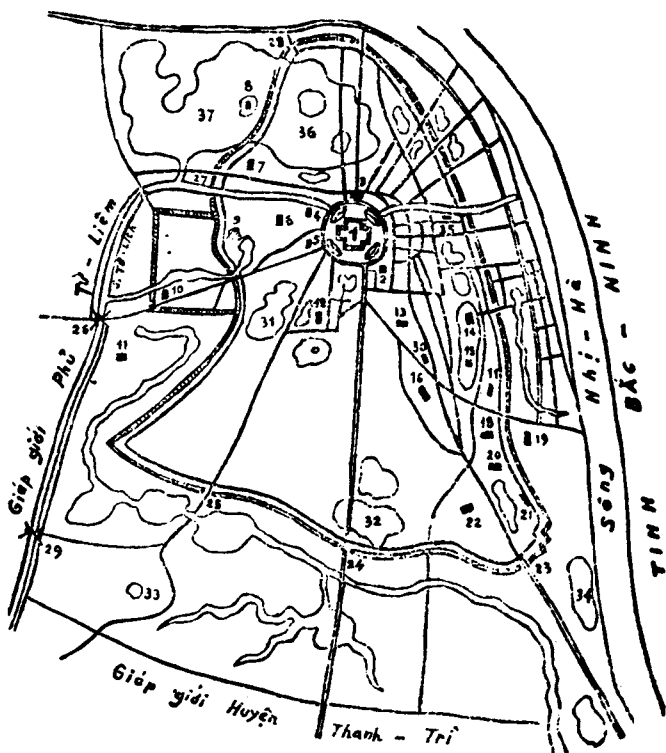
Đời vua Anh-Tôn, có **Thân Lợi** làm loạn, chiếm mạn **Thái-nguyên** rồi xưng vương. Thân Lợi bị **Tô-hiến-Thành** đánh bắt.

IV. BÀI ĐỌC

LÝ-PHỤNG-HIỆU ĐỊNH LOẠN.

Lý Thái-Tổ vừa mất chưa tề tang xong thì các **Hoàng-tử** là **bọn Võ-đức-vương, Dực-thánh-vương và Đông-chính-vương** đã đem quân đến vây thành để tranh ngôi của Thái-tử **Phật-Mã**.

Bấy giờ các quan là **bọn Lý-nhân-Nghĩa** xin Thái-tử cho đem quân ra thành quyết được thua một trận. Khi quân của Thái-tử và các quân vương đối trận, thì quan **Võ-vệ tướng-quân** là **Lý-phụng-Hiệu** rút gươm ra chỉ vào **Võ-đức-vương** mà bảo rằng : « Các người dòm ngó ngôi cao, khinh-dể tự-quân, trên quên ơn **Tiên-đế**, dưới trái nghĩa tôi con, vậy **Phụng-Hiệu** xin dâng nhất gươm này ! » Nói xong, chạy xông vào chém **Võ-đức-vương** ở trận tiền. Quân các vương trông thấy sợ-hãi bỏ chạy cả. **Dực-thánh-vương** và **Đông-chính-vương** cũng phải chạy trốn.



Thành THĂNG-LONG đời HẬU-LÝ

1. Thành-nội Hà-nội 7. Đền Trấn-vũ 8. Chùa Trấn-bắc 12. Đền Văn-miếu
14. Đền Ngọc-sơn 15. Hồ Hoàn-kiểm 16. Trường Thi 22. Đền Hai Bà
30. Chùa Báo-Thiên 34. Bãi Đồng-nhân 36. Hồ Trúc-bạch 37. Hồ Tây

Thái-tử Phật-Mã lên ngôi, tức là vua Thái-Tôn.

Dực-thánh-vương và Đông-chinh-vương xin về chịu tội. Thái-Tôn nghĩ tình cốt-nhục bèn tha tội cho, và lại phục chức cũ cho cả hai người.

Cũng vì sự phản-ngịch ấy, cho nên Thái-Tôn mới lập lệ cứ hàng năm, các quan phải đến đền Đồng-cổ (ở làng Yên-thái, Hà-nội) làm lễ đọc lời thề rằng: « Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung, xin quỷ-thần làm tội ». Các quan ai trốn không đến thề, phải phạt 50 trượng.

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

NHÀ HẬU-LÝ

THỜI-KỲ HUNG-THỊNH

CUỘC CHIẾN-TRANH VỚI NHÀ TỐNG

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Đời vua Tống Thần-Tôn bên Tàu, Tể-tướng Vương-an-Thạch đặt ra nhiều thứ thuế mới làm dân hết sức oán-giận. Vương-an-Thạch lại bày mưu với vua Tống nên dùng võ-lực để mở rộng bờ-cõi về phương Nam. Vua Tống y lời, *chuẩn-bị cuộc xâm-lăng*, sai người sang vẽ địa-đồ núi sông, đồn-lũy của ta và cho đóng thuyền bè, sửa-sang binh-khí. Tướng Tống lại cấm không cho dân Trung-Hoa ở vùng biên-giới buôn-bán với người Đại-Việt.

Lý Nhân-Tôn dọ biết sự-tình như thế, và sẵn có tướng tài binh mạnh, nhất-định ra tay trước.

2. Quân Đại-Việt cả thắng quân Tống trên đất Trung-Hoa

Lý Nhân-Tông sai Lý-thường-Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn binh, chia ra làm 2 đạo thủy, bộ, tiến sang đánh nhà Tống, lấy cơ sang trừ Vương-an-Thạch cứu-vớt dân Trung-hoa.

Năm 1075, Lý-thường-Kiệt chỉ-huy thủy-quân, tiến sang Quảng-đông, đánh chiếm Khâm-châu và Liêm-châu. Tôn Đản lãnh-đạo bộ-binh, do đường Lạng-sơn tiến sang Quảng-tây, vây đánh Ung-châu. Trương-thủ-Tiết đem quân cứu Ung-châu, nhưng bị Lý-thường-Kiệt đón đánh. Trương-thủ-Tiết tử-trận.

Thành Ung-châu kiên-cố, quân ta vây hơn 40 ngày mới hạ nổi. Viên Tri-châu cùng gia-quyền tự-tử. Noi gương ấy, người trong thành không ai chịu đầu hàng cả nên bị giết hại rất nhiều.

Lý-thường-Kiệt và Tôn Đản đại-thắng, giết mất lối 10 vạn quân địch, rồi bắt người và lấy của đem về nước.

3. Quân Đại-Việt chặn đứng quân Tống trên đường xâm-lăng

Sau khi quân Đại-Việt đánh phá 3 châu Liêm, Khâm, Ung, nhà Tống tức giận, quyết-định phục-thù. Vua Tống cử danh-tướng Quách Quỳ làm nguyên-soái, đem quân hợp với Chiêm-thành và Chân-lạp tiến đánh nước ta.

Cuối năm 1076, quân Tống ồ-ạt vượt biên-giới nhắm hướng Thăng-long tiến tới. Lý-thường-Kiệt kéo quân lên Bắc-ninh, chặn đánh quân Tống tại sông *Như-nguyệt* (tức sông Cầu bây giờ), không cho sang sông. Hai bên chống cự với nhau dữ-đội và đều bị thiệt-hại khá nhiều.

Sợ quân-sĩ ngã lòng, Lý-thường-Kiệt đặt ra 4 câu thơ cho truyền miệng trong quân-đội nói rằng của thần mách-bảo :

Nam-quốc sơn-hà Nam-đề cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm-phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Ý-nghĩa là: Nước Nam trời đã dành cho người Nam, quân nào xâm-phạm sẽ bị thất-bại.

Bốn câu thơ ấy làm cho quân-sĩ hăng-hái lên. Quách Quỳ tấn công mãi không được, quân mất quá nửa, phải rút lui về giữ mấy châu ở mạn *Quảng-nguyên*.

Đến năm 1078, nhà Tống trả lại cho nước ta mấy châu này để đổi với những người Tàu đã bị quân ta bắt ở Ung-châu. Từ đó, hai nước giao-hòa lại như cũ.

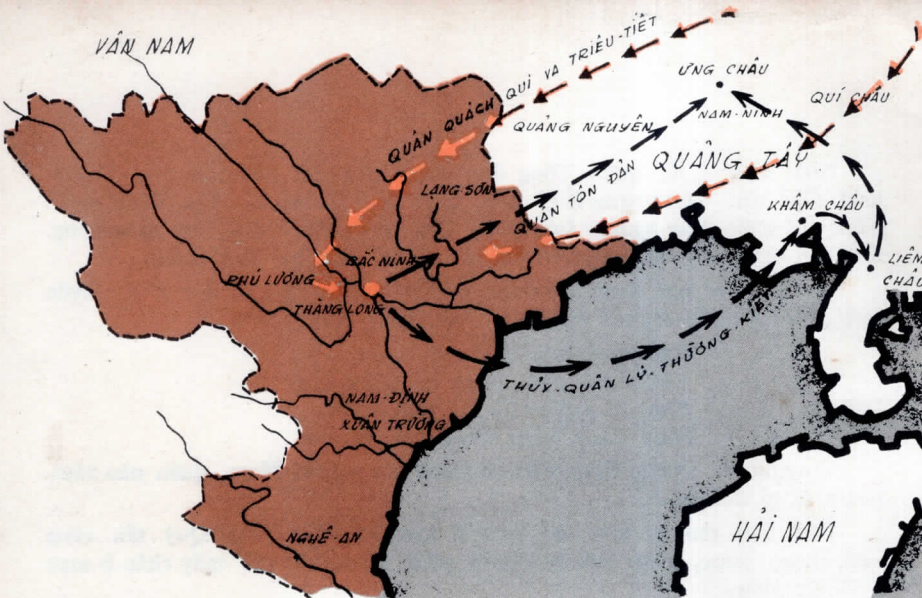
II. CÂU HỎI

- 1) Vua Tống nghe mưu của ai định đánh nước ta ?
- 2) Tại sao Lý Nhân-Tôn nhất định ra tay trước ?
- 3) Lý-thường-Kiệt đánh chiếm những nơi nào ?
- 4) Tôn Đản tiến đánh nơi nào ?
- 5) Thành Ung-châu bị hạ, người Tàu bị bắt thề nào ?
- 6) Để phục thù, vua Tống làm gì ?
- 7) Quân ta đón đánh quân Tống ở đâu ?
- 8) Lý-thường-Kiệt dùng mưu gì để nung lòng quân-sĩ ?
- 9) Tại sao quân Tống rút lui ?
- 10) Đến lúc nào nước Tàu và nước ta giao-hòa lại ?

III. BÀI HỌC

Năm 1075, biết nhà Tống sửa-soạn xâm-lăng nước ta, vua Lý Nhân-Tôn bèn sai Lý-thường-Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn binh sang đánh *Khâm-châu*, *Liêm-châu* và *Ung-châu*. Quân ta đại-thắng, bắt nhiều tù-binh và lấy nhiều của-cải đem về xứ.

Năm 1076, để phục-thù, vua Tống sai tướng kéo đại-binh tràn sang nước ta. Lý-thường-Kiệt chặn đánh quân Tống ở sông *Như-nguyệt* (Bắc-ninh). Quân ta chống cự rất hăng-hái. Quân Tống tấn công mãi không được, chết quá nửa, phải rút về đóng giữ vùng *Quảng-nguyên*.



Bản-đồ chỉ đường tiến binh của quân ta và quân Tống

Năm 1078, vua Tống thấy không thể thắng nổi, trả Quảng-nguyên để đòi số tù-binh mà ta bắt được. Hai nước lại giao-hòa như cũ.

IV. BÀI ĐỌC

ANH-HÙNG LÝ-THƯỜNG-KIỆT.

Ông Lý-thường-Kiệt là một danh-tướng triều Lý của nước ta.

Ông khởi thân làm nội-giám, sau ra làm tướng giúp vua dẹp giặc. Ông tài kiêm văn võ, chí cương-quyết, giàu nghị-lực và chứa-chan tình yêu nước. Ông làm quan trải 3 triều vua Lý, thông-linh cả binh quyền, dùng binh có kỷ-luật, tướng-sĩ ai nấy đều kính-phục. Đời vua Lý Nhân-Tôn, ông đem 10 vạn binh đánh Tống. Hai phen chiến-đấu, ông làm cho quân Tống thua chạy, manh giáp chẳng còn.

Không những ông cả gan sang đánh nước Tống và chống giữ giang-san tổ-quốc khỏi vòng nô-lệ, ông lại còn giúp vua Lý đánh bọn giặc Lý Giác ở Diễn-châu và khi đã bảy mươi tuổi còn cầm quân đi đánh Chiêm-thành.

Thật là một vị tướng uy-dũng, mưu-lược hơn người, không thẹn với câu «cổ-kim võ-công đệ-nhất» của «Việt-sử tổng-vịnh» đã khen.

Theo NGUYỄN LÂN
(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ HẬU-LÝ — THỜI-KỲ HUNG-THỊNH

CUỘC CHIẾN-TRANH VỚI CHIÊM-THÀNH

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Từ đời vua Lê Đại-Hành, nước Chiêm-thành đã thần-phục nước ta và hàng năm triều-cống. Nhưng từ đời Lý Thái-Tôn, *Chiêm-thành không triều-cống nữa* và thường cho quân cướp phá vùng Nghệ-an và Hà-tĩnh. Bởi thế các vua Thái-Tôn, Thánh-Tôn và Nhân-Tôn cho quân *chinh-phục Chiêm-thành*.

2. Thái-Tôn chinh-phục Chiêm-thành

Năm 1044, Lý Thái-Tôn thân-chinh đi đánh Chiêm-thành. *Quân Chiêm thua to, vỡ chạy*. Quân ta bắt được 5.000 quân và 30 con voi. Tướng Chiêm chém vua *Xạ-Đấu* rồi đem đầu xin hàng. Thái-Tôn tiền đến kinh-dô Chiêm là *Phật-thệ*, nay thuộc Thừa-thiên, bắt được *Vương-phi là My-Ê* và các cung-nữ đem về Thăng-long. Giữa đường, My-Ê nhảy xuống sông tự-vẫn, để khỏi bị nhục.

Sau, Thái-Tôn cấp đất cho 5.000 tù-binh Chiêm lập ấp làm ăn.

3. Thánh-Tôn ngự giá bình Chiêm

Năm 1068, vì Chiêm-thành lại thường cho quân sang quấy-nhiều vùng biên-giới, vua Thánh-Tôn ngự giá đi đánh. Không thắng được quân Chiêm, Thánh-Tôn trở về. Dọc đường nghe thầy nhiều người khen bà *Nguyên-phi* ở nhà trông việc nước thay vua, mọi việc đều yên-ôn, Thánh-Tôn nghĩ bụng rằng: « Người đàn-bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm-thành không thành-công, thế ra đàn ông hèn lắm sao! ». Nhà vua bèn truyền lệnh toàn quân trở lại quyết chiến-thắng. Quả nhiên, vua Chiêm-thành là *Chê Củ bị bắt sông* đem về Thăng-long, Chê Củ xin dâng 3 châu *Địa-lý, Ma-linh và Bô-chính* (tức Quảng-bình và Quảng-trị ngày nay) để chuộc tội. Thánh-Tôn nhận lấy 3 châu ấy và cho Chê Củ về nước.

4. Lão-tướng Lý-thường-Kiệt đánh tan quân Chiêm-thành

Nước Chiêm-thành vẫn theo thói cũ, thỉnh-thoảng cho quân quấy-nhiều miền biên-thủy Đại-Việt. Năm 1075, trước khi đi đánh nhà Tống, Lý-thường-Kiệt đã sang đánh Chiêm-thành, về được địa-đồ 3 châu của Chê

Cử đã nhường, rồi cho người sang ở.

Năm 1103, Lý Giác làm phản ở Diễn-châu (Nghệ-an). Lý-thường-Kiệt vào đánh. Lý Giác thua chạy sang Chiêm-thành xúi-giục vua Chiêm đánh cướp lại 3 châu đã nhường. Năm 1104, vua Nhân-Tôn sai Lý-thường-Kiệt cử binh đi diệt-trừ. Quân Chiêm bị phá tan, vua Chiêm dâng 3 châu như cũ và hàng năm sang triều-công. Lý-thường-Kiệt bảy giờ đã ngoài 70 tuổi, binh Chiêm về được một năm thì mất.

Kết-quả: Cuộc chinh-phục Chiêm-thành dưới đời Hậu-Lý mở đường Nam-tiến cho các triều-đại về sau. Nhà Hậu-Lý thật có công to trong việc mở-mang bờ-cõi cho đất nước.

II. CÂU HỎI

- 1) Từ đời vua nào Chiêm-thành đã chịu triều-công nước ta?
- 2) Tại sao các vua nhà Hậu-Lý thường đi đánh Chiêm-thành?
- 3) Lý Thái-Tôn đánh Chiêm-thành thắng-lợi thế nào?
- 4) Thái-Tôn đối-đãi với tù-binh thế nào?
- 5) Thánh-Tôn đánh Chiêm-thành mấy lần?
- 6) Lần đầu thế nào? Lần sau thế nào?
- 7) Vua Chiêm dâng đất nào để chuộc tội?
- 8) Tại sao Lý-thường-Kiệt lại đánh Chiêm-thành nữa?
- 9) Lúc ấy ông đã bao nhiêu tuổi?
- 10) Cuộc chinh-phục Chiêm-thành có ích-lợi gì cho nước ta?

III. BÀI HỌC

Vì Chiêm-thành bỏ lệ triều-cống và thường quấy-nhiều vùng biên-giới nên nhà Hậu-Lý phải nhiều phen cử binh chinh-phạt.

Thái-Tôn tiến quân đến kinh-đô Phật-thệ, bắt được 5.000 tù-binh và Vương-phi Mỵ-Ê.

Thánh-Tôn bắt được vua Chiêm là Chế Củ đem về Thăng-long. Chế Củ phải dâng 3 châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính để chuộc tội.

Đời vua Nhân-Tôn, Lý-thường-Kiệt thắng trận bắt vua Chiêm phải triều-cống lại như cũ.

Cuộc chinh-phục Chiêm-thành của nhà Hậu-Lý mở đường Nam-tiến cho các triều-đại về sau.

IV. BÀI ĐỌC

TẠI SAO LÝ-THƯỜNG-KIỆT ĐÃ THẮNG MÃI ?

Ài cũng phải nhận rằng Lý-thường-Kiệt đã có công đặc-biệt đối với



THÁP CHÀM, di-tích nền văn-minh CHIÊM-THÀNH

vận-mệnh nước ta : là mở cõi miền Nam và miền Bắc, chống thắng cuộc xâm-lãng của nước ngoài và củng-cố biên-thùy mọi mặt, khiến cho lân-bang kính-nể.

Đạt được mục-đích ấy là nhờ dân ta đời Lý đã đông-đúc. Lại nhờ kẻ cầm quyền đã biết tổ-chức quân-đội, biết lợi-dụng đức-tính bền-bỉ của nông-dân ở đồng bằng, tập-tính giỏi nghề đi sông đi bể của dân miền bể và sự hiểu-biết thiên-thời, địa-lợi của dân thượng-du.

Lý-thường-Kiệt đã biết đem sự bất kỳ chống với sự mạnh, đem chỗ mình giỏi chống với chỗ địch kém, đem quân được nghỉ-ngơi đợi quân phải mệt nhọc, đem sự nhẫn-nại chống với sự kiêu-căng, và nhất là lấy nghĩa sinh-tồn của một dân-tộc đối với lòng cầu danh của một vài nhân-vật địch.

Công Lý-thường-Kiệt là to, tài cầm quân Thường-Kiệt là cao đã dành mà đến chính-sách nội-trị và ngoại-giao của Thường-Kiệt cũng khéo. Thường-Kiệt lại không tự-ái quá, biết trọng quyền-lợi chung. Nếu không, thì sao khi vua còn nhỏ, ông cầm hết quyền-bính và quân-đội trong tay mà không bắt-chức Lê Hoàn hay Lý-công-Uẩn, chỉ ra một lệnh là cướp được ngay vàng ?

HOÀNG-XUÂN-HÃN

(Lý-thường-Kiệt)

NHÀ HẬU-LÝ — THỜI-KỲ SUY-VONG

I. BÀI GIẢNG

1. Lý Cao-Tôn hoang chơi, bỏ phế việc nước

Lý Cao-Tôn lên ngôi lúc mới 3 tuổi, nhờ quan phụ-chính Tô-hiến-Thành hết lòng nên việc nước được yên-ổn. Nhưng sau khi Tô-hiến-Thành mất rồi, Lý Cao-Tôn càng lớn lên càng ham-mê *săn-bắn, chơi-bời*, bỏ việc triều-chính. Nhà vua cho *xây cung-điện*, bắt nhân-dân phải đóng thuế nặng-nề và đi sưu-dịch khổ-sở.

Tại triều, sinh ra lắm tham-quan ô-lại, chỉ biết hà-hiệp, bóc-lột dân-chúng. Trong nước, giặc cướp nổi lên như ong dậy, ngoài biên, quân *Mường, Thổ* bên Tàu sang quây-nhiều ở phía Bắc, giặc *Chiêm-thành* đánh phá ở miền Nam. Đền thế mà vua tôi Lý Cao-Tôn chỉ ham chơi-bời, chẳng biết nỗi khổ của dân lành.

2. Lý Cao-Tôn giết trung-thần, gây biến-loạn

Năm 1208, ở Nghệ-an, *Phạm Du* làm phản, tướng *Phạm-bình-Gi* đem quân đi đánh dẹp, tịch-thu của-cải và đốt phá nhà cửa của giặc.

Phạm Du cho người về Kinh đem vàng bạc đút lót các quan trong triều, vu-cáo cho Bình-Gi cướp-bóc và giết hại lương-dân. Bình-Gi bị gọi về và bị bỏ ngục. Bộ-tướng của Bình-Gi là *Quách Bộc* đem binh phá cửa thành để cứu Bình-Gi.

Cao-Tôn ra lệnh giết Bình-Gi rồi cùng *Thái-tử Sam* bỏ kinh-thành chạy trốn. Thái-tử Sam đến *Hải-ấp*, ở nhà *Trần Lý*. Trần Lý làm nghề đánh cá, nhà giàu, có nhiều người theo phục. Thái-tử Sam lấy con gái Trần-Lý là *Trần-thị* làm vợ. Anh em Trần Lý bèn xuất tiền mộ binh, kéo về kinh dẹp-được Quách Bộc rồi rước Cao-Tôn về triều. Năm sau, Cao-Tôn mất (1210).

3. Lý Huệ-Tôn đau yếu, bỏ ngôi

Thái-tử Sam lên ngôi, lấy hiệu là *Huệ-Tôn*. Vua Huệ-Tôn phong Trần-thị làm Hoàng-hậu. Lúc bấy giờ Trần Lý đã mất, anh em bà con của Trần-thị đều được phong quan-tước.

Huệ-Tôn phát bệnh, thỉnh-thoảng nổi cơn điên, rồi cứ uống rượu say ngủ cả ngày, việc triều-chính đều giao trọn cho người em họ Hoàng-hậu là *Trần-thủ-Độ*, đang giữ chức Điện-tiến chỉ-huy-sứ.

Năm 1224, Huệ-Tôn nghe lời Trần-thủ-Độ vào chùa tu, truyền ngôi cho Chiêu-Thánh Công-chúa mới 7 tuổi.

4. Lý Chiêu -hoàng chấm dứt nhà Hậu-Lý (1225)

Chiêu-Thánh Công-chúa lên ngôi, tức là Lý Chiêu-hoàng. Tất cả quyền-hành đều ở trong tay Trần-thủ-Độ. Thủ-Độ âm-mưu với Trần Thái-hậu để đoạt lấy cơ-nghiệp nhà Hậu-Lý. Cuối năm 1225, Thủ-Độ lập mưu cho Lý Chiêu-hoàng lấy cháu mình là Trần Cảnh rồi ép Chiêu-hoàng nhường ngôi cho chồng.

Nhà Hậu-Lý mất nghiệp, sau 216 năm trị-vì, truyền ngôi được 9 đời vua.

II. CÂU HỎI

- 1) Lý Cao-Tôn là một ông vua thế nào?
- 2) Đời Cao-Tôn, trong nước thế nào?
- 3) Tại sao Cao-Tôn bỏ kinh-thành chạy trốn?
- 4) Anh em Trần Lý giúp nhà vua thế nào?
- 5) Thái-tử Sam lên ngôi lấy hiệu là gì?
- 6) Huệ-Tôn phong ai làm Hoàng-hậu?
- 7) Huệ-Tôn có bệnh gì?
- 8) Huệ-Tôn giao quyền-hành cho ai?
- 9) Trần-thủ-Độ khuyên Huệ-Tôn làm gì?
- 10) Trần-thủ-Độ lại sắp-đặt thế nào để đoạt ngôi nhà Hậu-Lý?

III. BÀI HỌC

Lý Cao-Tôn ham chơi-bời, bỏ việc triều-chính, trong nước rất loạn-lạc. Vì trung-thần Phạm-bình-Gi bị vua giết oan, bộ-hạ là Quách Bốc nổi lên đánh kinh-thành. Cao-Tôn bỏ chạy, rồi nhờ anh em Trần Lý dẹp loạn.

Cao-Tôn mất, Huệ-Tôn nối ngôi, phong Trần-thị làm Hoàng-hậu, Trần-thủ-Độ làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ. Sau Huệ-Tôn phát bệnh, nghe lời Thủ-Độ vào chùa tu, nhường ngôi cho Chiêu-Thánh Công-chúa.

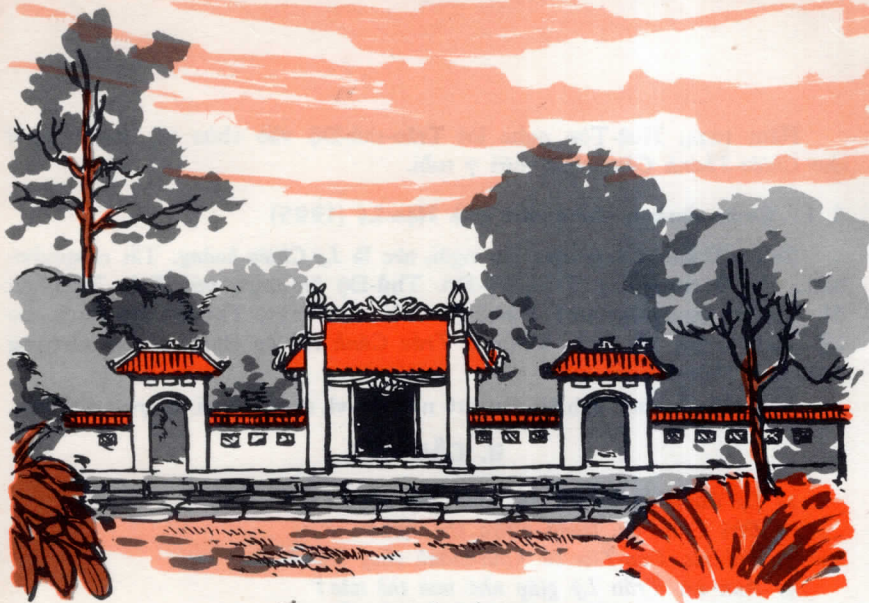
Công-chúa lên ngôi, hiệu là Lý Chiêu-hoàng, lấy Trần Cảnh rồi nhường ngôi cho chồng. Nhà Hậu-Lý trị-vì được 216 năm, truyền được 9 đời vua.

IV. BÀI ĐỌC

THÁI-TỬ SAM VÀ TRẦN-THỊ.

Khi Quách Bốc nổi loạn, Thái-tử Sam chạy về Hải-ấp vào ở nhà Trần Lý. Thấy con gái Trần Lý có nhan-sắc, Thái-tử Sam lấy làm vợ.

Năm 1211, Thái-tử Sam lên ngôi, tức là Huệ-Tôn, sai quan đi rước Trần-thị về phong làm Nguyên-phi.



Đền thờ nhà HẬU-LÝ (Bắc-ninh)

Năm 1213, Thái-hậu làm khổ Trần-thị ở trong cung, anh Trần-thị là Trần-tự-Khánh đem quân đến chốn kinh-sư nói rằng xin rước vua đi. Huệ-Tôn không biết tình ý gì, nghi Tự-Khánh có ý phản-ngịch bèn giáng Trần-thị xuống làm Ngự-nữ. Tự-Khánh nghe tin ấy, thân đến quân-môn xin lỗi và rước vua đi. Huệ-Tôn càng nghi lắm, bèn cùng với Thái-hậu đi lên Lạng-châu (Lạng-sơn).

Lúc bấy giờ Thái-hậu cho Tự-Khánh là phản-trắc, thường chỉ mặt Trần-thị mà xỉ-mắng, và xúi Huệ-Tôn bỏ đi. Huệ-Tôn không nghe. Thái-hậu định bỏ thuốc độc cho Trần-thị, nhưng Huệ-Tôn biết ý, đến bữa ăn thì ăn một nửa, còn một nửa cho Trần-thị ăn và ngày đêm không cho đi đâu. Sau vì Thái-hậu làm ngặt quá, Huệ-Tôn và Trần-thị đêm lên ra đi, rồi cho đòi Tự-Khánh đến chầu.

Tự-Khánh đem quân đến hộ giá, Huệ-Tôn phong Trần-thị làm Hoàng-hậu, Tự-Khánh làm Phụ-chính. Sau khi Tự-Khánh mất, Huệ-Tôn phong cho người em họ Hoàng-hậu là Trần-thủ-Độ làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ và cho giữ cả quyền-hành.

Hoàng-hậu chỉ sinh được 2 người con gái: chị là Thuận-Thiên Công-chúa, gả cho Trần Liễu là cháu của Hoàng-hậu, em là Chiêu-Thánh Công-chúa được Huệ-Tôn yêu mến lắm nên lập làm Thái-tử.

Theo Trần-trọng-Kim
(Việt-Nam sử-lược)

THỜI-ĐẠI ĐỘC-LẬP

NHÀ TRẦN (1225 – 1400)

1. *Nhà Trần*
Trần-thủ-Độ giúp Trần Thái-Tôn dựng nghiệp
2. *Nhà Trần — Thời-kỳ hưng-thịnh (1225 — 1341)*
— Tổ-chức nội-trị
3. — — *Văn-học và Tôn-giáo*
4. — — *Chiến-thắng Mông-cổ lần thứ nhất (1257)*
5. — — *Chiến-thắng Mông-cổ lần thứ hai*
(1284 — 1285)
6. — — *Chiến-thắng Mông-cổ lần thứ ba*
(1287 — 1288)
7. *Sự giao-thiệp với Ai-lao và Chiêm-thành*
8. *Thời-kỳ suy-vong (1342 — 1400)*
9. *Nhà Hồ (1400 — 1407) — Những việc cải-cách*
10. *Nhà Hồ — Việc giặc-giã*
11. *Nhà Hậu-Trần (1407 — 1413)*
12. *Nước ta thuộc nhà Minh (1414 — 1427)*

NHÀ TRẦN (1225 — 1400)

TRẦN-THỦ-ĐỘ GIÚP TRẦN THÁI-TÔN DỰNG NGHIỆP

I. BÀI GIẢNG

1. Trần-thủ-Độ tận-diệt họ Lý

Được Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi, *Trần Cảnh* lên làm vua lúc mới 8 tuổi, lấy hiệu là *Thái-Tôn*. Thái-Tôn phong cho *Trần thủ-Độ* làm Thái-sư quyết-định mọi việc trong nước. Việc đầu tiên của Thủ-Độ là tận-diệt họ Lý để cho cơ-nghiệp nhà Trần được bền-vững.

Một hôm, Huệ-Tôn ngồi nhờ cỏ ở sân chùa, Thủ-Độ đi qua trông thấy, mới nói rằng: « Nhờ cỏ thì phải nhờ cả rễ cái nó đi ». Huệ-Tôn nghe thấy thế, phải tay đứng dậy bảo rằng: « *Nhà người nói ta hiểu rồi* ». Mấy hôm sau, Thủ-Độ cho người đèn mời Huệ-Tôn. Nhà vua biết ý, vào nhà sau thất cỏ tự-từ.

Nhân dịp làm lễ tế tổ-tiên nhà Hậu-Lý, Thủ-Độ sai đào hầm ; làm nhà lá ở trên. Các tôn-thất nhà Hậu-Lý vào tế-lễ bị sụp cả xuống hầm. Thủ-Độ sai người đổ đất chôn sống cả.

Muốn cho về sau không ai nhớ đền họ Lý nữa, Thủ-Độ lấy có tổ-tiên nhà Trần tên Lý (*Trần Lý*) để bắt trong nước ai là họ Lý đều phải cải là họ Nguyễn.

2. Tiểu-trừ nội-loạn

Cuối đời nhà Hậu-Lý, trong nước chỗ nào cũng có giặc-gã. Ở mạn Quốc-oai, có người *Mường* nổi loạn ; ở Hồng-châu, có *Đoàn Thượng* chiếm giữ đất Đường-hào, tự xưng làm vua ; ở Bắc-giang, có *Nguyễn Nộn* xưng vương tại làng Phù-đồng.

Sau khi thu-xếp xong việc cướp ngôi nhà Hậu-Lý rồi, Trần-thủ-Độ mới cử binh-mã đi đánh dẹp. Bình xong giặc Mường, Thủ-Độ quay về đánh Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn. Nhưng thế-lực hai người còn mạnh, Thủ-Độ dùng mưu khôn-khéo chia đất và phong cho hai người làm vương để giãi hoà.

Sau Nguyễn Nộn đem quân đánh Đoàn Thượng, chiếm đất Đường-hào được mấy tháng rồi mất. Từ đó, nhà Trần thống-nhất giang-san.

3. Tổ-chức nội-trị

Đề đặt một nền-móng vững chắc cho triều-đại nhà Trần, Thủ-Độ hết lòng giúp vua Thái-Tôn sắp-đặt việc nội-trị.

Thủ-Độ tổ-chức lại triều-đình, định cách thăng chức cho các quan và *đặt chức ngự-sứ* để giám-sát các quan-lại.

Pháp-luật được sửa-đổi lại rất *ngghiêm* đề đòi-phó với tình-trạng trong nước thời bấy giờ. Các sắc-thuế được ấn-định rõ-ràng, việc canh-nông được mở-mang, khiến cho kho-tàng được sung-túc.

Trên hết, việc quân-đội được đặc-biệt chỉnh-đốn. Tất cả dân tráng trong nước đều phải đi lính. Nhờ vậy, nhà Trần có một *đạo binh* rất *hùng-mạnh*, ba phen cả thắng quân Mông-cồ.

4. Kết

Trần-thủ-Độ là một tay gian-hùng, rất độc-ác với họ Lý, nhưng thật là vị *khai-quốc công-thần* của nhà Trần, một triều-đại quan-trọng trong lịch-sử nước ta.

II. CÂU HỎI

- 1) Trần Cảnh lên ngôi lấy hiệu là gì?
- 2) Việc nước do ai quyết-định?
- 3) Trần-thủ-Độ lo việc gì trước hết?
- 4) Nói lại cách Thủ-Độ tận diệt họ Lý?
- 5) Thủ-Độ dẹp được những giặc nào trong nước?
- 6) Thủ-Độ còn lo gì cho nhà Trần nữa?
- 7) *Pháp-luật* được sửa-đổi lại thế nào?
- 8) Nhờ gì mà kho-tàng được sung-túc?
- 9) Việc quân-đội được tổ-chức thế nào?
- 10) Thủ-Độ có công thế nào với nhà Trần?

III. BÀI HỌC

Trần Cảnh lên ngôi lúc mới 8 tuổi, hiệu là **Trần Thái-Tôn**. Mọi việc trong nước đều do Thái-sư **Trần-thủ-Độ** quyết-định.

Trước hết, Thủ-Độ **tận-diệt họ Lý** rất tàn-bạo cốt sao cho cơ-nghiệp nhà Trần được bền vững. Thủ-Độ mang quân đi đánh dẹp những cuộc nội-loạn. Thủ-Độ tổ-chức lại triều-đình, định cách thăng chức cho các quan, sửa-đổi pháp-luật, ấn-định thuế-má, mở-mang nông-nghiệp.

Quân-đội cũng được đặc-biệt chỉnh-đốn khiến cho nhà Trần có một **đạo binh** rất **hùng-mạnh**.

Trần-thủ-Độ quả là vị **khai-quốc công-thần** của nhà Trần.



Ông vua 8 tuổi

IV. BÀI ĐỌC

HOÀNG-THƯỢNG Ở ĐÂU LÀ TRIỀU-ĐÌNH Ở ĐÂY

Thủ-Độ chỉ làm thế nào cho ngôi nhà Trần được vững bền, cho nên không những là tàn-ác với nhà Lý mà thôi, đền luân-thường ở trong nhà, cũng làm loạn cả. Chiêu-Thánh Hoàng-hậu lấy Thái-Tôn đã được 12 năm, mà vẫn chưa có con (bây giờ mới có 19 tuổi). Thủ-Độ bắt Thái-Tôn bỏ đi và giáng xuống làm Công-chúa, rồi đem người chị bà Chiêu-Thánh tức là vợ Trần Liễu vào làm Hoàng-hậu, bởi vì người chị đã có thai được 3 tháng.

Trần Liễu tức giận, đem quân làm loạn. Mà vua Thái-Tôn bị Thủ-Độ hiếp-chê như thê, trong bụng cũng không yên, đến đêm trốn ra, lên ở chùa Phù-vân, trên núi Yên-tử (huyện Yên-hưng, tỉnh Quảng-yên). Trần-thủ-Độ biết tin ấy, đem quân thần đi đón Thái-Tôn về. Thái-Tôn không chịu về, nói rằng: « Trẫm còn nhỏ dại, không kham nổi việc to lớn, các quan nên chọn người khác để cho khỏi nhục xã-tắc ». Thủ-Độ nói mãi không được, ngoảnh lại bảo bách quan rằng: « Hoàng-thượng ở đâu, là triều-đình ở đây ! ». Nói đoạn, truyền sắp-sửa xây cung-điện ở chùa Phù-vân. Quốc-sư ở chùa ấy thấy vậy, vào van lạy Thái-Tôn về triều, Thái-Tôn bắt-đắc-dĩ truyền xa-giá về Kinh.

TRẦN-TRỌNG-KIM

(Việt-Nam sử-lược)

NHÀ TRẦN

THỜI-KỲ HUNG-THỊNH — VIỆC NỘI-TRỊ

I. BÀI GIẢNG

Các vua đầu tiên nhà Trần, như *Thái-Tôn*, *Thánh-Tôn*, *Nhân-Tôn*, đều là bậc anh-quân, tạo cho nước ta một thời-kỳ hưng-thịnh hơn 100 năm.

1. Việc cai-trị

Nhà Trần chia nước ra làm 12 lộ, mỗi lộ có quan *An-phủ-sứ* cai-trị. Dưới *An-phủ-sứ*, có *Đại-tư-xã*, *Tiểu-tư-xã*, mỗi viên cai-trị hai xã hoặc ba bốn xã. Mỗi xã có một xã-quan là *Chánh-giám-sứ*.

Lộ nào cũng có quyền dân-tịch của lộ ấy. Để tiện việc kiểm-soát, dân trong nước chia ra làm 3 hạng: trai-tráng từ 18 đến 20 tuổi vào hạng *tiểu-hoàng-nam*, từ 20 tuổi đến 60 vào hạng *đại-hoàng-nam*, từ 60 trở lên vào *lão-hạng*.

Lúc đầu, chỉ người thuộc Hoàng-gia mới được giữ những chức vụ quan-trọng. Đến đời *Anh-Tôn*, trong dân-gian, ai có tài-đức cũng được tuyển-dụng vào những chức-vụ ấy.

2 Luật-pháp

Thái-Tôn sửa lại luật-pháp rất nghiêm-khắc. Hình-phạt có ba hạng tội nặng: một là *tội đồ*, khắc chữ vào trán và bắt cày cấy công-diền; hai là *tội lưu*, đem đày ở chỗ nước độc, ba là *tội chết*.

Riêng về tội trộm cắp, kẻ trộm bị bắt có thể phải chặt tay, chặt chân, hay là đem cho voi giày, hoặc cho chủ mất trộm muôn xử cách gì mặc ý.

3. Việc kinh-tế

a) *Nông-nghiệp*.— Để cho mùa-màng khỏi bị nạn ngập lụt, *Thái-Tôn* sai quan ở các lộ đắp đê hai bên bờ sông Cái (Hồng-hà) và đặt quan coi việc đê gọi là *Hà-đê-sứ*. Chỗ nào đê đắp vào ruộng của dân thì chiếu theo giá ruộng mà bồi-thường. Mỗi năm sau vụ mùa, quân-đội phải đắp đê hay đào lạch.

Thánh-Tôn cho phép các vương-hầu chiêu-tập những người nghèo khó lưu-lạc đi *khai-khẩn đất hoang* để mở thêm ruộng-nương.

d) *Thuê-má*.— Có hai thứ thuê chánh : thuê thân và thuê điền.

Thuê thân đóng bằng tiền và nhiều ít tùy theo số ruộng của mỗi người. Ai có dưới một mẫu ruộng thì được miễn.

Thuê điền đóng bằng thóc.

Ngoài ra, còn thuê trâu cau, thuê tôm cá, rau quả...

c) *Tiền-tệ*.— Để tiện việc tiêu dùng, vàng bạc được đúc thành phân, lượng có hiệu nhà vua.

4. Binh-bị

Nhà Trần tổ-chức binh-bị thật chu-đáo. *Tất cả trai-tráng* thuộc hạng đại-hoàng-nam đều phải đi lính. Các Hoàng-thân có quyền chiêu-tập quân-đội và giữ chức chỉ-huy. Nhà vua mở *Giảng-võ-đường* để luyện-tập võ-nghệ.

Binh-sĩ chia ra làm 3 ngành : *Cầm-quân* là lính túc-vệ ở kinh-đô, gồm những người dũng-lược, *lộ-quân* là lính đóng ở các lộ, *thủy-quân* đóng giữ mặt biển. Thời bình trong nước có 10 vạn binh, nhưng đến thời chinh-chiến, quân-số lên tới 20 vạn người.

Quân-luật rất nghiêm : ai đào-ngũ phải chặt ngón chân, nếu tái-phạm thì bị voi giày. Nhưng các tướng đánh nhau như người nhà và thương yêu si-tốt.

Nhờ tổ-chức như trên mà nhà Trần có một đạo quân rất hùng-mạnh, ba phen đại phá quân Mông-cổ.

II CÂU HỎI

- 1) Nhà Trần chia nước ra thế nào ?
- 2) Mỗi lộ có ai cai-trị ?
- 3) Dân trong nước chia ra làm sao ?
- 4) Luật-pháp nhà Trần thế nào ?
- 5) Trộm cắp bị xử thế nào ?
- 6) Để bảo-vệ mùa-màng, nhà Trần cho làm gì ?
- 7) Thuê-má có mấy thứ ? đóng thế nào ?
- 8) Việc binh-bị được tổ-chức thế nào ?
- 9) Quân-số được bao nhiêu ?
- 10) Quân-đội nhà Trần ra thế nào ?



Một bờ đê bên bờ sông Cái

III. BÀI HỌC

Nhà Trần chia nước ra làm **12 lộ**, mỗi lộ có quyền dân-tịch riêng và do một **An-phủ-sứ** cai-trị.

Hình-luật rất nghiêm-khắc : kẻ trộm cắp phải chặt tay, chặt chân.

Nhà vua cho **đắp đê** hai bên bờ sông Cái và **đặt quan giữ đê** phòng ngừa nạn lụt. Các vương-hầu lo việc **khai-khẩn đất hoang**.

Thuế thân, thuế điền đóng góp tùy theo số ruộng. **Vàng bạc** tiêu dùng trong nước được đúc thành phân, lượng.

Tất cả trai-tráng đều phải đi lính. Các Hoàng-thân được quyền chiêu-tập quân-sĩ. Quân-luật rất nghiêm.

Nhờ vậy, nhà Trần có một **đạo binh hùng-mạnh**.

IV. BÀI ĐỌC

ĐỨC-ĐỘ VUA ANH-TÔN.

Thái-tử Trần Thuyên lên ngôi, tức là vua Anh-Tôn.

Anh-Tôn lúc đầu hay uống rượu và đêm thường hay lên ra ngoài đi chơi, có khi bị đồ vô-lại phạm đến.

Một hôm uống say nằm đến nỗi Nhân-Tôn Thượng-hoàng ở Thiên-trường về Kinh, các quan đều ra đưa đón rước cả, mà vua vẫn nằm ngủ. Thượng-hoàng giận lắm, truyền xa-giá lập tức về Thiên-trường, và hạ chiếu cho bách quan phải về **đẩy hội-nghị**. Khi Anh-Tôn tỉnh rượu, biết Thượng-hoàng về Kinh, sợ-hãi quá, vội-vàng chạy ra cung gặp một người học-trò tên là Đoàn-nhữ-Hải mượn thảo bài biểu để dâng lên tạ tội rồi cùng với Nhữ-Hải xuống thuyền đi suốt đêm đến phủ Thiên-trường. Thượng-hoàng xem biểu rồi quả mắng một lúc, và tha lỗi cho Anh-Tôn. Về đến Kinh-sư, Anh-Tôn cho Đoàn-nhữ-Hải làm ngự-sứ trung-tán, và từ đây không uống rượu nữa.

... Khi Anh-Tôn đau nặng, Hoàng-hậu cho đi gọi thầy tăng về để làm lễ xem sự sinh tử. Anh-Tôn gặt đi mà bảo rằng : « Thấy tăng đã chết đâu mà biết được sự chết ».

Xem thế thì biết Anh-Tôn làm một ông vua **hiếu-thảo** và lại thông-minh, cho nên việc triều-chính thời bấy giờ có **cương-kỷ** lắm.

TRẦN-TRỌNG-KIM

(Việt-Nam sử-lược)

NHÀ TRẦN

THỜI-KỲ HUNG-THỊNH

VĂN-HỌC VÀ TÔN-GIÁO

I. BÀI GIẢNG

1. Văn-học

Nhà Trần cũng rất chăm lo mở-mang nền văn-học. *Nho-học* được toàn-thịnh.

a) *Việc thi-cử*.— Trước kia, nhà Hậu-Lý mở khoa thi *Tam-trường* để lấy *Cử-nhân*, nhưng các khoa thi chưa có định-kỳ, chỉ được mở ra khi nào triều-đình cần người. Năm 1232, Trần Thái-Tôn mở khoa thi *Thái-học-sinh*, để lấy *Tiền-sĩ* và định lệ 7 năm thi một kỳ. Năm 1247, nhà vua lại đặt ra khoa *Tam-khôi* để lấy Trạng-nguyên, Bảng-nhân và Thám-hoa. Lê-văn-Hưu là người đầu tiên đỗ Bảng-nhân.

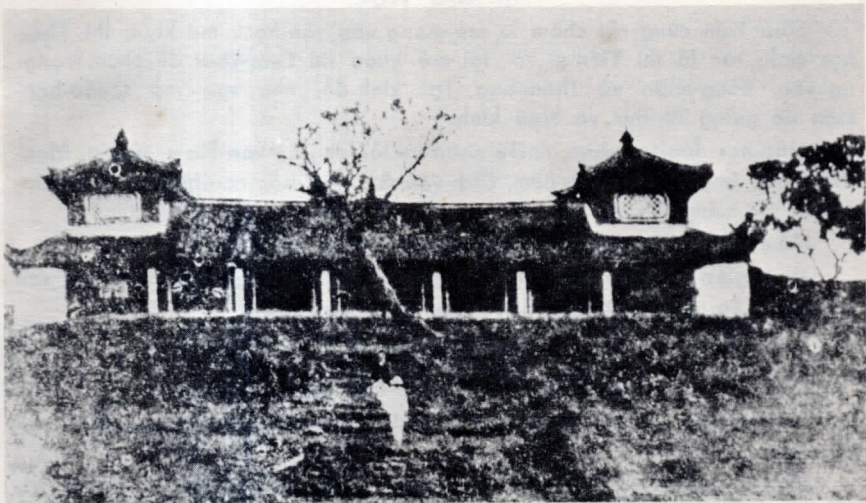
b) *Việc mở trường*.— Tại kinh-đô, ngoài *Quốc-tử-giám* đã có từ đời Hậu-Lý, nhà Trần lập thêm *Quốc-học-viện* để giảng Tứ thư và Ngũ kinh. Tại các lộ, cũng có mở trường dạy dân.

c) *Những nhà văn nổi tiếng*.— Nhờ sự săn-sóc của triều-đình, Nho-học đào-tạo được nhiều văn-tài lỗi-lạc. Lê-văn-Hưu soạn bộ *Đại-Việt-sử-ký* là bộ sử đầu tiên của nước ta. Mạc-đĩnh-Chi nổi tiếng vì đức thanh-liêm và tài ứng-đời, đã làm cho vua quan nhà Nguyên phải kính-phục. Chu-văn-An là một bậc cao-hiền treo gương thanh-khiết, cương-trực cho muôn thuở. Các vua Thái-Tôn, Thánh-Tôn, Nhân-Tôn, Anh-Tôn, Minh-Tôn đều có soạn *ngự-tập*. Đến các danh-tướng cũng tạo nên những tác-phẩm quý giá như *Hịch chiến-sĩ* của Trần-quốc-Tuần.

d) *Văn nôm*.— *Nguyễn Thuyên* được cải họ là *Hàn Thuyên* có công làm thơ bằng chữ nôm và đặt ra luật thơ nôm. Nhiều học-giả theo gương ông làm nhiều bài thơ nôm có giá-trị.

2. Tôn-giáo

a) *Phật-giáo*.— Đầu nhà Trần, Phật-giáo vẫn thịnh. Các nhà vua đều sùng đạo, cho xây chùa, đúc chuông, tạc tượng Phật để thờ khắp nơi. Nhân-Tôn sai sứ sang Tàu thỉnh kinh Đại-tạng đem về truyền-bá cho dân-gian. Về sau Nhân-Tôn tu ở núi Yên-tử.



Chùa *BÁCH-MÔN*

Nhưng cuối đời nhà Trần, Phật-giáo bị pha thêm hình-thức mê-tín như bùa ngải, phù chú nên mỗi ngày một suy.

b) *Lão-giáo*.— Tuy không thịnh-hành bằng Phật-giáo, Lão-giáo vẫn được nhân-dân ngưỡng-mộ. Vì vậy, nhà Trần cũng mở những khoa thi *Tam-giáo* như nhà Hậu-Lý.

II CÂU HỎI

- 1) Nhà Trần mở ra những khoa thi gì?
- 2) Ai đậu Bảng-nhãn đầu tiên?
- 3) Tại kinh-đô có mở những trường nào?
- 4) Kể các nhà văn nổi tiếng đời nhà Trần?
- 5) Các vì vua nào ham-mộ Nho-học? Các vì tướng nào có văn-tài?
- 6) Ai có công đặt ra chữ nôm?
- 7) Đầu đời nhà Trần, Phật-giáo ra sao?
- 8) Vua Nhân-Tôn đối với Phật-giáo thế nào?
- 9) Về sau, tại sao Phật-giáo suy đi?
- 10) Tại sao nhà Trần cũng mở những khoa thi Tam giáo?

III. BÀI HỌC

Nhà Trần cũng rất chăm lo mở-mang nền văn-học: mở khoa thi **Thái-học-sinh**, tức là thi **Tiến-sĩ**, rồi lại mở khoa thi **Tam-khôi** để chọn **Trạng-nguyên**, **Bảng-nhấn** và **Thám-hoa**. Tại kinh-đô, nhà vua mở **Quốc-học-viện** để giảng **Tứ thư** và **Ngũ kinh**.

Nho-học đào-tạo được nhiều nhân-tài lỗi-lạc: **Lê-văn-Hưu**, sử-gia, **Mạc-đĩnh-Chí**, ông **Trọng thanh-liêm**, **Chu-văn-An**, một bậc cao-hiền, **Trần-quốc-Tuấn**, tài kiêm văn võ.

Hàn Thuyên có công đặt nền tảng cho văn nôm.

Phật-giáo lúc đầu rất thịnh được các nhà vua sùng-bái, nhưng về sau suy lặn. **Lão-giáo** cũng vẫn được dân-gian ngưỡng-mộ.

IV. BÀI ĐỌC

NGƯỜI ẤY LÀ BẬC CAO-HIỀN

Hễ nói đến các bậc danh-nho ở nước ta, ai cũng phải nghĩ đến **Chu-văn-An**.

Ông là người làng **Quang-liệt**, huyện **Thanh-đàm** (nay là **Thanh-trì**, **Hà-đông**). Tính-nết cương-trực, không cần lợi-danh, ông chỉ cốt làm tỏ rạng đạo **Thánh-hiền**.

Ông có mở trường học ở thôn **Cung-hoàng**. Học-trò theo học rất đông. Trong bọn môn-đồ, có nhiều người hiền-đạt, như **Phạm-sư-Mạnh**, **Lê-bá-Quát** đều làm đến **Tể-tướng**. Sau khi thi đỗ làm quan to, bọn họ về hầu thầy vẫn phải giữ phép học-trò, đứng hầu dưới thềm, nghe lời giáo-huấn.

Vua **Trần Minh-Tôn** nghe tiếng ông là một bậc cao-khiết mô-phạm, cho triệu vào kinh làm **Quốc-tử-giám-tư-nghiep**, kiêm dạy cả **Thái-tử**.

Đến triều **Dụ-Tôn**, chính-sự suy-đời, quyền-thần hống-hách. Ông thầy thề, dâng sớ xin chém bảy người nịnh-thần. Nhưng sớ « thất trăm » lưu trung, chờ mãi không thấy giao ra, ông liền cỡi ngựa, trả chức quan, về núi **Phượng-hoàng** ở huyện **Chí-linh** (**Hải-dương**) an-bần lạc-đạo.

Vui cùng cảnh-vật thiên-nhiên, ông viết quyển « **Tứ thư thuyết-ước** » để « minh đạo, hóa dân ».

Nhà vua muốn triệu ông ra làm tướng, nhưng ông nhất-định không chịu nhận một chức quan.

Bà **Hiệu-từ Hoàng-thái-hậu** nói:

« Người ấy là bậc cao-hiền, **Thiên-tử** không có quyền bắt người ta làm tôi được ».

NGUYỄN LÂN

(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ TRẦN

THỜI-KỲ HUNG-THỊNH

CHIẾN-THẮNG MÔNG-CỔ LẦN THỨ NHẤT

I. BÀI GIẢNG

1. Gốc-tích Mông-cổ

Mông-cổ là một dân-tộc ở phía Bắc nước Tàu, tính-tình hung-hăng, có tài đánh giặc. Khi nhà Trần dựng nghiệp ở nước ta thì tướng Mông-cổ là *Hốt-tát-Liệt* diệt được nhà Tống, chiếm nước Trung-hoa, lập ra nhà Nguyên, rồi định chinh-phục luôn nước Đại-Việt.

2. Trần Thái-Tôn giam sứ Mông-cổ

Năm 1257, tướng nhà Nguyên là *Ngột-lương-hợp-thai* đem quân đánh lấy nước Đại-Lý (thuộc tỉnh Vân-nam bây giờ) rồi sai sứ sang bảo vua Trần Thái-Tôn về thần-phục Nguyên-triều.

Thái-Tôn chẳng những không chịu, còn bắt giam sứ-già *Mông-cổ*. Biết rằng thế nào nhà Nguyên cũng sang đánh, Thái-Tôn cử *Trần-quốc-Tuần* làm Tiết-chê, đốc-suất tướng-tá, đem quân thủy, quân bộ chống giữ biên-thùy.

3. Trận đầu bất lợi, kinh-thành bị phá

Ngột-lương-hợp-thai từ Vân-nam đem đại-quân theo đường sông Thao (một khúc sông Nhị-hà), ồ-ạt tiến về Thăng-long.

Trần-quốc-Tuần ít quân đánh không nổi, lui về đóng ở Sơn-tây. Thái-Tôn phải nger giá thân-chính, nhưng cũng không cản được quân Mông-cổ, phải bỏ kinh-thành, rút binh về đóng ở Thiên-mạc, nay thuộc tỉnh Hưng-yên.

Quân Mông-cổ vào thành Thăng-long, thấy ba người sứ vẫn bị giam ở trong ngục. Khi cởi trói thì một người chết. *Ngột-lương-hợp-thai* tức giận cho đốt phá kinh-thành và tàn-sát tất cả nhân-dân.

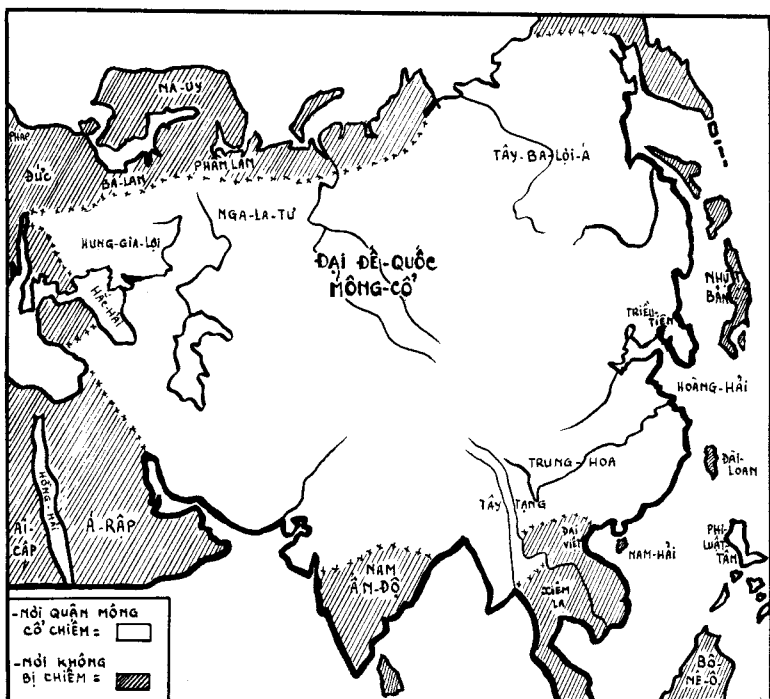
4. Lòng cương-quyết thắng-lợi cuối cùng

Thầy tình-thê nguy-ngập, Thái-Tôn nger thuyền đến hỏi ý Thái-sư *Trần-thủ-Độ*. Thủ-Độ tâu rằng: «Đầu tôi chưa rơi thì xin Bệ-hạ đừng lo».

Thái-Tôn vững lòng, quyết chiến-thắng.

Quả nhiên, được ít lâu, quân Mông-cổ không quen thủy thổ bị bệnh rất nhiều. Thái-Tôn thừa thế tiến binh đánh ở Đông-bộ-đầu. Quân Mông-cổ thua chạy, về đồn trại Quý-hòa (nay thuộc Hưng-hóa, Phú-thọ), lại bị chủ trại nấy chiêu-tập thổ-dân đánh cho một trận. Quân Mông-cổ hối-hả rút về Vân-nam, vất-vả, toi-bời, không còn hùng-hỗ, kiêu-căng như lúc kéo sang.

Thế là nhà Trần chiến-thắng Mông-cổ lần thứ nhất, giữ vững giang-sơn.



Bản-đồ Đại-đế quốc MÔNG-CỔ

II. CÂU HỎI

- 1) Quân Mông-cổ có tài gì ?
- 2) Hốt-tát-Liệt chiếm nước Tàu rồi định làm gì ?
- 3) Sĩ Mông-cổ sang nước ta bảo gì ?
- 4) Trần Thái-Tôn làm sao ?
- 5) Quân Mông-cổ kéo sang thề nào ?
- 6) Vì sao lúc đầu binh ta phải rút lui ?
- 7) Quân Mông-cổ vào thành Thăng-long tàn sát thề nào ?
- 8) Trần-thủ-Độ nói gì với Thái-Tôn ?
- 9) Thừa dịp nào Thái-Tôn tiên đánh lại Mông-cổ ?
- 10) Quân Mông-cổ thua chạy thề nào ?

III. BÀI HỌC

Mông-cổ là một dân-tộc ở phía Bắc xứ Tàu, có tài đánh giặc. Tướng Mông-cổ đánh chiếm Trung-hoa, diệt nhà Tống, lập nhà Nguyên.

Vua nhà Nguyên sai sứ sang dụ Trần Thái-Tôn đầu hàng. **Thái-Tôn** giám sứ rồi sai tướng phòng-thủ biên-thùy.

Quân Mông-cổ **rầm-rộ kéo sang**. Lúc đầu, trước sức hung-hăng của giặc, quân ta thối lui. Thái-Tôn bỏ **Thăng-long** rút binh về đóng ở **Thiên-mạc** (Hưng-yên). Quân Mông-cổ vào Thăng-long cho đốt phá, giết-hại nhân-dân.

Sau, thừa lúc giặc mỏi-mệt, Thái-Tôn tiến đánh. **Quân Mông-cổ thua to, vội-vã chạy về xứ**. Nhà Trần chiến-thắng Mông-cổ lần thứ nhất.

IV. BÀI ĐỌC

QUÂN MÔNG-CỔ

Về đầu thế-kỷ thứ 13, ở phía Bắc nước Tàu có một dân-tộc hung-tợn và rất hiếu-chiến. Dân-tộc đó là người Mông-cổ, giỏi nghề chiến-đấu trên lưng ngựa và bắn tên rất tài.

Một viên tù-trưởng Mông-cổ tên là Thiết-mộc-chân lập một đạo kỵ-binh tinh-nhuệ rồi cầm quân đi chinh-phục những miền Tây-Bắc nước Tàu.

Sau những cuộc toàn-thắng oanh-liệt, Thiết-mộc-chân được suy-tôn là chúa và lấy tên là Thành-cát-tư-hãn.

Thành-cát-tư-hãn chỉnh-đồn binh-bị, lập bộ tham-mưu, đặt ban do-thám . . . , khiến người Mông-cổ có một đội binh dũng-mãnh nhất thế-giới.

Nhờ đội quân đó, Thành-cát-tư-hãn vượt qua Vạn-lý trường-thành, kéo vào đất Trung-quốc, chiếm hết phía Bắc nước Tàu của nhà Tống. Vua nhà Tống phải chạy về phía Nam, lập kinh-đô ở Hàng-châu, để chờ ngày cả nước bị chiếm-đoạt.

Thành-cát-tư-hãn lại còn có cái mộng làm bá-chủ cả châu Á và châu Âu, cho nên sai một viên dũng-trưởng đem ba vạn quân Mông-cổ chiếm giữ vùng Trung-Á và Đông-Âu, đi đến đâu cũng như một trận cuồng-phong gieo sự khủng-khiếp vào dân-gian, khiến các vua chúa phải run sợ.

Thành-cát-tư-hãn mất, con là A-loa-đài nối chí cha, chia quân đi đánh Trung-quốc, chiếm đất Triều-tiên, chinh-phục Tiểu-á-tê-á, Nga-la-tư, Hung-gia-lợi và Ba-lan.

Một người cháu họ của A-loa-đài là Hốt-tất-liệt lấy nốt Trung-quốc, diệt nhà Tống và đổi quốc-hiệu là Nguyên.

Một dân-tộc hùng-dũng như thế đối với một nước nhỏ mọn như nước ta thực là một con voi đối với một con kiến. Ấy thế mà từ năm 1257 đến năm 1288, ba lần con voi khổng-lồ định đè bẹp con kiến tí-hon mà đều bị thất-bại.

Theo NGUYỄN LÂN
(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ TRẦN

THỜI-KỲ HƯNG-THỊNH

CHIẾN-THẮNG MÔNG-CỔ LẦN THỨ HAI (1284-1285)

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân cuộc chiến-tranh

Trần Nhân-Tôn lên ngôi. Vua nhà *Nguyên* sai sứ đòi sang châu. Nhân-Tôn cho người chú họ là *Trần-di-Ái* sang thay. Vua *Nguyên* lại cử quan giám-trị đưa qua nước ta. Nhân-Tôn không nhận đuôi về cả.

Vua *Nguyên* tức giận, phong *Di-Ái* làm An-nam quốc-vương và sai *Sài Thung* đem 1000 quân đưa về nước. Nhân-Tôn sai tướng đón đánh ở biên-thùy. *Sài Thung* bị bắn mù một mắt, trốn chạy về Tàu, còn *Di-Ái* bị bắt về trị tội.

Vua *Nguyên* bèn sai tướng sang đánh.

Nhân-Tôn cũng chuẩn-bị cuộc chống cự.

2. Lực-lượng hai bên

a) *Quân Nguyên*.— Thái-tử *Thoát Hoan* cùng *Toa Đô* và *Ô-mã-Nhi* dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước ta sang đánh *Chiêm-thành*. Quân *Nguyên* chia ra làm 2 đạo: *Toa Đô* đi đường biển sang lối *Chiêm-thành*, *Thoát Hoan* đi đường bộ do ngã *Lạng-son*.

b) *Quân ta*.— Nhân-Tôn hội-hợp các vương-hầu ở *Bình-than* (Bắc-ninh), phong cho *Hưng-đạo-vương Trần-quốc-Tuấn* làm Tiết-chế, thống-linh 20 vạn quân. *Hưng-đạo-vương* sai *Trần-bình-Trọng* đóng đồn ở *Bình-than*, *Trần-khánh-Dur* giữ mặt *Vân-đồn* (Quảng-yên) và tự mình đóng đại-binh ở *Vạn-kiếp* (Hải-dương) để tiếp ứng cho các nơi.

Nhân-Tôn lại triệu-tập cả các bộ-lão tại điện *Diên-hống* để hỏi ý nên hòa hay nên đánh. Các bộ-lão đều đồng thanh xin đánh. Nhờ vậy, vua tôi, tướng-sĩ đều một lòng quyết-chiến.

3. Giai-đoạn bại-thối

a) *Hưng-đạo-vương* đem quân cản đường *Thoát Hoan*, nhưng thua trận, ông phải rút về *Vạn-kiếp*. Nhân-Tôn nghe tin, đến hỏi, ngờ ý muốn hàng. Ông tâu: « Nếu Bệ-hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi đi đã! » Ông bèn chiêu-tập thêm quân lính rồi truyền hịch khuyên-răn tướng-sĩ.

b) Quân-sĩ hăng lên, thích vào cánh tay hai chữ « sát thát », nghĩa là giết quân Mông-cổ. Nhưng thề giặc quá mạnh, *Vạn-kiếp* bị chiếm rồi *Thăng-long* thất-thủ luôn.

c) *Toa Đô* đến *Chiêm-thành* rồi kéo quân ra bằng đường bộ, có *Ô-mã-Nhi* tiếp ứng. *Trần-quang-Khải* chặn đánh ở *Nghệ-an*, nhưng không nổi phải lui về giữ những nơi hiểm-yếu.



Kỵ-binh MÔNG-CỔ

d) *Trần-binh-Trọng* trấn giữ *Thiên-trường* (Nam-định) bị giặc vây và bắt được. *Binh-Trọng không hàng giặc cam chịu chết.*

e) *Hưng-đạo-vương* rước *Thượng-hoàng* và *Nhân-Tôn* vào *Thanh-hóa* để tạm lánh nạn.

4. Giai-đoạn toàn-thắng

a) *Trận Hàm-tử*.— *Toa Đô* và *Ô-mã-Nhi* do đường biển kéo ra Bắc để hợp binh với *Thoát Hoan*. *Trần-nhật-Duyệt* và *Trần-quốc-Toản* đón đánh ở bên *Hàm-tử* (*Hưng-yên*). *Quân Nguyên* thua to, về giữ *Thiên-trường*.

b) *Trận Chương-dương*.— *Trần-quang-Khải* và *Phạm-ngũ-Lão* từ *Thanh-hóa* ra bên *Chương-dương* phá tan thủy-quân *Nguyên* rồi tiến quân vào *Thăng-long*. *Thoát Hoan* bỏ thành, chạy về giữ mặt *Kinh-bắc* (*Bắc-ninh*).

c) *Trận Tây-kết*.— *Hưng-đạo-vương* sai tướng chặn đường không cho *Thoát Hoan* và *Toa Đô* liên-lạc với nhau, rồi dẫn quân đánh *Toa Đô* ở *Tây-kết*. *Toa Đô* bị phục-binh bắn chết, *Ô-mã-Nhi* lên một chiếc thuyền con chạy ra biển, trốn về Tàu.

d) *Trận Vạn-kiếp*.— *Hưng-đạo-vương* biết *Thoát Hoan* phải chạy, sai tướng chặn các lối hiểm ở vùng *Vạn-kiếp*, rồi tự dẫn quân đi đánh. *Thoát Hoan* thua chạy đến *Vạn-kiếp* bị phục-binh của ta đổ ra giết-hại rất nhiều. *Thoát Hoan* chui vào ống đồng để lên xe bắt quân kéo chạy về xứ.

Thề là nhờ tài dùng binh của *Hưng-đạo-vương* và sự đoàn-kết của toàn dân, chỉ trong vòng sáu tháng trời, quân ta phá tan được 50 vạn quân *Mông-cổ* hung-bạo để giữ vẹn *giang-san*.

II. CÂU HỎI

- 1) Tại sao vua nhà Nguyên sai tướng sang đánh nước ta?
- 2) Lực-lượng quân Nguyên như thế nào?
- 3) Lực-lượng quân ta như thế nào?
- 4) Vua Nhân-Tôn triệu-tập hội-ng nghị Diên-hồng để làm gì?
- 5) Hội-ng nghị này có ảnh-hưởng thế nào?
- 6) Lúc đầu, quân ta bại trận thế nào?
- 7) Kể lại cái chết khảng-khải của Trần-bình-Trọng?
- 8) Hưng-đạo-vương rước vua về đâu để lánh nạn?
- 9) Về sau, quân ta thắng quân Nguyên những trận nào?
- 10) Tại sao quân ta ít hơn mà thắng được quân Nguyên?

III. BÀI HỌC

Năm 1284, vì Trần Nhân-Tôn không chịu thần-phục, vua Nguyên sai **Thoát Hoan** cùng **Toa Đô** và **Ô-mã-Nhi** đem 50 vạn binh sang đánh nước ta.

Sau khi hỏi ý kiến của các bô-lão tại điện **Diên-hồng**, Nhân-Tôn giao cho Hưng-đạo-vương **Trần-quốc-Tuấn** thống-lĩnh 20 vạn binh cùng các tướng **Trần-khánh-Dur**, **Trần-quang-Khải**, **Trần-bình-Trọng**, **Trần-nhật-Duyệt**, **Trần-quốc-Toản** quyết-chiến với giặc.

Lúc đầu, ta thua. Giặc chiếm **Thăng-long**, **Nghệ-an**. Sau quân ta phản-công, toàn-thắng ở **Hàm-tử**, **Chương-dương**, **Tây-kết** và **Vạn-kiếp**. Toa Đô tử trận, Ô-mã-Nhi và Thoát Hoan chạy về xứ, 50 vạn Mông-cổ hung-bạo bị tan-vỡ.

IV. BÀI ĐỌC

CẢM-TƯỚNG VỀ HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG

Người ta chỉ biết ca-tụng cái chiến-công oanh-liệt là Trận Bạch-đăng. Nhưng không ai biết rằng trận Bạch-đăng không lạ, mà hội-ng nghị Diên-hồng mới lạ. Bạch-đăng chỉ là cái kết-quả tất-nhiên của cuộc hội-ng nghị có tính-cách hoàn-toàn dân-chủ kia.

Đã đành rằng sở-di ông cha ta đã thắng giặc Nguyên một cách vẻ-vang một phần lớn là nhờ tài dùng binh, ở cơ mưu và ở gan bền tựa sắt của đức Trần Hưng-Đạo cùng lòng tận trung báo quốc của các tướng-sĩ. Nhưng cũng mạnh vì lời đáp của các bô-lão mà vua tôi phản-khởi, chiến-sĩ nức lòng, nhân-tài lũ-lượt kéo ra, dân-gian tranh nhau giúp sức quan quân, hoặc ra ủng-hộ, hoặc tiếp-tê lương; riêng sự ủng-hộ về tinh-thần cũng đã tốt đẹp rồi.

Ta có cảm-tưởng rằng cả nước lúc ấy tham-dự chiến-tranh, cả nước chỉ là một người. Dân đánh, là đánh cho họ, không đánh cho ai cả. Chưa bao giờ vua, triều-đình và dân-gian lại hòa-hợp với nhau như thế, chưa bao giờ tinh-thần quốc-gia, tinh-thần chủng-tộc lại mạnh như thế. Cũng vì mối đồng tâm bất khả xâm-phạm ấy mà mặc dầu quốc-thể nguy như trứng chống, mặc dầu sự phản-bội của vài người tôn-thất, ông cha ta đã giữ vững được giang-sơn, để lại cho hậu-thê một cái gương nỗ lực chung và một sức hy-sinh chói lọi.

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

(Tri Tân số 17, ngày 3-10-1941)

NHÀ TRẦN
THỜI-KỲ HƯNG-THỊNH
CHIẾN-THẮNG MÔNG-CỔ LẦN THỨ BA (1287 - 1288)
I. BÀI GIẢNG

1. Vua Nguyên định phục-thù

Bọn Thoát Hoan và Ô-mã-Nhi bại trận, làm vua Nguyên căm tức, hạ lệnh đình việc đi đánh Nhật-bản, truyền hịch cho các tỉnh miền Nam lo chiêu-tập quân-sĩ và đóng thêm chiến-thuyền, chờ ngày sang đánh nước ta để rửa hận.

Vua Nhân-Tôn nghe tin, cử Hưng-đạo-vương chuẩn-bị cuộc ứng chiến.

2. Lực-lượng hai bên

a) *Quân Nguyên*.— Đầu năm 1287, Quân Nguyên gồm có hơn 30 vạn binh và 500 chiến-thuyền, chia làm 2 đạo kéo sang : *Thoát Hoan* đi đường bộ, cũng do ngã Lạng-son, *Ô-mã-Nhi* và *Phàn Tiệp* đi đường thủy.

Trần-ích-Tắc được đưa về làm *An-nam quốc-vương*.

b) *Quân ta*.— Hưng-đạo-vương thông-linh hơn 10 vạn binh, chia ra làm 3 đạo : 1 đạo lên giữ mặt Lạng-son, một đạo vào giữ mặt Nghệ-an. Hưng-đạo-vương đóng giữ mặt Quảng-yên.

Hưng-đạo-vương khuyên-dụ các tướng rằng : « Binh cốt giỏi chứ không cốt nhiều, nếu nhiều mà không giỏi thì dù có 100 vạn cũng không ích gì ».

3. Giai-đoạn cầm-cự

Thấy quân Nguyên thế-lực rất mạnh, Hưng-đạo-vương rút binh về Vạn-kiếp. Thoát Hoan kéo quân đến đánh Vạn-kiếp và đồng thời Ô-mã-Nhi tiến đánh *Thăng-long*. Hưng-đạo-vương bèn bỏ Vạn-kiếp, về cố-thủ *Thăng-long* và sai tướng rước xa-giá tạm lánh vào Thanh-hóa. Thoát Hoan đem binh-mã đến vây đánh *Thăng-long*. Quân ta chống cự hăng-hái Thoát Hoan phải rút về giữ Vạn-kiếp. Hưng-đạo-vương cũng tiến quân lên lập trại để chống với giặc.

4. Giai-đoạn đại-thắng

a) *Trận Vân-đồn*.— Quân Nguyên đóng ở Vạn-kiếp sắp cạn lương. Thoát Hoan sai Ô-mã-Nhi dẫn thủy-quân ra đón thuyền lương của *Trương-văn-Hổ* từ bên Tàu tải sang. Khi thuyền lương vào đến *Vân-đồn* (Quảng-yên), *Trần-khánh-Dur* cho phục-binh chờ ra đánh. Quân Nguyên chống

không nổi. Quân ta cướp hết những thuyền lương và bắt được khí-giới rất nhiều.

b) *Trận Bạch-đăng-giang (1288).*— Thoát Hoan hay tin mất lương, hoảng-sợ, định rút quân. Ô-mã-Nhi và Phàn Tiếp dẫn thủy-quân theo sông *Bạch-đăng* rút về trước. Hưng-đạo-vương sai tướng đem binh đi đường tắt lên mé thượng-lưu sông *Bạch-đăng*, *dùng lại mưu kế của Ngô Quyền*: đóng cọc nhọn bịt sắt giữa dòng sông rồi phục binh chờ. Lúc thủy-triều lên, quân ta khiêu chiến, dụ cho quân giặc qua khỏi chỗ có cọc. Khi thủy-triều xuống, phục-binh của ta hợp cùng đại-quân của Hưng-đạo-vương đổ ra đánh. Thuyền giặc chạy trở lại vướng phải cọc, vỡ đắm rất nhiều, quân lính chết thây đầy sông. Quân ta bắt được *Ô-mã-Nhi và Phàn Tiếp* và lấy được 400 chiến-thuyền.

c) *Trận Lạng-son, Thoát Hoan thảm-bại trên đường về.*— Thoát Hoan dẫn quân theo đường *Lạng-son* trở về, bị *Phạm-ngũ-Lão* cho phục-binh hai bên sườn núi bắn tên thuốc độc xuống như mưa. Quân Nguyên tử-trận vô số. Thoát Hoan thảm-bại, chạy trời chết về xứ.

5. Thái-bình diên-yến

Thượng-hoàng và Nhân-Tôn về Thăng-long sai mở tiệc khao-thưởng tướng-sĩ, cho dân-gian mở hội vui-vẻ ba ngày, gọi là *Thái-bình diên-yến*. Quân Nguyên ba phen đại-bại đành bỏ mộng xâm-lăng nước ta.

II. CÂU HỎI

- 1) Tại sao quân Nguyên sang đánh nước ta lần thứ ba?
- 2) Lực-lượng quân Nguyên như thế nào?
- 3) Lực-lượng quân ta như thế nào?
- 4) Hưng-đạo-vương khuyến-dụ các tướng làm sao?
- 5) Lúc đầu, quân ta cầm-cự với quân Nguyên thế nào?
- 6) Quân ta cướp thuyền lương của giặc ở đâu?
- 7) Tại sao Thoát Hoan phải rút binh?
- 8) Nói lại trận *Bạch-đăng-giang*?
- 9) Thoát Hoan thảm-bại thế nào trên đường về xứ?
- 10) Vua Trần khao-thưởng tướng-sĩ thế nào?

III. BÀI HỌC

Nhà Nguyên bại binh lấy làm căm tức, bèn sai *Thoát Hoan, Ô-mã-Nhi và Phàn Tiếp* đem 30 vạn quân sang đánh nước ta để báo thù.

Lúc đầu, quân giặc quá mạnh, quân ta rút lui. Giặc chiếm lấy *Vạn-kiếp*. Hưng-đạo-vương về cố-thủ *Thăng-long*.

Chẳng bao lâu, **Trần-khánh-Dur** cướp được lương giặc tại **Vân-đôn** làm cho Thoát Hoan hoảng-sợ phải lui binh.

Thủy-quân giặc về theo đường sông **Bạch-đằng** bị quân ta dùng kế đóng cọc giữa dòng sông phá tan-tành. **Ô-mã-Nhi** bị bắt sống.

Bộ-binh giặc theo đường **Lạng-sơn** về, bị **Phạm-ngũ-Lão** chặn đánh tơi-bời. Thoát Hoan chạy trốn chết về xứ.

Thế là nhà Nguyên bỏ mộng xâm-lăng nước ta.

IV. BÀI ĐỌC

TẠI SAO HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG ĐẠI-THẮNG GIẶC MÔNG-CỒ ?

... Rút lại Hưng-đạo-vương đại-thắng giặc Mông-cồ vì đã :

1.- Phá được chiến-lược chiến-thuật của giặc (*đánh mau thắng mau*) bằng những chiến-lược chiến-thuật trái lại hẳn (*đánh lâu dài*).

2.- Vận-động tinh-thần nhân-dân bằng những phương-thức dân-chủ và khôn-khéo (*hội-ngộ Bình-than, hội-ngộ Diên-hồng, hịch tướng-sĩ*).

3.- Vận-động địch-quân bằng hai chữ «sát thát» thích vào cánh tay quân mình (*sát « sát thát » là giết người Mông-cồ, không phải người Tàu, người Hán*).

4.- Triệt đường tiếp-tế lương thực-của địch.

5.- Biết lợi-dụng địa-lợi, thiên-thời.

Hoặc nói một cách khác, sở dĩ Hưng-đạo-vương đã lấy *nhu* mà chế được *cường*, lấy *nhược* mà thắng được *cường*, chuyển thể *bại* thành thể *thắng* là vì Vương không những là một nhà cầm quân có phép-tắc mà lại còn là nhà *chính-trị* có kỳ-tài.

Giặc Mông-cồ chuyên lấy *quân-sự thuần-túy* mà giải-quyết, còn Vương thì dùng *chính-trị* để giải-quyết nhiều hơn là quân-sự. Chiến-tranh là kẻ tọc của chính-trị, chiến-tranh là chính-trị có đổ máu, nên dùng chính-trị để giải-quyết chiến-tranh là một phương-sách tối ư thích-hợp và đặc-nghị.

Không chủ-quan và không tự-phụ, ta có thể nói một cách thẳng-thắn rằng về tài chỉ-đạo chiến-tranh, Hưng-đạo-vương có thể được sắp ngang hàng với những bậc tướng tài đệ-nhất cổ-kim. Và võ-công đời Trần quả là một võ-công oanh-liệt đệ-nhất trong lịch-sử thế-giới.

LÊ-VĂN-HÒE

(Những bài học lịch-sử)

Hưng-đạo-vương



Đền KIẾP-BẠC thờ TRẦN HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG (Hải-dương)

NHÀ TRẦN

SỰ GIAO-THIỆP VỚI AI-LAO VÀ CHIÊM-THÀNH

I. BÀI GIẢNG

1. Giao-thiệp với Ai-Lao

Vào đời nhà Trần, *quân Ai-lao* thường sang quấy-nhiều ở mạn *Thanh-hóa*, *Nghệ-an* nên quân ta phải đi đánh dẹp mãi.

Trần *Nhân-Tôn* đã thân-chinh đi đánh mấy lần. Quân Ai-lao tuy thua, nhưng hễ quân ta rút về, chúng lại sang cướp phá.

Đời Anh-Tôn, *Phạm-ngũ-Lão* cũng đi dẹp ba bốn phen nữa. Trận nào quân Ai-lao cũng bị giết-hại rất nhiều.

Sau, *Minh-Tôn* phải thân-chinh hai phen. Thắng trận rồi, *Minh-Tôn* sai làm bìa bia khắc trên núi để ghi công.

Thật ra quân ta đánh quân Ai-lao chỉ để đuổi họ ra khỏi đất nước ta mà thôi chứ không lúc nào định chiếm lấy đất-đai của họ cả.

2. Giao-thiệp với Chiêm-thành

a) *Thời-kỳ giao-hảo*.— Lúc nhà Trần lên ngôi, Chiêm-thành vẫn giữ lệ triều-công nước ta. Đền đời vua Anh-Tôn, Thượng-hoàng *Nhân-Tôn*, sau khi sang Chiêm-thành xem phong-cảnh, gả *Công-chúa Huyền-Trân* cho vua Chiêm là *Chê Mân* (1306). Chê Mân dâng châu *Ố* và châu *Ri*. Anh-Tôn đổi tên là *Thuận-châu* và *Hóa-châu* rồi đặt quan cai-trị.

Một năm sau, Chê Mân chết, theo tục lệ Chiêm-thành thì Hoàng-hậu phải hỏa-thiêu chết theo. Anh-Tôn sai *Trần-khắc-Chung* giả tiếng vào thăm rồi tìm kẻ rước Công-chúa về.

3. Thời-kỳ xung-đột

1. *Quân ta sang đất Chiêm*. — Chê Chi lên nối ngôi Chê Mân, muốn đòi lại hai châu. Anh-Tôn sang bắt Chê Chi đem về nước và phong cho người em là Chê-đa-a-bà làm vua Chiêm-thành.

Chê Chi được phong vương nhưng chẳng bao lâu thì mất. Vua sai đem hỏa-táng. Người Chiêm cố oán từ đó.

Đời *Dụ-Tôn*, con và rề vua Chiêm tranh ngôi. Quân nhà Trần sang can-

thiếp, bị đánh bại hai lần. Người Chiêm thấy binh thế nhà Trần suy-nhược, có ý khinh-dễ nên muốn đòi lại đất Hóa-châu.

Đền đòi *Dụ-Tôn*, nhà vua và *Lê-quý-Ly* cử binh đánh Chiêm-thành. *Dụ-Tôn* đem binh vào cửa *Thị-nại* (Qui-nhơn) rồi tiến đánh kinh-thành Chiêm là *Đổ-bàn* (1377). *Chê-bồng-Nga* là một vị vua có tài thao-lược, dùng kế đánh úp quân ta. *Dụ-Tôn* tử-trận, *Quý-Ly* trốn chạy về nước.

2. *Quân Chiêm sang đánh Thăng-long*.— *Dụ-Tôn* mất rồi, thế lực nhà Trần càng ngày càng thêm yếu. Quân Chiêm sang quấy-nhiều mãi vùng Thanh-hóa và Nghệ-an. *Chê-bồng-Nga* ba lần tiên binh thắng đền *Thăng-long* cướp phá không ai chống nổi. Ba lần Thượng-hoàng Nghệ-Tôn và *Đế-Hiến* phải bỏ kinh-thành chạy lánh nạn. Thế mà đền khi giặc về rồi, vua quan đều không biết sửa-sang gì để phòng-bị về sau.

3. *Chê-bồng-Nga tử-trận*.— Năm 1390, *Chê-bồng-Nga* lại kéo binh ra đánh. *Trần-khát-Chân* đem binh dân trận ở sông *Hải-triều* (sông Luộc ở Hưng-yên). *Chê-bồng-Nga* đi thuyền đến xem hình-thế quân ta. Một người đẩy-tờ của vua Chiêm có tội chạy sang hàng *Khát-Chân*, bèn chỉ thuyền của *Chê-bồng-Nga*. *Khát-Chân* truyền lệnh bắn vào thuyền ấy. *Chê-bồng-Nga* trúng đạn chết.

Quân Chiêm bỏ chạy. Con *Chê-bồng-Nga* đầu hàng. Từ đó giặc Chiêm mới yên.

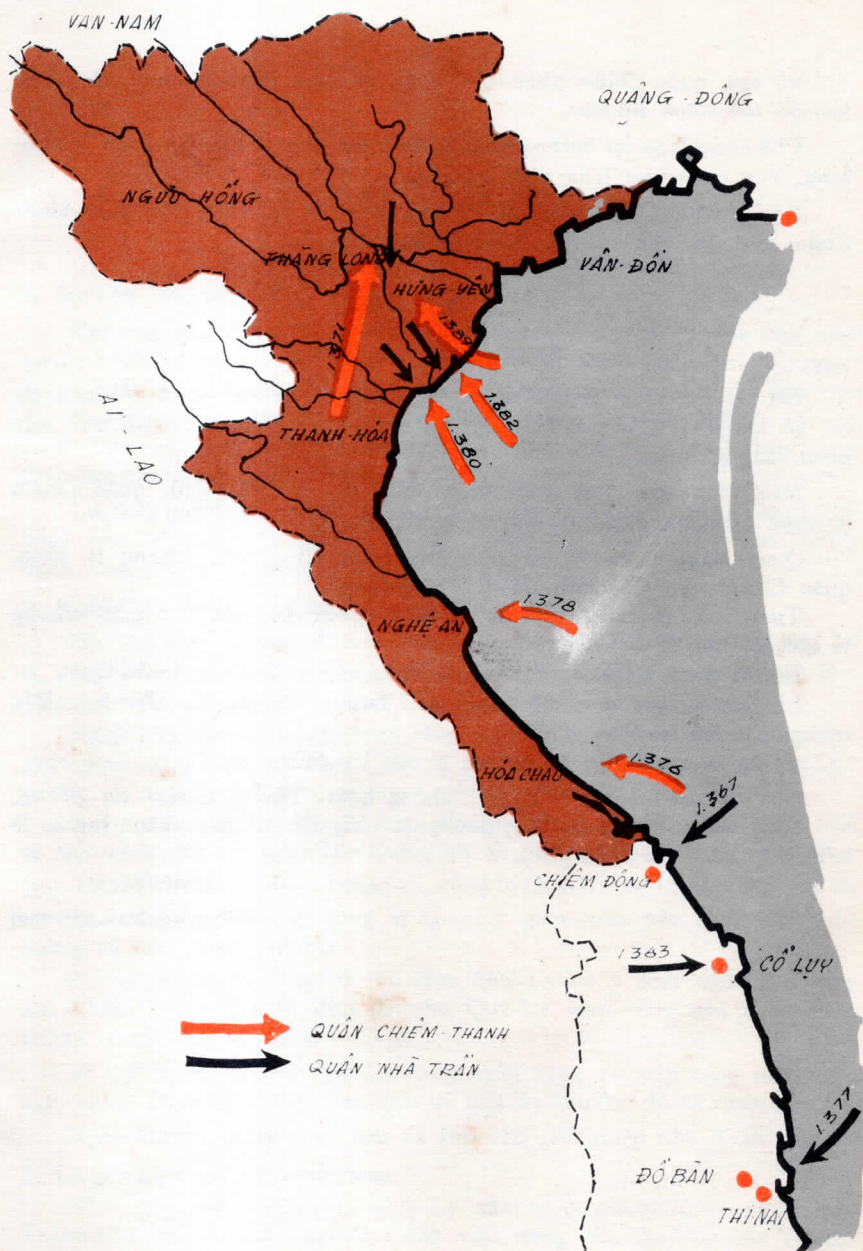
II. CÂU HỎI

- 1) *Quân Ai-lao thường sang quấy-nhiều vùng nào ?*
- 2) *Những ai đã đi đánh dẹp giặc Ai-lao ?*
- 3) *Tại sao vua Trần gả công-chúa cho vua Chê-Mân ?*
- 4) *Tại sao vua Trần đánh bắt Chê Chi ?*
- 5) *Dụ-Tôn thua Chiêm-thành thế nào ?*
- 6) *Dụ-Tôn tử-trận như thế nào ?*
- 7) *Tại sao quân Chiêm thường đánh phá nước ta ?*
- 8) *Chê-bồng-Nga đánh Thăng-long mấy lần ?*
- 9) *Vua nhà Trần phải làm sao ?*
- 10) *Về sau, Chê-bồng-Nga tử-trận như thế nào ?*

III. BÀI HỌC

Đời nhà Trần, quân Ai-lao thường sang quấy-nhiều vùng Thanh-hóa, Nghệ-an. Vua quan nhà Trần phải đi đánh dẹp mãi.

Cuộc giao-thiếp với Chiêm-thành lúc đầu rất hòa-hảo. Vua Anh-Tôn gả *Huyền-Trần Công-chúa* cho vua Chiêm là *Chê Mân* để được thêm châu *Ô* và châu *Ri*.



Bản-đồ ghi những năm có chiến-tranh giữa nhà TRẦN và CHIÊM-THÀNH

Về sau, quân Chiêm phản-trắc, quân ta sang đánh bị thua, **Duệ-Tôn** tử-trận tại thành **Đồ-bàn**.

Chế-bồng-Nga lại thường đem quân cướp phá, 3 lần lên đánh **Thăng-long**. Vua quan nhà Trần phải bỏ chạy.

Năm 1390, **Chế-bồng-Nga** lại kéo quân sang, nhưng bị **Trần-khát-Chân** bắn chết. Từ đó, giặc Chiêm-thành mới yên.

IV. BÀI ĐỌC

TƯỚNG HẦU CHỬI GIẶC.

Bắt đầu từ đời **Nghệ-Tôn**, thế-lực nhà Trần suy-nhược : bên trong thì kẻ **lộng-thần** lấn quyền vua, bên ngoài thì quân Chiêm-thành mảy phen sang đánh phá.

Năm **mậu-ngọ** (1378) dưới triều **Trần Phế-đế** (**Đế-Hiền**), quân Chiêm lại sang đánh đất **Nghệ-an**, tới sông **Đại-hoàng**.

Quan Hành-khiển Đỗ-tử-Bình đem quân đi chống, nhưng bị thua, quân Chiêm tiến lên đánh thành **Thăng-long**.

Trong các tướng-sĩ của ta, có một người hết sức phá giặc, nhưng vì thế cô phải bị bắt.

Người đó là **Lê Dác**, con quan **Nhập-nội Hành-khiển Lê-bá-Quát**.

Lê Dác bị bắt đem về đồn giặc. **Tướng Chiêm** bắt **Dác** lạy. **Dác** trừng mắt mà quát rằng :

— Ta là quan một nước lớn, lẽ nào lạy chúng bây !

Nói rồi luôn miệng chửi giặc không ngớt. **Tướng Chiêm** sai giết đi.

Nhà vua nghe tin ấy truy-phong là « **Mạ tặc trung-vũ-hầu** » (nghĩa là **tướng hầu trung-vũ chửi giặc**).

NGUYỄN LÂN

(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ TRẦN THỜI-KỲ SUY-VONG

I. BÀI GIẢNG

1. Dụ-Tôn bỏ việc triều-chính

Khi vua *Dụ-Tôn* mới lên ngôi thì *Thượng-hoàng Minh-Tôn* còn nắm quyền-hành nên mọi việc trong nước được an lành. Đến khi *Thượng-hoàng* mất rồi, *Dụ-Tôn ham-mê từ-sắc bỏ phê việc triều-chính*. Nhà vua bắt xây cung-điện, đào hồ đắp núi, khiến cho dân-gian khổ-sở. Trong nước nơi nào cũng có giặc-cướp nổi lên đánh phá. Tại triều, bọn gian-thần kết phe đảng để lộng-hành.

Lúc bấy giờ, ông *Chu-vấn-An* đang làm quan tại triều, thấy chính-trị bại-hoại, làm sớ dâng lên xin chém bảy người quyền-thần. *Dụ-Tôn* không nghe, ông cỡi áo từ quan.

2. Nghệ-Tôn quá tin dùng kẻ gian-hùng

Dụ-Tôn mất, không có con. Sau một thời-gian rối-ren trong việc kế vị, *Nghệ-Tôn* được lập lên ngôi. *Nghệ-Tôn* làm vua 2 năm rồi lên làm *Thượng-hoàng* suốt 3 triều *Dụ-Tôn*, *Đế-Hiến* và *Thuận-Tôn*.

Nghệ-Tôn nắm cả quyền-bính nhưng mọi việc đều giao cho *Lê-quý-Ly*, một người ngoại-thích mà *Nghệ-Tôn* rất tin dùng. *Nghệ-Tôn* ban cho *Quý-Ly* gươm và cờ có chữ đề : « *Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức* ».

Quý-Ly hộ giá *Dụ-Tôn* đi đánh *Chiêm-thành*, để vua tử-trận rồi trốn về một mình, thế mà *Nghệ-Tôn* không bắt tội. Những người không từng-phục *Quý-Ly*, kể cả thân-vương, hoàng-tử, cũng bị *Quý-Ly* xui *Nghệ-Tôn* giết đi.

Cho đến vua *Đề-Hiến* cũng bị *Quý-Ly* gièm-pha nên *Nghệ-Tôn* phê xuống và cho người sát-hại.

Sĩ-phu có người dâng sớ tâu rằng *Quý-Ly* có ý dòm ngó cơ-nghiệp nhà *Trần*, *Nghệ-Tôn* lại đưa sớ cho *Quý-Ly* xem, cho nên trung-thần không ai nói năng gì nữa.

Vì thế uy-quyền của *Quý-Ly* càng ngày càng to, vây cánh một ngày một nhiều. Đến lúc *Nghệ-Tôn* tỉnh lại biết lấy làm sợ thì đã chậm lắm rồi.

Nghệ-Tôn vì trí kém tài hèn đã làm cho cơ-nghiệp nhà *Trần* sụp-đổ.

3. Lê-quý-Ly mưu sự soán-đạo

Năm 1394, *Nghệ-Tôn* mất, *Quý-Ly* nắm cả quyền-bính, sai người vào *Thanh-hóa*, xây thành *Tây-đổ*. Công việc xong rồi, *Quý-Ly* bắt *Thuận-*

Tôn dời kinh về Tây-đô. Quý-Ly lại lập mưu cho một đạo-sĩ vào cung xui Thuận-Tôn nhường ngôi mà đi tu tiên. Nghe lời đạo-sĩ, Thuận-Tôn nhường ngôi cho Thái-tử mới 3 tuổi, rồi đi tu. Thái-tử lên ngôi tức là Thiệu-Đế. Quý-Ly lên làm phụ-chính, sai người giết Thuận-Tôn.

Thấy mưu gian của Quý-Ly, nhiều người như Trần-khát-Chân, Trần-nguyên-Hạng lập hội mưu trừ Quý-Ly, chẳng may bị bại-lộ, tất cả đều bị giết (trên 370 người).

4. Nhà Trần mất nghiệp

Năm 1400, Lê-quý-Ly truất-phế Thiệu-đế, rồi tự xưng làm vua, soán ngôi nhà Trần.

Nhà Trần mất nghiệp sau khi trị-vì được 175 năm, truyền được 12 đời vua.

II. CÂU HỎI

- 1) Du-Tôn làm điều gì khổ-sở cho dân?
- 2) Triều-thần lúc đó như thê nào?
- 3) Chu-văn-An dâng sớ xin điều gì?
- 4) Nghệ-Tôn làm Thương-hoàng trong những đời vua nào?
- 5) Nghệ-Tôn tin dùng Lê-quý-Ly như thê nào?
- 6) Uy-quyền của Quý-Ly ra sao?
- 7) Nghệ-Tôn mất rồi, Quý-Ly sắp-đặt sự soán-đoạt thê nào?
- 8) Những ai mưu trừ Quý-Ly?
- 9) Đến lúc nào Quý-Ly soán ngôi?
- 10) Nhà Trần trị-vì được bao nhiêu năm? truyền được mấy đời vua?

III. BÀI HỌC

Vua Du-Tôn ham-mê rượu-chè bài-bạc, bỏ phé việc triều-chính. Tại triều, quyền-thần lộng-hành, khắp nơi, giặc-cướp nổi lên. Nhà Trần bắt đầu suy-bại.

Thương-hoàng Nghệ-Tôn trí kém tài hèn, quá tin dùng Lê-quý-Ly, giết hại con cháu họ hàng, xa bỏ trung-thần nghĩa-sĩ. Nghệ-Tôn mất, Quý-Ly tóm thâu hết quyền-hành, bắt Thuận-Tôn dời kinh về Tây-đô (Thanh-hóa). Quý-Ly lại lập mưu xui Thuận-Tôn vào núi tu rồi sai người giết đi.

Thiệu-Đế lên ngôi mới 3 tuổi. Quý-Ly làm phụ-chính. Năm 1400, Quý-Ly bỏ Thiệu-Đế rồi tự xưng làm vua, soán ngôi nhà Trần.

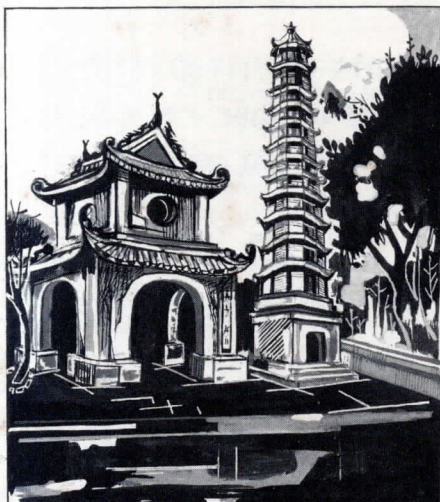
Nhà Trần trị-vì được 175 năm, truyền được 12 đời vua.

VI. BÀI ĐỌC

TRỜI XUI TA GIẾT ĐỨA VÔ ĐẠO

... Sau khi đã chễm-chệ trên ngôi cửu-ngũ, Quý-Ly hết sức tằm-nã con cháu nhà Trần để trừ cho hết. Một người cháu của Trần Anh-Tôn là Trần Kiều thầy thê, tức giận lắm, chỉ mong tìm được người thân-tín để bàn kế diệt quân thoán-đoạt.

Một hôm Trần Kiều gặp được một người bạn cũ là Võ-duy-Dương, Kiều năn-nỉ xin Dương báo thù cho vua tôi nhà Trần. Dương vui lòng nhận cái trọng-trách ấy.



Đền thờ nhà TRẦN (Nam-định)

Một ngày Dương được biết tin Quý-Ly sắp lên vắng cảnh chùa ở núi Thôi-ngôi, liền giắt trong mình một ngọn giáo, rồi đứng núp trong bụi để chờ Quý-Ly. Khi thấy Quý-Ly đi qua, liền nhảy xổ ra đâm một nhát vào mặt. Chẳng may đương lúc vội-vàng đâm trượt vào mũ. Quân lính chạy ồ đến bắt lấy Dương.

Quý-Ly sai tra-tấn, căn-vận hỏi ai xui làm việc ám-sát. Dương tuy bị đau, vẫn ung-dung đáp :

— Ta báo thù cho con cháu nhà Trần, chỉ tiếc không đâm trúng mầy. Quý-Ly hỏi :

— Con cháu nhà Trần là những ai ?

— Là cả nước Nam.

Quý-Ly tức quá, thét quân lính đánh. Khi thầy Dương đau quá, máu-mê đầm-đìa, Quý-Ly lại hỏi :

— Đứa nào xui mầy ?

— Trời xui ta giết đứa vô-đạo chứ ai xui !

... Rồi Dương đập đầu vào đá mà chết.

NGUYỄN LÂN

(Những trang sử vẻ-vang)

NHÀ HỒ (1400 - 1407) NHỮNG VIỆC CẢI-CÁCH

I. BÀI GIẢNG

1. Lê-quý-Ly sáng-lập nhà Hồ

Quý-Ly họ Hồ dòng dõi người Trung-hoa. Tồ-tiên sang nước ta từ cuối đời nhà Đường. Đến ông tổ tứ-đại của Quý-Ly làm con nuôi nhà họ Lê và từ đó mới đổi họ. Năm 1400 sau khi cướp ngôi nhà Trần, Quý-Ly lấy lại họ Hồ, gọi tên nước là *Đại-Ngu*, đóng đô ở *Tây-đô* (Thanh-hóa).

Hồ-quý-Lê làm vua chưa được một năm, bắt chưc nhà Trần, nhường ngôi cho con thứ là *Hồ-hán-Thương*, lên làm Thái-Thượng-hoàng.

Tuy ở ngôi không được bao lâu, nhà Hồ cải-cách được nhiều việc.

2. Việc kinh-tế

a) *Thuê-má*.— Nhà Hồ giảm thuê đình và thuế điền, nhưng đặt ra một thuế mới là *thuê thuyền buôn*.

Những người không có ruộng đất và cô-nhi quả-phụ được miễn thuế.

Thường-dân có trên 10 mẫu đất phải nộp số đất thừa cho triều-đình.

b) *Tiền-tệ*.— Hồ-quý-Ly có sáng kiến *in giấy bạc* để cho nhân-dân tiện việc buôn-bán. Tiền đồng thì thâu cả vào kho.

3. Việc học-hành và y-tế

Việc học-hành và thi-cử được sửa-đổi nhiều. Trong các khoa thi, nhà Hồ đặt thêm môn thi *toán-pháp*. Ai đỗ kỳ thi Hương rồi, năm sau phải vào bộ Lễ thi lại, đỗ nữa mới được bổ đi làm quan.

Hồ-quý-Ly lại cho dịch sách chữ Hán ra *chữ nôm* để giảng dạy khắp trong nước và cho dùng chữ nôm để soạn-thảo công-văn và sớ-biểu.

Kinh nhà Phật cũng được dịch ra chữ nôm và các nhà sư phải qua một kỳ thi về kinh-điền mới được phép xuất-gia.

Ngoài ra, nhà Hồ lại đặt *y-ty* để coi việc thuốc-thang cho dân.

4. Việc binh-bị

Biết rằng nhà Minh bên Tàu có ý dòm ngó nước ta, nhà Hồ rất lo chỉnh-đốn việc binh-bị.

Quý-Ly thường nói với các quan « *Ta phải làm thế nào cho có đủ 100 vạn quân để đánh giặc Bắc* ». Quý-Ly cho lập ra sớ *hộ-tịch*, con dân trong nước từ 2 tuổi trở lên phải biên vào sớ, ai ăn-lậu bị trừng-phạt. Nhờ vậy, sớ quân tăng thêm rất nhiều.

Binh-lính chia ra thành *quân, đoàn, vệ, đội*, có Đại-tướng-quân thống-linh toàn-thề.

Về thủy-quân, Quý-Ly sai động nhiều thuyền lớn, trên lót sàn để đi lại, dưới có người chèo chống. Ở các cửa sông hiểm-yếu và các cửa biển, đều có đóng cọc để phòng-ngữ quân giặc.

Quý-Ly lại bắt đắp thành *Đa-bang* ở Sơn-tây, đặt ra bồn kho chứa quân-nhu và chọn thợ khéo chế-tạo khí-giới.

Cuộc võ-bị của nhà Hồ thật là hết sức chu-đáo.

II. CÂU HỎI

- 1) Tại sao Lê-quý-Ly khi lên ngôi lấy họ là Hồ?
- 2) Nhà Hồ đóng đô ở đâu? đặt quốc-hiệu là gì?
- 3) Quý-Ly đặt ra thuế gì mới?
- 4) Quý-Ly cho in giấy bạc có ích-lợi gì?
- 5) Về việc học-hành và thi-cử, Quý-Ly đặt ra lệ gì?
- 6) Tại sao Quý-Ly rất lo chỉnh-đốn việc binh-bị?
- 7) Quý-Ly làm gì để sở quân được tăng thêm nhiều?
- 8) Chiến-thuyền được đóng như thế nào?
- 9) Quý-Ly làm cách nào để binh-lính có đủ khí-giới?
- 10) Quý-Ly còn làm gì nữa để phòng-ngữ quân giặc?

III. BÀI HỌC

Lê-quý-Ly lên ngôi lập ra nhà Hồ (1400) đặt kinh-thành ở Tây-đô (Thanh-hóa), sửa quốc-hiệu lại là **Đại-Ngu**.

Nhà Hồ đặt ra thuế thuyền buôn, in giấy bạc để thay thế tiền đồng. Về việc học-hành, thi-cử, nhà Hồ đặt thêm kỳ thi toán-pháp, sai dịch kinh-sách chữ Hán ra chữ nôm, cho dùng chữ nôm để soạn-thảo công-văn và só-biêu. Y-ty được thiết-lập để coi việc thuốc-thang cho dân.

Việc binh-bị được tổ-chức rất chu-đáo. Nhà Hồ lập sở hộ-tịch, mộ thêm quân-sĩ, định lại binh-chế, đóng chiến-thuyền, đắp thành-lũy, phòng-bị các nơi hiểm-yếu, lập kho chứa quân-nhu và xưởng chế-tạo khí-giới.

IV. BÀI ĐỌC

CÔNG CUỘC CẢI-CÁCH VỀ KINH-TẾ CỦA NHÀ HỒ

1. Muốn làm giàu công-khố, Quý-Ly đặt ra cách làm tiền giấy phát-hành cho dân tiêu :

- Giấy 10 đồng vẽ cây rêu bèo.
- Giấy 30 đồng vẽ cái sóng.
- Giấy một tiền vẽ đám mây.
- Giấy hai tiền vẽ con rùa.
- Giấy ba tiền vẽ con lân.
- Giấy năm tiền vẽ con phượng.
- Giấy một quan vẽ con rồng.



Di-tích thành TÂY-ĐÔ (Thanh-hóa)

Dân phải đổi tiền đồng lấy giấy tiêu, ai cố ý tích-trữ, ăn-nặc bị tội như vẽ giấy tiền giả. Vẽ giấy tiền giả bị tội chết chém.

Đó là phương-pháp tài-chánh mục-đích làm cho nước giàu và làm dễ-dàng việc mật-dịch trong nước, phương-pháp ấy các cường-quốc Âu-Mỹ ngày nay đều thực-hành.

2. Trái với các luật-lệ nhà Trần, Quý-Ly lập lệ rằng, trừ những bậc vương-hầu ra, những thường-dân đều là người tôn-thất hoặc hoàng-phái, cũng không được có trên 10 mẫu ruộng, ai có thừa phải nộp cho quan, ai có tội có thể lấy ruộng mà chuộc tội.

Phương-sách nầy có mục-đích làm cho nền kinh-tế trong dân-gian khỏi bị quá ư chênh-lệch.

LÊ-VĂN-HÒE
(Quốc-sứ đình-ngoa)

NHÀ HỒ VIỆC GIẶC-GIÃ

I. BÀI GIẢNG

1. Nhà Hồ đánh lấy đất Chiêm-thành

Năm 1402, nhà Hồ sai tướng đem quân đánh Chiêm-thành. Vua Chiêm dâng đất *Chiêm-dộng* (Quảng-nam) và đất *Cô-luy* (Quảng-ngãi) để xin bãi binh. Quý-Ly chia đất mới chiếm ra làm 4 châu, đặt quan cai-trị và di dân vào khai-khẩn.

2. Nhà Hồ bị nhà Minh đánh bại

a) *Nguyên-nhân*.— *Trần-thiêm-Bình* sang Tàu tự xưng là con vua Trần Nghệ-Tôn, kể rõ sự tiếm-ngịch của Hồ-quý-Ly và xin vua nhà Minh giúp binh trừ nhà Hồ.

Năm 1406, nhà Minh sai tướng đem 5.000 binh đưa Trần-thiêm-Bình về nước. Quý-Ly cho quân đón ở Chi-lăng, đánh tan quân Minh, bắt Thiêm-Bình đem về xử tử.

b) *Quân Minh kéo sang nước ta*.— Nhân cơ-hội ấy, nhà Minh sai 2 đạo quân sang đánh nước ta: một đạo do *Trương Phụ* chỉ-huy, từ Quảng-tây kéo sang cửa Nam-quan, một đạo do *Mộc Thạnh* điều-khiển, từ Văn-nam tràn xuống ngả Tuyên-quang. Quân Minh hội nhau ở bờ phía Bắc sông Cái (Nhị-hà), truyền hịch kẻ tội nhà Hồ và nói rằng quân Minh sang để giúp nhà Trần diệt họ Hồ. Bài hịch ấy viết vào những mảnh ván nhỏ thả xuống sông, quân-sĩ và dân-chúng bắt được, nhiều người bỏ theo giặc. Nhờ thế quân Minh đi đến đâu thắng đến đó. Quân nhà Hồ phải lui về giữ thành Đa-bang (Sơn-tây).

c) *Đa-bang thất-thủ*.— Thành Đa-bang rất kiên-cố. Trương Phụ đốc-thúc tướng-sĩ công-phá dữ-dội. Nhân khi quân nhà Hồ xua voi ra trận, quân Minh vẽ sư-tử trườn lên ngựa rồi xông vào và dùng súng bắn thật hăng. Voi sợ chạy trở lại. Quân Minh theo sau voi tràn vào thành. Quân Hồ trở tay không kịp, thua to, bỏ chạy. Quân Minh thừa thế đánh tràn xuống sông Cái, đốt sạch các đồn ải, rồi tiến chiếm Đông-dô. Trương Phụ vào thành, tổ-chức việc cai-trị, tính kế ở lâu dài.

d) *Trận Mộc-phàm-giang*.— Hồ-nguyên-Trừng, con trưởng của Hồ-quý-Ly, đóng binh ở Hoàng-giang. Mộc Thạnh đem thủy, lục quân đến đóng

ở sông *Mộc-phàm* (huyện Phú-xuyên, Hà-dông, tiếp với Hoàng-giang). Nguyên-Trùng đem 300 chiếc thuyền ra giáp chiến, nhưng bị quân Minh ở hai bên bờ sông đánh úp. Nguyên-Trùng thua chạy.

d) *Trận Hàm-tử-quan*.— Quân Minh đóng ở *Hàm-tử*. Quý-Ly và Hán-Thương từ Tây-đô ra đem 7 vạn binh, giả xưng là 21 vạn, rồi phân quân bộ ra làm hai đạo đi men hai bên sông, quân thủy đi giữa, tiến đến *Hàm-tử-quan*. Quân Minh hai mặt xông ra đánh quá mạnh, quân Hồ chống không nổi, một phần bỏ chạy, một phần hàng giặc, thuyền lương chìm mất cả.

e) *Ngây tòn của nhà Hồ*.— Quý-Ly và Hán Thương chạy vào Nghệ-an. Trương Phụ đem quân đuổi theo. Hồ-quý-Ly, Hồ-hán-Thương và con cháu đều bị bắt ở Hà-tĩnh và bị giải về Tàu.

Nhà Hồ mất nghiệp, sau khi trị-vì chỉ được 7 năm (1400-1407).

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Hồ sai tướng đem quân đánh nước nào ?
- 2) Vua Chiêm phải dâng những đất nào ?
- 3) Quý-Ly sai ai đến ở những đất ấy ?
- 4) Nhà Minh lấy cớ gì sai quân đánh nước ta ?
- 5) Trương Phụ dùng mưu nào để gạt dân ta ?
- 6) Trương Phụ thắng quân Hồ ở những nơi nào ?
- 7) Nói lại trận *Hàm-tử-quan* ?
- 8) Tại sao quân Hồ phải thua ?
- 9) Sau khi bại trận số phận của Quý-Ly và con cháu như thế nào ?
- 10) Nhà Hồ trị-vì được bao lâu ?

III. BÀI HỌC

Năm 1402, Hồ-quý-Ly sai tướng đem quân đánh **Chiêm-thành**. Vua Chiêm dâng đất **Chiêm-động** và **Cổ-lự**.

Năm 1406, nhà Minh sai **Trương Phụ** và **Mộc Thạnh** sang đánh nước ta, lấy tiếng giúp **Trần diệt Hồ**. Quân Minh thế-lực rất mạnh, lại được một số quân-sĩ nhà Hồ theo hàng. Vì vậy, quân Hồ bị thua mãi. Thành **Đa-bang** thất-thủ, **Đông-đô** bị chiếm, Hồ-nguyên-Trùng bị bại to ở sông **Mộc-phàm**.

Năm 1407, Hồ-quý-Ly đem thủy, lục quân quyết-chiến với quân Minh ở **Hàm-tử-quan**, rồi cũng bị đánh tan.

Quý-Ly và con cháu chạy vào Hà-tĩnh đều bị bắt và giải về Tàu.

Nhà Hồ trị-vì chỉ được **7** năm thì mất.



Bản-đồ Nam-tiến của nhà HỒ

IV. BÀI ĐỌC

VÌ SAO HỌ HỒ THUA GIẶC MINH ?

Họ Hồ thất-bại một phần là vì quan-niệm sai lầm về *chiến-thuật, chiến-lược*.

Địa-thể nước nhà đất-đai nhỏ hẹp, lại lắm rừng nhiều núi, không thuận-tiện cho trận-địa chiến (chiến-tranh dàn thành mặt trận hãn-hồi), chỉ thuận-tiện cho du-kích chiến và phục-kích chiến mà thôi.

Trần Hưng-Đạo sở-dĩ thắng giặc Mông-cổ là vì Ngài đã biết *lấy đoản-binh chống với trường-trận*, tức là lấy nhu thắng cương, lấy nhược thắng cường, lấy du-kích chiến chọi với quân giặc ham trận-địa chiến, như lời Ng^h đã trời lại cho vua Trần Anh-Tôn.

Sau nhà Hồ, vua Lê Thái-Tổ, mười năm chống giặc Minh cũng áp-dụng chiến-lược đánh lâu dài và áp-dụng chiến-thuật du-kích, phục-kích.

Đầu này Hồ-Quý-Ly lại quan-niệm lầm rằng phải lấy cương chống với cương, lấy trận-địa chiến chống với trận-địa chiến. Bởi thế nên họ Hồ mới sai đắp thành Đa-bang, mới lập đồn ải suốt dọc sông, mới đường-hoàng kéo đại-đội thủy, lục quân tiến đánh giặc Minh ở Hàm-tử-quan.

Họ Hồ không biết rằng khi giặc cứng như đá mà mình lại dùng cứng chống lại thì không thể được. Vì nước mình người vắng, quân ít, cái cứng của mình đối với giặc Minh, chỉ là cái cứng của trứng chọi với đá mà thôi.

Thầy giặc Minh ồ-ạt kéo sang định nuốt trửng nước mình ngay, họ Hồ cũng định dùng chiến-lược đánh chúng thắng chúng, ồ-ạt chống lại quân giặc, muốn chỉ một vài trận là đánh bại giặc thù. Họ Hồ không biết tránh mũi nhọn của kẻ thù, trái lại cả gan xông vào đón lấy mũi nhọn ấy.

Chiến-thuật, chiến-lược đã sai lầm thì kết-quả không bao giờ là thắng-lợi được.

LÊ-VĂN-HOÈ

(Những bài học lịch-sử)

NHÀ HẬU-TRẦN (1409-1413)

I. BÀI GIẢNG

1. Quân Minh định việc đô-hộ nước ta

Sau khi thắng nhà Hồ, *Trương Phụ* giả treo bảng gọi con cháu họ Trần, rồi bắt quan-lại và kỳ-lão trong xứ ta làm tờ khai rằng: « *Họ Trần không còn ai nữa, và đất An-nam nguyên là đất Giao-châu ngày trước, nay xin đặt quận huyện như cũ* ».

Nhà Minh lấy cơ đồ chiếm giữ nước ta, rồi chia ra làm 17 phủ và 5 châu, đặt quan cai-trị và cắt quân phòng-bị các nơi.

Tuy nhiên, con cháu nhà Trần còn có người muốn khôi-phục nghiệp cũ và trong nước cũng có nhiều anh-hùng hào-khiet không muốn làm nô-lệ cho nước Tàu, cho nên nhà *Hậu-Trần* lại hưng-khởi lên.

2. Giản-định-đế (1407 - 1409)

a) *Khởi-nghĩa*.— Con thứ vua Trần Nghệ-Tôn là *Trần Quý ần*-náu ở Yên-mô (Ninh-bình) xưng là *Giản-định-đề*, chiêu-mộ quân, chống lại quân Minh.

b) *Gây thế-lực*.— Trước sức mạnh của quân Minh, *Giản-định-đế* phải chạy vào Nghệ-an. Nơi đây, *Giản-định-đế* được nhiều người có tài đến giúp như: *Đặng Tất* và *Nguyễn-cảnh-Chân*. *Đặng Tất* thắng quân Minh tại cửa *Nhật-lệ*. Lúc bấy giờ đất nước ta từ Nghệ-an trở vào thuộc về nhà Trần và thế-lực của *Giản-định-đế* mạnh lên.

c) *Thắng trận Bồ-cô*.— Năm 1408, *Giản-định-đề* tiến quân ra *Đông-đô*. Người thương nước ở các nơi ra theo rất nhiều. Nhà Minh sai *Mộc Thạnh* đem quân đánh dẹp. Quân ta thắng trận ở *Bồ-cô* (Ninh-bình). *Mộc Thạnh* bỏ chạy.

d) *Giết oan tướng giồi*.— *Giản-định-đề* muốn thừa thắng tiến đánh lấy *Đông-đô*, nhưng *Đặng Tất* khuyên nên đợi quân các nơi hội về rồi sẽ đánh. *Giản-định-đế* nghe lời gièm-pha giết *Đặng Tất*, luôn cả *Nguyễn-cảnh-Chân*. Tướng-sĩ ngã lòng, nhiều người bỏ đi, quân-lực lại suy-giảm.

3. Trần-quý-Khoách (1409 - 1413)

a) *Dấy nghiệp*.— Con *Đặng Tất* là *Đặng Dung* và con *Nguyễn-cảnh-Chân* là *Nguyễn-cảnh-Dị* vào Thanh-hóa tôn cháu Nghệ-Tôn là *Trần-quý-Khoách* lên làm vua, tức vua *Trùng-Quang*. Để thống-nhất lực-lượng, *Trùng-Quang* sai *Nguyễn Súy* vào đánh bắt *Giản-định-đế* đem về tôn lên làm Thái-thượng-hoàng, cùng lo việc khôi-phục.

b) *Giản-định-đề bị hại*.— Sau trận *Bồ-cô*, nhà Minh sai *Trương Phụ* đem binh sang đánh. Quân *Hậu-Trần* thua. *Giản-định-đề* bị giặc bắt.

c) *Nhân-dân bị tàn sát.*— Trương Phụ thắng luôn quân Hậu-Trần ở *Hàm-tử*, *Bình-than* và *Nghệ-an*, giết hại nhân-dân một cách tàn-bạo ghê-gớm như là : xếp thây người thành núi, nấu thịt người lấy dầu.

d) *Trùng-Quang cầu phong.*— Vua Trùng-Quang lui về Hóa-châu, muốn hoãn binh bên sai *Nguyễn Biểu* cầu phong với Trương Phụ. Trương Phụ tỏ vẻ kiêu-căng. Nguyễn Biểu nói năng khảng-khải và chưởi mắng quân Minh nên Trương Phụ bắt giết.

e) *Nhà Hậu-Trần mất nghiệp.*— Trương Phụ tiến binh đánh Hóa-châu. Vì quân ít thê cô, chẳng bao lâu Trùng-Quang và các tướng đều bị bắt và bị giải về Tàu. Giữa đường Trùng-Quang và Đặng Dung nhảy xuống biển tự-vận.

Nhà Hậu-Trần mất nghiệp, nước ta lại lệ-thuộc nhà Minh.

II. CÂU HỎI

- 1) Thắng được nhà Hồ rồi, nhà Minh lấy có gì để chiếm nước ta ?
- 2) Nhà Minh chia đất nước ta ra thê nào ?
- 3) Con cháu nhà Trần có ai nổi lên ?
- 4) Giản-định-đề thắng quân Minh những trận nào ?
- 5) Tại sao về sau thê lực Giản-định-đề suy-giảm ?
- 6) Trần-quý-Khoách nhờ ai giúp để nổi lên ?
- 7) Tại sao quân Hậu-Trần chống không nổi quân Minh ?
- 8) Trương Phụ tàn-sát nhân-dân thê nào ?
- 9) Sô phận vua tôi nhà Hậu-Trần về sau thê nào ?
- 10) Sô phận nước ta ra sao sau khi nhà Hậu-Trần mất nghiệp ?

III. BÀI HỌC

Dứt được nhà Hồ rồi, nhà Minh chiếm luôn nước ta, đặt quan cai-trị.

Giản-định-đề nổi lên, mưu việc khôi-phục cơ-nghiệp nhà Trần. Giản-định-đề thắng quân Minh ở *Bồ-cô* (Ninh-bình) nhưng nghe lời gièm-pha giết tướng tài là **Đặng Tất**.

Trần-quý-Khoách lại khởi binh, hiệu là **Trùng-Quang**, rước Giản-định-đề về cùng lo việc nước.

Trương Phụ đem quân tấn công liên-tiếp. Quân Hậu-Trần chống không nổi. Giản-định-đề bị bắt. Trùng-Quang lui về **Hóa-châu**, cầu phong đề hoãn binh nhưng không được.

Sau, Trùng-Quang và tướng **Đặng Dung** bị bắt giải về Tàu. Giữa đường vua tôi cùng nhảy xuống biển tự-vận.



Đền thờ NGUYỄN BIỂU (Lam-thành)

IV. BÀI ĐỌC

CỔ ĐẦU NGƯỜI

Năm 1413, vì quân-lính mệt-mỏi và lương-thực cạn dần, vua Trùng-Quang phải dời quân vào Hoá-châu và muốn cầu phong với Trương Phụ.

Nhưng biết sai ai đảm-đương công-việc nặng-nề ấy? Mấy lần trước vua đã có sai sứ sang Tàu cầu phong rồi, nhưng vua nhà Minh cho giết sứ đi. Lần này thì biết lấy ai là người có can-đảm nhận đi yết-kiến Trương Phụ?

Nhà vua vừa ngó ý thì một người vui lòng lĩnh mệnh. Người đó là Nguyễn Biểu.

Nguyễn Biểu người làng Bình-hồ, huyện Chi-la (Hà-tĩnh), đỗ Thái-học-sinh, nổi tiếng là người cương-trực.

Tục truyền rằng : Khi ông tới trước mặt Trương Phụ, quân giặc bắt ông lạ, ông cứ đứng trơ-trơ. Trương Phụ sai nấu một đầu người đặt lên mâm mời ông ăn. Ông ung-dung cười mà nói rằng :

— Đã mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc ! Rồi lấy đũa khoét hai mắt hòa với giấm mà nuốt.

Trương Phụ khen ông là một tráng-sĩ và lấy lễ mà mời ông về nhưng có người gièm-pha, Trương Phụ cho người theo bắt ông trở lại. Ông trừng mắt mà mắng Phụ rằng :

— Bề ngoài bày phao lên rằng đem quân sang để làm việc nhân-nghĩa, mà bề trong thì bày tìm kế mưu cướp nước người. Bầy đã hứa lập con cháu nhà Trần mà lại đặt ra quận huyện để cai-trị. Nào cướp của-cải, nào giết nhân-dân, bầy thực là bọn giặc làm càn.

Trương Phụ bèn sai người đem giết ông.

Theo NGUYỄN LÂN
(Những trang sử vẻ vang)

NƯỚC TA THUỘC NHÀ MINH (1414-1427)

I. BÀI GIẢNG

1. Dã-tâm của nhà Minh

Trừ được nhà Hậu-Trần xong, Trương Phụ và Mộc Thạnh về Tàu, đem theo rất nhiều của-cải và đàn bà con gái.

Bọn *Hoàng Phúc* được lệnh ở lại tiếp-tục sắp-đặt mọi việc cai-trị cốt ý giữ mãi nước ta trong vòng đô-hộ của Trung-hoa và đồng-hóa dân ta với người Tàu.

2. Việc đô-hộ

Việc đô-hộ tồ-chức rất chặt-chẽ và khắc-nghiệt.

a) *Hành-chánh*.— Các phủ, châu, huyện chia ra làm lý; lý chia ra làm nhiều *giáp*; giáp chia ra làm nhiều *hộ*. Các thành-phố gọi là *phường*, chung quanh thành-phố gọi là *tương*.

Mỗi gia-đình phải có sổ ghi số người trong gia-đình. Mỗi người lại có thẻ riêng biên tên tuổi và hương quán, để khi bị khám xét thì phải trình ra.

b) *Thuê-má*.— Nhà Minh đặt ra *thuê muối* và *thuê bãi dậu*. Dân nấu muối phải chờ khám xét rồi đóng thuế xong mới được bán. Mỗi mẫu dậu phải nộp 1 lượng tơ, mỗi cân tơ phải nộp 1 tấm lụa.

Châu, huyện nào cũng có *tòa thuế khóa* để trong coi việc thu thuế.

c) *Sưu-dịch*.— Chỗ nào có mỏ vàng mỏ bạc, quan nhà Minh bắt dân phu đi khai mỏ. Ở gần rừng núi, dân phải đi tìm *ngà voi*, *sừng tê*. Ở gần biển, dân phải đi mò *ngọc trai*.

3. Chính-sách đồng-hóa

Nhà Minh thi-hành một chính-sách đồng-hóa dân ta thật độc-hiểm.

a) *Học-hành*.— Muốn cho dân ta tiêm-nhiễm học-thuật Trung-hoa, nhà Minh xuống chỉ truyền lấy *Tứ thư*, *Ngũ kinh* ban cấp cho người nước ta học ở các châu, huyện, rồi lại sai thầy tăng và đạo-sĩ đi truyền giảng *Đạo Phật* và *Đạo Lão*.

Trái lại, bao nhiêu sách vở quý giá của nước ta từ đời nhà Trần trở về trước thì tóm thu tất cả để đem về Tàu, đến nay không còn thấy ở đâu.

Thật là một sự *phá-hoại tàn-nhẫn* đối với nền văn-học nước ta.

b) *Tín-ngưỡng*.— Nhà Minh bắt các châu, huyện phải lập đền miếu rồi đem các thần-thánh Trung-hoa bắt dân ta tế-tự.

c) *Phong-tục*.— Nhà Minh còn bắt dân ta theo phong-tục Trung-hoa : đàn ông phải để tóc dài, phụ-nữ phải mặc áo ngắn, không được ăn trầu, nhuộm răng.

Chính-sách khắc-nghệt của quân Minh đã không đồng-hoá được dân ta như ý muốn của chúng, trái lại còn thúc đẩy dân ta sớm cùng nhau đoàn-kết nổi lên đánh đuổi chúng ra khỏi nước để giành lại nền độc-lập.

II. CÂU HỎI

- 1) Hoàng Phúc sắp đặt việc cai-trị cốt ý thế nào ?
- 2) Châu, huyện chia ra làm gì ?
- 3) Tại sao nhà Minh bắt lập số đình ?
- 4) Nhà Minh đặt thuế gì mới ?
- 5) Dân ta bị bắt làm những việc gì cực nhọc ?
- 6) Nhà Minh bắt ta học những gì ?
- 7) Tại sao nhà Minh thu sách vở của ta đem về Tàu ?
- 8) Về việc tề-tự, dân ta phải làm gì ?
- 9) Về cách ăn mặc, ta bị bắt buộc làm sao ?
- 10) Sự áp-chè của nhà Minh có lợi gì cho nước ta ?

III. BÀI HỌC

Trừ xong nhà Hậu-Trần, nhà Minh áp-dụng một chính-sách hiềm-độc để bóc-lột và đồng-hoá dân ta.

Quan nhà Minh tổ-chức việc cai-trị thật chặt-chẽ để kiểm-soát từng người dân. Chúng đặt ra thuế-má nặng-nề, lại bắt dân ta lên rừng núi tìm ngà voi, sừng tê, xương biển mò ngọc trai, hoặc đi khai mỏ vàng, mỏ bạc.

Chúng bắt ta học toàn chữ Hán và tóm thâu tất cả sách vở quý giá của ta đem về Tàu

Chúng đem thần-thánh Trung-hoa sang ép buộc ta cúng-tế và bắt ta phải ăn mặc theo Trung-hoa.

IV. BÀI ĐỌC

QUÂN MINH ĐÃ TÓM THẦU NHỮNG SÁCH GÌ CỦA TA ?

Theo sách « Lịch-triều hiến-chương » của ông Phan-huy-Chú thì những sách của nước Nam mà Tàu lấy về là những sách sau này :

— Hình-Thư của vua Thái-Tôn nhà Lý ... 3 quyển



Thuế-má nặng-nề thời-kỳ thuộc nhà MINH.

- Hình-luật của vua Thái-Tôn nhà Trần 1 quyển
- Di-hận-lục của vua Thánh-Tôn nhà Trần 2 quyển
- Trung-hưng thực-lục của vua Nhân-Tôn
nhà Trần 2 quyển
- Thủy-vân tùy bút của vua Anh-Tôn nhà
Trần 2 quyển
- Thi-tập của vua Minh-Tôn nhà Trần ... 1 quyển
- Thi-tập của vua Nghệ-Tôn nhà Trần ... 1 quyển
- Binh-gia yếu-lược của Trần Hưng-Đạo 1 bộ
- Vạn-kiệp bí-truyền của Trần Hưng-Đạo . 1 bộ
- Tứ-Thư thuyết-ước của Chu-văn-An ... 1 bộ
- Đại-Việt sử-ký của Lê-văn-Hưu 30 quyển
- Nhị-kê thi-tập của Nguyễn-phi-Khanh .. 1 quyển
- Phi-sa-tập của Hàn Thuyên 1 quyển

Những sách ấy bây giờ không biết mất đâu cả, không thấy quyển nào nữa, thật là một cái thiệt-hại cho người nước mình.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

THỜI-ĐẠI ĐỘC-LẬP

NHÀ HẬU-LÊ (1428 — 1527)

1. Lê Lợi khởi-nghĩa chống quân Minh
(1418 — 1427)
2. Nhà Hậu-Lê — Thời-kỳ hưng-thịnh
(1428 — 1504)
 - — Việc nội-trị
3. — — Văn-học — Tôn-giáo
4. — — Võ-công
5. — — Thời-kỳ suy-vong
(1504 — 1527)

LÊ LỢI KHỞI-NGHĨA CHỐNG QUÂN MINH (1418—1427)

I. BÀI GIẢNG

1. Lê Lợi phát cờ khởi-nghĩa

Lê Lợi người làng Lam-sơn (Thanh-hóa) là một nhà nông giàu có. Ông hay giúp đỡ người nghèo và có chí-khí. Quân nhà Minh nghe tiếng, mời ông ra làm quan, nhưng ông một mực từ-chối.

Ông thường nói với bạn-bè: « *Làm trai sinh ở trên đời, phải chông nạn lớn, lập công to, để tiếng muôn thuở, chứ sao bo-bo làm đầy-tớ người ta!* »

Năm 1418, ông phát cờ khởi-nghĩa ở Lam-sơn, tự-xưng là Bình-định-vương, quyết đánh đuổi quân Minh ra khỏi nước.

2. Lấy Chí-linh làm căn-cứ dưỡng quân

a) *Về Chí-linh lần thứ nhất.* Vừa mới khởi binh, Vương thắng quân Minh một trận. Nhưng vì thế-lực của giặc quá mạnh, Vương vội-vả rút binh về núi Chí-linh, bỏ cả vợ con để giặc bắt được.

b) *Về Chí-linh lần thứ hai.* Năm 1419, Vương lại đem quân tiến đánh giết được tướng giặc. Nhưng vì quân ít không thể đánh lâu, Vương lại phải về Chí-linh. Giặc đến vây rất ngặt. Lê Lai mặc áo cầm-bào của Bình-định-vương xông ra cho giặc bắt để Vương chạy thoát.

c) *Về Chí-linh lần thứ ba.* Năm 1421, Vương thắng được tướng Minh là Trần Trí. Nhưng quân Lào lại sang giúp quân Minh, Vương phải lui về Chí-linh nữa. Giặc đến vây kín bốn mặt. Lương cạn, quân-sĩ phải ăn rau cỏ và có bao nhiêu voi ngựa phải làm thịt ăn cả. Vương phải sai người tạm cầu hòa. Quân Minh cũng mỗi-một thuận cho hòa.

3. Lấy miền Nam làm căn-cứ tiến quân

Năm 1424, theo kế-hoạch của Nguyễn Trãi, Vương thắng quân Minh nhiều trận, chiếm Thanh-hóa và Nghệ-an. Tướng Trần Trí thua chạy về Đông-đô.

Vương sai Trần-nguyên-Hân vào đánh tan quân Minh ở Bồ-chính, chiếm giữ hai châu Tân-bình và Thuận-hóa.

Thê là miền Nam Đại-Việt được giải-phóng, trừ hai thành Tây-đô và Nghệ-an còn do quân Minh cò-thú nhưng chỉ đợi ngày đầu hàng.

4. Dẹp tan quân Minh, giải-phóng đất nước

Măm 1426, vương tiến quân ra Bắc.

a) *Trận Tuy-động.*— Nhà Minh được tin cấp-cáo, sai Vương Thông đem quân cứu viện. Tại Tuy-động (Hà-đông) quân Minh mắc mưu, bị quân ta đánh tan-rã, chết hơn 5 vạn. Vương Thông chạy thoát vào Đông-đô, không dám ra đánh nữa.



Đền thờ LÊ THÁI-TÔ (Hà-nội)

Vương cho vây chặt Đông-đô và lo tổ-chức lại việc cai-trị trong nước.

b) *Trận Chi-lăng*.— Vương Thông cầu hòa, nhưng lén sai người về Tàu xin viện binh. Vua Minh sai *Liêu Thăng* và *Mộc Thạnh* đem 10 vạn binh cứu Vương-Thông. Bình-định-vương biết trước, sắp đặt mưu-kê với các tướng. Liêu Thăng háo thắng, đền ải *Chi-lăng* bị quân ta phục-kích giết chết tại trận. Quân Minh chết vô số. Mộc Thạnh trốn chạy về nước.

Vương Thông nghe tin mở thành đầu hàng.

Thề là sau mười năm xong pha tên đạn, Bình-định-vương giành lại độc-lập cho xứ-sở. Vương sai Nguyễn Trãi làm bài « Bình Ngô đại cáo » để báo tin cho toàn dân hay biết.

II. CÂU HỎI

- 1) Tại sao Lê Lợi khởi-nghĩa ?
- 2) Ông tự xưng là gì ?
- 3) Lúc đầu, Vương thường rút binh về đâu để dưỡng sức ?
- 4) Những lúc ấy Vương phải chịu khổ-sở thề nào ?
- 5) Về sau, Vương đánh lấy nơi nào để làm căn-cứ vững-chắc ?
- 6) Đền lúc nào Vương tiễn quân ra Bắc ?

- 7) Nhà Minh sai tướng nào sang tiếp quân Minh ?
- 8) Vương Thông bại trận ở đâu ?
- 9) Tướng nào lại sang nữa ? Liễu Thăng bị hại thế nào ?
- 10) Trò nghĩ sao về Bình-định-vương ?

III. BÀI HỌC

Năm 1418, **Lê Lợi** khởi-nghĩa ở **Lam-sơn** (Thanh-hóa), tự xưng là **Bình-định-vương**, chống quân Minh.

Lúc đầu, Vương thế yếu, ba phen rút binh về núi **Chí-linh**, một lần bỏ cả vợ con, một lần nhờ **Lê Lai** cứu thoát nạn, lần cuối cùng phải tạm xin hòa với giặc.

Năm 1424, Vương đánh thắng luôn nhiều trận, chiếm được từ **Thanh-hóa** trở về **Nam**.

Vương tiến quân ra Bắc, đại phá Vương Thông tại **Tuy-động** rồi vây chặt thành **Đông-đô**.

Liễu Thăng và **Mộc Thạnh** dẫn 10 vạn binh sang tiếp cứu. Vương sai tướng dùng mưu chém **Liễu Thăng** ở **Chi-lăng**. **Mộc Thạnh** chạy về nước. Vương Thông đầu hàng. Nước ta lại độc-lập.

IV. BÀI ĐỌC

TRẦN CHI-LĂNG

Năm 1427, Bình-định-vương nghe tin quân của bọn **Liễu Thăng** đã sắp sang nước ta, liền hội các tướng lại bàn rằng : « Quân kia cậy khỏe khinh yếu, lấy nhiều bắt nạt ít, chỉ cốt đánh cho được, chứ không tưởng đến điều khác. Nay đường xa nghìn dặm, mà đi có mấy ngày, nếu ta nhân lúc người ngựa của nó đang mệt-mỏi, ta đánh là tất được ». Bèn sai bọn **Lê Sát** đem 1 vạn quân lên phục sẵn ở cửa **Chi-lăng** để đợi quân Minh. Lại sai bọn **Lê Lý** đem 3 vạn quân cứ lục-tục kéo lên đánh giặc.

Bây giờ **Trần Lưu** đang giữ ở cửa **Ba-lụy** (Nam-quan) thấy quân Minh đến, lui về giữ **Ai-lưu** ; đến khi quân giặc đến đánh **Ai-lưu**, **Trần Lưu** lại lui về giữ **Chi-lăng**, cứ cách từng đoạn chỗ nào cũng có đồn, quân Minh đi đến đâu không ai dám chống giữ, phá luôn một lúc được những mấy cái đồn. **Liễu Thăng** đặc ý đuổi trần đi. Bình-định-vương lại làm ra bộ khiếp-sợ, cho người đưa thư sang nói với **Liễu Thăng** xin lập **Trần Cao** lên làm vua để xin bãi binh. **Liễu Thăng** tiếp thư không mở ra xem, cho người đưa về Bắc-kinh rồi cứ tiến quân lên đánh.

Ngày 18 tháng 9, quân **Liễu Thăng** đến gần cửa **Chi-lăng**, **Lê Sát** sai **Trần Lưu** ra đánh rồi bỏ chạy. **Liễu Thăng** mừng lắm, chỉ đem có 100 lính kỵ đuổi theo, bỏ đại-đội ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy đi không được, phục-binh ta đổ ra đánh, chém **Liễu Thăng**.

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

NHÀ HẬU-LÊ

THỜI-KỲ HƯNG-THỊNH

VIỆC NỘI-TRỊ

I. BÀI GIẢNG

Đầu đời nhà Hậu-Lê, nước ta được một thời-kỳ rất hưng-thịnh, nhờ tài-đức của hai vua Thái-Tổ và Thánh-Tôn.

1. Việc cai-trị

Đẹp xong quân Minh, Bình-định-vương lên ngôi, lập ra nhà Hậu-Lê, lấy hiệu là Thái-Tổ, đặt tên nước là Đại-Việt, đóng đô ở Thăng-long.

Thái-Tổ chia nước ra làm 5 đạo. Mỗi đạo có quan Hành-khiển cai-trị. Đến đời Thánh-Tôn, nước chia ra làm 12 đạo. Thánh-Tôn đặt ra chức Giám-sát ngự-sử để đi xem xét công việc ở các đạo hầu tránh sự nhũng-nhiều.

Tại triều-đình, có Tả Tướng-quốc, Hữu Tướng-quốc và 6 Thượng-thư đứng đầu lục-bộ: Lại-bộ, coi việc các quan, Lễ-bộ, coi việc lễ-nghi, Hộ-bộ, coi việc đình-điền, thuế-má, Hình-bộ, coi việc luật-pháp, Binh-bộ, coi việc quân-sự, Công-bộ, coi việc tạo-tác.

2. Luật-pháp

Sau thời-kỳ chinh-chiến, trong nước còn lắm kẻ gian-phi, du-đăng. Thái-Tổ đặt ra hình-phạt nghiêm-khắc để trừng-trị.

Thánh-Tôn ban-hành bộ luật Hồng-đức, một bộ luật rất hoàn-bị gồm cả hình-luật và hộ-luật. Đó là một công-trình đặc-sắc làm nổi tiếng nhà vua.

3. Việc kinh-tế

a) Nông-nghiệp.— Thái-Tổ định phép quân điền khiến cho từ quan đại-thần đến những người già yếu, cô quả, ai cũng có ruộng đất. Thánh-Tôn đặt quan khuyển-nông để coi việc cày cấy, quan Hà-đê để trông nom việc đê-diều, lập sở đồn-diễn trông coi việc khai-khẩn đất hoang.

b) Thuế-má.— Thuế-đình hàng năm mỗi người đóng 8 tiền. Thuế ruộng, thuế đất và thuế bãi dâu thì tùy theo số mẫu mà đóng.

c) Cân-lường.— Để tiện việc buôn-bán, Thánh-Tôn bày ra cách dùng cân, thước, thăng, đấu theo mẫu duy-nhất cho cả nước.

4. Việc binh - bị

Lúc đánh quân Minh, Thái-Tổ có 25 vạn binh. Sau khi lấy được Đông-đô, Thái-Tổ cho 15 vạn về làm ăn. Mười vạn giữ lại để phòng-vệ các đạo, chia ra làm 5 phiên, cứ 1 phiên lưu thì 4 phiên cho về làm ruộng, lần-lượt thay đổi nhau.



Đền thờ LÊ THÁNH-TÔN (Tuy-hòa)

Thánh-Tôn sửa lại binh-chế đặt ra những điều quân-lệnh luyện-tập thủy-trận, bộ-trận, tượng-trận, mã-trận. Cứ 3 năm có một kỳ thi võ, tướng-sĩ ai đậu thì thưởng, ai hỏng thì phạt.

5. Việc xã-hội

Thánh-Tôn lập nhà Tề-sinh để nuôi những người già nua đau yếu, và khi nào ở đâu có dịch-tễ thì sai quan đem thuốc đến điều-trị.

Thánh Tôn lại đặt ra 24 điều dạy dân để nhắc-nhở những bồn-phận nơi gia-đình và ngoài xã-hội.

II. CÂU HỎI

- 1) Đền nhà Hậu-Lê nước ta chia ra như thế nào?
- 2) Cách cai-trị mỗi đạo thế nào?
- 3) Tại triều-đình, trên các quan, có những chức nào?
- 4) Kể công việc của lục-hộ?
- 5) Thái-Tổ đặt ra hình-phạt thế nào?
- 6) Thánh-Tôn ban-hành bộ luật gì?
- 7) Về kinh-tế nhà Hậu-Lê làm những gì?
- 8) Tổ-chức binh-bị ra sao?
- 9) Thánh-Tôn lập nhà Tề-sinh để làm gì?
- 10) Thánh-Tôn còn làm gì nữa để dạy dân?

III. BÀI HỌC

Lê Thái-Tổ chia nước ta ra làm 5 đạo mỗi đạo có quan **Hành-khiển** cai-trị. Thánh-Tôn chia lại làm 12 đạo và đặt chức **Giám-sát** ngự-sử để xem xét công việc của các đạo.

Tại triều, trên các quan, có **Tả, Hữu** tướng-quốc và 6 **Thượng-thư** trông coi **lục-bộ** (Lại, Lễ, Hộ, Hình, Binh, Công).

Thái-Tổ đặt hình-pháp thật nghiêm. Thánh-Tôn ban-hành **bộ luật Hồng-đức**, rất hoàn-bị.

Về kinh-tế, nhà Hậu-Lê đặt **quan khuyến-nông**, **quan Hà-đê**, **lộ sở đồn-diên**, quy-định **thuế-má** và **phép cân-lường**.

Việc **binh-bị** được tổ-chức châu-đáo và quân lính được **luyện-tập** kỹ-luỡng.

Thánh-Tôn lập nhà **Tế-sinh** để chữa bệnh và phát thuốc cho dân, lại đặt ra **24** điều dạy dân ăn ở cho phải đạo.

IV. BÀI ĐỌC

TRÍCH 24 ĐIỀU DẠY DÂN CỦA LÊ THÁNH-TÔN

1. Cha mẹ dạy con phải có phép-tắc, trai gái đều có nghề-nghiep, không được rượu-chè cờ-bạc.
2. Người gia-trưởng tự mình phải giữ lễ-phép để cho cả nhà bắt chước; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia-trưởng.
3. Vợ chồng cần-kiệm làm **ăn-nghĩa** trọn vẹn.
5. Ở chốn hương-đảng tôn-tộc, có việc hoạn-nạn thì phải giúp đỡ lẫn-nhau.
10. Làm đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú-quý mà khinh nhà chồng, nếu không được như thế bắt tội đến cha mẹ.
11. Kẻ sĩ-phu nên quý phẩm-hạnh và giữ phép quan.
13. Quan dân đều phải hiểu-để, và chăm-chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau: khi đi làm việc quan, không được trễ-biếng trốn tránh.
14. Kẻ thương-mãi phải tùy thời-giá mà buôn-bán với nhau, không được thay đổi thương đầu.
20. Trong hạt phủ huyện có kẻ cường-hào xâm-chiếm đường-thỏ ức-hiếp cô-độc và xui-giục người ta kiện-tụng, thì cho xã-thôn cáo-giác lên để quan xử-trị.
21. Các nhà vương, công, đại-thần dung-túng những đũa tiều-nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức-hiếp dân-gian mà mua rẻ các đồ-vật, thì cho dân được đấu-cáo để trọng-trị.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

NHÀ HẬU-LÊ THỜI-KỲ HƯNG-THỊNH VĂN-HỌC — TÔN-GIAO

I. BÀI GIẢNG

1. Văn-học

Đời nhà Hậu-Lê, nhất là dưới triều vua *Thánh-Tôn*, văn-học ở nước ta rất *thạnh-hành*. *Nho-học* giữ địa-vị độc tôn.

Việc học-hành và thi-cử.— *Thái-Tổ* chinh-đốn trường *Quốc-tử-giám* tại kinh-đô cho con cháu các quan và những người thường-dân tuần-tú vào học, mở trường ở các phủ huyện và chọn thầy giảng-dạy. Ở các lộ, *Thái-Tổ* mở những khoa thi *Minh-kinh* cho những người ăn-dật ra ứng thí để tuyển nhân-tài.

Thái-Tôn đặt ra lệ cứ 5 năm một lần thi *Hương*, 6 năm một lần thi *Hội* và những người thi đỗ *Tiền-sĩ* được khắc tên vào bia đá ở *Văn-miếu*.

Thánh-Tôn sửa lại phép thi *Hương*, thi *Hội*, lập thêm lệ *xướng danh* các *Tiền-sĩ* và lệ cho các *Tiền-sĩ* về *vinh-quy*. *Thánh-Tôn* mở rộng nhà *Thái-học*, xây thêm phòng-đọc cho sinh-viên ở học, lập *kho bí-thư* để chứa sách. Phía trước nhà *Thái-học* là *Văn-miếu*.

2. Những thi-sĩ văn-gia và tác-phẩm nổi tiếng

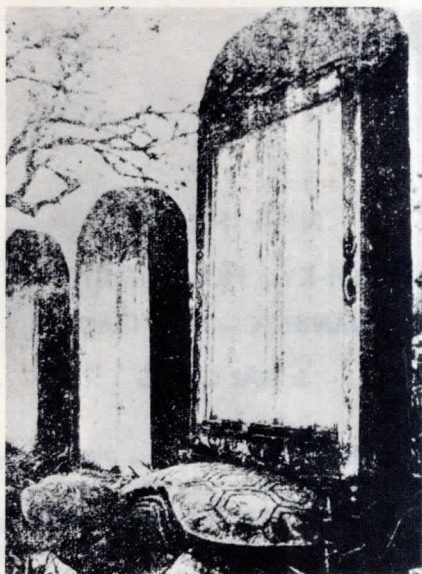
Chính *Thánh-Tôn* là một thi-gia có tài. Nhà vua lập ra hội *Tao-đàn* gồm 28 văn-nhân lỗi-lạc, gọi là *nhị-thập bát-tú*, tự làm *Tao-đàn Nguyên-soái*. Nhà vua cùng các hội-viên *xướng-họa* thi văn, bàn-bạc sách vở.

Về sử-ký, dưới đời *Nhân-Tôn*, *Phan-phù-Tiên* soạn-bộ *Quốc-sử* chép từ đời *Trần Thái-Tôn* đến thuộc *Minh*. *Thánh-Tôn* lại sai *Ngô-sĩ-Liên* viết bộ *Đại-Việt sử-ký* kể từ đời *Hồng-Bàng* đến *Lê Thái-Tổ*.

Về Địa-lý, *Nguyễn Trãi* soạn cuốn « *Địa-dư chí* ». *Thánh-Tôn* sai quan ở các đạo vẽ địa-đồ từng hạt, ghi rõ những sự-tích thờ-sản từng nơi, gởi về bộ *Hộ* để làm quyền *địa-dư toàn quốc*.

Ngoài ra, *Lê Thánh-Tôn* có làm nhiều bài thơ đặc-sắc và *Nguyễn Trãi* để lại cuốn *Gia-huân-ca* được dân-gian tán-thưởng.

Nhưng, áng văn tuyệt-tác đời *Hậu-Lê* phải kể là bài *Bình Ngô đại-cáo* của *Nguyễn Trãi* soạn ra từ khi *Thái-Tổ* mới dẹp xong giặc *Minh*.



Bia TIỀN-SĨ

3. Tôn-giáo

Trong khi Nho-học cực-thịnh thì Phật-giáo và Lão-giáo suy lún. Các thầy tăng và đạo-sĩ không còn hiểu rõ lý-thuyết cao xa của đạo nên bày ra lắm điều mê-tín. Bởi thế, Lê Thái-Tổ bắt những người theo đạo Phật, đạo Lão phải thi kinh-diễn những đạo ấy. Ai thi đậu mới được làm tăng và làm đạo-sĩ, ai thi hỏng phải về làm ăn. Thánh-Tôn cấm xây cất chùa mới để tiền của và công-phu làm việc công-ích.

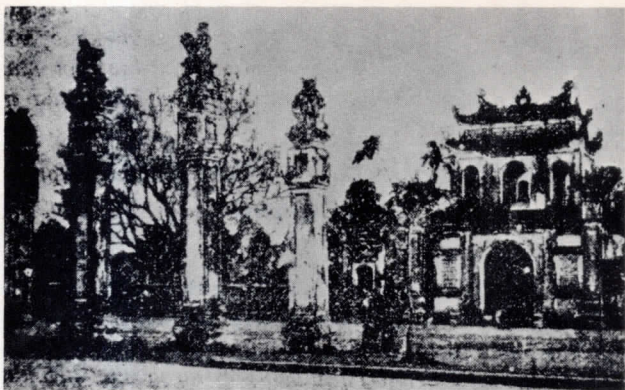
II. CÂU HỎI

- 1) Đời Hậu-Lê, văn-học thế nào ?
- 2) Thái-Tổ mở trường ở đâu ?
- 3) Thái-Tổ đặt ra những khoa thi gì ?
- 4) Thái-Tôn và Thánh-Tôn đặt ra lệ gì cho những người thi đậu Tiền-sĩ ?
- 5) Thánh-Tôn lập ra hội gì ? để làm gì ?
- 6) Kể những tác-phẩm về sử-ký, về địa-lý ?
- 7) Về văn-nôm, Thánh-Tôn còn lưu truyền những gì ?
- 8) Áng văn nào kể là hay nhất về đời Hậu-Lê ?
- 9) Đạo Phật và đạo Lão thế nào ?
- 10) Tại sao Thái-Tổ bắt những người đi tu phải thi ?

III. BÀI HỌC

Đời nhà Hậu-Lê, nhất là dưới triều vua Thánh-Tôn, văn-học cực-thịnh.

Thái-Tổ chỉnh-đốn Quốc-tử-giám, lập trường khắp các phủ, huyện, mở khoa thi Minh-kinh ở các lộ đề tuyển nhân-tài.



VĂN-MIẾU (Hà-nội)

Thái-Tôn đặt lệ khắc tên những người đỗ Tiến-sĩ vào **bia Văn-miếu**.

Thánh-Tôn đặt lệ **xướng danh** và **vinh-quy** cho các Tiến-sĩ, mở rộng nhà **Thái-học**, dựng kho **bí-thư**, lập hội **Tao-đàn**.

Các tác-phẩm nổi tiếng là **Đại-Việt sử-ký** của Ngô-sĩ-Liên, **Gia-huấn-ca** và **Bình Ngô đại-cáo** của Nguyễn-Trãi.

Trong khi Nho-học được độc-tôn, Phật-giáo và Lão-giáo suy lặn vì lý-thuyết của đạo không còn người hiểu rõ.

IV. BÀI ĐỌC

LỄ XƯỚNG DANH TRONG KHOA THI HỘI

Ngày xướng danh gọi là ngày truyền-lô. Hôm đó, bày nghi vệ đại-triều ở đền Thái-hoà, các quan mặc đồ triều-phục chia ban đứng châu, phụng Hoàng-thượng ra ngự điện, rồi quan Khâm-mạng tâu lại việc thi, quan Giám-thí thì triệu các tân-khoa tiến-sĩ vào nhà công-văn, phụng mệnh vua mà ban thưởng mỗi người một bộ áo mũ. Các tiến-sĩ quỳ lãnh rồi, quan Lễ-bộ dẫn vào quỳ sắp hàng trước sân rồng rồi quan truyền-lô cầm sổ theo thứ-tự mà xướng danh. Đầu dãy mới treo bảng ba ngày.

Sau khi ra bảng, ban ăn yến tại dinh Lễ-bộ và ban cho mỗi người một cành kim châm. Sáng hôm ấy, các quan-trưởng và các tân-khoa tiến-sĩ mặc đồ triều-phục, lễ vọng tạ ơn ban yến. Ăn yến đoạn, mỗi ông tân-khoa phải dâng một bài biểu tạ ơn.

Quan Lễ-bộ lại dẫn các quan Giám-thí và các ông tân-khoa vào vườn Ngự-uỷen xem hoa, mỗi người đều mặc đồ triều-phục, cưỡi ngựa che lọng, xem hoa xong thì ra từ cửa thành đông mà đi diễu xem các phố xá.

PHAN-KẾ-BÍNH
(Việt-Nam phong-tục)

NHÀ HẬU-LÊ — VÕ-CÔNG,

I. BÀI GIẢNG

1. Đánh Chiêm-thành (1471)

Khi vua *Thái-Tôn* mới lên ngôi, vua Chiêm-thành thừa dịp ấy sai quân sang đánh phá *Hóa-châu* nhưng quân ta dẹp tan ngay.

Đến lúc *Nhân-Tôn* vừa kế-vị *Thái-Tôn*, quân Chiêm-thành lại sang cướp phá *Hóa-châu* nữa.

Năm 1446, *Nhân-Tôn* sai *tướng* đem quân chinh-phạt Chiêm-thành. Quân ta chiếm được kinh-thành *Đồ-bàn*, bắt vua Chiêm và phi-tần đem về *Đông-kinh*, rồi lập người khác lên làm vua.

Đến năm 1470, vua Chiêm là *Trà Toàn* nhờ sự giúp đỡ của nhà Minh, đem 10 vạn quân theo đường thủy, bộ tràn sang đất *Hóa-châu*. *Trần-thủ Hóa-châu* báo tin về *Đông-kinh*. *Thánh-Tôn* bèn ngự giá thân chinh, cử hơn 20 vạn binh cũng theo đường thủy, bộ kéo vào Nam. *Đền Thuận-hóa*, *Thánh-Tôn* đóng quân lại để luyện-tập và cho người lên sang vẽ địa-đồ nước Chiêm. Nhà vua thảo một bản *bình Chiêm sách* phát cho quân-sĩ rồi tiến binh.

Đầu năm 1471, quân Chiêm bại trận đưa thư xin hàng. *Thánh-Tôn* không thuận, tiến tới chiếm cửa *Thị-nại* (*Bình-định*); *Trà Toàn* rút quân về giữ *Đồ-bàn*. Quân ta kéo đến vây đánh, hạ được kinh-thành. *Trà Toàn* bị bắt giải về *Đông-kinh*, chết ở dọc đường.

Thánh-Tôn chia đất Chiêm ra làm 3 nước.

Đặt *Đồ-bàn*, *Đại-chiêm* và *Cố-luy* được lập thành đạo *Quảng-nam*. *Thánh-Tôn* sai người vào cai-trị mở-mang văn-hóa và lập đồn-diễn để khai-khẩn.

Em *Trà Toàn* là *Trà Toại* trốn vào núi, sai người sang cầu cứu với nhà Minh và xin phong làm vua. *Thánh-Tôn* sai *Lê Niệm* đem quân vào đánh bắt.

Từ đó, Chiêm-thành bắt đầu suy-vong.

2. Đánh Lão-quạ và Bồn-man (1479)

Ở về phía Tây tỉnh *Ngệ-an*, có xứ *Bồn-man* đã xin nội-thuộc nước ta từ đời vua *Nhân-Tôn*. Xứ ấy được đổi làm châu *Quy-hợp* nhưng vẫn để cho tù-trưởng họ *Cầm* đời đời làm thủ-lãnh. Sau, châu *Quy-hợp* đổi làm phủ *Trần-ninh*, gồm có 7 huyện và quan ta vào cai-trị. *Cầm Công* bất mãn, liên-kết với nước *Lão-quạ* tức là *Ai-lao*, nổi lên chống *Đại-Việt*.

Năm 1479, quân *Lão-quạ* vượt biên-giới. *Thánh-Tôn* sai *tướng* đem quân chia làm 5 đạo tiến đánh *Lão-quạ*. Quân ta toàn thắng, chiếm kinh-đô, rượt



Di-tích thành ĐỒ-BÀN (Binh-dinh)

vua Lão-qua đến giáp-giới nước Diến-diện. Về phía Bồn-man thì quân ta cũng đã thắng. Chăm Công bị thua và tử-trận.

Võ-công của Thánh-Tôn làm cho thanh-thế nước ta được lừng-lẫy, nhà Minh kiêng nể, nước Chiêm, nước Lào và các mường ở phía Tây đều về triều-cống.

II. CÂU HỎI

- 1) Đòi nhà Hậu-Lê, quân Chiêm-thành thường sang đánh phá ở đâu ?
- 2) Nhân-Tôn đã thắng Chiêm-thành thề nào ?
- 3) Đền đòi Thánh-Tôn, vua Chiêm lại sinh-sự thề nào ?
- 4) Tại sao Thánh-Tôn nỡ giã thân-chinh ?
- 5) Thánh-Tôn đánh tan quân Chiêm thề nào ?
- 6) Tại sao Thánh-Tôn chia đất Chiêm ra làm 3 nước ?
- 6) Tại sao có giặc Lão-qua và giặc Bồn-man ?
- 8) Quân Lão-qua dị dẹp thề nào ?
- 9) Quân Bồn-man bị dẹp thề nào ?
- 10) Võ-công của Thánh-Tôn ra sao ?

III. BÀI HỌC

Đầu đời nhà Hậu-Lê, quân Chiêm-thành thường sang cướp phá. Năm 1470, vua Chiêm là Trà Toàn lại cử 10 vạn quân sang đánh Hóa-Châu. Thánh-Tôn bèn cử thủy bộ binh đi chinh-phạt. Năm 1471, quân ta đội-thắng, chiếm kinh-đô Đồ-bàn. Trà-Toàn bị bắt giải về Đông-kinh, chết ở dọc đường.

Thánh-Tôn lấy một phần đất Chiêm lập ra đạo Quảng-nam và chia phần đất còn lại làm 3 nước nhỏ.

Xứ Bồn-man đã nội-thuộc nước ta từ lâu. Năm 1479, tù-trưởng là Cầm Công liên-kết với nước Lão-quá rồi nổi lên chống cự. Thánh-Tôn sai 5 đạo quân sang đánh Lão-quá, chiếm kinh-thành. Vua Lão-quá bỏ chạy. Cầm Công tử-trận, xứ Bồn-man lại quy-thuận. Uy-thế Lê Thánh-Tôn thật hùng-lẫy.

IV. BÀI ĐỌC

LÊ THÁNH-TÔN CHẤM DỨT HỌA CHIÊM

— Việt-quân chiếm Đồ-Bàn

... Trà Toàn sợ quá, vội phái người xin hàng.

Việt-quân cứ tiến.

Ngày 27, Việt-quân tới cửa Thị-nại (Qui-nhon).

Ngày 29, quân Việt tới Đồ-Bàn, và bao vây kinh-thành. Trong khi quân-đội gấp rút làm thang, ngày 1-3, vua Lê hội các tướng, và nói : « Địch-quân đã hết tinh-thần, không tin ở lực-lượng chúng nữa. Ta tấn công là phải thắng. Đánh trống cũng đủ lấy thành.

Chiêm được rồi, quân-sĩ không được đốt kho trại, cũng không được giết vua. Phải bắt sống ».

Lệnh tấn công truyền xuống. Cờng thành phía đông bị phá, Việt-quân nhào vô. 60.000 quân Chăm bị giết, 30.000 bị bắt. Toàn thể gia-quyền Trà Toàn 50 người bị bắt sống.

Trà Toàn được tha chết, lại được làm nhà ở gần cung-điện mà ở. Vua Thánh-Tôn căn dặn quân lính phải đối-xử tử-tế với vua Chiêm.

— Cuộc di dân quyết-định

Lần này, Việt-quân đóng cùng đất Chiêm-thành chứ không rút về nữa. Biên-thùy Đại-Việt từ miền Thuận-hóa chuyển được 700 cây số qua về phía Nam, tới rặng núi giữa Phú-yên và Khánh-hòa bây giờ tức là Đèo Cả. Để ghi dấu biên-thùy mới, Việt-quân lập một cây cột đá trên núi, nên rặng núi đó kêu là Thạch-bi-sơn. Để chấm dứt cái họa Chiêm-thành, vua Lê Thánh-Tôn cho dân tràn xuống, sinh-sống với người Chăm, khai-khẩn ruộng hoang, sinh cơ lập nghiệp.

Theo NGỌC HƯƠNG

(Cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt-Nam)

NHÀ HẬU-LÊ — THỜI-KỲ SUY-VONG (1504 — 1527)

I. BÀI GIẢNG

1. Vua Uy-Mục tàn-bạo mở đường suy-vong

Bắt đầu từ đời vua Uy-mục, nhà Hậu-Lê bắt đầu suy-bại. Uy-Mục lên kế-vị cho em là vua *Túc-Tôn* (1505), giết tồ-mẫu và giết luôn cả Lê-bộ Thượng-thư và Đô-ngự-sứ, vì 3 vị này không chịu lập Uy-Mục lên làm vua, lúc Hiến-Tôn thăng-hà.

Uy-Mục đắm say tửu-sắc và rất tàn-ác. Sứ Tàu làm thơ gọi là *Quy-vương*.

Uy-mục thích dùng những người có sức mạnh làm túc-vệ. Vì thế *Mạc-đăng-Dung* là người đánh cá thi đỗ *Đô-lực-sĩ* được giữ chức *Đô-chỉ-huy-sứ*. Còn những tôn-thất và công-thần thì bị đánh đuổi, giam cầm.

Năm 1509, *Giản-tu-công*, anh em chú bác với Uy-Mục, bị bắt giam. *Giản-tu-công* vượt ngục rồi hội với các cựu-thần bắt giết Uy-Mục để lên ngôi, tức là vua *Tương-Dực*.

2. Vua Tương-Dực xa-xỉ gây loạn khắp nơi

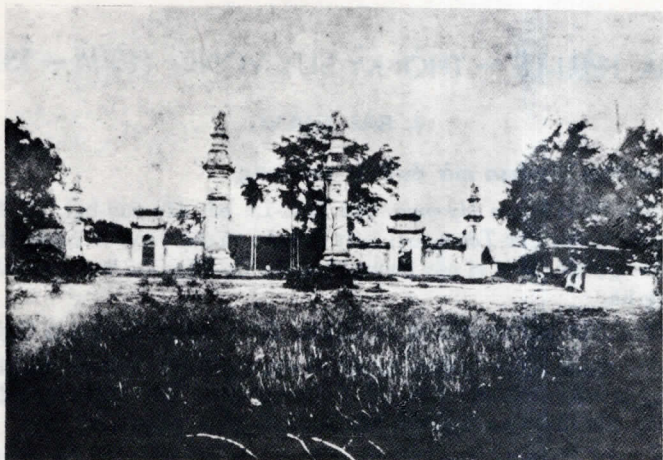
Tương-Dực là một ông vua ham chơi-bời xa-xỉ vô cùng. *Tương-Dực* sai xây điện 100 nóc, xây cầu-trùng-đài, đóng chiến-thuyền bắt đàn bà chèo chơi ở hồ Tây. Công-quỹ tiêu-hao, quân-dân phải làm-lụng khổ-sở chết hại rất nhiều. Sứ Tàu trông thấy báo rằng *Tương-Dực* có *tướng lộn*, sự loạn-vong chắc sắp tới.

Quả vậy, tại triều, các cựu-thần lần-lượt người thì chết, người thì xin về hưu. Trong nước, giặc-giã nổi lên khắp nơi. Lợi-hại nhất là tướng giặc *Trần-Cao*, đem quân về đóng ở đất *Bồ-đế*, bên kia sông *Nhị-hà*, chực đánh lấy kinh-đô. Tình-trạng rồi tung như thế mà *Tương-Dực* cũng không chịu sửa-sang việc gì cả, lại khinh-dể các quan. Vì vậy, Nguyên-quận-công *Trịnh-duy-Sản* nửa đêm đem binh bắt giết *Tương-Dực* đi.

3. Vua Chiêu-Tôn bất tài gây loạn triều-đình

Chiêu-Tôn được đưa lên ngôi thì giặc *Trần Cao* chiếm lấy Đông-kinh. Các tướng *Nguyễn-hoảng-Dụ* và *Trịnh Tuy* phân binh vây đánh Đông-kinh. *Trần Cao* thua chạy lên vùng *Lạng-sơn*.

Nhưng *Chiêu-Tôn* vì tuổi còn trẻ, không quyết đoán được việc gì, nên các quan tranh quyền với nhau rồi chia phe đem quân đánh giết lẫn nhau mãi. *Chiêu-Tôn* can ngăn không được, bèn cho người vời *Mạc-đăng-Dung* đang ở *Hải-dương* về giúp. *Mạc-đăng-Dung* dẹp được loạn triều-thần, rồi càng ngày càng hồng-hách, lấn-át cả nhà vua.



Đền thờ nhà LÊ (Lam-thành)

4. Mạc-đăng-Dung chiếm ngôi nhà Hậu-Lê

Chiêu-Tôn thấy Đăng-Dung lần quyền bèn bỏ lên Sơn-tây để mưu việc trừ họ Mạc. Đăng-Dung bèn lập Hoàng-đệ lên ngôi, tức là Cung-Hoàng.

Năm 1524, Đăng-Dung sai quân đánh bắt Chiêu-Tôn giết đi. Năm 1527, Đăng-Dung giết luôn Cung-Hoàng rồi bắt các quan nhà Hậu-Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc.

Thờ là nhà Hậu-Lê mất nghiệp, truyền được 12 đời vua trị vì được 100 năm.

II. CÂU HỎI

- 1) Nhà Hậu-Lê bắt đầu suy-vong từ đời vua nào ?
- 2) Uy-Mục là một ông vua thờ nào ?
- 3) Trương-Dực làm hại như thờ nào ?
- 4) Chiêu-Tôn lên ngôi thì gặp giặc gì ?
- 5) Giặc Trấn Cao dẹp xong rồi, lại có loạn gì ?
- 6) Chiêu-Tôn gọi ai về giúp ?
- 7) Sau khi dẹp loạn xong, Mạc-đăng-Dung có thái-độ nào đối với vua quan ?
- 8) Tại sao Chiêu-Tôn bỏ đi ?
- 9) Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Hậu-Lê cách nào ?
- 10) Nhà Hậu-Lê trị-vì được bao lâu ? truyền được mấy đời vua ?

III. BÀI HỌC

Nhà Hậu-Lê bắt đầu suy-bại từ đời vua Uy-Mục.

Uy-Mục rất tàn-bạo, ham-mê tửu-sắc, giết hại tôn-thất và công-thần, tục gọi là **Quy-vương**.

Tương-Dực chơi-bời, xa-xỉ, xây điện **100 nóc** và cừu-trùng-đài, làm cho nhân-dân khổ-sở. Giặc-giã nổi lên khắp nơi.

Chiêu-Tôn lên ngôi gặp lúc giặc **Trần Cao** chiếm Đông-kinh. Các quan dẹp xong Trần Cao rồi lại đánh lẫn nhau. **Mạc-đăng-Dung** được gọi về triều, dẹp tan loạn triều-đình rồi lộng quyền.

Chiêu-Tôn bỏ kinh-thành, bị **Đặng-Dung** sai quân bắt giết. **Đặng-Dung** lập **Lê Cung-Hoàng** lên ngôi rồi năm 1427 cũng giết đi để soán ngôi nhà Hậu-Lê, lập ra nhà Mạc.

Nhà **Hậu-Lê** truyền được 12 đời, trị-vì **100 năm**.

IV. BÀI ĐỌC

NHỒ VÀO MẶT KẸ NGHỊCH-THẦN

Lúc **Mạc-đăng-Dung** soán ngôi nhà Hậu-Lê, có những người khoa-giáp biết liêm-sĩ, trọng cương-thường, thà chịu tuần-tiết chứ không chịu dẫn mình làm tôi-tớ cho kẻ phản-bội

Có người như ông **Vũ-công-Duệ** chửi mắng kẻ nghịch-thần, rồi ôm quả ấn của mình nhảy xuống cửa bể **Thần-phù** mà chết.

Có người như ông **Nguyễn-thiệu-Tri** khi 92 tuổi nghe thấy con trưởng mình theo họ **Mạc**, liền từ mà lập con thứ hai làm thừa-tự, rồi gánh mặt về **Lam-sơn**, khóc lạy, trước khi tự-vẫn.

Có người như ông **Lê-tuân-Mậu**, khi **Đặng-Dung** bắt vào châu, cố thu trong tay áo một viên đá, nhắm đúng mặt kẻ phản-ngịch mà ném, nhưng không trúng, bị **Đặng-Dung** bắt giết đi.

Lại có người như ông **Nguyễn-thái-Bạt** thầy **Đặng-Dung** tiếm ngôi, liền giả đui mù, xin lại gần y mà bàn chuyện. Đến lúc đứng gần kẻ thoán-đoạt, ông bèn nhổ vào mặt hắn, cho hả cơn giận. Lẽ tất-nhiên là ông bị giết liền. Nhưng trước khi chết còn có thể nhổ vào mặt kẻ mình khinh-bí, thì cái chết ấy là một cái chết vinh.

Cho hay những bậc trung-ngĩa nhiều khi coi cái chết nhẹ hơn một sợi lông.

NGUYỄN-LÂN

(Nhưng trang sử vẻ-vang)

THỜI-ĐẠI NAM BẮC PHÂN TRANH

1. Nhà Mạc
2. Họ Nguyễn giúp nhà Lê
3. Họ Trịnh và họ Nguyễn xưng Chúa
4. Trịnh Nguyễn phân tranh
5. Người Âu-châu sang Việt-Nam
6. Tây-Sơn khởi-nghĩa
7. Họ Trịnh mất nghiệp Chúa
Nhà Hậu-Lê mất ngôi

NHÀ MẠC (1527—1592)

I. BÀI GIẢNG

1. Việc nội-trị

Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Hậu-Lê, lên làm vua, đặt niên-hiệu là *Minh-Đức*.

Biết lòng dân còn tưởng nhớ đến công-đức của *Lê Thái-Tổ* và *Lê Thánh-Tôn*, *Mạc-đăng-Dung* cứ noi theo phép nhà Hậu-Lê mà trị nước, chớ không sửa-đổi việc gì cả. *Đăng-Dung* lại truy-tặng cho những người trung-nghĩa đã vì nhà Hậu-Lê mà tuấn-tiết và tìm con cháu các cựu-thần phong cho quan-tước. Nhưng chỉ một số ít người chịu ra tùng-phục nhà Mạc, còn phần đông thì ần-tránh vào rừng núi, đổi tên họ, hoặc bỏ nước ra ngoại-quốc. Cũng lắm người nghĩa-khí nổi lên chống cự với nhà Mạc.

Nhà Mạc dẹp được các cuộc khởi-nghĩa ấy nhưng không thu-phục được nhân-tâm.

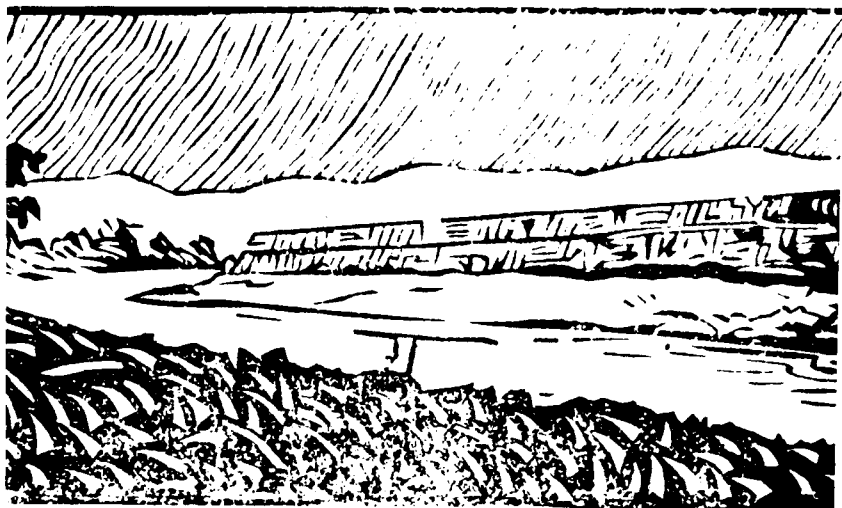
2. Việc giao-thiệp với quân Minh

Từ khi *Mạc-đăng-Dung* vừa lên ngôi, quan nhà Hậu-Lê đã có người sang Tàu kể với nhà Minh việc thoán-đoạt của họ Mạc. Nhà Minh muốn lấy cớ *phò Lê diệt Mạc* để xâm-chiếm nước ta như trước kia đã sang đánh họ Hồ. Năm 1537, vua nhà Minh sai tướng đem binh đóng gần cửa *Nam-quan*. Tướng Minh một mặt truyền hịch đi mọi nơi, hễ ai bắt được cha con *Mạc-đăng-Dung* thì thưởng cho quan-tước và 2 vạn bạc, một mặt đưa thư sang cho *Mạc-đăng-Dung* bảo phải nộp sớ ruộng đất cùng sớ nhân-dân và chịu tội thì được tha cho khỏi chết. *Mạc-đăng-Dung* liền sai sứ xin hàng.

Đến năm 1540, *Đăng-Dung* thầy quân nhà Minh sửa-soạn sang đánh, sợ-hãi quá, cùng với quan-lại cả thầy hơn 40 người, cỡi trần và trói mình, lên chịu tội ở cửa *Nam-quan*, lạy phục xuống đất nộp sớ diên-thỏ và sớ dân đinh, lại xin công-hiến đất 5 động ở biên-giới. Quan nhà Minh tuy bề ngoài làm hùng hổ rằng sang đánh, nhưng bên trong không khỏi e sợ cái thất-bại đau-đớn trước kia, nên khi được vàng bạc đút lót riêng bên tàu với vua nhà Minh xin bãi binh và phong cho *Mạc-đăng-Dung* chức *Đô-thông-sứ*.

3. Các vua nhà Mạc

Đăng-Dung làm vua được 3 năm, bắt-chước lối nhà Trần, truyền ngôi cho con là *Mạc-đăng-Danh* để lên làm *Thái-thượng-hoàng*. *Mạc-đăng-Danh* làm vua được 10 năm (1530—1540) thì mất. Con là *Mạc-phúc-Hải* lên thay (1540—1546) rồi đến *Mạc-phúc-Nguyên* (1546—1561), sau cùng là *Mạc-mậu-Hợp* (1562—1592). Cuối năm 1592, *Mạc-mậu-Hợp* bị *Trịnh-Tùng* bắt giết và nhà Mạc coi như mất ngôi kể từ đó, sau khi trị-vì được 65 năm, truyền được 5 đời.



Thành nhà MẠC (theo sách xưa)

II. CÂU HỎI

- 1) Mạc-đăng-Dung lên ngôi rồi làm những gì để mua chuộc lòng dân?
- 2) Tại sao phần đông không phục nhà Mạc?
- 3) Những ai nổi lên chống cự?
- 4) Nhiều quan nhà Hậu-Lê sang Tàu để làm gì?
- 5) Nhà Minh muốn thừa cơ-hội để làm gì?
- 6) Quân Minh kéo sang đóng ở đâu?
- 7) Tướng Minh truyền hịch thề nào?
- 8) Mạc-đăng-Dung làm sao để khỏi có giặc?
- 9) Kể các vua nhà Mạc?
- 10) Nhà Mạc bị ai dứt?

III. BÀI HỌC

Năm 1527, **Mạc-đăng-Dung** lên ngôi, đặt niên-hiệu là **Minh-Đức**.

Mạc-đăng-Dung vẫn noi theo phép nhà **Hậu-Lê** mà trị nước, nhưng các cụ-thần không mấy người chịu phục. Người thì ăn-tránh trên rừng núi, người thì bỏ ra ngoại-quốc, người thì nổi lên đánh phá.

Năm 1540, nhà Minh thừa cơ-hội cho quân sang đóng ở **Nam-quan** rồi truyền hịch **phù Lê diệt Mạc**. **Mạc-đăng-Dung** sợ-hãi, tự trối mình, lên tận **Nam-quan**, hàng phục nhà Minh, dâng sớ đình, sớ diên, nộp tiền bạc và cắt đất 5 động ở biên giới để cống-hiến.

Nhà **Mạc** trị-vì được 65 năm, truyền được 5 đời vua đến **Mạc-mậu-Hợp** thì dứt.

IV. BÀI ĐỌC

NHẬN XÉT VỀ MẠC-ĐĂNG-DUNG.

Giết **Lê Cung-Hoàng** để cướp ngôi, cỡi trần trối mình, lạy xin chịu tội với nhà Minh, lại dút lút vàng bạc và cắt đất dâng Minh, **Mạc-đăng-Dung** bị cò-sử ghi là một kẻ bất nghĩa, hèn nhát, phản quyền-lợi quốc-gia, rất có tội với nòi-giống.

Song le, ngoài cái tội giết **Lê Cung-Hoàng** để tiếm ngôi, hậu-thê không khỏi lấy làm suy nghĩ, trước những hành-động của **Mạc-đăng-Dung** đối với Minh, nếu trông sâu vào tình-hình trong nước thời bấy giờ.

Những vua cuối đời **Lê** đã gây nhiều nỗi oán-hờn ngoài dân-chúng cho nên loạn nổi khắp nơi. Trong lúc ấy, một sớ quan-lại giữ lòng trung với **Lê** dấy quân chống **Mạc**. Ngoài ra, trong Thanh-hóa, **Nguyễn Kim** và **Trịnh Kiểm**, để giúp **Lê trung-hưng**, đã gây được thế-lực khá mạnh, sửa-soạn bắt buộc **Mạc** dẫn mình vào vòng binh-đao. Nội tình rời-ren, chia rẽ như thế, nếu **Mạc** cương-quyết đương đầu với Minh, e nước lại bị Minh thôn-tính như đã bị thôn-tính vào đời **Hồ** vậy.

Phải chăng vì thế, **Mạc** nghĩ thà chịu lụy Minh nhất thời để chỉ mất ít còn hơn mất cả, mong được rảnh tay, ổn-định tình-thế bên trong, mà xây dựng cơ-đồ cho vững chắc trước đã, rồi sau sẽ tính đến việc phải làm đối với cường-địch bên ngoài ?

PHAN-XUÂN-HÒA
(Lịch-sử Việt-Nam)

HỌ NGUYỄN GIÚP NHÀ LÊ

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyễn Kim khởi-nghĩa giúp nhà Lê

Trong số cựu-thần nhà Lê không chịu phục nhà Mạc bỏ ra nước ngoài, có con *Nguyễn-hoàng-Dụ* là *Nguyễn Kim* sang nước Ai-lao. Nguyễn Kim chiêu-tập tướng-sĩ rồi cho đi tìm con cháu nhà Lê để mưu việc khôi-phục.

Năm 1532, Nguyễn Kim tìm được người con út của Lê Chiêu-Tôn là *Duy-Ninh*, lập lên làm vua, tức là *Trang-Tôn*. Nguyễn Kim lại gặp được một người tướng tài giỏi là *Trịnh Kiểm* bèn gả con gái là *Ngọc-Bảo* cho, đề cùng nhau lo việc *phò Lê diệt Mạc*.

Năm 1542, binh-lực đã mạnh, Nguyễn Kim đem quân đánh lấy *Thanh-hóa* và *Nghệ-an*, rồi năm sau chiếm luôn thành *Tây-dô*. Từ đó, nước ta chia làm hai: từ Thanh-hóa trở vào thuộc nhà Lê, tức *Nam-triều*, từ Sơn-nam trở ra thuộc nhà Mạc, tức *Bắc-triều*.

2. Họ Trịnh thay quyền họ Nguyễn

a) *Thời-kỳ Trịnh Kiểm*.— Năm 1545, Nguyễn Kim cất binh ra đánh Sơn-nam, giữa đường bị hàng-tướng nhà Mạc đánh thuộc độc chết. Con trai của Nguyễn Kim là *Nguyễn Uông* và *Nguyễn Hoàng* còn nhỏ tuổi, nên binh-quyền giao cả cho *Trịnh Kiểm*.

Trịnh Kiểm rút binh về Thanh-hóa, chiêu-mộ kẻ hào-kiệt, luyện-tập quân-sĩ, tích-trữ lương-thảo để lo việc đánh nhà Mạc.

Năm 1548, *Trang-Tôn* mất, *Trung-Tôn* lên thay. Tám năm sau, *Trung-Tôn* lại mất, *Trịnh Kiểm* lập *Anh-Tôn* lên ngôi.

Nhà Mạc sai tướng đem binh đánh Nam-triều đến 10 lần nhưng lần nào cũng bị chặn đứng rồi phải rút lui. *Trịnh Kiểm* cũng ra đánh Bắc-triều 6 lần nhưng cũng không thành công.

b) *Thời-kỳ Trịnh Tùng* — Năm 1570, *Trịnh Kiểm* mất, hai con là *Trịnh Cối* và *Trịnh Tùng* tranh quyền với nhau. *Trịnh Cối* thất-thể chạy ra hàng nhà Mạc. *Trịnh Tùng* nắm cả quyền-hành. *Anh-Tôn* nghi-ngờ, mưu trừ *Trịnh Tùng*, bị *Trịnh Tùng* sát-hại. *Thê-Tôn* được lập lên thay.

Trong vòng 10 năm, *Trịnh Tùng* giữ thế thủ, quân nhà Mạc vào đánh quyết-liệt nhưng đánh mãi không nổi. Đến năm 1583, *Trịnh Tùng* xem lực-lượng của mình đã mạnh, đổi ra thế công, năm nào cũng cử binh-mã đi đánh nhà Mạc



Lăng NGUYỄN-KIM (Thanh-hóa)

Năm 1592, Trịnh Tùng thông-linh 5 vạn quân tiến ra Bắc, đại-thắng quân Mạc, hạ được kinh-thành, phá-hủy những hào-lũy rồi rút binh về.

3. Nhà Mạc mất ngôi

Vua nhà Mạc bấy giờ là Mạc-mậu-Hợp say-đắm tửu-sắc, bạc-đãi tướng-sĩ. Tướng *Bùi-văn-Khuê* bỏ vào đầu họ Trịnh.

Cuối năm 1592, Trịnh Tùng lại đem binh ra Bắc, cả phá nhà Mạc trên sông *Hát-giang*. Mạc-mậu-Hợp bỏ kinh-thành chạy nhưng bị bắt giết.

Thê là công cuộc trung-hưng nhà Lê được hoàn-thành.

Con cháu nhà Mạc chạy lên mạn *Cao-bằng* nhờ thế-lực của nhà Minh làm vua được 3 đời nữa, đến năm 1667 mới dứt hẳn.

II. CÂU HỎI

- 1) Vì sao Nguyễn Kim khởi-nghĩa ?
- 2) Ông lập ai lên làm vua ?
- 3) Có ai giúp sức ông ?
- 4) Ông đánh lấy đất nào trước tiên ?
- 5) Ông chết trong trường-hợp nào ?

- 6) *Trịnh Kiểm lên thay đem binh về đâu?*
- 7) *Trịnh Kiểm đánh với nhà Mạc thế nào?*
- 8) *Trịnh Tùng thắng nhà Mạc thế nào?*
- 9) *Tại sao nhà Mạc mất?*
- 10) *Con cháu nhà Mạc chạy đi đâu? Làm vua được mấy đời nữa?*

III. BÀI HỌC

Năm 1532, **Nguyễn Kim** lập người con út của **Lê Chiêu-Tôn** lên làm vua, tức là **Trang-Tôn** rồi chiêu-mộ tướng-sĩ để mưu việc phò **Lê** diệt **Mạc**.

Ông đánh lấy từ **Thanh-hóa** trở vào, chia đôi giang-san với nhà **Mạc**. Năm 1545, ông tiến quân ra **Bắc**, giữa đường bị người hàng-tướng đánh thuốc độc chết. Rê là **Trịnh Kiểm** thế quyền, rút binh về **Thanh-hóa**. **Nam, Bắc** đánh nhau hơn 10 năm không phân thắng bại.

Trịnh Kiểm mất, **Trịnh Tùng** lên thay, cuộc đánh nhau thêm quyết-liệt. Năm 1592, **Trịnh Tùng** cử binh ra **Bắc**, hạ được kinh-thành, bắt được **Mạc-mậu-Hợp** đem giết. Thế là công-cuộc trung-hưng nhà **Lê** được hoàn-thành.

IV. BÀI ĐỌC

NGƯỜI ANH-HÙNG VÀ NHÀ LÝ-SỐ

Vua **Trang-Tôn** mất, **Trung-Tôn** lên thay. **Trung-Tôn** lại mất không có con, mà bây giờ dòng-dõi nhà **Lê** cũng không có ai, việc binh quyền thì ở trong tay **Trịnh Kiểm** cả.

Tục truyền rằng **Trịnh Kiểm** đã lưỡng-lự muốn tự xưng làm vua, nhưng còn chưa dám định hẳn bề nào, các quan cũng không ai biết làm thế nào cho phải. Sau **Trịnh Kiểm** cho người đi lên ra **Hải-dương** hỏi ông **Nguyễn-bình-Khiêm**, tức là **Trạng Trình**, xem nên làm thế nào?

Ông **Nguyễn-bình-Khiêm** không nói gì cả, chỉ ngảnh lại bảo đầy-tớ rằng: «*Năm nay thất mùa, thóc giồng không tốt, chúng mày nên tìm giồng cũ mà gieo mạ*». Nói rồi lại sai đầy-tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa và đốt hương, để ông ra chơi chùa, rồi bảo tiểu rằng: «*Giữ chùa thờ Phật thì ăn oán*».

Sứ-giã về kể chuyện lại cho **Trịnh Kiểm** nghe, **Trịnh Kiểm** hiểu ý, mới cho người đi tìm con cháu họ **Lê**. Sau tìm được người cháu huyền-tôn **Lê Trừ** là anh vua **Thái-Tồ**, tên là **Duy-Bang**, ở làng **Bồ-vệ**, huyện **Đông-son**, rước về lập lên làm vua, tức là **Anh-Tôn**.

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

HỌ TRỊNH VÀ HỌ NGUYỄN XƯNG CHÚA

I. BÀI GIẢNG

1. Họ Trịnh làm Chúa ở miền Bắc

Trong thời-kỳ trung-hưng, các vua nhà Lê chỉ còn có hư-vị. Họ Trịnh khởi từ Trịnh Tùng, tự xưng làm *Chúa*, cha truyền con nối, nắm hết quyền-hành ở *miền Bắc*, gọi là *Đàng ngoài*, trong 216 năm (1570-1786).

a) *Việc cai trị*.— Chúa Trịnh đặt ra *phủ Liêu* và *lục-piên* để thay thế triều-đình và lục-bộ, trông coi việc nước. Chúa Trịnh đặt ra lệ cứ ba năm khảo-hạch các quan một lần, ai không xứng chức thì giáng xuống.

b) *Luật-pháp*.— Chúa Trịnh sửa-đổi luật-pháp, bãi bỏ các hình-phạt nặng-nề, quy-định cách xử kiện cho nhanh chóng.

c) *Việc kinh-tề*.— Chúa Trịnh đặt ra *thuê tuần-ti* đánh vào các thuyền bè chở hàng-hóa đi buôn-bán trên sông. Chúa khuyến-khích việc khai mỏ ở miền thượng-du, và mở lò đúc tiền ở kinh-sr. Chúa lại mở thương-cảng *Phổ Hiền* cho người ngoại-quốc vào buôn-bán.

d) *Việc binh-bị*.— Chúa Trịnh lập *võ-miêu*, mở *trường võ-bị*, đặt lệ 3 năm một lần thi võ. Quân lính chia ra làm hai hạng: hạng *ưu-binh* mộ ở Thanh-hóa, Nghệ-an, đóng ở kinh-thành, hạng *nhất-binh*, mộ tại Bắc, đóng ở các trấn.

e) *Việc văn-học*.— Chúa Trịnh mở-mang việc học-hành, sửa-đổi việc thi-cử, sai sử-gia viết được 3 bộ *Quốc-sử*, lại bắt khắc bản in, in sách dùng trong nước để khỏi mua của Tàu.

g) *Việc đánh dẹp nội-loạn*.— Từ đời *Trịnh-Giang* về sau, sưu-thuế nặng-nề, dân-tình khổ-sở, giặc-giã nổi lên khắp nơi. Những tướng tài giỏi như *Phạm-đình-Trọng* phải đánh dẹp gần 30 năm mới xong.

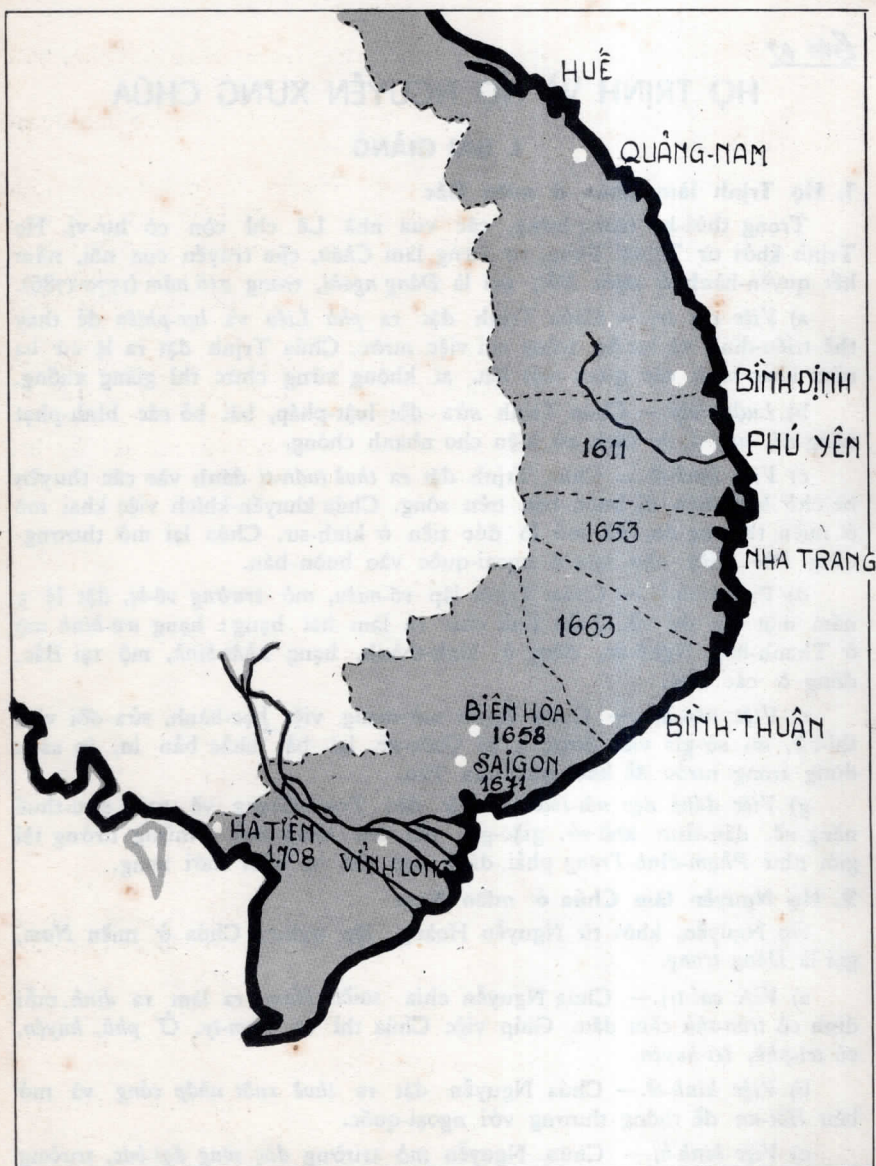
2. Họ Nguyễn làm Chúa ở miền Nam

Họ Nguyễn, khởi từ Nguyễn Hoàng, lập nghiệp Chúa ở miền *Nam*, gọi là *Đàng trong*.

a) *Việc cai-trị*.— Chúa Nguyễn chia miền *Nam* ra làm 12 *đinh*, mỗi *đinh* có *trần-thủ* cầm đầu. Giúp việc Chúa thì có *Tam-ty*. Ở *phủ*, *huyện*, có *tri-phủ*, *tri-huyện*.

b) *Việc kinh-tề*.— Chúa Nguyễn đặt ra *thuê xuất nhập cảng* và mở bến *Hội-an* để thông-thương với ngoại-quốc.

c) *Việc binh-bị*.— Chúa Nguyễn mở trường *đúc súng đại-bác*, trường *dạy bắn*, trường tập voi, tập ngựa. Thủy-binh cũng rất hùng-hậu.



Bản đồ Nam-tiến của chúa NGUYỄN

d) *Việc văn-học*.— Chúa Nguyễn mở khoa thi để chọn Tri-phủ, Tri-huyện và tuyển nhân-tài vào làm việc ở Tam-ty.

c) *Việc mở-mang bờ-cõi về phương Nam*.— Đó là công nghiệp quan-trọng nhất của Chúa Nguyễn.

1.— *Chiếm nốt đất Chiêm-thành* : Khi Nguyễn Hoàng được Trịnh Kiểm sai vào trấn đất Thuận-hóa thì nước ta chỉ đến *Bình-định* ngày nay.

Nhân vì quân Chiêm sang đánh phá vùng Bình-định, Nguyễn Hoàng đem quân đánh *Phủ-yên*. Rồi từ đó, các Chúa Nguyễn kế-tiếp nhau lần-lượt chiếm nốt phần đất Chiêm còn lại để lập ra các tỉnh miền Nam đất Trung-Việt.

2.— *Mở đất Nam-Việt* : Giữa lúc Trịnh Nguyễn đánh nhau, một số dân ta kéo sang những vùng *Biên-hòa, Bà-rija*, thuộc nước *Chân-lạp* để khai-khẩn đất hoang. Sau, nhờ sự giao-thiệp khéo-léo của Chúa Nguyễn, vua *Chân-lạp* cho dân ta đến làm ăn ở miền *Thủy Chân-lạp*, rồi lần hồi nhường phần đất này cho nước ta. Chúa Nguyễn đưa dân đến đó cày cấy, lập nghiệp, tạo thành đất *Nam-Việt* ngày nay.

II. CÂU HỎI

- 1) Chúa Trịnh tổ-chức việc cai-trị thế nào ?
- 2) Chúa Trịnh sửa-đổi luật-pháp làm sao ?
- 3) Chúa Trịnh đặt ra thuế gì mới ? mở thương-cảng nào ?
- 4) Việc tuyển-mộ binh-lính ra sao ?
- 5) Về văn-học, có gì đặc-biệt ?
- 6) Chúa Nguyễn sắp-đặt việc cai-trị thế nào ?
- 7) Chúa Nguyễn tổ-chức việc kinh-tế và việc binh-bị thế nào ?
- 8) Tại sao Chúa Nguyễn chiếm nốt đất Chiêm-thành ?
- 9) Chúa Nguyễn làm thế nào để mở đất Nam-Việt ?
- 10) Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn ai có công với nước hơn ?

III. BÀI HỌC

Thời-kỳ trung-hưng, vua Lê chỉ còn có hư-vị. Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn chia nhau nắm lấy quyền-hành và lo củng-cố cơ-nghiệp riêng.

Ở Bắc, Chúa Trịnh sửa-sang quan-chế, giảm nhẹ hình-phạt, cho khai mỏ, đặt thuế mới, mở cảng **Phố Hiến** để mở-mang thương-mãi. Chúa Trịnh lại mở trường võ-bị, đặt lệ thi võ, sai người viết **Quốc-sử**, khắc bản in để in sách vở và đánh dẹp các cuộc nội-loạn.

Ở Nam, Chúa Nguyễn tổ-chức việc hành-chánh, đặt thuế xuất nhập cảng, mở cảng **Hội-an**, đặt lệ thi để chọn nhân-tài và mở trường đúc súng đại-bác và tập bắn. Nhưng công-nghiệp quan-trọng của Chúa Nguyễn là việc mở-mang bờ-cõi về phương Nam.

IV. BÀI ĐỌC

I. PHỐ HIỂN

Chúa Trịnh cho mở cảng Phồ Hiển làm nơi thông-thương cho người ngoại-quốc.

Lệ định người các nước muốn vào đất Bắc-hà buôn-bán phải xin phép quan coi miền hải-đạo và nộp thuế nhập-cảng nhiều ít tùy theo số hàng đem đến.

Người Hòa-lan và Bồ-đào-nha đến trước nhất lập các thương-đoàn, rồi người Anh và người Pháp, kế đến người Tàu, Nhật, Xiêm và Mã-lai, nhưng đông nhất là người Tàu.

Quang-cảnh Phồ Hiển lúc bấy giờ thực đẹp, đáng gọi là chốn phồn-hoa đô-hội: hàng ngàn nóc nhà ngói san-sát xen lẫn với các lâu-đài nguy-nga, dân-cư đông-đúc, phồn-xá sầm-uất. Lại thêm tàu to, thuyền lớn ra vào luồn luồn, hàng-hóa chở lên bến tấp-nập.

Vì vậy thuở ấy có câu « Nhất kinh-kỳ nhì Phố Hiển ».

Theo VÂN-THẠCH
(Tri-Tân Tạp-chí)

II. PHỐ HỘI-AN VÀO ĐỜI CHÚA NGUYỄN

Phồ Hội-an, tỉnh-lỵ Quảng-nam, chính là một thương-cảng phồn-thịnh đầu hết của nước ta.

Nguyên xưa là một cái chợ nhỏ, hàng năm đến mùa sóng êm gió lặng thì có ghe thuyền người Tàu, người Nhật chở hàng-hóa đến bán cho ta, rồi mua sản-vật của ta đem đi.

Giữa thế-kỷ 16, ông Nguyễn Hoàng vào trấn-thủ tại Thuận-hóa và Quảng-Nam, nhận thấy Hội-an có thể là địa-diểm kinh-tế tiện-lợi cho xứ mình, nên mở-mang to ra chẳng những giúp ích sinh-kế của dân, lại thêm dồi-dào cho công-khố về khoản thu-nhập thuế-má. Ông bèn khuyến-chương cái chợ nhỏ ấy thành ra phố-phường, cấp đất cho người Tàu, người Nhật đến làm nhà, mở cửa hàng, hiệu buôn-bán vĩnh-viễn, lại cho họ rộng quyền xử-trị lẫn nhau. Chú-ý Chúa Nguyễn là cốt chiêu-tập người ngoại-quốc đến sinh-tụ kinh-doanh ở đấy cho đông.

Không bao lâu, dọc theo bờ sông, dựng lên mấy dãy phố sầm-uất. Khu nầy của người Nhật, khu kia của người Tàu, gần như riêng biệt. Người Nhật làm chùa bắc cầu đến nay hãy còn di-tích. Hội-an lúc đó như một trạm nghỉ chân cho những ghe thuyền Mã-lai, Xiêm-la, từ Nam-hải đến Trung-quốc và ở Trung-quốc trở về thường phải ghé đó, hoặc để ăn hàng, hoặc để tránh gió bão...

ĐÀO-TRINH-NHẤT
(Việt-sử giai-thoại)

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH (1627—1672)

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Họ Trịnh và họ Nguyễn cùng nhau *tranh-giành thế-lực* mà hóa ra thù-nghịch. Bên nào cũng cho rằng mình có công hơn trong việc trung-hưng nhà Lê và muốn loại bên kia ra để nắm lấy cả quyền-hành. Hai bên đều lấy danh-nghĩa *phù Lê* để che đậy tham-vọng riêng.

Năm 1627, Chúa Trịnh lấy cớ Chúa Nguyễn không chịu nộp thuế cho nhà Lê, sai tướng đánh miền Nam. Cuộc chiến-tranh giữa hai bên bùng nổ.

2. Lực-lượng hai bên

Họ Trịnh có lối 10 vạn quân, 500 voi, 500 chiến-thuyền có đặt súng đại-bác.

Quân Nguyễn ít hơn, nhưng tinh-nhuệ hơn. Họ Nguyễn được cái lợi là có *thành-lũy chắc-chắn* do *Đào-duy-Từ* xây đắp: lũy *Trưởng-dục* dài 10 cây sỏ và lũy *Thấy* dài 18 cây sỏ, có đặt súng đại-bác và máy bắn đá.

3. Cuộc chiến-tranh

Cuộc chiến-tranh kéo dài 45 năm và gồm có 7 lần đánh nhau: 6 lần quân Trịnh vào Nam, 1 lần quân Nguyễn ra Bắc. Chiến-trường thường là ở miền *Bồ-chính*, Quảng-bình ngày nay. Có 3 trận đánh lớn:

a) *Lần thứ ba* (1635—1643). Họ Trịnh nhờ người Hòa-lan tiếp-viện tàu chiến, tiến quân vào Nam. Chúa Nguyễn đem binh chống cự. Tàu Hòa-lan bị đốt cháy, tướng Hòa-lan tử-trận. Đó là một kỳ-công của họ Nguyễn. Quân Trịnh bị trời nóng-nực binh chết nhiều nên phải rút về Bắc.

b) *Lần đánh thứ tư* (1648). Chúa Trịnh sai bộ-binh chiếm *Nam-Bồ-chính* và thủy-binh chiếm lũy *Thầy*. Nhưng cha con *Trương-phúc-Phân* cò giữ lũy *Trưởng-dục*, quân Trịnh đánh mãi không hạ nổi. Chúa Nguyễn đem binh cứu-viện, cho tượng-binh đang đêm xông vào phá tan quân Trịnh.

c) *Lần thứ năm* (1655—1661). Chúa Nguyễn sai *Nguyễn-hữu-Tiền* và *Nguyễn-hữu-Dật* đem quân vượt sông Gianh, đánh chiếm 7 huyện ở phía Nam sông Lam-giang (tức là sông Cả bây giờ). Chúa Trịnh sai tướng vào trấn Nghệ-an để chặn đường tiến của quân Nguyễn. Ít lâu hai tướng của họ Nguyễn vì bất đồng ý-kiến nên rút binh về Nam.



Di-tích Lũy THẤY (Quảng-bình)

4. Kết cuộc

Quân Trịnh mạnh hơn nhưng phải đi đánh xa-xôi, vận-tải khó-khăn, lại không hạp thủy thổ. Quân Nguyễn yếu hơn nhưng đánh tại đất nhà, tướng-sĩ hết lòng, đồn-lũy kiên-cố. Vì vậy hai bên đánh nhau mãi không phân thắng bại, chỉ làm khổ cho dân-gian. Rốt cuộc, hai bên giảng hòa, chia đất nước làm đôi, lấy **sông Gianh** làm ranh-giới giữa Nam, Bắc (1672).

Cuộc hòa-bình kéo dài được **100 năm**, cho đến khi Tây-sơn khởi-nghĩa.

II. CÂU HỎI

- 1) Nguyên-nhân nào khiến họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau?
- 2) Họ Trịnh khởi đầu lấy cớ gì để dấy binh?
- 3) Cuộc chiến-tranh kéo dài bao lâu?
- 4) Hai bên đánh nhau cả thấy bao nhiêu lần?
- 5) Bên nào thường lấy thế công?
- 6) Nói lại mấy lần đánh lớn.
- 7) Vì sao hai bên không ai thắng được ai?
- 8) Cuộc đánh nhau có hại gì?
- 9) Rốt cuộc hai bên làm sao?
- 10) Cuộc hòa-bình kéo dài đến năm nào?

III. BÀI HỌC

Họ Trịnh và họ Nguyễn đều lấy danh-nghĩa phù Lê để tranh nhau thế-lực rồi sanh ra đánh nhau.

Quân Trịnh mạnh nhưng phải đi đánh xa-xôi, quân Nguyễn yếu hơn, nhưng tướng-sĩ một lòng và có đồn-lũy chắc-chắn: lũy **Trường dục** và lũy **Thầy**.

Trong 45 năm trời, hai bên đánh nhau 7 lần. Lần thứ ba, quân Nguyễn thắng to, **đốt được tàu chiến** của người Hòa-lan tiếp-viện cho họ Trịnh. Lần thứ tư, quân Trịnh chiếm được lũy Thầy nhưng rồi bị tượng-binh họ Nguyễn phá tan. Lần thứ năm, quân Nguyễn đánh chiếm được 7 huyện của họ Trịnh nhưng rồi cũng bỏ rút về Nam.

Ruột cuộc không ai thắng được ai, hai bên giảng hòa, lấy sông **Gianh** làm ranh-giới chia đôi đất nước.

IV. BÀI ĐỌC

HOÀNH-SƠN NHẤT ĐÁI...

Ông Nguyễn Kim khởi-nghĩa giúp nhà Lê đánh nhà Mạc, lấy được đất Thanh, Nghệ, rồi đem quân ra đánh Sơn-nam, bị hàng -tướng nhà Mạc là Dương-chấp-Nhất đánh thuốc độc chết, binh-quyền giao cả lại cho rể là Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim có hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng cũng làm tướng lập được nhiều công. Người anh là Nguyễn Uông được phong là Lang-quận-công, người em là Nguyễn Hoàng được phong là Đoan-quận-công.

Nhưng vì Trịnh Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền mình, bèn kiếm chuyện mà giết Nguyễn Uông đi. Còn Nguyễn Hoàng cũng sợ Trịnh Kiểm có ý ám-hại, chưa biết làm thế nào, mới cho người ra Hải-dương hỏi ông Trạng Trình. Trạng bảo rằng: «*Hoành-sơn nhất đài, vạn đại dung thân*», nghĩa là một dãy Hoành-sơn kia có thể yên thân được muôn đời.

Nguyễn Hoàng mới nói với chị là Ngọc-Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm 1558, đời vua Anh-Tôn, Trịnh-Kiểm mới tâu vua cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa. Bấy giờ những người họ hàng ở huyện Tống-sơn, cùng những quân lính ở đất Thanh, Nghệ nhiều người đưa cả vợ con theo đi. Nguyễn Hoàng vào đóng ở xã Ái-tử, thuộc huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Nguyễn Hoàng là một người khôn ngoan mà lại có lòng nhân-đức, thu dùng hào-kiệt, yên-ủy nhân-dân, cho nên lòng người ai cũng mến-phục...

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

NGƯỜI ÂU-CHÂU SANG NƯỚC TA

I. BÀI GIẢNG

1. Vì sao người Âu-châu sang nước ta

Từ thế-kỷ thứ 16, các nhà hàng-hải Âu-châu đã biết bờ biển Đại-Việt. Nhưng đến đầu thế-kỷ thứ 17, họ mới bắt đầu đặt chân lên đất nước ta. Họ sang ta với hai mục-đích chánh : *mở cuộc buôn-bán và truyền đạo Thiên-Chúa.*

2. Những nhà buôn-bán

a) Ở Nam.— Ở Đàng trong, người Bồ-đào-nha đến trước tiên, mở cửa hàng ở Hội-an (Quảng-nam). Chính người Bồ-đào-nha đã giúp chúa Nguyễn mở lò đúc súng ở đất Thuận-hóa, đến nay người ở Huế còn gọi chỗ ấy là *Phương-đúc.*

Một người Pháp được phép mở cửa hàng ở đảo Côn-lôn. Kề đó, một chiếc tàu Pháp vào cửa Hội-an xin yết-kiến Chúa Nguyễn và dâng tờ quốc-thư cùng phẩm-vật để tỏ tình giao-hiệp giữa hai nước. Chúa Nguyễn đáp thư lại và cho người Pháp vào thông-hương. Nhưng chẳng bao lâu, Công-ty Pháp ở Ấn-độ bãi bỏ, nên sự giao-thiệp giữa người Pháp cũng ngưng đi.

b) Ở Bắc.— Ở Đàng ngoài, người Hòa-lan sang rất nhiều, giúp cho Chúa Trịnh tàu chiến và súng ống. Họ được phép mở cửa hàng ở Phò Hiên (Hưng-yên). Người Anh, người Pháp cũng sang buôn-bán ở Phò Hiên. Một chiếc tàu Pháp từ Xiêm sang đem phẩm-vật dâng chúa Trịnh.

Tuy nhiên, đến cuối thế-kỷ thứ 18, các nhà buôn Âu-châu hoặc vì mua bán không lời, hoặc vì bị bạc-đãi, lần lần kéo đi nơi khác.

3. Những nhà truyền đạo

a) Thời-kỳ thuận-tiện.— Các giáo-sĩ Thiên-chúa cũng bắt đầu sang nước ta từ thế-kỷ thứ 16. Nhưng sang đầu thế-kỷ thứ 17, họ mới hoạt động được nhiều. Các giáo-sĩ lập ra Giáo-đoàn Đàng trong và mở Giáo-đường ở Đà-nẵng và Hội-an. Năm 1625, Giáo-đoàn Đàng ngoài được lập ra, do cô A-lét-xăng-đờ-rôt điều-khiển. A-lét-xăng-đờ-rôt sáng chế ra chữ quốc-ngữ, để viết sách truyền đạo trong dân-gian. Các giáo-sĩ người Ý, Bồ, Pháp đi giảng đạo khắp nước ta. Người theo đạo càng ngày càng nhiều.

b) Thời-kỳ bị đàn-áp.— Được ít lâu, các Chúa nhận thấy người theo đạo bỏ việc thờ cúng tổ-tiên và tế-tự thần-thánh, cho đạo Thiên-chúa là



Cổ A-LÉT-XĂN-ĐỜ-RỐT

một tả-đạo làm bại-hoại phong-hóa nước nhà, nên ra lệnh nghiêm-cấm sự truyền đạo. Từ 1631 trở đi, ở Đàng trong cũng như ở Đàng ngoài, các giáo-sĩ và những người theo đạo thường bị hành-hạ, chém giết rất nhiều.

4. Ảnh-hưởng của sự giao-thiệp với người Âu-châu

Sự giao-thiệp với người Âu-châu có ảnh-hưởng lớn-lao về xã-hội và chính-trị với nước ta về sau này. Ngoài ra, ta nên ghi công của cổ A-lét-xăn-đờ-rốt đã sáng-chê ra chữ quốc-ngữ, rất tiện-lợi cho sự học-thức của dân ta.

II. CÂU HỎI

- 1) Người Âu-châu bắt đầu sang nước ta vào thế-kỷ nào?
- 2) Họ sang nước ta có mục-đích gì?
- 3) Trong Nam, người nước nào đến buôn-bán trước tiên?
- 4) Người Bồ-đào nha đã giúp Chúa Nguyễn việc gì?
- 5) Ngoài Bắc, người nước nào đến nhiều nhất? mở nhà buôn ở đâu?
- 6) Người Hòa-lan giúp Chúa Trịnh việc gì?
- 7) Các giáo-sĩ Thiên-Chúa bắt đầu hoạt-động nhiều vào thế-kỷ nào?
- 8) Họ đặt ra chữ quốc-ngữ để làm gì?
- 9) Về sau tại sao các Chúa cấm đạo?
- 10) Sự giao-thiệp với người Âu-châu có ảnh-hưởng gì?

III. BÀI HỌC

Người Âu-châu bắt đầu sang nước ta vào **thế-kỷ thứ 17**.

Trong Nam, các nhà buôn **Bồ-đào-nha** sang trước, mở cửa hàng ở **Hội-an** và giúp Chúa Nguyễn lập lò đúc súng ở Thuận-hóa. Sau đó, người Pháp cũng sang, mở cửa hàng ở **Côn-lôn**.

Ngoài Bắc, người **Hòa-lan** sang rất đông, mở nhà buôn ở **Phố Hiến**, giúp Chúa Trịnh tàu chiến và súng ống. Người Anh và người Pháp cũng lần-lượt sang buôn-bán ở Phố Hiến.

Các giáo-sĩ Thiên-Chúa lúc đầu được phép giảng đạo từ Nam chí Bắc. Nhưng về sau, các Chúa cho rằng Thiên-Chúa-giáo là tà-đạo nên ra lệnh cấm truyền đạo và theo đạo.

Cố **A-lét-xăng-đơ-rốt** có công lớn trong việc sáng-chế chữ quốc-ngữ cho nước ta.

IV. BÀI ĐỌC

CHIẾC ĐỒNG HỒ CHUÔNG ĐẦU TIÊN TẠI XỨ BẮC

Cố A-lét-xăng-đơ-rốt đến xứ Bắc, được vào yết-kiến Chúa Trịnh. Cờ dăng đồ-hình quả dất mà các giáo-sĩ ở bên Tàu dịch ra chữ Hán, có vẽ hình và chú-thích rõ-ràng. Chúa Trịnh rất chú-ý, nhưng có nhiều chỗ mới lạ không hiểu, liền vời cố xuống tận thuyền ngự cất-nghĩa và hỏi chuyện tây-dương...

Giữa cuộc hội-đàm lần thứ nhất ấy, cố A-lét-xăng-đơ-rốt biếu Chúa Trịnh một chiếc đồng hồ treo có chuông. Vì cớ nói thạo tiếng nước ta, nên có thể chỉ vẽ máy-móc và cách dùng cho Chúa Trịnh nghe :

— Thưa Ngài, đồng hồ này bên tây chúng tôi mới chế tạo ra ít lâu, đến mấy giờ thì tự nó đánh bấy nhiêu tiếng chuông báo cho ta biết. Đây kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút...

— Ồ, tài nhĩ! ... Còn những chữ ghi trên mặt tức tý, sừu, dần, mảo, bên nước các ông viết 12 chỉ như thế phải không? Chúa Trịnh hỏi.

Thưa không ! Đây là những chữ số Rô-ma từ 1 đến 12... Mỗi khi, kim phút trở ngay vào số 12 này và kim giờ trở vào số 5 chẳng hạn, thì chuông gõ 5 tiếng, ngày đêm không hề sai.

Món quà mới lạ gây được cảm-tình Chúa Trịnh. Chúa cho phép cố truyền đạo trong đất phạm-vi thế-lực của mình.

Cố A-lét-xăng-đơ-rốt bảo đấy là chiếc đồng-hồ chuông treo đem đến xứ Bắc đầu tiên.

Theo ĐÀO-TRINH-NHẤT
(Việt-sử giai-thoại)

TÂY-SƠN KHỞI-NGHĨA

I. BÀI GIẢNG

1. Nguyên-nhân

Năm 1765, ở Đàng-trong, Chúa *Nguyễn-phúc-Khoát* mất. *Quyển-thần Trương-phúc-Loan* đòi tờ di-chiếu, bỏ người con lớn, lập người con nhỏ vừa 12 tuổi lên làm Chúa. *Trương-phúc-Loan* nắm cả quyền-hành, làm nhiều điều tham-lam, tàn-ác. Nhân-dân bị áp-bức, ai ai cũng oán-giận, chỉ mong có người ra tay trừ bạo.

2. Tây-sơn dấy binh

Năm 1771, ở làng *Tây-sơn*, tỉnh *Qui-nhơn*, có *Nguyễn Nhạc* cùng với hai em là *Nguyễn Lữ* và *Nguyễn Huệ* lấy tiếng diệt-trừ *Trương-phúc-Loan*, dựng cờ khởi-nghĩa. *Nguyễn Nhạc* thường lấy của nhà giàu đem chia cho nhà nghèo, người tùng-phục một ngày một đồng. Thế-lực *Nguyễn Nhạc* mỗi ngày một mạnh, quân Chúa *Nguyễn* đánh không nổi.

3. Tây-sơn lấy Qui-nhơn

Năm 1773, *Nguyễn Nhạc* dùng mưu chiếm lấy *Qui-nhơn*. *Nguyễn Nhạc* tự nhốt trong một cái cũi, cho người khiêng nộp quan giữ thành. Nửa đêm, *Nguyễn Nhạc* phá cũi ra, mở cửa thành cho quân *Tây-sơn* tràn vào đánh úp đoạt thành. Chẳng bao lâu, *Nguyễn Nhạc* đánh chiếm trọn vùng từ *Quảng-ngãi* cho đến *Bình-thuận*.

4. Họ Trịnh chiếm Phú-xuân

Chúa *Trịnh Sâm* hay tin Đàng-trong đang rối-loạn, bèn sai đại-tướng *Hoàng-ngũ-Phúc* đem quân thủy, bộ vào Nam, mượn tiếng trừ *Trương-phúc-Loan* và *Tây-sơn*. Các quan miền Nam mưu bắt *Trương-phúc-Loan* đem nộp. Nhưng quân Bắc vẫn tràn xuống. Chúa *Nguyễn* đem quân chống cự nhưng không nổi. Quân *Trịnh* tiến lấy thành *Phú-xuân*. Chúa *Nguyễn* và các quan chạy vào *Quảng-nam*. *Tây-sơn* lại kéo đến đánh. Chúa *Nguyễn* và cháu là *Nguyễn-phúc-Ánh* phải xuống thuyền chạy vào *Gia-định*.

5. Tây-sơn giả hàng Trịnh để đánh Nguyễn

Hoàng-ngũ-Phúc lấy *Phú-xuân* rồi, tiến quân đánh *Tây-sơn*. *Nguyễn Nhạc* biết thế yếu, bỏ *Quảng-nam*, lui về giữ *Quảng-ngãi* và *Qui-nhơn*.



TÂY-SƠN ĐIỆN (Quy-nhơn)

Lúc bấy giờ, tướng của Chúa Nguyễn là *Tổng-phúc-Hợp* đem quân đánh lấy lại được vùng *Bình-thuận* rồi tiến ra đánh đất *Phú-yên*. Nguyễn Nhạc kẹt ở giữa, liệu thế chống không nổi, bèn sai người đem thư và vàng, lụa ra nói với *Hoàng-ngũ-Phúc* xin nộp đất *Quảng-ngãi*, *Qui-nhơn*, *Phú-yên*, và xin làm tiền-khu để đánh họ Nguyễn. *Hoàng-ngũ-Phúc* cũng muốn dùng Nguyễn Nhạc đánh đất *Gia-định*, bèn xin Chúa *Trịnh* tặng phong Nguyễn Nhạc.

Khỏi lo về mặt Bắc nữa, Nguyễn Nhạc dùng mưu đánh tan quân của *Tổng-phúc-Hợp* rồi sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem binh vào đánh lấy đất *Gia-định* (1777). Chúa Nguyễn bị bắt giết. *Nguyễn-phúc-Ánh* chạy thoát.

6. Nguyễn Nhạc xưng đế

Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lấy xong đất *Gia-định*, để tướng trấn-thủ, rồi về *Qui-nhơn*.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc tự xưng đế, đặt niên-hiệu là *Thái-đức*, lấy *Đổ-bàn* làm kinh-đô, tặng phong Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ.

II. CÂU HỎI

- 1) Chúa Nguyễn mất rồi, *Trương-phúc-Loan* lộng quyền thế nào?
- 2) Tại sao anh em *Tây-sơn* khởi-nghĩa?
- 3) Vì sao thế-lực *Tây-sơn* mỗi ngày một mạnh?
- 4) *Tây-sơn* lấy *Qui-nhơn* thế nào?
- 5) Chúa *Trịnh* lấy có gì để đánh chiếm *Phú-xuân*?
- 6) Chúa Nguyễn chạy đi đâu?
- 7) Tại sao *Tây-sơn* giả xin hàng quân *Trịnh*?
- 8) Tại sao Chúa *Trịnh* chịu phong chức cho Nguyễn Nhạc?
- 9) Nguyễn Nhạc đánh tan quân Nguyễn thế nào?
- 10) Lấy xong đất *Gia-định* rồi, Nguyễn Nhạc làm gì?

III. BÀI HỌC

Sau khi Chúa *Nguyễn-phúc-Khoát* mất, quyền-thần *Trương-phúc-Loan* làm nhiều điều tàn-ác, lòng dân oán-giận.

Năm 1771, ở làng *Tây-sơn* (*Bình-định*) có 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ khởi-nghĩa đánh lấy *Qui-nhơn* rồi chiếm luôn từ *Quảng-ngãi* vào *Bình-thuận*.

Chúa *Trịnh* thừa dịp sai quân vào đánh lấy *Phú-xuân*, Chúa Nguyễn chạy vào *Quảng-nam* rồi vào *Gia-định*.

Nguyễn Nhạc giả xin hàng Chúa Trịnh để rảnh tay đánh Chúa Nguyễn, lấy đất Gia-định. Chúa Nguyễn bị bắt giết, cháu là Nguyễn-phúc-Ánh chạy thoát.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng đế, lấy **Đồ-bàn** làm kinh-đô.

IV. BÀI ĐỌC

NGUỒN-GỐC TÂY-SƠN

Tổ bốn đời anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ thuộc dòng Hồ-quý-Ly, ở huyện *Nghi-xuân*, tỉnh *Nghệ-an*.

Năm 1655, Chúa Hiền sai hai tướng Nguyễn-hữu-Tiền và Nguyễn-hữu-Dật dẫn quân ra đánh Trịnh. Trịnh thua, Nguyễn chiếm được 7 huyện ở phía Nam sông Linh-giang (huyện Kỳ-hòa, Thạch-hà, Thiên-lộc, *Nghi-xuân*, La-sơn, Hương-sơn, Thanh-chương). Chúa Nguyễn bắt một số dân của mấy huyện này di-cư vào miền Nam, để khai-khẩn ruộng nương. Thoạt tiên cho số dân ấy định-cư ở Tây-sơn, thuộc huyện Quy-ninh, sau là thôn An-kê, huyện Hoài-nhân (Qui-nhơn). Tổ của anh em Nguyễn Nhạc cũng ở trong đám dân di-cư này. Đời thứ 4 là *Hồ-phi-Phúc* sinh ra Nhạc, Lữ và Huệ.

Vì theo Chúa Nguyễn lại lấy vợ họ Nguyễn, và cũng muốn tránh sự nghi-kỵ cho dễ hành-động mà 3 anh em Nhạc, Lữ, Huệ đổi họ Hồ ra họ Nguyễn. Còn tên Tây-sơn mà có, là do anh em Nhạc khởi-nghĩa ở đất Tây-sơn.

Nguyễn Nhạc trước buôn súc-vật, sau làm biện-lại (chức thu thuế), cho nên dân thường gọi là biện Nhạc. Năm 1771, Nguyễn Nhạc bỏ quan lên vùng thượng-đạo, tụ-hợp những kẻ bất mãn, lập đồn dựng trại, chẳng bao lâu trở nên một vị tướng xưng hùng với rừng-thẳm non cao.

... Rồi Nguyễn Nhạc dựng cờ khởi-nghĩa, hô-hào quần-chúng ủng-hộ trừ gian-thần Trương-phúc-Loan và lập hoàng-tôn Nguyễn-phúc-Dương là dòng chính-thống lên làm Chúa. Nhiều nhà giàu-có đáp theo tiếng gọi của Nguyễn Nhạc, xuất tiền sắm khí-giới.

Vậy là thời-thế đã tạo nên anh em Tây-sơn làm đại-biểu cho đa số dân-chúng đang bị đè-nén đau-khổ dưới cường-quyền của Trương-phúc-Loan.

Theo PHAN-XUÂN-HÒA

(Lịch-sử Việt-Nam)

HỌ TRỊNH MẤT NGHIỆP CHÚA NHÀ HẬU-LÊ MẤT NGÔI

I. BÀI GIẢNG

1. Họ Trịnh mất nghiệp Chúa

a) *Loạn kiều-binh.*— *Trịnh-Sâm* say đắm *Đặng-thị-Huệ*, bỏ con trưởng là *Trịnh Khải*, lập con thứ là *Trịnh Cán*. Năm 1782, *Trịnh Sâm* mất, *Trịnh Cán* kế-vị. Quân *ưu-binh* kéo đến vây phủ, phế *Trịnh Cán*, lập *Trịnh Khải* lên làm Chúa.

Từ đó, *ưu-binh* cậy công, một ngày một *kiêu-căng*, kéo nhau đi cướp phá, giết -hại quan dân, ấy là *loạn kiều-binh*. *Trịnh Khải* không kềm-chế chúng được.

b) *Tây-sơn* lấy *Thuận-hóa*, đánh *Bắc-hà*, diệt họ *Trịnh*.— Thừa lúc có loạn ở Bắc, *Nguyễn Nhạc* theo mưu của *Nguyễn-hữu-Chỉnh* sai *Nguyễn Huệ* đem quân thủy, bộ ra đánh chiếm *Thuận-hóa*.

Lấy xong *Thuận-hóa*, *Nguyễn Huệ* tiến quân ra đánh *Bắc-hà*. *Hữu-Chỉnh* đi tiên-phong lấy *Nghệ-an* và *Thanh-hóa*. *Nguyễn Huệ* kéo đại-binh thẳng ra vây thành *Thăng-long*, truyền hịch phủ Lê diệt *Trịnh*.

Trong kinh-thành, không ai sai khiến nổi *kiêu-binh*. Quân ở *Sơn-tây* kéo về chống giữ, nhưng bị quân *Tây-sơn* đánh tan. *Trịnh Khải* chạy về *Sơn-tây*, đến làng *Hạ-lôi* bị người bắt đem nộp cho *Tây-sơn*. Giữa đường, *Trịnh Khải* tự-tử (1786).

Họ *Trịnh* mất nghiệp Chúa từ đó.

2. Nhà Hậu-Lê mất ngôi

a) *Tây-sơn* trả quyền-hành cho vua Lê.— *Nguyễn Huệ* vào *Thăng-long*, xin yết-kiến vua *Lê Hiến-Tôn*. *Hiến-Tôn* phong cho *Nguyễn Huệ* làm *Nguyên-soái* và gả cho *Ngọc-Hân Công-chúa*. Chẳng bao lâu, *Hiến-Tôn* mất, vua *Chiêu-Thống* lên nối ngôi.

Nguyễn Huệ ở *Bắc-hà* lâu, *Nguyễn Nhạc* sợ có biến, nên đem quân ra Bắc. Vua *Chiêu-Thống* tiếp-đãi vua *Tây-sơn* rất hậu. Anh em *Tây-sơn* hứa không lấy đất của vua Lê, rút quân về Nam.

a) *Nguyễn-hữu-Chỉnh* chuyên quyền.— Vì *Chiêu-Thống* nhu-nhược, *Trịnh Bồng* muốn khôi-phục nghiệp Chúa ở đất Bắc. *Nguyễn-hữu-Chỉnh* từ *Nghệ-an* ra dẹp được họ *Trịnh*, vua phong chức *Bằng-trung-công*. *Hữu-Chỉnh* lại cậy công làm nhiều điều trái phép.

c) *Tây-sơn* ra *Bắc-hà* lần thứ hai, nhà *Hậu-Lê* mất nghiệp (1788).— Lúc bấy giờ, Nguyễn Huệ được Nguyễn Nhạc phong làm *Bắc-bình-vương* ở đất *Thuận-hóa*. Nghe tin *Hữu-Chính* chuyên quyền, *Bắc-bình-vương* sai *Vũ-văn-Nhậm* ra đánh. *Hữu-Chính* bỏ chạy nhưng bị bắt về *Thăng-long* làm tội.

Vũ-văn-Nhậm lại có ý phản. *Bắc-bình-vương* lập tức đem quân ra bắt *Vũ-văn-Nhậm* giết đi, giao quyền cho *Ngô-văn-Sở* và *Ngô-thời-Nhiệm* cai-trị *Bắc-hà*.

Vua *Chiêu-Thống* ăn-tránh nay đây mai đó, tìm người trung-nghĩa lo việc khôi-phục, nhưng thế-lực đã suy-tàn, cơ-nghiệp nhà *Hậu-Lê* từ đó coi như chấm dứt.

II. CÂU HỎI

- 1) *Trịnh Khải* nhờ ai mà được lên ngôi *Chúa* ?
- 2) *Ưu-binh* cậy công gây rối làm sao ?
- 3) *Tây-sơn* đánh lấy *Thuận-hóa* thế nào ?
- 4) Họ *Trịnh* mất nghiệp *Chúa* như thế nào ?
- 5) *Tây-sơn* đối với vua *Lê* ra sao ?
- 6) Vua *Lê* tiếp đón *Tây-sơn* thế nào ?
- 7) *Tây-sơn* về *Nam* rồi, ai chuyên quyền ở đất *Bắc* ?
- 8) Tại sao *Bắc-bình-vương* lại phải ra *Bắc* nữa ?
- 9) *Bắc-bình-vương* giao cho ai cai-trị *Bắc-hà* ?
- 10) Vua *Lê* từ đó ra sao ?

III. BÀI HỌC

Đời *Chúa Trịnh Khải*, ngoài *Bắc* có loạn *kiêu-binh*. *Tây-sơn* thừa dịp đánh lấy *Thuận-hóa* rồi tiến quân ra *Bắc*, vào *Thăng-long*. *Trịnh Khải* tự-tử, cơ-nghiệp họ *Trịnh* tan-vỡ (1786).

Tây-sơn trả quyền-hành lại vua *Lê* rồi về *Nam*. *Lê Chiêu-Thống* nhu-nhược, *Trịnh-bồng* muốn lập lại nghiệp *Chúa*. *Nguyễn-hữu-Chính* giúp vua đuổi được *Trịnh Bồng* rồi *Hữu-Chính* lại chuyên quyền.

Bắc-bình-vương *Nguyễn Huệ* sai *Vũ-văn-Nhậm* ra bắt giết *Hữu-Chính*. *Văn-Nhậm* lại có ý phản. *Bắc-bình-vương* đem quân ra bắt *Văn-Nhậm* xử-tội rồi giao cho *Ngô-văn-Sở* và *Ngô-thời-Nhiệm* cai-trị *Bắc-hà*.

Chiêu-Thống bỏ chạy, nhà *Hậu-Lê* mất nghiệp (1788).

IV. BÀI ĐỌC

ANH-HÙNG VỚI ANH-HÙNG.

Nguyễn Huệ lấy được đất *Thuận-hóa* rồi, hội các tướng lại bàn sai người ra sửa-sang đồn *Đông-hới* và định giữ địa-giới cũ.

Nguyễn-hữu-Chính nói rằng : ông phụng mệnh ra đánh một trận mà bình được đất Thuận-hóa, uy kinh cả chốn Bắc-hà. Phàm cái phép dùng binh, một là *thời* hai là *thê* ba là *cơ*, có ba điều ấy đánh đâu cũng được. Bây giờ ở đất Bắc-hà tướng thì lười, quân thì kiêu, triều-đình không có kỷ-cương gì cả, nếu ông nhân lấy cái uy-thanh này, đem binh ra đánh thì làm gì mà không được. Ông không nên bỏ mất cái *cơ*, cái *thời* và cái *thê* ấy.

— Nguyễn Huệ nói rằng : ở Bắc-hà có nhiều nhân-tài không nên coi làm thường.

— Hữu-Chính đáp lại rằng : nhân-tài Bắc-hà chỉ một mình Chính, nay Chính bỏ đi, thì nước không có ai nữa, xin ông đừng có ngại gì.

— Nguyễn Huệ cười nói rằng : Ấy ! người khác thì không ngại, chỉ ngại có ông đó thôi.

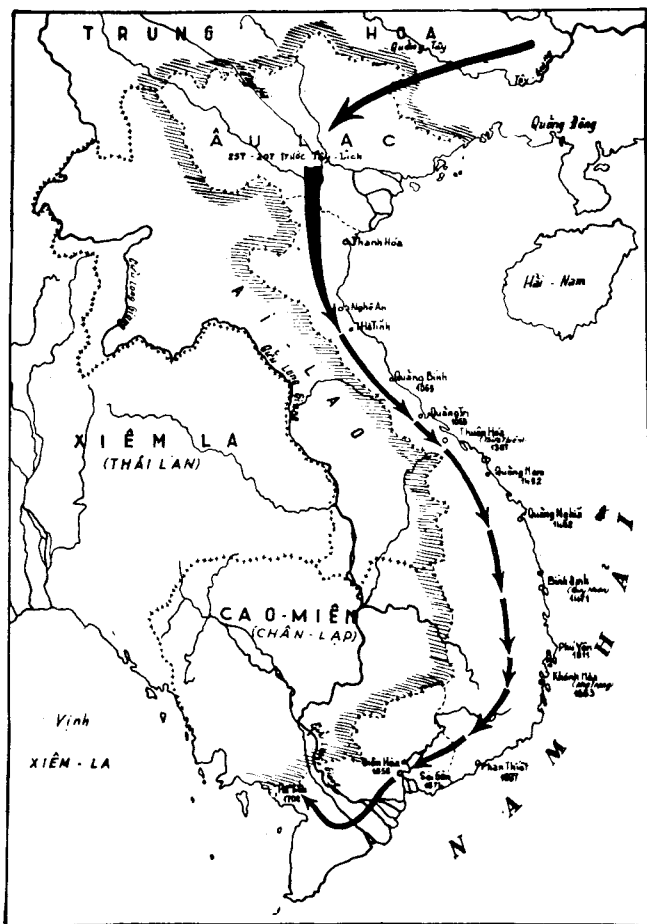
— Hữu-Chính thất sắc đi rồi nói rằng : tôi tự biết tài hèn nhưng mà tôi nói *thê* có ý tỏ cho ông biết ngoài Bắc không có nhân-tài đó thôi.

— Nguyễn Huệ lấy lời nói ngọt để yên lòng Hữu-Chính và bảo rằng : Nhà Lê làm vua đã mấy trăm năm nay, bây giờ cướp lấy, chưa chắc lòng người đã theo mình.

— Hữu-Chính nói : nay Bắc-hà có vua lại có chúa, ấy là một sự cớ-kim đại-biến. Họ Trịnh tiếng rằng phò Lê, thực là hiệp-chế, cả nước không ai phục. Vả xưa nay không ai làm gì để giúp nhà Lê, là chỉ sợ cái thế mạnh đó mà thôi, nay ông mà *phù Lê diệt Trịnh* thì thiên-hạ ai chẳng theo ông.

— Nguyễn Huệ nói : ông nói phải lắm ...

TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)



Bản-đồ ĐẠI-VIỆT sau thời-kỳ NAM-BẮC phân-tranh.

Dân-tộc VIỆT đã nối liền 3 con sông lớn nhất ở Á-Đông: Dương-tử, Nhị-hà và Cửu-long)

NHÂN DÂN HOA-KỲ
với sự hợp-tác của
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

thân tặng

các Trường Sở tại Việt-Nam

QUỐC SỬ LỚP BA

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển Quốc-Sử lớp BA này được biên soạn theo quan-niệm trình-bày trong quyển Quốc-Sử lớp TU đã được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất bản.

Về hình-thức, để cho trẻ em vui xem và thích đọc, các bài học được minh-họa bằng tranh ảnh tô màu. Những di-tích lịch-sử, lăng-miếu, bia mộ v.v... được xác-họa ngay chỗ.

Về nội-dung, để cho trẻ em hiểu rõ và nhớ lâu, ngoài bài giảng giản-dị và toát-yếu rõ-ràng, đại-ý của mỗi bài học hoặc là một võ-công lừng-lẫy, hoặc là một gương-mẫu muôn thuở, hoặc là công nghiệp lớn lao của những bậc anh-hùng, chí-sĩ, đều được linh-dộng nêu lên ở đầu bài bằng một tiêu-đề hàm-súc, và đúc-kết ở cuối bài, bằng một câu thơ lục bát.

Hơn nữa, nhiều bài đọc và một số sử-liệu được chọn-lọc để giúp cho trẻ em thêm phần hiểu biết về các danh-nhân và các sự kiện lịch-sử.

Rất mong rằng quyển sách này được hữu-ích cho trẻ em, đồng thời chúng tôi kính xin quý bạn đồng-nghiep xa gần vui lòng chỉ giáo cho mọi khuyết-diểm.

SOẠN-GIẢ CẦN CHỈ

MỤC LỤC

Bài		Trang
1.—	Lòng quyết chiến HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG	9-12
— 2.—	Vì nước quên thù nhà TRẦN-HƯNG-ĐẠO	13-16
— 3.—	Trận Bạch-Đằng TRẦN-HƯNG-ĐẠO	17-20
— 4.—	Ngồi đan sọt mà lo việc nước PHẠM-NGŨ-LÃO.	21-24
— 5.—	Anh-hùng tí-hon TRẦN-QUỐC-TOÀN	25-28
— 6.—	Thà làm quý nước Nam còn hơn làm Vương đất Bắc: TRẦN-BÌNH-TRỌNG.	29-32
— 7.—	Ông Trạng Thanh-liêm MẠC-ĐỈNH-CHI	33-36
— 8.—	Dâng sớ xin chém đầu bảy nịnh thần CHU-VĂN-AN	37-40
— 9.—	Ngâm thơ nuốt hận ĐẶNG-DUNG	41-44
— 10.—	Mười năm kháng-chiến chống quân Minh LÊ-LỢI	45-48
— 11.—	Hy-sinh vì đại nghĩa LÊ-LAI	49-52
— 12.—	Trả thù Cha, rửa hận Nước NGUYỄN-TRÃI.	53-56
— 13.—	Khởi thảo Địa-Lý và Sử-Ký nước nhà VUA LÊ-THÁNH-TÔN.	57-60
— 14.—	Công cuộc mở rộng miền Nam CHỦA NGUYỄN.	61-64
— 15.—	Công cuộc cai-trị miền Bắc CHỦA TRỊNH.	65-68
— 16.—	Trận Đồng-Đa VUA QUANG-TRUNG.	69-72

Bài 17.	Gương trung nghĩa VÕ-TÁNH và NGÔ-TÙNG-CHÂU . .	73-76
— 18.	Doanh-diễn-sứ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ.	77-80
— 19.	Một nhà Nho sáng suốt NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ	81-84
— 20.	Chết để cứu dân PHAN-THANH-GIẢN	85-88
— 21.	Nhịn đói chịu đau mà chết NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG	89-92
— 22.	Thà chết chứ không bỏ thành HOÀNG-DIỆU	93-96
— 23.	Cuộc khởi nghĩa của đảng Văn-Thân PHAN-ĐÌNH-PHÙNG	97-100
— 24.	Phong-trào Cách-mạng từ Nam chí Bắc Miền Nam : TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH.	101-104
— 25.	Phong-trào Cách mạng từ Nam chí Bắc Miền Trung : ĐÌNH-CÔNG-TRẮNG.	105-108
— 26.	Phong-trào Cách-mạng từ Nam chí Bắc Miền Bắc : HOÀNG-HOA-THẨM.	109-112
— 27.	Một Học-già uyên-thâm TRƯƠNG-VĨNH-KỶ.	113-116
— 28.	Cuộc Trưng cầu Dân-ý 23-10-1955 CHẾ-ĐỘ CỘNG-HÒA	117-120
— 29.	Bản Tuyên-cáo thành lập nền « CỘNG-HÒA »	121-124
— 30.	Tiểu-sử Ông Ngô đình-Diệm TÔNG-THÔNG VIỆT-NAM	125-128
— 31.	Tổng tuyển cử QUỐC-HỘI đầu tiên ngày 4-3-1956	129-132

Bài I

LÒNG QUYẾT CHIẾN

HỘI-NGHỊ DIỄN-HỒNG



BÀI GIẢNG :

I.— Quân Mông-cổ định xâm-lăng nước ta lần thứ hai : Từ năm 1257, bị Trần-thủ-Độ đánh bại, quân Mông-cổ

ngày đêm quyết rửa mối thù đó. Cho nên, lần này, năm 1284, Nguyên-chúa lại sai Thoát-Hoan cùng các thượng-tướng Ô-mã-Nhi, Toa-Đô với đạo hùng binh 500 000 quân, giả danh mượn đường để đánh chiếm nước Chiêm-thành, nhưng thâm ý là để đánh úp quân ta.

II.— Hội-nghị Diên-Hồng : Được tin quân Mông-cổ sắp vượt biên-thủy sang xâm-lăng nước ta, vua Trần Nhân-Tôn, hội họp các tướng-lãnh ở bến Bình-than để bàn kế chống giữ đất nước. Nhà vua còn triệu-tập các bô-lão, sĩ-phu có uy-tin trong nước tại điện Diên-Hồng để hỏi ý kiến và xem lòng dân muốn hòa hay đánh.

III.— Lòng quyết chiến : Các sĩ-phu, bô-lão đều một lòng cương quyết chống xâm-lăng. Nhà vua thấy lòng dân hăng-hái và bất khuất nên yên tâm lo chống giặc.

IV.— Kết quả của Hội-nghị : Sau khi ở Hội-nghị về, các sĩ-phu, bô-lão hết lòng khuyến-khích con cháu, dân làng tham-gia chống giặc. Thanh-niên khắp nơi hăng-hái rủ nhau ra đầu quân. Toàn dân trở nên một đạo quân cảm tử.

Năm mươi vạn quân Mông-cổ bị đánh tan tành. Chủ tướng và đám tàn quân chạy trốn chết về nước.

V.— Nhận xét : Sự đoàn-kết của cả một dân-tộc là một sức mạnh không bờ bến.

CÂU HỎI :

1.— Về đời nhà Trần, chúng ta bị giống người nào sang xâm chiếm ?

- 2.— Từ khi bị Trần thủ-Độ đánh đuổi về, quân Mông-cổ có ý định gì ?
- 3.— Dưới đời vua Trần Nhân-Tôn, họ sang đánh nước ta lần thứ hai vào năm nào ?
- 4.— Được tin quân Mông-cổ sắp sang đánh nước ta, vua Trần Nhân-Tôn làm gì ?
- 5.— Nhà vua họp các sĩ-phu và bô-lão ở đâu ?
- 6.— Các sĩ-phu, bô-lão tỏ ra thế nào ?
- 7.— Sau khi ở Hội-ng nghị Diên-Hồng về, các sĩ-phu và bô-lão làm gì ?
- 8.— Sự đoàn kết chặt-chẽ của một dân-tộc có ích lợi gì ?

BÀI HỌC

Thái-tử Thoát-Hoan đem 50 vạn quân sang đánh nước ta. Vua Trần Nhân-Tôn bèn họp các bô-lão tại điện Diên-Hồng để bàn về việc nên đánh hay hòa. Mọi người đều một lòng xin chống giặc.

Nhờ vậy, nước ta đã đánh tan được 50 vạn quân Mông-cổ.

BÀI ĐỌC

QUÂN MÔNG-CỔ

Quân Mông-cổ đều là những tay cỡi ngựa rất giỏi, bắn cung rất tài. Họ ham thích chiến tranh, quên nhọc nhằn, chịu cực khổ.

Nhưng ta cũng không quên nhắc đến những thủ-đoạn tàn-bạo, dã-man của họ.

Chuyển sang đánh nước Hung (Âu-châu), họ đã làm cho mười vạn người phải chết khi kinh thành Hung thất thủ. Quân Mông-cổ kéo tới đâu thì ở đó nhân dân phải trốn, ruộng đất bỏ hoang, cảnh tượng thật là điêu-tàn thảm-đạm, suốt Âu-châu phải nao-núng, hãi-hùng.

Theo HOÀNG-THÚC-TRÂM

(Trần-Hung-Đạo)

BÀI HÁT

HỘI NGHỊ DIÊN-HỒNG

(HỎI) Trông quân Nguyên tàn phá non sông nhà.
Đoạt thành trì toan xéo giày lãng miếu.
Nhìn bao quân Thoát lẩn xâm tràn nước ta
Ôi sông núi nhà rền tiếng muôn dân kêu la
Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến ?

(ĐÁP) Quyết chiến !

(HỎI) Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến ?

(ĐÁP) Quyết chiến ! Quyết chiến ! luôn cứu nước nhà.
Nói chi dân hùng anh ;

(HỎI) Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh ?

(ĐÁP) Hy sinh.

(HỎI) Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh ?

(ĐÁP) Hy sinh ; Thề liều thân cho sông núi.
(Tất cả thét) Muôn năm, lưng uy ;

LƯU-HỮU-PHƯỚC

Bài 2

VÌ NƯỚC QUÊN THÙ NHÀ

TRẦN - HƯNG - ĐẠO



BÀI GIẢNG :

I. — Thù nhà rất nặng :

Vua Trần Thái-Tôn lấy bà Lý Chiêu-Hoàng đã được 12 năm mà chưa có con. Bà Thuận-Thiên Công-chúa vợ Trần-Liễu, anh ruột Trần Thái-Tôn, có mang được 3 tháng. Thái-sư Trần-thủ-Độ bắt Thái-Tôn bỏ bà Lý Chiêu-Hoàng và lập bà Thuận-Thiên Công-chúa lên làm Hoàng-hậu.

Vì vậy, Trần-Liễu tức giận gây loạn, nhưng thất bại. Trước khi chết, chưa hết cảm hờn, Trần-Liễu gọi con là Trần-quốc-Tuấn (tức Trần Hưng-Đạo) lại bên giường mà nói rằng : « Sau này, nếu con không báo thù cho cha mà lấy thiên-hạ thì dưới suối vàng cha không hả dạ ».

II.-- Nước trọng hơn nhà :

Trần Hưng-Đạo vẫn nhớ lời cha, nhưng không cho là phải.

Vì vậy, khi quân Mông-cổ tràn sang đánh nước ta, ông nhất quyết gạt bỏ thù nhà để lo đền nợ nước.

Ông vàng mệnh cầm binh, ngày đêm quên ăn quên ngủ, không quản nguy-hiểm khó nhọc, quyết phá tan quân giặc để giữ-gìn đất nước.

Lúc ông lui binh về Vạn-kiếp vua ngự thuyền đến tìm ông, nói rằng : « Thế giặc quá to, đánh nhau lâu sợ hại cho dân, hay là trẫm ra hàng để cứu muôn dân ». Ông khẳng khái tâu rằng : « Bệ hạ nói câu ấy thật là có lòng thương dân, nhưng còn tôn-miếu xã-tắc thì sao ? Nếu Bệ-hạ muốn hàng, xin hãy chêm đầu thần trước đã ».

III.— Một lòng trung nghĩa :

Vua rất tin dùng ông, giao cho tất cả quyền hành, nếu là kẻ dã-tâm thì có thể cướp nước dễ như trở tay. Nhưng ông vẫn thủ phận làm tôi, hết lòng trung nghĩa.

Một hôm, ông hộ giá vua lánh giặc trên một con thuyền. Ông đứng hầu bên cạnh vua, trong tay có cây gậy đầu bịt sắt nhọn. Ông liền tháo cái mũi sắt vứt đi để tỏ lòng ngay thẳng.

Một hôm khác, ông đem lời cha dặn hỏi thử các con. Người con thứ ba là Trần quốc-Tảng có ý xúi ông cướp ngôi vua. Ông rút gươm toan chém. Nhờ có người con lớn lay lục năn-nỉ, ông mới tha, nhưng đến chết ông không cho Quốc-Tảng được thấy mặt.

Nhận xét :

Nước còn, nhà mới còn, nước mất, nhà tan. Người anh-hùng trọng việc nước, nhẹ việc nhà.

CÂU HỎI

1. — *Trần-Liễu có thù thế nào với Trần Thái-Tôn ?*
2. — *Trước khi mất, Trần-Liễu dặn bảo con là Trần Hưng-Đạo những gì ?*
3. — *Trần Hưng-Đạo nghĩ lời cha dặn như thế nào ?*
4. — *Khi Mông-cò sang đánh nước ta, ông giúp vua thế nào ?*
5. — *Kể những chuyện chứng tỏ rằng ông quên hằn hiềm riêng.*
6. — *Trò nghĩ ông là người thế nào ?*

BÀI HỌC

Vua Trần Thái-Tôn không có con nên Thái-sư Trần thủ-Độ ép vua lấy vợ của Trần-Liễu đã có mang được ba tháng.

Trần-Liễu căm hờn nên trước khi mất, dặn con là Trần Hưng-Đạo phải trả thù.

Nhưng Trần Hưng-Đạo vì nước quên thù nhà. Ngài hết lòng phò các vua nhà Trần, phá giặc Mông-cò, cứu dân khỏi vòng nô-lệ.

— *Đức tài, văn võ hơn người,*

Giặc Nguyên khiếp vía, muôn đời ghi công.

BÀI ĐỌC

VÌ NƯỚC BỎ HIỀM RIÊNG

Trần Hưng-Đạo có sự bất hòa với Trần Quang-Khải. Hai người đã lâu không giao thiệp với nhau.

Nhưng khi quân Nguyên ồ-ạt kéo sang, hai vị trung-thần vì lòng yêu nước mà quên hẳn hiềm riêng.

Một hôm, muốn tỏ tình thân mật, Hưng-Đạo sai người nhà nấu nước hoa rồi tự tay tắm cho Quang-Khải và bảo rằng :

— « Hôm nay được hân-hạnh tắm cho quan Thượng-tướng »
Quang-Khải vui-vẻ đáp :

— « Hôm nay được hân-hạnh ngài Quốc-công tắm cho ».

Từ đó, hai bên kết-hợp chặt-chẽ.

Ít lâu sau, Quang-Khải giúp Hưng-Đạo đánh tan quân Nguyên ở bến Chương-dương.

Theo HOÀNG-THÚC-TRÂM
(Trần Hưng-Đạo)

Bài 3

TRẦN BẠCH-ĐẰNG

TRẦN HUNG - ĐẠO



BÀI GIẢNG :

I. — Quân Nguyên mất lương định rút lui.

Sau hai phen thua to, nhà Nguyên lại sai Thái-lữ Thoát-

Hoan đem 30 vạn quân sang đánh nước ta để báo thù.

Lúc đầu, thế giặc rất hăng, Trần Hưng-Đạo rước vua về Thanh-hóa, rồi chia quân trấn giữ mọi nơi. Quân Nguyên cố đánh dữ nhưng nơi nào cũng không tiến nổi.

Được ít lâu, đoàn thuyền vận lương của giặc bị Trần-khánh-Dur đón cướp mất hết tại Vân-đồn. Được tin ấy, quân Nguyên núng thối, Thoát-Hoan sợ thảm bại nên quyết-định rút binh do ngã sông Bạch-đăng.

II. — Trần Hưng-Đạo dùng mưu.

Trần Hưng-Đạo biết trước, hội chư tướng bàn kế phá giặc cho không còn manh giáp. Ông mật sai Nguyễn-Khoái dẫn binh đi đường tắt đến bờ sông Bạch-đăng lấy cọc gỗ đẽo nhọn đầu và bọc sắt rồi đóng khấp giữa lòng sông.

Các tướng lại được lệnh khi gặp thuyền giặc thì xông ra đánh rồi giả thua, dụ qua chỗ có cọc, đợi khi nước rút, sẽ quay lại đánh mạnh. Đó cũng là mưu kế mà Ngô-Quyền đã dùng để diệt quân Nam-Hán khi trước.

III. — Trận Bạch-đăng, máu giặc đỏ sông.

Đoàn thuyền Mông-cổ đang tiến tới đông đặc trên sông Bạch-đăng. Thừa lúc nước thủy triều lên, Nguyễn-Khoái thả thuyền nghênh chiến, rồi bỏ chạy theo dòng nước. Giặc tung hết quân đuổi theo. Qua khỏi chỗ đóng cọc một đôi xa thì nước vừa rút xuống. Quân ta quay lại đánh thật hăng. Bấy giờ, đại binh của Hưng-Đạo-vương cũng kéo đến tiếp chiến. Quân Nguyên thấy thế nguy bèn quay thuyền chạy. Thuyền vướng phải cọc nghiêng đổ, chìm gần hết. Hai bên bờ sông, binh ta mai phục sẵn xông ra bắn xuống như mưa. Quân Nguyên đại bại, thây đầy sông, máu nhuộm đỏ nước.

Trần Hưng-Đạo đại thắng, đoạt được 400 chiến thuyền và bắt sống hầu hết các tướng Tàu trong đó có Ô-mã-Nhi là tướng lợi-hại và độc-ác nhất.

Thoát-Hoan nghe tin thủy binh tan vỡ, theo đường bộ chạy trốn về xứ.

IV.— Nhận xét.

Sông Bạch-đăng là con sông lịch-sử, hai phen chứng kiến quân ta đại phá quân xâm lăng để bảo-vệ nền độc-lập của nước nhà.

CÂU HỎI

- 1.— Tại sao quân Nguyên lại sang đánh nước ta ?
- 2.— Lúc đầu thế giặc như thế nào ?
- 3.— Về sau, tại sao giặc lại yếu thế ?
- 4.— Tại sao Thoát-Hoan định rút binh ?
- 5.— Trần Hưng-Đạo dùng mưu gì ?
- 6.— Trận Bạch-đăng diễn ra như thế nào ?
- 7.— Trò có ý nghĩ gì về sông Bạch-đăng ?

BÀI HỌC

Quân Mông-cổ sang đánh nước ta lần thứ ba.

Bị ta cướp hết lương thực, tướng Thoát-Hoan định rút binh do ngả sông Bạch-đăng.

Trần Hưng-Đạo sai đóng cọc nhọn dưới lòng sông. Quân ta đón đánh rồi bỏ chạy. Thuyền giặc đuối theo.

Qua khỏi chỗ có cọc, nước rút, quân ta quay lại đánh

mạnh. Thuyền giặc vương cộc chìm hết. Giặc chết đầy đầy sông, máu đỏ nước.

— Non sông muôn thuở vững bền,
Bạch Đằng một trận quân Nguyên tan tành.

BÀI HÁT

BẠCH-ĐẰNG GIANG

Đây, Bạch-đằng giang, sông hùng-dũng của nòi giống Tiên-Rồng, giống Lạc-Hồng, giống anh-hùng : Nam, Bắc, Trung.

I.— Trên trời xanh, muôn sắc đua chen bóng ô.

Dưới đáy dòng nước, ánh sáng vờn-vờ nhấp-nhô ;

Hàng cây cao soi bóng, gió cuốn muôn ngàn lau ;

Hồn ai đang phảng-phất trong gió, cảm xiết bao ;

Mây nước thiêng-liêng còn ghi chép rành ; Thời liệt-oanh của bao người xưa trung-chánh, Vì yêu quốc-gia, vui lòng hiến thân.

Liều mình ra tay, tuốt gươm bao lần.

ĐIỆP-KHÚC.

Dòng nước trắng xóa dưới trời quang-dăng,

Từ xưa nêu cao tấm gương anh-hùng ;

Dù có sấm-sét bão-bùng mưa nắng,

Đằng-giang vẫn sáng, để cho nòi giống soi chung.

LƯU - HỮU - PHƯỚC

Bài 4

NGỒI ĐAN SỢT MÀ LO VIỆC NƯỚC

PHẠM-NGŨ-LÃO



BÀI GIẢNG

I.— Tuổi còn nhỏ nhưng khảng-khải

Phạm-ngũ-Lão quê ở làng Phù-ủng, tỉnh Hưng-yên. Mồ-côi

cha từ thuở nhỏ, tuy nhà nghèo nhưng ông có chí lớn. Bẩm-tính thông-minh, ông lại năng học tập, nên văn võ đều giỏi cả.

Lúc ông 20 tuổi, trong làng có người đỗ tiến-sĩ, cả làng kéo đến mừng, riêng ông không đến, bà mẹ hỏi, ông thưa :

— « Con chưa làm nên sự-nghiệp để vui lòng mẹ. Nay đi mừng người thì con lấy làm nhục lắm. »

II. — Ngôi đan sọt mà lo việc nước

Một hôm, ông ngồi trước cửa nhà, bên vệ đường, vót tre đan sọt, gặp lúc Trần Hưng-Đạo đi ngang qua, tiền hô hậu ủng, ông vẫn ngồi yên-tĩnh. Quân lính thét bảo đứng dậy, ông thản-nhiên như không. Quân lấy giáo thích vào đùi, máu chảy đầm-dề, ông vẫn tro-tro như tượng đá.

Hưng-Đạo-vương đi tới, lấy làm lạ, dừng lại hỏi. Ông mới giết mình đứng dậy lễ phép thưa rằng : « Kẻ quê nầy đang mê mải nghĩ đến một trận thế phá giặc mà thất lễ với Đại-vương, xin tạ tội ». Vương lại hỏi đến kinh-sử, binh-thu thì ông ứng đối trôi chảy. Vương biết là người tài, bèn cho ngồi xe đưa về Kinh, tiến-cử coi vệ-binh.

III. — Tài đại-tướng

Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, ông giúp Trần Hưng-Đạo thắng nhiều trận lớn ở Nghệ-An, Chương-dương và Lạng-sơn nên được phong chức Đại-tướng.

Ông trị quân có kỷ-luật, đối-dãi với quân-lính như cha con, vui khổ cùng chia sẻ, người ta thường gọi quân của ông là « Phụ-tử chi binh ».

Nhờ thế, về sau, ông lại còn nhiều phen đi đánh quân Lào và quân Chiêm-thành, trận nào cũng toàn thắng.

Trải ba triều vua, Phạm-ngũ-Lão đều một lòng trung-chánh, đem tài bách chiến để giữ-gìn đất nước, nên được phong tới chức Điện-tiền Thượng Tướng-quân.

IV.— Nhận xét

Thấy mình kém người mà biết hổ thẹn, sửa mình rèn chí mà nên sự-nghiệp, Phạm-ngũ-Lão đã treo gương tự-lập cho người đời.

CÂU HỎI

- 1.— *Phạm-ngũ-Lão lúc nhỏ thế nào ?*
- 2.— *Tại sao ông không đến mừng ông tiến sĩ mới thi đỗ ?*
- 3.— *Một hôm tại sao ông bị quân lính la thét ?*
- 4.— *Trần Hưng-Đạo hỏi ông về việc gì ?*
- 5.— *Ông trả lời với Trần Hưng-Đạo thế nào ?*
- 6.— *Trần Hưng-Đạo đem ông về Kinh làm gì ?*
- 7.— *Ông thắng được quân Mông-cổ ở đâu ?*
- 8.— *Ông đối-dãi với binh-sĩ thế nào ?*
- 9.— *Về sau, ông còn lập được công gì nữa ?*

BÀI HỌC

Phạm-ngũ-Lão, mồ côi cha, nhà nghèo nhưng tài giỏi, chí lớn.

Một hôm, ông ngồi đan sọt bên đường. Trần Hưng-Đạo dẫn quân đi ngang qua, gặp ông gạn hỏi, thấy ông có tài bèn đem về Kinh.

Ông đánh giặc Nguyên có công lớn, được phong chức Đại-tướng.

Sau, ông còn nhiều phen đánh thắng quân Lào và quân Chiêm-thành.

— *Đánh Nguyên trước, sau phá Lào,*

Trọng niềm trung hiếu, nêu cao trí, tài.

BÀI ĐỌC

PHẠM-NGŨ-LÃO

Quận Hồng-châu buổi hưng Trần,
Tại làng Phù-ủng xuất thân một người.

Hàn-vi trong lúc thiếu thời,
Con dao, bó nửa lằn hồi sinh-nhai.

Vốn người trượng-mạo giỏi trai,
Họ Phạm, tên Lão, tuổi vài chục xuân.

Bèn đường ngay ngắn binh thân,
Sớm trưa lặng-lẽ ở trần đan phen.

Binh Vương gặp buổi qua miền,
Ngồi quên, ông bị giáo xiên trúng đùi.

Máu đào loang-lổ tuôn rơi,
Lạ thay ai đó vẫn ngồi ung-dung.

Lệnh đòi vào chốn trường nhung,
Cuộc bày tỉ-thi kiếm cung thử tài.

Mời hay dững lược gồm hai,
Viên-môn trở sức thần-oai đoạt bào.

Nước non tỏ mặt anh hào,
Đòi phen sát Thát, phá Lão, bình Chiêm.

Theo VŨ-HUY-CHÂN
(Những người không chết)

Bài 5

ANH - HÙNG TÍ - HON

TRẦN - QUỐC - TOẢN



BÀI GIẢNG :

I.— Hội-nghị Bình-than.

Quân Mông-cổ hùng-hồ kéo sang quyết đánh chiếm cho được nước ta. Vua Trần Nhon-Tôn ngự thuyền ra sông Bình-

than, nay thuộc tỉnh Hải-dương, triệu-tập các vương-hầu và chư tướng để bàn mưu chống giữ đất nước.

Trong tôn-thất, có một thiếu-niên anh-dũng tên là Trần-quốc-Toản, tước Hoài-văn-hầu, bấy giờ mới có mười sáu tuổi cũng có mặt tại hội-ng nghị. Nhưng vì còn trẻ, Quốc-Toản chỉ được phép đứng nghe mà không được bàn cãi.

Cậu bé lấy làm tức tối, mặt đỏ bừng, răng nghiến chặt, trong tay đang cầm trái cam mà bóp giẹp lúc nào không biết.

II.— Anh-hùng không đợi tuổi /

Quốc-Toản lặng-lẽ ra về, kêu gọi những bạn bè, những người thân thuộc, sắm sửa khí giới, họp thành một toán quân riêng. Ông cho thêu một lá cờ to đề sáu chữ « Phá cường địch, báo hoàng ân » rồi xuất quân tìm giặc đánh phá.

Mỗi khi ra trận, Quốc-Toản đều đi đầu quân-sĩ, xông pha tên đạn như vào chỗ không người. Giặc Mông-cổ hề thấy ở đâu là phải lần tránh, chớ không dám chống chọi trước sức tấn công đồng-cảm của Quốc-Toản.

Vua thấy ông có can-dảm và hăng-hái phải phong cho làm phó tướng.

III.— Chiến công oanh-liệt

Ông theo Trần-nhật-Duật đem binh đón đường quân giặc ở mặt Hải-dương, đến bến Hàm-tử thì gặp chiến thuyền của Toa-Đô. Nhật-Duật và ông phân binh ra đánh thật dữ-dội. Quân Nguyên thua to, chết hại rất nhiều. Toa-Đô chạy thoát.

Kế đó, ông lại theo Trần-quang-Khải đem quân đến bến Chương-dương đánh phá chiến thuyền của Thoát-Hoan. Quân ta đánh hăng quá, quân Nguyên chống không nổi bỏ chạy. Quân ta đuổi theo và lấy lại được thành Thăng-long.

Trận Hàm-tử quan và trận Chương-dương độ là hai trận thắng lừng lẫy, danh tiếng lưu truyền mãi mãi.

IV.— Nhận xét :

Cái chí và cái tài của các bậc anh-hùng không đợi tuổi mới lộ ra.

CÂU HỎI

- 1.— Vì sao quân Mông-cổ sang đánh nước ta ?
- 2.— Vua Trần Nhơn-Tôn triệu-tập hội-ng nghị Bình-than để làm gì ?
- 3.— Tại sao Trần-quốc-Toản không được dự cuộc bàn cãi ?
- 4.— Ông tức tối thế nào ?
- 5.— Ra về, ông làm gì ?
- 6.— Ông đánh quân Mông-cổ thế nào ?
- 7.— Kể các chiến-công của ông ?

BÀI HỌC

Quân Mông-cổ tràn sang đánh nước ta.

Vua Trần Nhơn-Tôn hội vương-hầu tại Bình-than để bàn mưu chống giặc. Hoài-văn-hầu Trần-quốc-Toản mới 16 tuổi không được dự cuộc bàn cãi.

Ông ra về họp người thân thuộc lập một đạo quân riêng, kéo cờ xuất trận, phá giặc Nguyên.

Ông lập nên nhiều võ-công oanh-liệt như là trong trận Hàm-tử quan và trận Chương-dương độ.

— Hoài-Văn tuổi trẻ trí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.

BÀI ĐỌC

TRẦN QUỐC - TOÀN

Giỏi thay ! Trần-quốc-Toàn !

Tuổi trẻ dư can-đảm.

Dốc bụng báo hoàng ân,

Cả gan bình quốc-nạn.

Cờ bay, giặc hãi-hùng,

Giáo trở, quân tan giã.

Lùng-lẫy tiếng anh-hùng,

Giỏi thay ! Trần-quốc-Toàn !

PHAN KẾ - BÌNH.

Bài 6

THÀ LÀM QUỶ NƯỚC NAM CÒN HƠN
LÀM VƯƠNG ĐẤT BẮC

TRẦN - BÌNH - TRỌNG



BÀI GIẢNG :

I. — Dòng-dôi

Trần-bình-Trọng là dòng-dôi vua Lê Đại-Hành. Từ đời

Trần Thái-Tôn, vì ông cha có công lớn, nên ông được dời sang họ Trần.

Ông là người tài-giỏi và trung-nghĩa, vua phong là Bảo-nghĩa-vương.

II.— Chống giặc, bị bắt

Khi quân Nguyên xâm-chiếm nước ta lần thứ hai, ông lãnh ấn tiên-phong, ngăn giặc tại vùng biên-thùy. Lúc đầu, thế giặc rất mạnh, binh ta phải lui khắp các nơi.

Sau khi thành Thăng-long thất-thủ, vua dời đô về Thanh-hóa, giao cho Bình-Trọng trấn giữ Thiên-trường, thuộc tỉnh Nam-dịnh, để chặn đường tiến binh của giặc.

Quân Nguyên đem đại binh đến vây đánh, ông chống cự rất hăng, nhưng vì quân ít, thế cô, ông bị thua và bị giặc bắt sống, giải đến tướng Nguyên là Thoát-Hoan.

III.— Thà làm quỉ nước Nam

Thoát-Hoan biết ông là một dũng-tướng, muốn khuyên-dô về hàng, nên đối-dãi với ông rất tử-tế. Giặc sai người dọn cỗ thết đãi, ông nhất quyết không ăn, giặc hỏi han, ông ngồi im không thèm đáp ; giặc dọa nạt, ông vẫn thản-nhiên.

Sau cùng, Thoát-Hoan đem mọi phú-quí dụ ông :

— Tướng-quân hãy về hàng ta đi, rồi sẽ được phong làm vương đất Bắc.

Bình-Trọng nổi giận, quát lên rằng :

— Ta thà làm quỉ nước Nam chớ không thèm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì chỉ còn lấy cái chết để đền nợ nước mà thôi.

Thoát-Hoan biết không thể dụ ông được, nên sai quân đem chém.

Người trong nước nghe tin ai cũng thương xót và kinh phục.

Khi bình xong giặc Nguyên, vua truy tặng ông rất hậu và sai người dựng đền thờ.

IV.— Nhận xét

Thà chết vinh chứ không chịu sống nhục, Trần-bình-Trọng đã nêu gương trung-liệt cho muôn đời.

CÂU HỎI

- 1.— Trần-bình-Trọng là dòng-dối ai ?
- 2.— Tại sao ông được đòi ra họ Trần ?
- 3.— Ông là người thế nào ?
- 4.— Khi quân Mông-cổ xâm-chiếm nước ta, ông được vua cử làm gì ?
- 5.— Sau khi Kinh-thành thất-thủ, ông vâng mệnh trấn giữ ở đâu ?
- 6.— Tại sao ông bị bắt ?
- 7.— Giặc đối-dối với ông thế nào ?
- 8.— Thoát-Hoan nói gì với ông ?
- 9.— Ông trả lời thế nào ?
- 10.— Theo ý trò, Trần-bình-Trọng là người thế nào ?

BÀI HỌC

Trần-bình-Trọng là dòng-dối Lê Đại-Hành.

Trần giữ thành Thiên-trường, vì quân ít, ông bị giặc Mông-cổ vây bắt. Ông không thèm nói năng, ăn uống gì cả.

Thoát-Hoan dụ ông hàng. Ông quát to : «Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.»

— *Trần-bình-Trọng cũng là trung,
Thà làm Nam quỷ, không lòng Bắc Vương.*

BÀI ĐỌC

Khen TRẦN-BÌNH-TRỌNG

Giỏi thay Trần-bình-Trọng !

Dòng-dối Lê Đại-Hành.

Đánh giặc dư tài mạnh,

Thờ vua một tiết trung

Bắc-vương sống mà nhục,

Nam-quỷ thác cũng vinh.

Cứng-cỏi lòng trung-nghĩa,

Ngàn thu rõ đại danh.

PHAN - KẾ - BÌNH

Bài 7

Ông TRẠNG THANH - LIÊM

MẠC - ĐÌNH - CHI



BÀI GIẢNG :

I.— Dị tướng, kỳ tài

Mạc-đĩnh-Chi người làng Lũng-dộng, tỉnh Hải-dương, Ông rất thông-minh, văn-chương hay, ứng-đối giỏi.

Năm 20 tuổi, ông thi Đình, văn đáng đỗ Trạng-nguyên, nhưng vua Trần Anh-Tôn thấy người xấu-xí, hình dáng loắt-choắt như giống hầu, toan không cho đỗ. Ông bèn dâng bài phú « Ngọc tỉnh liên » đề tự ví mình với « hoa sen trong giếng ngọc ». Vua đọc xong, nhận là một bài văn thật hay mới cho ông đỗ và trọng dụng.

II.— Treo gương liêm-khiết

Trọn đời làm quan, ông giữ một lòng trung-nghĩa với vua, công-bình với cả mọi người. Lương-bổng được bao nhiêu, ông đem về phân-phát cho người thân-quyến. Vì vậy, ông phò mấy triều vua, lên đến chức Tể-tướng mà nhà rất thanh-bạch. Từ triều-thần đến dân-gian, ai ai cũng ca-tụng đức thanh-liêm của ông.

Vua nghe tiếng, bèn sai người đêm khuya lên đem 10 quan tiền bỏ vào nhà ông. Sáng dậy, ông liền đem vào triều trình vua, tâu rằng không biết là tiền của ai nên xin bỏ vào kho. Vua khen ngợi bảo: Tiền ấy chính là của trẫm, khanh hãy lấy đi, trẫm thưởng tấm lòng thanh-liêm của khanh đó.

III.— Trở tài hùng-biện

Ông phụng mạng đi sứ Tàu.

Vua quan nhà Nguyên nghe tiếng ông bày ra nhiều cuộc thi-phú, đề thử tài. Ông lúc nào cũng đối đáp trôi chảy, văn hay ý lạ, người Tàu thán-phục.

Trong lúc đi sứ có một Công-chúa mất, vua Tàu cử ông vào đọc văn-tế. Đến lúc quì xuống cầm bản văn đề đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng có viết 4 chữ nhất (一) mà thôi. Mạc-dĩnh-Chi không nghĩ-ngợi gì, đọc ngay lên một bài văn-tế ý-nghĩa thâm-trầm.

Vua quan Tàu cho ông là một bậc kỳ-tài.

IV.— Nhận xét

Ông Mạc-đĩnh-Chi là một bậc Trạng tài cao, học rộng lại là một ông quan thanh-liêm có một không hai.

CÂU HỎI

- 1.— Quê-quán ông Mạc-đĩnh-Chi ở đâu ?
- 2.— Ông học-hành thế nào ?
- 3.— Tướng mạo ông thế nào ?
- 4.— Ông thi đậu gì ?
- 5.— Ông làm quan được nổi tiếng về đức tính gì ?
- 6.— Vua thử ông thế nào ?
- 7.— Khi ông đi sứ, người Tàu thử tài ông thế nào ?
- 8.— Tại sao người Tàu thán-phục ông ?

BÀI HỌC

Mạc-đĩnh-Chi người xấu-xí nhưng rất thông-minh, thi đỗ Trạng-nguyên.

Ông làm quan nổi tiếng thanh-liêm. Vua sai người đem khuya đem tiền bỏ vào nhà ông. Sáng ra, ông đem vào triều tâu xin nộp vào kho. Vua khen ngợi, quan dân cảm-phục.

Ông đi sứ sang Tàu, người Tàu tôn ông là bậc kỳ-tài.

— Khen thay ông Trạng-thanh-liêm,

Một đời vì chúa, một niềm vì dân.

BÀI ĐỌC

CHIM-SẺ ĐẬU CÀNH TRÚC.

Khi Mạc-dĩnh-Chi phụng mệnh sang sứ nhà Nguyên, một hôm, quan Tề-tướng Tàu mời vào phủ-đường ngồi chơi. Đĩnh-Chi trông thấy trên bức tranh có thêu con chim-sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là con chim thực, đứng dậy chạy lại bắt.

Người Tàu cười ầm cả lên, Đĩnh-Chi xé tan ngay bức tranh ấy ra.

Chúng ngạc-nhiên hỏi cơ làm sao, ông đáp rằng :

« Tôi có nghe người ta thường vẽ chim-sẻ đậu cành mai, không ai vẽ đậu cành trúc bao giờ. Nay Tề-tướng sao lại cho vẽ thế ? Trúc là giống cây quân-tử, chim-sẻ là loài vật tiểu-nhân, vẽ thêu như thế, thì cho tiểu-nhân ở trên quân-tử, tôi e rằng đạo tiểu-nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân-tử mỗi ngày suy đi, nên tôi trừ giúp cho thánh-triều dấy thôi. »

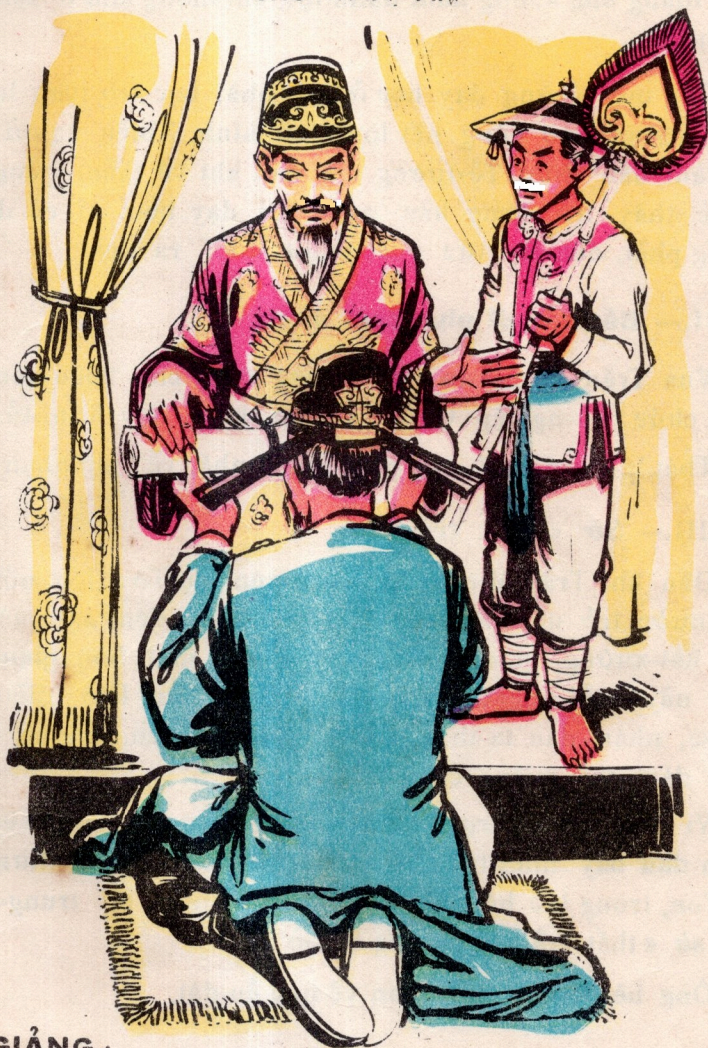
Chúng chịu là ông biện-bác có lý.

PHAN - KẾ-BÍNH
(Nam-hải di-nhân)

Bài 8

DÂNG SƠ XIN CHÉM ĐẦU BẢY NỊNH THẦN

CHU - VĂN - AN



BÀI GIẢNG :

I. — Tài cao đức lớn

Chu-văn-An người làng Quang-liệt, tỉnh Hà-dông, thi đỗ

Tiến-sĩ đòi nhà Trần. Tài học sâu rộng, tính khí cứng rắn ngay thẳng ông không ham danh-lợi, chỉ mong làm tỏ rạng đạo thánh-hiền.

Ông mở trường dạy học ở quê nhà, học trò theo học rất đông, người nào cũng hết lòng tôn kính. Nhiều người hiền-đạt làm đến chức Tể-tướng mà mỗi khi về thăm viếng, vẫn giữ lễ thầy trò đứng hầu nghe lời dạy bảo. Ai có điều gì không phải, ông lập tức quát-mắng đuổi ra ngay.

II.— Bất-đắc-dĩ phải làm quan.

Vua Trần Minh-Tôn nghe tiếng ông, cho triệu vào triều lãnh chức Tư-nghiệp Quốc-tử-giám, kiêm dạy Thái-tử.

Thật là bất-đắc-dĩ, ông phải từ giã nhà, về Kinh nhận chức.

III.— Sớ « thất trảm ».

Đến khi Trần Minh-Tôn mất, vua Dụ-Tôn lên nối ngôi, việc nước trở nên rối ren. Dụ-Tôn ngày đêm say mê rượu-chè, hát-xướng, giao phó việc nước cho một bọn gian-nịnh. Bọn này mỗi ngày thêm hống-hách, làm lắm điều bạo-ngược, nhân-dân ta-thán, triều-thần bất-mãn, nhưng không có ai dám mở miệng can-ngăn.

Vì lòng cương-trực, Chu-văn-An làm sớ dâng vua xin chém đầu bảy nịnh-thần để cứu nước cứu dân. Nhưng vua Dụ-Tôn, trong lúc hôn-mê, không hiểu được lời trung-chánh nên sớ « thất trảm » của ông bị bỏ đi.

Ông bèn cởi áo, từ quan về quê ẩn-dật.

IV.— Vui cùng non nước.

Lúc ông về nghỉ, việc đời gác bỏ ngoài tai, dạo chơi non nước, vui cùng cảnh-vật thiên-nhiên.

Sau, ông mất tại nhà, vua Trần Nghệ-Tôn sai quan đến tế, truy-tặng là Văn-trình-công và cho thờ trong Văn-miếu, ngang hàng với các bậc tiên-nho.

V.— Nhận xét.

Chu-văn-An là một bậc đại-nho nêu gương trung-nghĩa cho đời sau.

CÂU HỎI

- 1.— *Chu-văn-An tài học thế nào ?*
- 2.— *Tại sao ông không ra làm quan ?*
- 3.— *Học trò đối với ông thế nào ?*
- 4.— *Vua Minh-Tôn triệu ông về triều làm gì ?*
- 5.— *Đời Dụ-Tôn việc nước thế nào ?*
- 6.— *Ông dâng sớ xin vua làm gì ?*
- 7.— *Tại sao vua không nghe lời ông ?*
- 8.— *Lúc về trí-sĩ, ông làm gì ?*
- 9.— *Khi ông mất, vua đối với ông thế nào ?*

BÀI HỌC

Chu-văn-An là một bậc đại nho, được học trò rất sùng-bái. Ông được vua vời vào Kinh dạy Thái-tử.

Trong triều, vua Trần Dụ-Tôn ham mê tửu-sắc, bỏ phế việc nước, quyền-thần làm nhiều điều bạo-ngược.

Ông dâng sớ xin chém đầu bảy nịnh-thần để cứu nước, cứu dân. Vua không chịu nghe, ông bèn từ chức về quê ẩn-dật.

— *Nêu gương chính-trực trên đời,
Tấm lòng trung nghĩa sáng ngời nước non.*

BÀI ĐỌC

VUI CÙNG CẢNH-VẬT THIÊN-NHIÊN

Khi về nghỉ rồi, Chu-văn-An nhân ra chơi làng Ái-kiệt, tỉnh Hải-dương, thấy phong-cảnh đẹp-dẽ, núi non kỳ lạ bèn làm nhà ở trong khoảng giữa hai núi Lân và Phụng lấy hiệu là Tiều-ẩn tiên-sinh.

Nguyên dãy núi ấy có 72 ngọn, cây cối rườm-rà u-uất, bên tả là núi Kỳ-lân, bên hữu là núi Phụng-hoàng. Trên núi Phụng-hoàng có suối ngọt chảy ra thành nguồn, vòng quanh sườn núi chảy xuống đọng lại một chỗ, gọi là đầm Miết, rồi lại chảy quanh ra ngoài chân núi thẳng xuống sông. Nước đầm Miết ngon lắm. Mỗi khi nhân, ông thần-thơ ra chơi trên đầm Miết, ngâm thơ uống rượu làm vui.

Có lúc vua Dụ-Tôn sai người rước ông trở ra làm quan, nhưng ông nhứt định chối từ. Vua sai đem áo mũ đến ban, ông nhận lấy nhưng lại đem cho người khác.

Người đời bấy giờ trọng vọng ông vô cùng.

Theo PHAN-KẾ-BÍNH
(Nam-hải di-nhân)

Bài 9
NGÂM THƠ NUỐT HẬN
ĐẶNG DUNG



BÀI GIẢNG :

I.— Quân Minh tàn bạo.

Lúc Hồ-quý-Ly cướp ngôi nhà Trần, lòng người ly-tán, vua nhà Minh bên Tàu thừa cơ-hội sai Trương Phụ đem binh

xâm chiếm nước ta. Muốn thị-oai cho dân ta khiếp sợ, Trương Phụ đi đến đâu cũng giết người, cướp của, đốt nhà và làm nhiều điều tàn-bạo.

Trước cảnh nước mất nhà tan, nhân-dân khổ-sở, những bậc anh-hùng hào-khiet các nơi mài gươm luyện kiếm để đánh đuổi kẻ xâm lăng.

II.— Không vì thù cha mà quên hận nước.

Lúc bấy giờ có Đặng-Tất là người tài giỏi ra giúp Giản-định-vương con thứ của Trần Nghệ-Tôn. Ông đánh thắng giặc Minh nhiều trận lớn. Lòng quân phấn khởi, mọi người đang hy-vọng chiếm lại Kinh-thành. Nhưng Giản-Định lại nghe lời dèm pha, nghi-ngờ Đặng-Tất mà bắt giết đi.

Con Đặng-Tất là Đặng-Dung chán nản vô cùng, nhưng vì lòng yêu nòi giống, ông đành dẹp bỏ thù cha mà lo rửa hận cho nước. Không thể theo phò Giản-Định nữa, ông bèn tôn cháu vua Nghệ-Tôn là Trần-quý-Khoách lên làm vua để lo việc khôi phục đất nước.

III.— Vì nước bỏ mình.

Trương-Phụ đem đại binh tiến đánh Quý-Khoách. Đương dèm Đặng-Dung đem quân đánh úp Trương-Phụ, quyết lòng bắt sống, làm cho quân Minh bối rối phải thua. Ông nhảy được vào thuyền Trương-Phụ nhưng tiếc thay vì không biết mặt, nên tưởng giặc nhảy xuống một chiếc xuồng trốn thoát.

Sau đó, vì yếu thế, Đặng-Dung bị thua phải phò vua theo đường núi chạy sang Lào. Vua tôi bị người Lào phản phúc bắt nộp cho Trương-Phụ. Trương-Phụ cho giải cả về Tàu. Giữa đường, vua tôi không chịu nhục, đều nhảy xuống biển tử-tiết.

IV.— Ngâm thơ nuốt hận nước.

Tráng-sĩ Đặng Dung trọn đời đã đem hết tâm lực mình phụng-sự đất nước. Nhưng đáng thương thay ! hận nước chưa nguôi mà chí khí anh-hùng phải tan theo mây khói, đúng như ý nghĩa của bài thơ cảm-tác mà ông thích ngâm nga những lúc bất đắc chí :

Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Dưới trăng bao độ tuốt gươm mài.

CÂU HỎI

- 1.— Nhân dịp nào quân Minh xâm chiếm nước ta ?
- 2.— Trương-Phụ là người thế nào ?
- 3.— Đặng-Tất giúp ai để khôi phục nhà Trần ?
- 4.— Tại sao Giản-dịnh-vương giết Đặng-Tất ?
- 5.— Tại sao Đặng-Dung không thù Giản-dịnh-vương ?
- 6.— Ông phò ai để chống với giặc ?
- 7.— Vì sao ông bị bắt ?
- 8.— Vì sao ông nhảy xuống biển ?
- 9.— Trong bài thơ cảm tác của ông, ông than-thở gì ?

BÀI HỌC

Đặng-Dung là vị anh-hùng giúp Trần-quý-Khoách chống với quân Minh.

Lúc đầu, ông đánh thắng giặc và có lần suýt bắt được tướng Trương-Phụ. Nhưng sau vì quân ít nên bị bắt và giải về Tàu, ông nhảy xuống biển tử-tiết.

Bình thời trong những cơn uất hận, ông hay ngâm thơ than-
thở rằng :

— *Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Dưới trăng bao độ tuyết giương mài.*

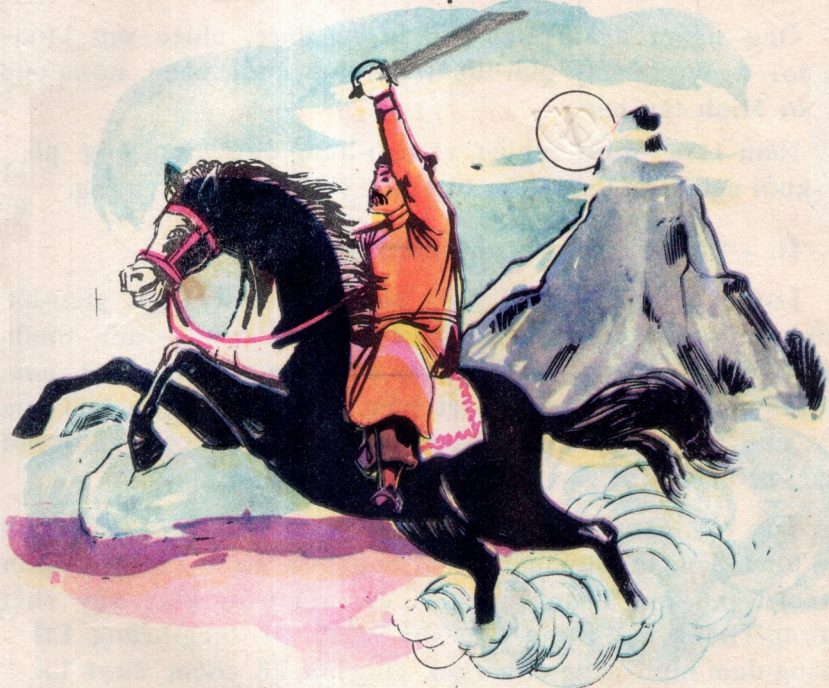
BÀI ĐỌC

ĐẶNG - DUNG

Xưa nay vì nước hết lòng trung,
Gian khổ ai bì với Đặng-Dung.
Nghĩa trước đã căm lòng hiếu-tử,
Tình sau thêm bận chí anh-hùng.
Vai khiêng trái đất mong phò chúa,
Tay vạch khuôn trời khó thử cung.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Thân chìm đáy nước nói sao cùng.

Theo VŨ-HUY-CHÂN

LÊ - LỢI



BÀI GIẢNG :

I. — Lam-sơn khởi nghĩa.

Lê-Lợi người làng Lam-sơn, tỉnh Thanh-hóa, làm nghề nông, giàu có, hay giúp đỡ kẻ nghèo khó, nên mọi người đều kính phục.

Lúc bấy giờ, nhà Minh đang cai-trị nước ta nghe tiếng ông rất được lòng dân, bèn cho sứ-giả đến vời ông ra làm quan, nhưng ông một mực chối từ.

Ông thường nói với bạn bè : « Làm trai ở đời phải chống nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn thuở, tội gì lại chịu hạ mình làm đầy tớ người ta ! »

Ông ngấm ngấm tích-trữ lương-thực, chiêu-mộ binh-sĩ đợi ngày ra tay giải-thoát dân-tộc khỏi vòng nô-lệ của người Minh tàn-bạo.

Năm 1418, được nhiều vị anh-hùng đến giúp, ông phất cờ khởi nghĩa tại Lam-sơn, tự xưng là Bình-định-vương.

II. — Mười năm chinh-chiến gay-go.

Lúc đầu, quân ít, thế yếu, ông chịu nhiều nỗi gian-lao khổ-cực. Ba lần phải rút binh về ẩn núp ở Chi-linh thuộc tỉnh Nghệ-an. Mấy phen thua trận chạy lên núi, đói khát, phải đào củ chuối và hái rau ăn trừ bữa. Một lần bị quân địch bủa vây, nhờ Lê-Lai lập kế trá hình, ông mới thoát chết. Một lần khác, bị giặc rượt gấp, phải chạy bỏ cả gia-đình.

Tuy vậy, càng thua lại càng hăng-hái, chớ không thối chí ngã lòng. Sau, thế-lực mạnh lên, ông thừa cơ thuận tiện đánh chiếm Nghệ-an, Thanh-hóa rồi đem binh ra Bắc, vây chặt Vương-Thông tại Đông-đô. Nhà Minh sai dũng-tướng Liễu-Thắng đem binh sang cứu-viện. Ông lập kế chém được Liễu-Thắng ở Chi-lăng, thuộc tỉnh Lạng-sơn. Quân Tàu đóng các nơi nghe tin hoảng sợ, tốp chạy trốn về xứ, tốp đầu hàng.

III. — Dựng cơ-nghiệp.

Sau khi dẹp tan giặc Minh, Lê-Lợi sai Nguyễn-Trãi soạn bài « Bình Ngô đại cáo », báo cho dân chúng biết sự thắng trận vẻ-vang của quân dân ta, rồi lên ngôi, hiệu là Lê Thái-Tổ.

IV. — Nhận xét.

Với một lòng kiên-nhẫn lạ thường trong cuộc chiến-đấu vô cùng khó-khăn, vất-vả, Lê-Lợi đã bẻ cùm, tháo xích cho giống nòi. Thực là một bậc đại anh-hùng dân-tộc.

CÂU HỎI

- 1.— *Lê-Lợi quê ở đâu ?*
- 2.— *Ông là người thế nào ?*
- 3.— *Ông thường nói gì với bạn bè ?*
- 4.— *Ông khởi nghĩa tại đâu ?*
- 5.— *Lúc đầu, ông phải chịu gian-khò thế nào ?*
- 6.— *Về sau, ông thắng quân Minh thế nào ?*
- 7.— *Ông lập kế chém Liễu-Thăng ở đâu ?*
- 8.— *Sau khi dẹp tan quân Minh, ông làm gì ?*

BÀI HỌC

Năm 1418, Lê-Lợi khởi nghĩa tại Lam-sơn, đánh nhau với quân Minh trong 10 năm trời.

Lúc đầu, thế yếu, ông bị thua, chịu nhiều lao-khò.

Nhưng về sau, ông thắng luôn nhiều trận, tiến binh ra Bắc, vây Vương-Thông ở Đông-đô và chém được Liễu-Thăng ở Chi-lăng. Quân Minh tan vỡ.

Ông lên ngôi, hiệu là Lê Thái-Tổ, dựng nên cơ-nghiệp nhà Hậu-Lê.

— *Mười năm bình-định giặc Minh,
Anh-hùng dân-tộc lưu-danh muôn đời.*

BÀI ĐỌC

THOÁT NAN

Trong mười năm đánh nhau với quân Minh, Lê-Lợi nhiều phen thua trận, thấy cái chết trước mắt rồi lại thoát khỏi.

Một hôm, ông thua trận, quân-sĩ tản lạc mất cả, chỉ còn một mình tìm đường chạy trốn. Tướng nhà Minh đem quân đuổi theo gần kịp. Ông túng thế không biết làm thế nào, xảy

gặp một ông lão nhà quê đang tát nước vào ruộng mạ, ông bèn nhảy ngay xuống ruộng cầm mạ cấy đỡ cho ông ấy. Một lát, quân Minh đuổi đến nơi, thấy người làm ruộng, hỏi thăm rằng :

— « Có thấy ai chạy qua đây không ? »

Ông lão làm ruộng đã biết ý, chắc ông là Bình-dịnh-vương, mới chỉ tay về mé trước mặt nói rằng :

— Tôi vừa thấy một người chiến-tuợng, hốt-hơ hốt-hải chạy về mé trước kia kia !

Quân Minh tưởng thực, kéo cả đi về mé trước. Nhân thế Lê-Lợi thoát nạn.

Theo PHAN-KẾ-BÍNH

(Nam-Hải đệ nhân)

BÀI HÁT

ÀI CHI-LĂNG

Chi-lăng ! Chi-lăng !

Tiếng ai hò reo vang trời

Chi-lăng ! Chi-lăng !

Bóng ai tranh hùng muôn đời.

Trời âm-u, gió tung rú lên, rít lên ào ào,

Rừng thông rên siết dường như khóc dưới luồng bão.

Lời ai nỉ-non trong mây ?

Hồn ai thổ-than nơi này ?

Lời gió hay lời reo ngàn quân-sĩ đã chết ?

Hồn gió hay hồn ai còn thương tiếc ?

Trời lung lay sấm vang, sét vang nổ lên ầm ầm,

Đồi non thung-lũng đều long-lở dưới hồi sấm.

Lời ai ? Phải chăng thần-thánh ?

Hồn ai ? Phải chăng hùng-anh ?

Vì nước, thét quân đột xông.

Làm cho rõ giống Tiên Rồng.

Bài 11

HY-SINH VÌ ĐẠI-NGHĨA

LÊ LAI



BÀI GIẢNG :

I. — Lê-Lợi bị vây khốn.

Trong mười năm kháng-chiến chống quân Minh, Lê-Lợi gặp nhiều phen nguy-khốn.

Có lần, ông thua trận phải rút binh về đóng ở núi Chi-linh, thuộc tỉnh Nghệ-An. Tướng Minh đem đại đội binh mã bủa vây, quyết bắt ông cho kỳ được. Tình-thế vô cùng nguy ngập : lương-thực lần lần cạn, quân-sĩ đau ốm hao mòn, thoát ra không được mà cố thủ thì cũng đến chết cả.

II.— Lê-Lai dâng kế.

Lê-Lợi bèn hội các tướng bàn nên tử-chiến một trận, thoát được thì càng hay, bằng không, chịu chết cũng cam. Lúc ấy, có Lê-Lai, chính tên là Nguyễn-Thân, vì theo chúa lập nên công lớn nên được đổi tên họ, đứng lên tâu rằng :

— « Vương nên lấy thân làm trọng, hiện nay cả nước chỉ trông vào có một mình Vương, nếu mệnh-hệ bề nào, thì làm sao đuổi giặc Minh ra khỏi bờ-cõi.

Tôi xin tình-nguyện trá hình thay Vương để đánh lừa quân giặc, như Kỳ-Tin đời Hán đã liều mình chết thế cho vua Cao-Tổ. »

Lê-Lợi cảm động quá, không nhất quyết. Nhưng Lê-Lai hết lời nài-nỉ, Lê-Lợi phải gạt lệ nghe theo.

III — Hy-sinh vì đại-nghĩa.

Thế rồi, Lê-Lai mặc áo hoàng-bào, cầm cờ lệnh nhảy lên ngựa, thúc quân ra đánh dữ-dội. Quân Minh tưởng là Lê-Lợi liều chết phá vây, nên đổ xô đến chặn đánh hung-hăng. Lê-Lai bị giặc bắt và giết đi.

Trong lúc ấy, Lê-Lợi đã cùng một số người tùy tùng cải dạng làm tiều-phu, theo đường vắng thoát khỏi núi Chi-linh.

Rồi cũng nhờ quân Minh tướng Lê-Lợi đã bị giết thật nên chẳng bao lâu ông chinh-đốn lại quân-đội để tiếp-tục kháng-chiến cho đến ngày thành-công.

Sau khi lên ngôi, Lê Thái-Tổ truy tặng cho Lê-Lai rất trọng hậu và truyền rằng về sau mỗi khi đến lễ giỗ vua thì ngày trước đó phải cúng tế Lê-Lai.

Vì vậy, đến ngày nay cứ vào tháng 8 âm-lịch, ngày 22 là ngày lễ kỷ-niệm Lê-Lợi và ngày 21 là lễ kỷ-niệm Lê-Lai.

IV.— Nhận xét.

Chết vì đại-ngĩa như Lê-Lai thì thân dầu tan nát chớ danh còn rạng mãi với non sông.

CÂU HỎI

- 1.— Lê Lợi bị vây khốn ở đâu ?
- 2.— Tình-thế quân ta lúc ấy thế nào ?
- 3.— Lê Lợi bàn mưu gì với chư tướng ?
- 4.— Lê Lai dâng kế gì ?
- 5.— Lê Lợi nghĩ thế nào ?
- 6.— Lê Lai xông ra trận thế nào ?
- 7.— Lê Lợi làm gì để thoát vòng vây ?
- 8.— Trò nghĩ công của Lê Lai thế nào ?

BÀI HỌC

Lê-Lợi bị quân Minh vây khốn tại núi Chí-Linh, lương cạn, quân mòn, tình thế nguy-ngập.

Lê-Lai tình-nguyện giả làm Lê-Lợi xông ra phá vòng vây, quân giặc ào đến bắt được đem giết.

Nhờ vậy, Lê-Lợi trốn thoát và về sau, thắng được quân Minh, khôi phục được đất nước.

— *Thay Vua khoác chiếc long bào,
Hy sinh vì nước, đề cao giống nòi.*

BÀI ĐỌC

VINH LÊ-LAI

Tinh nạng sơn-hà, nhẹ tẩm thân,
Đâu vì một họ, vì muôn dân.
Áo vàng vui mặc thay chân-chúa,
Gươm bạc liều xông dủ địch-quân.
Rực-rỡ non Linh, gương chính-khi,
Vững-vàng nước Việt, cội di-luân.
Năm năm, tháng tám, ngày hăm mốt,
Trời vẫn mây sầu tiếc vĩ-nhân.

Theo **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**

Bài 12

TRẢ THÙ CHA, RỬA HẬN NƯỚC

NGUYỄN - TRÃI



BÀI GIẢNG :

I.— Lành lời cha.

Nguyễn-Trãi người làng Nhị-kê, tỉnh Hà-dông, thi đỗ Tiến-

sĩ dòir nhà Hồ. Lúc quân Minh đánh chiếm nước ta, ông lui về ở ẩn, đợi ngày ra dẹp loạn cứu dân.

Quân Minh bắt cha ông là Bảng-nhãn Nguyễn-phi-Khanh giải về Tàu, ông đưa chân cha đến ải Nam-quan. Trước phút chia tay, ông cảm động sa nước mắt. Phi-Khanh nghiêm nghị bảo ông : « Con hãy về lo trả thù cho cha, rửa hận cho nước đừng học theo thói nữ-nhi thường-tình có ích-lợi gì. »

Nguyễn-Trãi gạt lệ từ tạ cha quay về.

II. — Rửa hận nước.

Lời cha dặn ăn sâu vào trí-não, Nguyễn-Trãi ngày đêm tập võ-nghe, xem binh-thư, nghĩ cách đuổi quân giặc.

Nghe tin Lê-Lợi là bậc anh-hùng khởi nghĩa ở Lam-sơn ông tìm đến xin ra mắt và dâng kế bình giặc Minh. Lê-Lợi biết là người có tài có chí, bèn dùng làm quân-sư.

Trong mười năm trời, ông bày mưu, hiến kế giúp Lê-Lợi đánh nhau với quân Minh cả trăm trận. Sau cùng, nhờ mưu-lược của ông, quân ta vây được tướng Vương-Thông tại thành Đông-đô và chém đại tướng Liễu-Thăng tại Chi-lăng. Quân Tàu các nơi đều tan vỡ.

Thế là nước ta giành lại nền độc-lập, và dân ta thoát vòng nô-lệ.

III. — Thỏa lòng ước mong.

Lê-Lợi lên ngôi Hoàng-đế, phong cho Nguyễn-Trãi chức Tề-tướng, tước Tề-văn-hầu, đứng đầu các quan.

Đã giúp vua trong khi loạn-lạc, ông lại có công to trong lúc thanh-bình. Chính tay ông viết tất cả các chiếu chỉ đầu tiên và các giấy tờ giao thiệp với nhà Minh.

Nhưng, chẳng bao lâu, vì không ham danh-lợi, ông xin về an-dưỡng ở núi Côn-sơn (thuộc tỉnh Hải-dương) vui cùng gió mây, cây cỏ, măn nguyện vì đã rửa hận cho nước, trả thù cho nhà, đúng theo lời cha dặn.

IV.— Nhận xét.

Nguyễn-Trãi là một vị khai-quốc công-thần của vua Lê Thái-Tổ, có công lớn nhất trong cuộc kháng-chiến chống quân Minh để giải-phóng đất nước.

CÂU HỎI

- 1.— Nguyễn-Trãi quê ở đâu ?
- 2.— Khi quân Minh chiếm nước ta, ông làm gì ?
- 3.— Cha ông bị bắt giải về đâu ?
- 4.— Ông theo tiễn, cha ông dặn thế nào ?
- 5.— Khi về nhà ông lo làm việc gì ?
- 6.— Ông giúp Lê-Lợi lập được công gì ?
- 7.— Lê-Lợi lên ngôi, ông còn có công gì nữa ?
- 8.— Tại sao ông xin về hưu ?
- 9.— Tại sao ông lấy làm măn nguyện ?

BÀI HỌC

Nguyễn-Trãi người tỉnh Hà-đông, văn võ kiêm toàn.

Cha ông là Nguyễn-phi-Khanh bị quân Minh bắt giải về Tàu, có dặn ông phải trả thù cha và rửa hận nước.

Sau ông theo giúp Lê Thái-Tổ lập được nhiều công trạng trong việc đánh đuổi quân Minh.

Ông được phong làm Tể-tướng, nhưng chẳng bao lâu, ông từ quan về an-dưỡng ở núi Côn-sơn.

— *Thù nhà hận nước rửa xong,
Công-danh phú-quý bận lòng nữa chi.*

BÀI ĐỌC

BÀI HÁT CÔN-SƠN (dịch nôm)

Côn-sơn có suối nước trong,
Ta nghe nước chảy như cung đàn cầm.
Côn-sơn có đá tần-vân,
Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi.
Côn-sơn thông tốt ngất trời,
Ngả-nghiêng dưới bóng ta ngồi tự-do.
Côn-sơn trúc mọc đầy gò,
Lá xanh bóng rợp tha hồ tiêu-dao.
Sao không về quách đi nào,
Đời người vương-vất xiết bao cát lăm.

Theo NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

Bài 13

KHỜİ THẢO ĐỊA-LÝ VÀ SỬ-KÝ NƯỚC NHÀ

Vua LÊ THÁNH-TÔN



BÀI GIẢNG :

I.— Một bậc anh-quân

Lê Thánh-Tôn là một ông vua rất thông-minh, có tài-đức,

hết lòng chăm lo việc ích nước lợi dân.

Ở ngôi được 37 năm, Ngài đã làm cho nước ta cường-thạnh, lừng-lẫy một thời.

II.— Công-nghiệp của Thánh-Tôn

Thánh-Tôn sửa-sang việc cai-trị để tránh nạn tham-những cho nhân-dân.

Ngài dựng nhà tế-sinh để nuôi người già yếu, tàn-tật và chữa bệnh cho kẻ nghèo.

Ngài lập đồn-diễn để khuyến-khích việc canh-nông.

Ngài sai soạn bộ luật Hồng-Đức để định việc hình-phạt cho rõ-ràng.

Ngài định lại phép thi để tuyển chọn nhân-tài, lập nhà Bí-thư để chứa sách quý, lập hội Tao-đàn để cùng các quan làm-thơ viết sách.

Ngài rất chăm lo việc rèn-luyện quân-sĩ, và nhờ vậy, ngài đã đại thắng quân Chiêm-thành mà mở rộng thêm bờ cõi.

Nhưng công-trạng đặc-sắc của Thánh-Tôn là việc khởi thảo địa-lý và sử-ký nước nhà.

III.— Khởi thảo địa-lý và sử-ký nước nhà

Từ trước đến đời Lê Thánh-Tôn, nước ta chưa có địa-đồ. Thánh-Tôn truyền lệnh cho các quan ở địa-phương xem xét ở trong vùng của mình có những núi non, sông rạch gì, hiểm-trở thế nào phải vẽ địa-đồ cho rõ-ràng và nơi nào có di-tích lịch-sử, có phong-cảnh đẹp phải ghi chép rành-rẽ, rồi gởi về Bộ Hộ để soạn-thảo sách địa-lý nước nhà.

Về sử-ký, dưới đời nhà Trần, Lê-văn-Hưu đã soạn bộ sử đầu tiên của nước ta là Đại-Việt-sử gồm 30 quyển, chép từ đời

Triệu đến Lý Chiêu-Hoàng. Nhưng bộ sử ấy trong thời-kỳ nội-thuộc Minh, quân Minh đã lấy đem về Tàu.

Thánh-Tôn bèn sai Ngô-sĩ-Liên soạn bộ Đại-Việt sử-ký chia làm hai phần. Phần thứ nhất kể từ đời Hồng-Bàng đến Thập-nhị Sứ-quân, có 5 quyển. Phần thứ nhì kể từ Đinh Tiên-Hoàng đến Lê Thái-Tổ, có 10 quyển.

Địa-lý và sử-ký nước ta bắt đầu có từ đó.

IV.— Nhận xét

Lê Thánh-Tôn là một đấng anh-quân có công lớn nhất đối với nước ta.

CÂU HỎI

- 1.— Lê Thánh-Tôn là một ông vua thế nào ?
- 2.— Dưới đời Ngài, nước ta thế nào ?
- 3.— Hãy kể vài công nghiệp lớn của Lê Thánh-Tôn.
- 4.— Ông làm thế nào để có bộ sách địa-lý ?
- 5.— Ông sai ai viết bộ sử-ký ?
- 6.— Bộ ấy kể từ đời nào đến đời nào ?
- 7.— Sử-ký và địa-lý nước ta bắt đầu có từ đời nào ?

BÀI HỌC

Lê Thánh-Tôn là một đấng anh-quân có công rất lớn với nước ta.

Ngài sửa sang việc cai-trị, đặt ra bộ luật Hồng-Đức, chỉnh-dốn việc võ-bị, mở mang việc học-hành, khuyến-khích nghề nông, lập nhà tế-sinh.

Nhưng công-trạng đặc-sắc của Ngài là việc soạn bộ Địa-lý và bộ Sử-ký đầu tiên của nước ta.

— *Thánh-Tôn, một đấng anh quân.*

Nước nhà thịnh-trị, muôn dân phú-cường.

BÀI HỌC

HỘI TAO-ĐÀN

Vua Lê Thánh-Tôn họp hai mươi tám văn-thần thành một hội văn-học gọi là Tao-đàn nhị-thập-bát tú (28 ngôi sao trên đàn thơ văn) mà chính Ngài làm Nguyên-Soái để cùng nhau xướng-họa. Ngài lại sai các ông Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, v.v. . . soạn ra bộ Nam-Thiên dư-hạ-tập (Nam-Thiên : là cõi trời Nam ; dư-hạ : là nhân rỗi ; tập : là tập thơ văn) để ghi chép chính-trị, luật-lệ và thi-văn trong đời Ngài. Bộ ấy có tất cả 100 quyển, nhưng đến nay thất-lạc nhiều, thật là đáng tiếc.

Ngài có soạn nhiều thơ chữ Hán và nhiều thơ nôm. Ngài lại hay đi chơi những nơi phong-cảnh đẹp, đến chỗ nào cũng có thơ đề vịnh.

DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

Bài 14

CÔNG-CUỘC MỞ RỘNG MIỀN NAM CHÚA NGUYỄN



BÀI GIẢNG :

I.— Trịnh Nguyễn phân tranh.

Cuối đời nhà Lê, vua Lê mất hết quyền-hành, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn tranh-giành thế-lực với nhau gây nên cuộc phân chia đất nước.

Chúa Trịnh nắm trọn quyền cai-trị ở xứ Bắc, Chúa Nguyễn tự lập giang-san ở miền Nam.

II.— Chúa Nguyễn lấy đất Chiêm-thành.

Muốn gây dựng cơ-đồ cho vững-chắc đề chống nhau với Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn chăm lo việc mở rộng đất-đai về phương Nam.

Lúc bấy giờ, đất nước ta từ Bắc trở vào chỉ có đến tỉnh Bình-định là hết. Giáp ranh với ta về phía Nam là nước Chiêm-thành, xưa kia rất hùng-mạnh, nhưng từ khi bị vua Lê Thánh-Tôn đánh cho đại bại, đã trở nên suy-yếu. Các Chúa Nguyễn, qua đời cha đến đời con, lần-lượt đánh chiếm trọn xứ Chiêm-thành rồi di dân đến khai-khẩn lập ra các tỉnh Phú-yên, Khánh-hòa, Ninh-thuận và Bình-thuận ngày nay.

III.— Chúa Nguyễn lấy đất Chân-lạp.

Chiếm xong đất Chiêm-thành, Chúa Nguyễn liền lo việc giao-thiệp với nước Chân-lạp, để mở mang thêm bờ cõi cho đất nước.

Nước Chân-lạp ở vào vùng châu-thỏ sông Cửu-long, dân cư thưa-thớt, đồng lầy âm-thấp, rừng-rú hoang-vu. Dân ta rủ nhau sang các nơi kế cận khai-thác đất-đai làm thành vườn ruộng. Về sau, Chúa Nguyễn nhiều lần sai tướng-sĩ giúp vua Chân-lạp dẹp loạn trong nước hoặc chống nhau với quân Xiêm. Để đáp ơn, vua Chân-Lạp trước nhận cho dân ta được tự do đến lập nghiệp ở miền Thủy-Chân-lạp, tức là Nam-Phần bây giờ, rồi về sau, lần lần nhường đứt miền này cho nước ta. Chúa Nguyễn đưa dân đến đó cày cấy, trồng-trọt, tạo nên một phần đất giàu-có nhất của Việt-Nam.

IV.— Nhận xét.

Chúa Nguyễn thật đã có công mở rộng bờ cõi nước ta về phía Nam.

CÂU HỎI

- 1.— Cuối đời nhà Lê, vua Lê thế nào ?
- 2.— Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn chia quyền với nhau thế nào ?
- 3.— Tại sao Chúa Nguyễn cần mở rộng bờ cõi ở phía Nam ?
- 4.— Lúc ấy, ở phía Nam nước ta là nước nào ?
- 5.— Nước Chiêm-thành lúc bấy giờ thế nào ?
- 6.— Chúa Nguyễn lấy đất Chiêm-thành lập ra những tỉnh nào ?
- 7.— Nước Chân-lạp ở vào vùng nào ?
- 8.— Đất-đai và dân-cư nước ấy thế nào ?
- 9.— Chúa Nguyễn lấy Thủy Chân-lạp bằng cách nào ?
- 10.— Chúa Nguyễn có công thế nào với nước ta ?

BÀI HỌC

Chúa Nguyễn có công-nghiệp lớn trong việc mở rộng bờ cõi đất nước ta về phía Nam.

Chúa Nguyễn đánh lấy nốt nước Chiêm-thành lập ra bốn tỉnh miền Nam Trung-Phần.

Chúa lại dùng một lối giao-thiệp khôn khéo khiến vua nước Chân-lạp nhường cho phần đất Thủy-Chân-lạp, tức là Nam-Phần ngày nay.

— Miền Nam biển bạc, rừng vàng,
Ghi công Chúa Nguyễn mở-mang cơ-đồ.

BÀI ĐỌC

CUỘC NAM-TIẾN CỦA DÂN-TỘC TA

Thử xét cả cuộc lịch-sử dân Việt-Nam ta là một cuộc « Nam-Tiến » vô hồi, vô hạn. Giống Giao-chỉ nguyên phát-tích tự đất trung-châu xứ Bắc rồi mỗi ngày bành-trướng mãi ra. Nhưng bành-trướng về phía Bắc không sao được, vì gặp những rừng núi ngăn trở, lại có giống mạnh hơn không thể tranh nổi, thế tất phải tràn về phía Nam, càng ngày càng lan rộng mãi ra, gặp những thổ-dân trước thì tiêu-diệt cho tàn, hoặc dung-hòa cho hết : Chiêm-thành xưa kia hiền-hách biết bao mà nay còn gì ?

Người đã bị ta diệt, còn sót lại tấm thành cổ, góc miếu xưa, để làm bằng chứng cho đời sau biết rằng xưa kia đã có một giống người sinh-trưởng trước ta ở chốn đó !

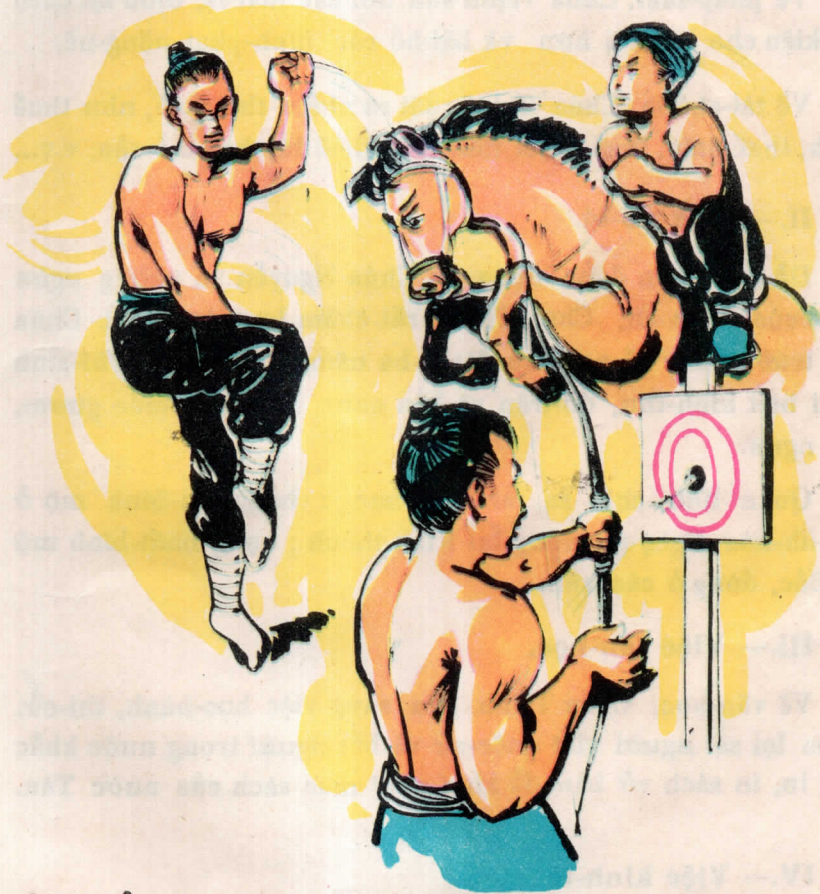
Ồi ! khốc-liệt thay là cái lẽ sinh-tồn cạnh-tranh của trời đất.

THEO PHẠM QUỲNH

Bài 15

CÔNG - CUỘC CAI-TRỊ MIỀN BẮC

CHÚA TRỊNH



BÀI GIẢNG :

I. — Đặt phép trị dân.

Trong khi Chúa Nguyễn lo mở rộng bờ cõi ở miền Nam thì ở miền Bắc, Chúa Trịnh lo sửa sang việc trị dân để giữ vững thế-lực của mình.

Tại triều, vua Lê chỉ ngồi cho có vị, Chúa Trịnh nắm giữ hết mọi quyền-hành trong tay. Chúa chọn quan-lại rất kỹ-lưỡng và cố trừ nạn tham-những.

Về pháp-luật, Chúa Trịnh sửa đổi các luật-lệ, định lại cách xử kiện cho giản-dị hơn và bãi-bỏ các hình-phạt nặng-nề.

Về tài-chánh, Chúa Trịnh đặt ra nhiều thứ thuế, như thuế đinh, thuế điền, thuế muối, thuế chợ, thuế đò, thuế thổ-sản, v.v...

II.— Việc võ-bị.

Đề sửa soạn đánh nhau với Chúa Nguyễn và phòng ngừa các cuộc dấy-loạn, Chúa Trịnh rất chăm lo việc võ-bị. Chúa mở trường dạy võ-ngệ và đặt lệ ba năm thi một lần. Thí-sinh phải biết binh-thu, đồ-trận và bắn cung, múa giáo, múa gươm, cỡi ngựa.

Quân lính chia ra làm hai hạng: hạng ưu-binh mộ ở Thanh-hóa, Nghệ-an, đóng tại Kinh-thành; hạng nhất-binh mộ tại Bắc, đóng ở các trấn.

III.— Việc văn-học.

Về văn-học, Chúa Trịnh sửa sang việc học-hành, thi-cử. Chúa lại sai người viết quốc-sử và bắt người trong nước khắc bản in, in sách vở bán để khỏi phải mua sách của nước Tàu.

IV.— Việc kinh-tế.

Đề làm giàu cho nước, Chúa Trịnh khuyến-khích việc khai mỏ đồng, mỏ bạc, mỏ kẽm ở miền thượng-du, cho mở lò đúc tiền đồng, bạc lạng.

Chúa lại mở thương-cảng Phố Hiến cho người ngoại-quốc như Hòa-lan, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Nhật, Tàu vào buôn bán. Do đó nền thương-mãi và công-nghệ của ta rất phát-đạt.

Nhờ vậy, Phố Hiến trở nên một đô-thị phồn-thịnh, nổi danh một thời, « Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố Hiến. »

V.— Nhận xét.

Chúa Trịnh kể ra cũng có công với nước ta. Ngoài việc dẹp loạn trong nước, Chúa Trịnh còn sửa sang việc cai-trị và mở mang công-nghệ, thương-mãi làm cho nước thịnh-vượng.

CÂU HỎI

- 1.— *Tại sao Chúa Trịnh lấn quyền vua Lê ?*
- 2.— *Chúa Trịnh chọn quan-lại thế nào ?*
- 3.— *Về pháp-luật, Chúa Trịnh sửa đổi những gì ?*
- 4.— *Chúa Trịnh đặt ra những thuế gì ?*
- 5.— *Tại sao Chúa Trịnh rất chăm lo việc võ-bị ?*
- 6.— *Tại sao Chúa Trịnh bắt in sách dùng trong nước ?*
- 7.— *Để cho nước được giàu mạnh, Chúa Trịnh đã làm những gì ?*

BÀI HỌC

Chúa Trịnh tuy lấn quyền vua Lê, nhưng cũng làm được nhiều việc lợi ích cho miền Bắc.

Chúa Trịnh trừng-trị sự tham-những, giảm bớt các hình-phạt, lập trường võ-bị. Chúa cũng sửa-sang việc thi-cử và sai khác

bản gỗ để in sách dùng trong nước. Chúa lại khuyến-khích việc khai mỏ, đúc tiền và cho phép người ngoại-quốc vào buôn bán ở Phố Hiến.

— *Non sông miền Bắc vững bền,
Giúp Lê, Chúa Trịnh xây nền quốc-gia.*

BÀI ĐỌC

PHỐ HIẾN

Chúa Trịnh cho mở cảng Phố Hiến làm nơi thông thương cho người ngoại-quốc.

Lệ định người các nước muốn vào đất Bắc-hà buôn bán phải xin phép quan coi miền hải-đạo và nộp thuế nhập-cảng nhiều ít tùy theo số hàng đem đến.

Người Hòa-lan và Bồ-đào-nha đến trước nhất lập các thương-đoàn, rồi người Anh và người Pháp, kế đến người Tàu, Nhật, Xiêm và Mã-Lai, nhưng đông nhất là người Tàu.

Quang-cảnh Phố Hiến lúc bấy giờ thực đẹp, đáng gọi là chốn phồn-hoa đô-hội : hàng ngàn nóc nhà ngói san-sát xen lẫn với các lầu-đài nguy-nga, dân-cư đông-đúc, phố-sá sầm-uất. Lại thêm tàu to, thuyền lớn ra vào luôn luôn, hàng hóa dờ lên bến tấp-nập.

Vì vậy thuở ấy có câu « Nhất Kinh-kỳ nhì Phố-Hiến ».

Theo **VÂN - THẠCH**
(Tri-Tân Tọa-chí)

Bài 16

TRẬN ĐÔNG-ĐÀ

Vua QUANG-TRUNG



BÀI GIẢNG :

1. — Quân Thanh chiếm Bắc-hà.

Vua nhà Thanh bèn Tâu mượn tiếng sang giúp vua Lê, sai Tôn-sĩ-Nghị đem 20 vạn binh qua xâm-chiếm Bắc-hà. Tướng Tây-sơn là Ngô-văn-Sổ sợ thế yếu chống không nổi, bèn rút quân về đóng giữ ở vùng núi Tam-diệp.

Tôn-sĩ-Nghị vào đóng ở thành Thăng-long, coi thường vua Lê-Chiêu-Thống, thả quân lính cướp phá dân-gian.

II. — Vua Quang-Trung tiến binh ra Bắc.

Bắc-binh- vương Nguyễn-Huệ ở Phú-xuân được tin ấy bèn làm lễ lên ngôi Hoàng-đế, niên-hiệu Quang-Trung, rồi tự mình thống-lĩnh thủy bộ đại-binh tiến ra Bắc. Ra đến Tam-diệp là ngày 20 tháng chạp, Quang-Trung truyền cho ba quân ăn Tết trước, hẹn đến ngày mùng 7 tháng giêng vào thành Thăng-long mở tiệc ăn mừng. Ngày 30 tháng chạp, Quang-Trung thúc quân tiến nhanh như gió bão.

III. — Gò Đống-đa mở chôn giặc Thanh.

Đêm mùng 3 tháng giêng, quân ta vây kín đồn Hạ-hồi, đại tiếng loa cùng la ầm lên vang trời dậy đất. Quân Thanh trong đồn kinh hồn hoảng vía, không dám chống-cự phải xin đầu hàng cả.

Mờ sáng ngày mùng 5, quân ta tiến tới kịch chiến với quân Thanh ở Đống-đa, gần Hà-nội. Quân giặc bắn súng ra như mưa. Quang-Trung chọn các người lực-lượng khiêng những tấm ván to có quần rom ướt ở phía trước để che đỡ cho quân xung-phong dùng đoản đao xông vào hãm đồn như nước vỡ bờ. Quân Thanh chống không nổi, xôn-xao tán-loạn, dày xéo lên nhau mà chạy. Quân ta đánh tràn tới, lấy được các đồn, giết quân Thanh thấy nằm ngổn-ngang. Các danh tướng như Hứa-thế-Hanh và Tôn-sĩ-Long đều tử trận, Sầm-nghi-Đống phải thất cổ mà chết.

Tôn-sĩ-Nghị nửa đêm được báo tin, vội-vã bỏ thành quên cả ấn-tin, qua cầu sông Nhĩ-hà chạy về Tàu. Quân-sĩ chạy theo, tranh nhau qua cầu, cầu gãy, chết đuối đầy sông.

IV.— Nhận xét.

Trận Đống-đa là một chiến-công oanh-liệt nhất trong lịch-sử Việt-Nam. Vua Quang-Trung quả là một vị anh-hùng cái-thể của dân-tộc Việt.

CÂU HỎI

- 1.— Quân Thanh mượn tiếng gì để sang chiếm Bắc-hà ?
- 2.— Tại sao Ngô-văn-Sở lui binh ?
- 3.— Được tin quân Thanh sang, Nguyễn-Huệ làm gì ?
- 4.— Vua Quang-Trung tiến binh ra đến Tam-diệp rồi làm gì ?
- 5.— Tại sao Quang-Trung thúc quân đi thật nhanh ?
- 6.— Trận Hạ-hồi, Quang-Trung thắng lợi thế nào ?
- 7.— Trận Đống-đa xảy ra ngày nào ?
- 8.— Thuật lại trận Đống-đa ?
- 9.— Trò nghĩ gì về vua Quang-Trung ?

BÀI HỌC

Vua nhà Thanh sai Tôn-sĩ-Nghị đem 20 vạn binh xâm chiếm Bắc-hà.

Quang-Trung từ Phú-xuân tiến quân ra Bắc. Nhờ cách hành binh chớp-nhoáng, chỉ trong 5 ngày, Quang-Trung phá tan quân Thanh ở gò Đống-đa. Giặc chết thây đầy đồng, xác đầy sông.

Tôn-sĩ-Nghị chạy trốn về Tàu, bỏ cả ấn-tín.

Quang-Trung là vị anh-hùng cái-thể.

— Đống-đa một trận oai hùng,

Mãn Thanh khiếp vía, Lạc-Hồng rạng danh.

XUÂN CHIẾN-THẮNG

Đang lúc đoàn binh tướng Mãn-Thanh
Vui cùng rượu ngọt, gái xuân-xanh,
Thì muôn pháo lệnh tung-bùng nổ,
Rồi tiếng quân reo dậy khắp thành.
Quân ải Phú-xuyên vội lạy hàng,
Hạ-hồi tiếp võ, Ngọc-hồi tan.
Và quân tướng Việt cùng hăm-hở,
Trần đến Thăng-long tựa thác ngàn.
Sĩ-Nghị đang đêm trốn khỏi thành,
Sông Hồng cuốn xác vạn binh Thanh.
Chiến bào dẫm máu, Ngô-văn-Sở
Truyền lệnh bêu đầu Hứa-thế-Hạnh.
Dưới nắng hồng, quân-sĩ ngắt-ngây,
Tung-hô chủ-tướng tiếng vang dày,
Quang-Trung vui-vẻ nhìn trong gió,
Cờ Việt huy-hoàng phất-phới bay.

ĐĂNG-PHƯƠNG

(Hồn Việt)

VÕ-TÁNH và NGÔ-TÙNG-CHÂU



BÀI GIẢNG :

1.— Phụng mạng giữ thành

Võ-Tánh là một võ-tướng có thao-lược cùng với Ngô-tùng-Châu là một văn-nhân có mưu tri theo phò chúa Nguyễn-Ánh

đánh nhau với Tây-Sơn. Sau khi hạ được thành Quy-nhơn, Chúa phó thác cho Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu trấn giữ.

II.— Thành bị vây khốn

Tướng Tây-sơn là Trần-quang-Diệu đem đại binh đến đánh, Võ-Tánh biết thế địch đang mạnh, chưa có thể phá được, bèn rút quân vào thành cố thủ. Quân Tây-sơn bao vây chặt-chẽ.

Chúa Nguyễn nghe tin báo đem binh đến cứu-viện nhưng đánh mãi mà không giải vây được.

Có kẻ khuyên Võ-Tánh vượt vòng vây mà trốn ra. Ông không nghe, bảo rằng : « Ta phụng mạng giữ thành này thì nên thề sống chết với thành, chớ nếu bỏ thành mà thoát lấy một mình thì mặt mũi nào trông thấy Chúa nữa. »

Chúa Nguyễn sai người lên vào bảo Võ-Tánh bỏ thành mà ra. Ông trả lời rằng : « Đại binh Tây-sơn đang ở đây cả, xin Chúa thừa dịp tiến quân ra đánh lấy thành Phú-xuân, đừng vội lo việc giải vây. »

Chúa Nguyễn nghe theo kế ấy liền đem binh ra đánh úp Phú-xuân và khắc-phục được thành này làm cho quân Tây-sơn đóng ở các nơi nghe tin đều lo ngại.

III.— Cùng chết với thành

Trong lúc đó, thành Quy-nhơn đã bị vây gần hai năm, trong thành hết cả lương-thực, quân-sĩ phải giết voi, giết ngựa mà ăn,

Võ-Tánh bèn viết thư cho quân Tây-sơn nói rằng : « Phận sự ta làm chủ-tướng thì đành phải chết ở dưới cờ, còn các quân-sĩ không có tội gì thì không nên giết hại ai cả ».

Rồi ông sai quân chắt củi khô dưới lầu bát-giác và đổ thuốc súng vào giữa. Ông mặc triều-phục lên lầu sai người

châm lửa. Các tướng đứng quanh hầu khóc-lóc. Ông ném tàn thuốc lá xuống, thuốc súng bốc cháy lên thiêu sống ông.

Trong lúc đó, Ngô-tùng-Châu cũng đã uống thuốc độc mà chết.

IV. — Nhận xét.

Thà chết chứ không để cho địch bắt, Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu đã treo gương trung-nghĩa hiếm có trong lịch-sử.

CÂU HỎI :

1. — Võ-Tánh có tài gì ? Ngô-tùng-Châu là người thế nào ?
2. — Chúa Nguyễn giao cho hai ông giữ thành nào ?
3. — Quân Tây-sơn đến vây thành thế nào ?
4. — Tại sao Chúa Nguyễn giải vây không được ?
5. — Tại sao Võ-Tánh không chịu vượt vòng vây thoát ra một mình ?
6. — Ông bày kế gì với Chúa Nguyễn ?
7. — Lúc trong thành cạn lương, ông viết thư nói gì với quân Tây sơn ?
8. — Ông chết cách nào ? Ông Ngô-tùng-Châu chết cách nào ?
9. — Hai ông đã treo gương gì cho người đời sau ?

BÀI HỌC

Võ Tánh và Ngô-tùng-Châu phụng mạng giữ thành Quy-nhơn. Tướng Tây-sơn kéo đại binh đến vây chặt.

Võ-Tánh có thủ Quy-nhơn để Chúa Nguyễn đem binh đánh lấy Phú-xuân.

Gần hai năm sau, trong thành hết lương, Võ-Tánh tự thiêu để khỏi bị quân địch bắt.

Ngô-tùng-Châu cũng uống thuốc độc mà chết.

— *Tấm gương trung nghĩa sáng ngời,
Văn quan, võ tướng đời đời soi chung.*

BÀI ĐỌC

THIỆU - THỜI OAI - DŨNG

Tổ tiên Võ-Tánh thuở trước là người phủ Phước-tuy, tức Bà-riá ngày nay. Ông nội và cha đều theo võ-nghịệp.

Lúc quân Tây-sơn vào đánh chiếm Gia-định, Chúa Nguyễn-Ánh chạy qua Xiêm.

Vốn tính khảng-khái, trí-dũng hơn người, Tánh không chịu thần-phục Tây-sơn mới xin với mẹ bỏ cửa ra chiêu dụ anh-hùng khởi nghĩa-bình tại các thôn Vườn-trầu, thuộc Gia-định, rồi kéo đến Định-tường chiếm giữ Gò-công.

Khi số quân nghĩa-dũng lên tới hàng vạn người, Tánh đặt hiệu là đạo quân Kiến-hòa, tự xưng là Tổng-Nhung, hễ quân địch qua đất ấy thì đánh giết sạch.

Quân Tây-sơn thường bảo nhau rằng : « Gia-định tam hùng (1), Võ-Tánh là một, chớ có phạm đến mà chết ».

Sau, Võ-Tánh đem hết cả bộ-thuộc đến phò chúa Nguyễn. Chúa cả mừng, phong chức và gả em gái cho ông.

Theo ĐÀO - VĂN - HỘI
(Danh-nhân nước nhà)

(1): Tam hùng : Võ-Tánh, Chu-văn-Tiếp và Đỗ-thanh-Nhân.



BÀI GIẢNG :

I.— Tài học.

Nguyễn-công-Trứ là người làng Uy-viên, tỉnh Hà-tĩnh. Từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng văn hay chữ tốt, nhưng mãi đến

năm bốn mươi tuổi, đời Gia-Long thứ 15, ông mới đỗ Giải-nguyên.

II.— Đời làm quan.

Ông được bổ đi làm quan nhiều nơi, từ Bắc chí Nam. Khi thì ông lãnh chức Tuần-phủ, Tổng-đốc ở các tỉnh, khi thì nhận chức Tham-tri ở các bộ tại Kinh-thành.

Ông lại có tài thao-lược nên từng cầm quân phá được giặc Phan-bá-Vành và giặc Nùng-văn-Vân ở miền Bắc, quân Cao-miên và quân Xiêm ở miền Nam.

Vì tính cương-trực, ông bị giáng chức nhiều lần nhưng rồi nhờ lập được công to nên lại được phục chức.

Trọn đời làm quan, lúc nào nhà cũng nghèo, nhưng ông luôn-luôn vui-vẻ làm tròn phận-sự, lo việc ích nước lợi dân.

III.— Mở-mang điền-địa.

Công-nghiệp lớn-lao của ông là việc mở-mang ruộng đất.

Lúc được vua phong chức Doanh-điền-sứ, ông rất chăm lo việc khai-khẩn đất hoang ở vùng biển để lập ra huyện Tiền-hải thuộc tỉnh Thái-bình và huyện Kim-sơn thuộc tỉnh Ninh-bình. Ông sai đắp đê để ngăn nước mặn, đào sông khơi ngòi để lấy nước ngọt. Dân-chúng kéo đến đông-đúc cày cấy làm ăn. Nhờ đó, một vùng đất hoang hàng vạn mẫu biển thành đồng ruộng phì nhiêu.

Lúc giữ chức Tổng-đốc Hải-dương, ông lại chiêu-dụ những dư-dã các đám giặc, cấp cho trâu bò, cày bừa và tiền bạc để khai phá thêm đất hoang.

Lúc về hưu, ông thường đến chơi hai huyện Tiền-hải và Kim-son, dạo xem phong-cảnh, ngắm vịnh thi-phú.

IV.— Nhận xét.

Nguyễn-công-Trứ văn hay, võ giỏi, lại có tài kinh-doanh, thật là một người có công to với nước, với dân.

CÂU HỎI

- 1.— Nguyễn-công-Trứ thuở nhỏ đã nổi tiếng thế nào ?
- 2.— Đến năm nào ông mới thi đỗ Giải nguyên ?
- 3.— Lúc làm quan, ông giữ những chức gì ?
- 4.— Ông dẹp được những giặc nào ?
- 5.— Tại sao ông thường bị giáng chức ?
- 6.— Công-nghiệp lớn lao nhất của ông là gì ?
- 7.— Ông khai-khản đất hoang ở vùng nào ?
- 8.— Ông lập ra những huyện nào ?
- 9.— Khi về hưu, ông thường làm gì ?
- 10.— Trò nghĩ gì về Nguyễn-công-Trứ ?

BÀI HỌC

Nguyễn-công-Trứ là một văn-quan nhưng từng đi dẹp giặc lập được nhiều võ-công.

Tuy vậy, công-trạng to nhất của ông là việc khai-khản những vùng hoang-vu để mở-mang ruộng đất Ông lập ra huyện Tiền-hải (Thái-bình) và huyện Kim-son (Ninh-bình).

Ông thật là có công với nước, với dân.

— *Giúp dân lập huyện dinh điền,
Văn hay võ giỏi lưu truyền sử xanh.*

BÀI ĐỌC

CẢM HỨNG LÚC ĐI THI

Đi không há lẽ trở về không,
Cái nợ cảm thư quyết trả xong.
Rắp mượn điền-viên vui tuổi-nguyệt,
Nỡ đem thân-thể hẹn tang-bồng.
Đã mang tiếng đứng trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Trong cuộc trần ai, ai dễ biết,
Rời ra mới rõ mặt anh-hùng.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Gót danh-lợi dù không mơ tưởng,
Nợ trần-hoàn chi vương bíu-bo ?
Với Giang-sơn trót đã hẹn-hò,
Thì gánh-vác phải sao cho hào-hung.
Chỉ kiếm một khi non nước vững,
Phá còn đôi đạo ruộng nương thành.
Vì dân-sinh khai-khẩn kinh-doanh,
Xưa bãi biển nay đất lành chim đậu.
Cửa Thần-phù còn đâu nữa dấu ?
Huyện Kim, Tiền phần-hậu biết là bao !
Vì ai, quốc phú dân hào ?

Theo VŨ-HUY-CHÂN
(Những người không chết)

Bài 19

MỘT NHÀ NHO SÁNG-SUỐT

NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ



BÀI GIẢNG :

I.— Một nhà nho có Âu-học.

Nguyễn-trường-Tộ là người làng Bùi-chu, tỉnh Nghệ-an, tinh-thông Nho-học, theo đạo Thiên-chúa. Thấy ông là người

thông-minh, các vị giám-mục cho ông đi du-học qua nhiều nước ở Âu-châu. Nhờ vậy, ông hiểu rộng thấy xa, biết rõ sự giàu mạnh của các nước Âu-Mỹ.

II. — Nhà nho sáng-suốt xin canh tân nước nhà.

Sau khi trở về nước, Nguyễn-trường-Tộ dâng nhiều bản điều-trần lên vua Tự-Đức trình bày những điều mắt thấy tai nghe ở nước người và xin vua sớm canh-tân mọi việc.

Về nội-trị, ông đề-nghị sửa đổi việc cai-trị, tổ-chức quân-đội theo các-nước Âu-Mỹ, cải-cách việc học-hành, dùng quốc-văn thay chữ Hán, cho học-sinh đi du-học. Ông xin mở-mang canh-nông, kỹ-nghệ, thương-mãi, giao-thông.

Về ngoại-giao, ông đề-nghị nên hòa với Pháp và giao-thiệp với các cường-quốc, mở rộng thương-cảng cho các nước ngoài vào buôn bán để nước này kiếm chế nước kia mà không nước nào xâm-phạm đến nước ta được.

III. — Óc thủ-cự làm hỏng chương-trình canh tân.

Nguyễn-trường-Tộ có lòng yêu nước thiết-tha muốn đem những điều hiểu biết giúp vào việc canh tân nước nhà để trở nên giàu mạnh. Nhưng vua quan ta lúc bấy giờ không hiểu thời-cuộc, chỉ một mực thủ cự, không dám bỏ cũ theo mới. Bởi thế, cái chương-trình mà ông đã tốn bao nhiêu tâm-lực để thảo ra bị Triều-đình bác bỏ.

IV. — Nhận xét.

Lòng yêu nước và trí sáng-suốt của Nguyễn-trường-Tộ thật đáng kính phục ! Nếu chương-trình canh-tân của ông được thực-hiện thì nước ta có lẽ đã được hùng-cường từ lâu và khỏi bị ngoại-thuộc đến gần một trăm năm.

CÂU HỎI

1. — *Nguyễn-trường-Tộ* quê ở đâu ?
2. — Ông học-hành thế nào ?
3. — Ông theo đạo gì ?
4. — Tại sao ông hiểu rộng thấy xa ?
5. — Lúc du học về, ông làm gì ?
6. — Về nội-trị ông đề-nghị những việc gì ?
7. — Về ngoại-giao, ông đề-nghị thế nào ?
8. — Vì sao chương-trình canh-tân của ông bị xếp bỏ đi ?
9. — Nếu chương-trình ấy đã được thi hành thì nước ta có thể trở nên thế nào ?

BÀI HỌC

Nguyễn-trường-Tộ là một nhà nho sáng-suốt, thương nước yêu nòi, nhờ việc du-học ở ngoại-quốc nên biết nhiều hiểu rộng.

Ông xin vua Tự-Đức canh-tân mọi việc trong nước và giao-thương với các nước Âu-Mỹ để nước nhà trở nên giàu mạnh.

Nhưng Triều-đình không chịu nghe theo nên nước ta phải chậm tiến.

— Ngậm hờn chí-sĩ tài-ba,

Dâng thư cải-cách nước nhà uổng công.

BÀI ĐỌC

CHÁNH-SÁCH BẾ-MÔN TÒA CÀNG

Đầu thế-kỷ thứ 19, các nước Âu-Mỹ đua nhau sang Á-châu tìm thị-trường để mở-mang việc buôn bán.

Trong khi Nhật, Tàu, Xiêm tiếp đón các cường-quốc để giao thương thì ở Việt-Nam, các vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức một mực thi hành chánh sách « bế môn tỏa cảng ».

Năm 1821, một khâm-sai của Pháp-hoàng đem phẩm-vật và quốc-thư dâng lên vua Minh-Mạng để thương-lượng về việc buôn bán. Vua Minh-Mạng trả lời cho Pháp-hoàng rằng :

« Nước Việt-Nam và nước Pháp không việc gì mà phải làm điều-ước về việc thương-mại. Sự vào buôn bán ở nước Việt, thì cứ theo luật nước Việt, không điều gì ngăn trở cả. »

Năm 1822, một phái bộ Anh sang dâng thư đề xin thông-thương. Vua Minh-Mạng cũng từ chối.

Năm 1835, một phái-đoàn Mỹ lại sang, nhưng không có kết-quả gì.

Vua Thiệu-Trị và Vua Tự-Đức cũng vẫn theo chánh-sách của vua Minh-Mạng.

Thật là một chánh-sách không hợp thời rất tai-hại cho xứ sở.

Phỏng theo TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

Bài 20

CHẾT ĐỂ CỨU DÂN

PHAN-THANH-GIẢN



BÀI GIẢNG :

I.— Một người tài đức.

Phan-thanh-Giản sanh năm 1796 ở làng Bảo-thạnh, nay thuộc tỉnh Kiến-hòa. Thuở nhỏ nhà nghèo, mẹ mất sớm, ông

ở với cha rất hiếu-thảo và học giỏi nổi tiếng. Năm ba-mươi tuổi, ông thi đỗ đầu Tiến-sĩ, rồi ra làm quan trải ba triều vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Đời làm quan của ông thật là khi thăng khi giáng. Nhưng lúc nào ông cũng một lòng vì nước nên về sau ông được vua tin cậy và giao-phó nhiều trọng-trách.

II.— Đi sứ sang Pháp.

Năm 1862, sau khi người Pháp đem binh sang đánh chiếm miền Nam, vua Tự-Đức sai Phan-thanh-Giản vào Gia-Định ký Hòa-ước với Pháp. Do Hòa-ước này, vì bại trận, ta phải nhường cho Pháp ba tỉnh phía Đông: Biên-hòa, Gia-định và Định-tường.

Năm sau, vua cử ông cầm đầu một sứ-bộ sang Pháp xin chuộc lại ba tỉnh đã nhường. Ông được Hoàng-đế nước Pháp tiếp-đãi rất trọng Lậu nhưng cuộc thương-thuyết chuộc đất-dai không có kết-quả.

III.— Trách-vụ nặng nề.

Lúc ông trở về nước thì quân Pháp lại có ý muốn chiếm luôn ba tỉnh phía Tây: Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên, để tiện việc dòm sang nước Cao-Miên (Cam-Bốt). Vua Tự-Đức bèn cử ông làm Kinh-lược trấn-giữ ba tỉnh này. Mặc dầu đã bảy-mươi tuổi, ông vẫn phải nhận lấy trách-vụ nặng-nề và khó-khăn ấy.

IV.— Chết để cứu dân.

Quả nhiên, viện cớ quan quân ta thường ngầm giúp nghĩa-quân đánh phá các tỉnh phía Đông, Pháp đem chiến-thuyền tấn-công các tỉnh phía Tây. Phan-thanh-Giản biết chống không nổi nên ra lệnh giao thành cho Pháp để cho quân, dân khỏi bị tàn-sát.

Ông nhin đói và uống thuốc độc mà chết để tỏ lòng trung-thành với vua.

Trước khi mất, ông đề-nghị với Pháp đừng xâm-phạm đến kho-tàng của triều-đình và đừng giết hại dân-chúng.

V. — Nhận xét.

Trọn đời làm quan chỉ một lòng vì nước, lúc tuổi già lại phải chết để cứu dân, Phan-thanh-Giản đã treo một gương hy-sinh cao cả cho hậu-thế.

CÂU HỎI

1. — Phan-thanh-Giản ở đâu ?
2. — Lúc nhỏ ông là người thế nào ?
3. — Ông làm quan dưới những triều vua nào ?
4. — Đời làm quan của ông thế nào ?
5. — Vua Tự-Đức sai ông đi sứ bên Pháp để làm gì ?
6. — Khi ông ở Pháp về, vua cử ông làm gì ?
7. — Quân Pháp viện cớ gì để đánh ba tỉnh miền Tây ?
8. — Tại sao ông không chống cự với quân Pháp ?
9. — Tại sao ông uống thuốc độc mà chết ?

BÀI HỌC

Sau Hòa-ước năm 1862, Phan-thanh-Giản đi sứ sang Pháp để chuộc ba tỉnh phía Đông miền Nam, nhưng không kết quả. Lúc về nước, ông giữ chức Kinh-lược trấn ba tỉnh phía Tây.

Quân Pháp tiến đánh, ông biết không thể chống nổi nên ra

lệnh giao thành, rồi nhin đói và uống thuốc độc mà chết để nhân-dân khỏi bị tàn-sát.

— Kính thay một bậc lão-thần,
Hiển thân cho nước muốn dân an-toàn.

BÀI ĐỌC

SỨ-BỘ PHAN-THANH-GIẢN SANG PHÁP

Sứ-bộ Phan-thanh-Giản gồm 60 người, trong đó có Trương-vĩnh-Kỷ theo làm thông ngôn, xuống tàu tại Gia-dịnh và hơn hai tháng sau mới tới hải-cảng Tu-lông (Toulon).

Hải-quân Pháp bắn súng thần-công chào mừng. Các chiến-thuyền ở hải-cảng đều có treo cờ Việt-Nam cả. Đại-diện Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao và nhà cầm-quyền Pháp xuống tận tàu đón tiếp sứ-bộ. Cuộc tiếp-rước thật long-trọng.

Sau đó, sứ-bộ lên Ba-ri (Paris) và ngày 5 tháng 11 năm 1863, vào triều-kiến Hoàng-đế nước Pháp.

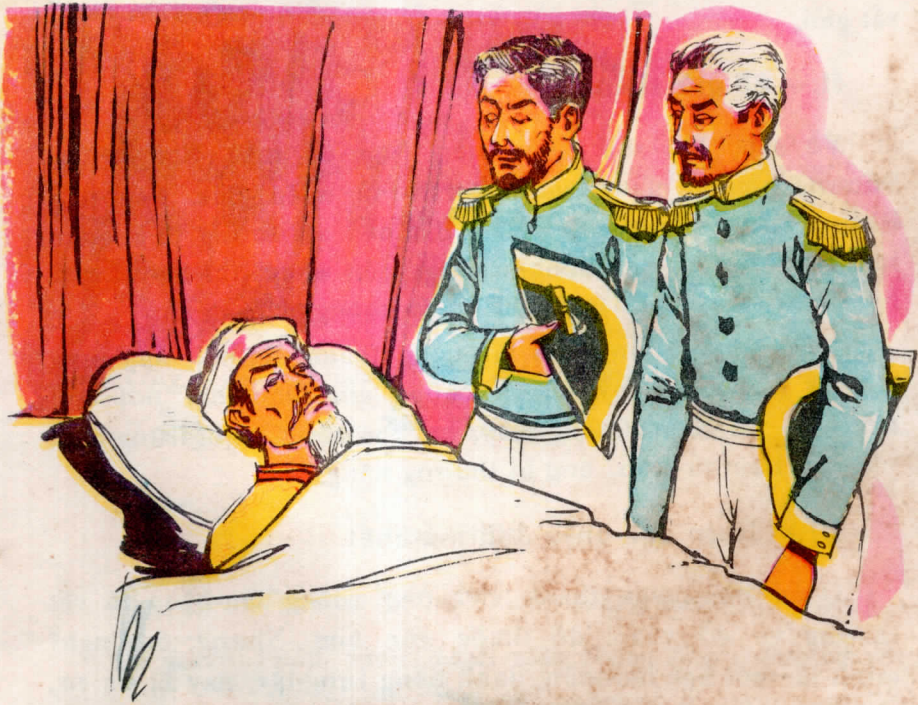
Khi đến hoàng-diện, có các quan Lễ-bộ Pháp ra đón rước trọng-thể. Trong hoàng-diện, chỉ có Hoàng-đế, Hoàng-hậu và Hoàng-tử. Sứ-bộ tiến tới trước mặt Hoàng-đế theo thứ-tự rồi chấp tay cúi đầu chào. Hoàng-đế và Hoàng-hậu cúi đầu đáp lễ.

Phan-thanh-Giản tiến tới trao bức thư ngoại-giao, Pháp-hoàng đứng dậy, bước xuống một bậc tam-cấp tiếp lấy bức thư.

Theo ĐOÀN-PHỒ-VĨNH

Bài 21

NHỊN ĐÓI CHỊU ĐAU MÀ CHẾT NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG



BÀI GIẢNG :

I.— Tài làm tướng.

Nguyễn-tri-Phương, người tỉnh Thừa-thiên, có tài thao lược. Ông làm quan trải ba triều vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, đánh Nam dẹp Bắc, lập được nhiều công-trạng.

Ông phá quân Xiêm, bình giặc **Chân-lạp** ở miền Nam và đánh tan giặc Nùng, giặc Cai-tổng Vàng ở miền Bắc.

Đến khi quân Pháp sang đánh miền Nam, vua Tự-Đức sai ông cầm binh chống giữ. Pháp thắng trận là nhờ có súng-dạn tinh-xảo, nhưng vẫn khen phục ông là một vị tướng rất giỏi.

II.— Cỗ giữ thành.

Về sau, khi sáu tỉnh miền Nam đã mất, Nguyễn-tri-Phương phụng mạng vua ra trấn-thủ miền Bắc. Soái-phủ Pháp ở Saigon muốn gây sự ở Bắc nên sai tướng đem quân ra Hà-nội đòi quyền thông-thương trên sông Nhĩ-hà để chở hàng-hóa sang Tàu. Ông **nhất** quyết không chấp-thuận.

Quân Pháp thỉnh-linh tấn công thành Hà-nội, ông cùng con là phò-mã Nguyễn-Lâm chống giữ hăng-hái nơi cửa Đông và cửa Nam. Chẳng may, hai cha con đều bị trúng đạn, phò-mã Lâm tử-trận, ông bị thương nặng.

III.— Nhịn đói, chịu đau mà chết.

Quân Pháp vào thành chờ ông xuống tàu băng-bó vết thương và đồ cháo, đồ thuốc cho ông. Nhưng, ông nghĩ mình là một bậc lão-thần, danh tiếng lừng-lẫy, nay bị sa cơ, thà lấy cái chết mà đền nợ nước hơn là để cho giặc săn-sóc mà mong cái sống thừa. Vậy nên ông vứt bỏ dây băng-bó, phun cháo và thuốc ra, cố chịu đau-dớn và đói khát cho đến phút chết.

IV.— Nhận xét.

Nguyễn-tri-Phương trọn đời làm tướng đánh Nam dẹp Bắc, cứu nước an dân. Chẳng may gặp cơn quốc-nạn, cha

con đều hiến thân cho nước, thật là toàn gia trung-liệt đáng sùng-kính đời đời.

CÂU HỎI

- 1.— Nguyễn-tri-Phương là người thế nào ?
- 2.— Ông làm quan dưới các triều vua nào ?
- 3.— Ông lập được những công gì ?
- 4.— Sau khi sáu tỉnh miền Nam mất rồi, ông lãnh chức gì ?
- 5.— Quân Pháp ra Bắc để làm gì ?
- 6.— Quân Pháp tấn công Hà-nội cách nào ?
- 7.— Ông chống giữ thế nào ?
- 8.— Ông bị thương, quân Pháp săn-sóc ông thế nào ?
- 9.— Tại sao ông không chịu cho quân Pháp săn-sóc ông ?

BÀI HỌC

Nguyễn-tri-Phương là một danh-tướng của triều Nguyễn.

Khi quân Pháp sang đánh miền Nam, ông chống-cự rất oanh-liệt.

Sau, vua Tự-Đức lại sai ông trấn-thủ miền Bắc. Pháp tấn công thành Hà-nội, ông bị thương nặng. Quân Pháp chở ông xuống tàu để săn-sóc. Nhưng ông nhất quyết nhịn đói chịu đau mà chết.

— Rạng danh lão-tướng tận trung,
Chịu đau nhịn đói trọn lòng hy-sinh.

BÀI ĐỌC

Ý-ĐỊNH XÂM-LĂNG CỦA NGƯỜI PHÁP

Sau khi chiếm xong sáu tỉnh miền Nam, người Pháp định ngay việc chiếm miền Bắc để rồi thôn-tính luôn cả nước ta.

Thiếu-tướng hải-quân Pháp ở Saigon bấy giờ viết thư về cho Thượng-thư Bộ Thuộc-địa ở Ba-ri nói rằng : « Đất Bắc-Việt tiếp giáp với những tỉnh tây-nam nước Tàu, ta nên chiếm giữ lấy, thì sự cai-trị của ta ở Viễn-đông này mới được chắc-chắn ».

Nhưng bên Pháp bấy giờ đánh nhau với nước Đức vừa xong không muốn gây chuyện khác, bèn điện sang cho Thiếu-tướng rằng : « Không được sinh-sự ở Bắc-Việt ». Nhưng Thiếu-tướng sắp đặt cho một thương-gia Pháp ra Bắc gây sự, rồi đánh điện về Pháp nói : Cần phải lấy xứ Bắc và giữ lấy con đường thông-thương sang Tàu. Không cần viện-binh. Việc chiếm đất Bắc thành công chắc-chắn.

Sau đó, quân Pháp ra đánh lấy Hà-nội khiến cho Nguyễn-tri-Phương phải tuấn-tiết.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM
(Việt-Nam sử-lược)

BÀI 22

THÀ CHẾT CHỜ KHÔNG BỎ THÀNH

HOÀNG-DIỆU



BÀI GIẢNG :

I.— Một người tài đức.

Hoàng-Diệu, người tỉnh Quảng-nam, nhà nghèo nhưng rất thông-minh và chăm học. Năm 25 tuổi, ông thi đỗ Phó-bảng ; làm quan, ông được tiếng là trung-chính.

II.— Giữ trọng-trách.

Sau khi Nguyễn-tri-Phương tuần-tiết, triều-đình ta và Pháp ký Hòa-ước năm 1874. Theo Hòa-ước này, nước ta thuận nhường đứt 6 tỉnh miền Nam cho Pháp và Pháp trả lại cho ta thành Hà-nội. Tuy vậy, quân Pháp vẫn tiếp-tục gây thế-lực của họ ở miền Bắc. Vua Tự-Đức bèn cử Hoàng-Diệu trấn-thủ Hà-nội để phòng-bị mọi việc bất-trắc.

III.— Sửa-sang việc giữ thành.

Quả nhiên, vào đầu năm 1882, chiến-thuyền Pháp thỉnh-linh kéo ra Hà-nội, quân lính mang khí-giới đi lại nghênh-ngang, làm cho dân-chúng rất xôn-xao.

Hoàng-Diệu đoán biết manh-tâm của người Pháp bèn ra lệnh đào hào, đắp lũy, sửa-sang công-cuộc chống-giữ và hội-hợp chư-tướng thề quyết sống chết với thành.

IV.— Chết với thành.

Sáng ngày 25 tháng 4 năm 1882, quân Pháp đột nhiên gọi tối-hậu-thư hẹn đến 8 giờ, ta phải giải binh và giao thành. Hoàng-Diệu nhất định không chịu. Pháp đem đại bác bắn vào thành. Dầu súng ống kém cỏi, ông cũng đốc-thúc quân-sĩ chống-cự hăng-hái. Bỗng, có kẻ phản-bội đốt kho thuốc súng trong thành. Quan quân rối loạn, nhiều người chạy trốn. Ông bình-tĩnh chống trả cho đến cùng. Sau mấy giờ chiến-đấu, thành vỡ, quân địch tràn vào. Ông ra lệnh cho quân-sĩ tháo lui. Còn ông, ông thất cổ dưới gốc cây mà chết theo thành, để khỏi sa vào tay giặc. Người trong nước nghe tin rất cảm-phục.

V.— Nhận xét.

Cái chết trung-liệt của Hoàng-Diệu làm cho quân xâm lăng, dầu thắng ta, cũng thấy rõ tinh-thần bất-khuất và chí hy-sinh của dân-tộc ta.

CÂU HỎI

- 1.— Hoàng-Diệu lúc nhỏ học-hành thế nào ?
- 2.— Ông thi đậu gì ? Ông làm quan thế nào ?
- 3.— Tại sao vua Tự-Đức cử Hoàng-Diệu thủ thành Hà-nội ?
- 4.— Thấy quân Pháp ra Bắc, Hoàng-Diệu làm gì ?
- 5.— Pháp tấn công Hà-nội thế nào ?
- 6.— Hoàng-Diệu chống cự thế nào ?
- 7.— Tại sao ông tự-tử ?
- 8.— Trò nghĩ gì về Hoàng Diệu ?

BÀI HỌC

Hoàng-Diệu làm quan nổi tiếng trung-chính.

Sau khi Nguyễn-tri-Phương tuấn-tiết, ông lãnh trọng-trách giữ thành Hà-nội. Quân Pháp đột nhiên ra Bắc gởi thư bảo ông giao thành. Ông cự tuyệt.

Pháp tấn công dữ-dội, ông chống trả mãnh-liệt. Nhưng vì súng đạn kém, lại có kẻ phản bội, nên thành bị vỡ. Ông thất cò chết theo thành.

— Một lòng bảo vệ Hà-thành,

Hoàng-công tử-tiết lưu danh muôn đời.

BÀI ĐỌC

HOÀNG-DIỆU TUẤN-TIỆT

... Quan quân bối rối thấy đều,
Thành tây bạch-quỉ đánh liều trèo lên.
Nào ai còm áo dốc dền ?
Nào ai gin-giữ vững bền ba quân ?
Nào ai còn chí kinh-luân ?
Nào ai nghĩ đến thánh-quân trên đầu ?
Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu-nung gan sắt dãi-dầu lòng son.
Chữ trung còn chút còn con,
Quyết đem gởi cái tàn hồn cỏ cây.
Trời cao, biển rộng, đất dày,
Núi Nùng, sông Nhị chốn này còn ghi. . .

NGUYỄN-VĂN-GIAI
(Chính-khí-ca)

Bài 23

CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA ĐẢNG VĂN-THÂN

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG



BÀI GIẢNG :

I. — Tánh cang-trực.

Phan-đình-Phùng, người tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ Đình-nguyên. Tính cang-trực, ông làm quan đến chức Ngự-sử

dưới triều Tự-Đức. Đến khi vua mất, quyền-thần Tôn-thất-Thuyết làm nhiều điều sai phép. Vì quá can-độc, ông mắng Thuyết giữa triều, nên bị Thuyết cách chức đuổi về.

II. — Lãnh-đạo đảng Văn-thân.

Về sau, khi quân Pháp đánh chiếm Kinh-thành Huế, vua Hàm-Nghi bỏ chạy ra Quảng-bình rồi truyền hịch kêu gọi sĩ-phu các nơi đứng ra cứu nước.

Phan-dình-Phùng đứng đầu đảng Văn-thân mộ binh khởi nghĩa để chống Pháp. Người yêu nước khắp nơi về giúp ông rất đông.

III. — Tổ-chức quân-đội.

Ông lập chiến-khu kiên-cố trong khoảng rừng Hồng-lĩnh tục gọi là « Ngàn trươi », thuộc tỉnh Hà-lĩnh. Ông sắp đặt quân lính có cơ-ngũ, luyện-tập binh-sĩ có kỷ-luật theo phép Âu-Tây. Tướng của ông là Cao-Thắng chế được cả súng đạn tinh-xảo không kém gì của Pháp.

Người Pháp cũng nhận ông là có tài tổ-chức quân-đội.

IV. — Chống nhau với Pháp.

Trước tiên, ông sai người vây nhà Trương-văn-Ngọc bắt chém đầu để trừng-trị tội phản bội bắt vua Hàm-Nghi giao cho Pháp.

Ròng-rã mười năm, quân Pháp đánh ông mãi nhưng chỉ hao quân tổn của chứ không thắng nổi ông. Pháp sai Hoàng-cao-Khải là bạn ông viết thư dụ ông ra hàng. Ông trả lời rằng ông đã nhất quyết vì nước vì dân mà kháng-chiến tới cùng, nên không có trở-lực nào làm cho nản lòng đổi chí ông được.

V.— Ngày tàn của đảng Văn-thân.

Sau cùng, Pháp sai Nguyễn Thân đem đại-binh bao vây, cố bắt cho được ông. Nghĩa-quân thiếu lương thực nhưng vẫn một lòng kháng-chiến. Song, vì quá vất-vả, ông bị bệnh lỵ mà chết.

Mất chủ-tướng, đảng Văn-thân tan rã : người trốn ra ngoại quốc, người ra Bắc tiếp tục chiến-đấu, người ra đầu thú bị bắt đày đi Côn-đảo.

VI.— Nhận xét.

Không cầu danh, không ham lợi, Phan-đình-Phùng với một lòng yêu nước thiết-tha, đã lưu lại đời sau một gương hy-sinh cao-cả cho Tổ-Quốc.

CÂU HỎI

- 1.— Phan-đình-Phùng quê ở đâu ?
- 2.— Ông thi đậu gì ? Ông được vua phong chức gì ?
- 3.— Tại sao ông bị Tôn-thất-Thuyết cách chức ?
- 4.— Ông đứng ra khởi nghĩa chống Pháp hồi nào ?
- 5.— Ông lập chiến-khu ở đâu ?
- 6.— Ông tập luyện binh-sĩ thế nào ?
- 7.— Ông chống Pháp trong bao lâu ?
- 8.— Hoàng-cai-Khải dụ ông hàng, ông trả lời thế nào ?
- 9.— Về sau, tại sao ông mất ?
- 10.— Ông mất rồi, đảng Văn-thân thế nào ?

BÀI HỌC

Phan-đình-Phùng, người tỉnh Hà-tĩnh, cầm đầu đảng Văn-thân, lập chiến-khu ở Ngàn trươi để chống Pháp.

Ông luyện-tập binh-sĩ theo lối Âu-Tây và chế được súng đạn tinh xảo. Quân Pháp đánh mãi không nổi.

Sau, ông bị bệnh mất. Đàng Văn-thân tan rã.

— Mười năm Hà-tĩnh vắng vùng,
Vì dân vì nước một lòng trung kiên.

BÀI ĐỌC

TRẦN VỤ-QUANG-SƠN

Trong mấy năm chiến-đấu với quân Pháp, Phan-đình-Phùng thắng được trận Vụ-quang-sơn là trận vẻ-vang nhất.

... Một buổi sáng về mùa lạnh, sương mù che phủ tứ phía. Một đoàn quân Pháp, trên đường tiến vào đồn trại của Phan-đình-Phùng, gặp một con sông chắn ngang. Chúng lựa chỗ nước cạn lội băng qua. Chúng đã mắc kế ! Nghĩa-quân núp phía thượng-lưu dỡ những tấm ván đã chặn nơi nguồn làm cho nước đổ xuống ào-ào, với cả trăm cây gỗ lim. Phục-binh bên kia sông vừa đánh chiêng trống vang trời, vừa nổ súng loạn xạ. Một đám phục-binh khác lại từ phía sau địch-quân đánh tới. Quân Pháp mắc kẹt ở giữa sông, muốn lên bờ nào cũng chẳng được. Tốp bị gỗ lim dầy ngã chìm mất, tốp bị trúng đạn mà chết, chỉ còn một số ít chạy thoát.

Về sau, có bài thơ nhắc trận Vụ-quang-sơn như sau :

Gió lạnh sương mù buổi rạng đông,
Ba quân phục sẵn ở bên sông.
Chiêng khua một tiếng quân reo dậy,
Đè phá trên nguồn nước chảy hung.

Theo ĐOÀN-PHÔ-VĨNH.

PHONG-TRÀO CÁCH MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC

Miền Nam : TRƯƠNG-CÔNG-ĐÌNH



BÀI GIẢNG :

I. — Phong-trào chống Pháp.

Bắt đầu từ năm 1859, người Pháp cậy có tàu to súng lớn, sang đánh chiếm nước ta và đặt dân ta dưới quyền đô-hộ

của họ trong hơn tám-mươi năm. Nhưng thực ra, trong suốt thời-gian ấy, với một tinh-thần bất khuất, dân ta không lúc nào ngưng tranh-dấu để giành lại độc-lập cho xứ-sở.

Ngay khi người Pháp mới sang, phong-trào cách-mạng chống xâm-lãng bắt đầu khởi lên ở miền Nam và tràn lan ra miền Trung và miền Bắc.

II.— Trương-công-Định, lãnh-tụ miền Nam.

Trương-công-Định là người đầu tiên khởi binh chống Pháp ở miền Nam.

Sau khi ký-kết Hòa-ước năm Nhâm-Tuất (1862) với Pháp, Triều-đình ta ra lệnh bãi binh. Nhưng, Trương-công-Định về vùng Định-tường chiêu-mộ nghĩa-quân, quyết chống tới cùng. Người theo ông rất đông, tôn ông làm Bình-Tây Đại Nguyên-Soái.

III.— Chiến-thuật của Trương-công-Định.

Ông dùng chiến-thuật du-kích, khi ẩn, khi hiện, nay đánh đồn này, mai đánh đồn kia, gây tổn-thất nặng-nề cho quân Pháp. Ông thắng được nhiều trận, lớn nhất là trận Cần-giуộc (Long-an).

IV.— Chí cương-quyết.

Đánh mãi không thắng nổi ông, Pháp gởi thư dụ-dỗ hứa-hẹn quyền cao chức trọng. Ông không trả lời. Triều-đình ra lệnh cho ông giải giáp. Ông cũng không tuân, cương-quyết chết sống với quân địch để cứu dân, cứu nước.

V.— Ngày tàn của nhà cách-mạng.

Về sau, Huỳnh-công-Tấn là người phản bội chỉ dẫn chỗ cư-ngụ của ông tại làng Kiềng-phước (Gò-công). Quân Pháp nửa đêm đến bao vây, ông hăng-hải chống cự cho đến sáng. Ông bị trúng đạn, bèn rút gươm tự-tận.

IV.— Nhận xét.

Dầu thất bại trong công-cuộc giải-phóng đất nước, Trương-công-Định đã nêu gương vị quốc vong thân cho hậu-thế soi chung.

CÂU HỎI

- 1.— Trong tám mươi năm bị Pháp đô hộ, tại sao lúc nào dân ta cũng tranh-dấu ?
- 2.— Phong-trào cách-mạng chống Pháp khởi từ đâu ?
- 3.— Ở miền Nam, ai lãnh-đạo phong-trào cách-mạng ?
- 4.— Trương-công-Định khởi binh tại đâu ?
- 5.— Ông đánh quân Pháp thế nào ?
- 6.— Ông thắng quân Pháp những trận nào ?
- 7.— Pháp dụ-dỗ ông thế nào ?
- 8.— Triều-dinh ra lệnh cho ông làm gì ?
- 9.— Về sau, tại sao ông tự-tử ?
- 10.— Trò có ý nghĩ gì về ông Trương-công-Định ?

BÀI HỌC

Khi người Pháp mới sang đô-hộ nước ta, Trương-công-Định cầm đầu phong-trào chống Pháp ở miền Nam.

Ông dùng chiến-thuật du-kích đánh phá quân Pháp ở vùng Định-tường, thắng được nhiều trận.

Sau, vì có người phản-bội, ông bị quân Pháp vây bắt nên ông tự-tử để khỏi lọt vào tay giặc.

— *Phất cờ chống nạn xâm lăng,
Trương-công nghĩa khí lấy-lòng trời Nam.*

BÀI ĐỌC

CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở MIỀN NAM

Sau khi Trương-công-Định mất rồi, cũng còn nhiều anh-hùng nghĩa-sĩ đứng ra tiếp-tục chống Pháp khắp nơi ở miền Nam.

Thủ-khoa Huân khởi binh ở vùng Định-tường.

Thiên-hộ Dương lập chiến-khu ở Đồng-Tháp-mười.

Phan-Liêm, Phan-Tồn nổi lên ở vùng Vĩnh-long.

Nguyễn-văn-Phụng đánh phá vùng Trà-vinh.

Oanh-liệt nhứt là Nguyễn-trung-Trực dấy quân ở vùng Tân-an, đốt được tàu giặc tại Nhứt-tảo và đánh chiếm thành Kiên-giang.

Ngoài ra, cuộc kháng-chiến tự động của nhân-dân ở vùng Bà-diêm, Hốc-môn (Gia-định) nổi tiếng với trận đánh « Mười tám Thôn Vườn Trầu » đã làm cho quân Pháp phải khiếp sợ.

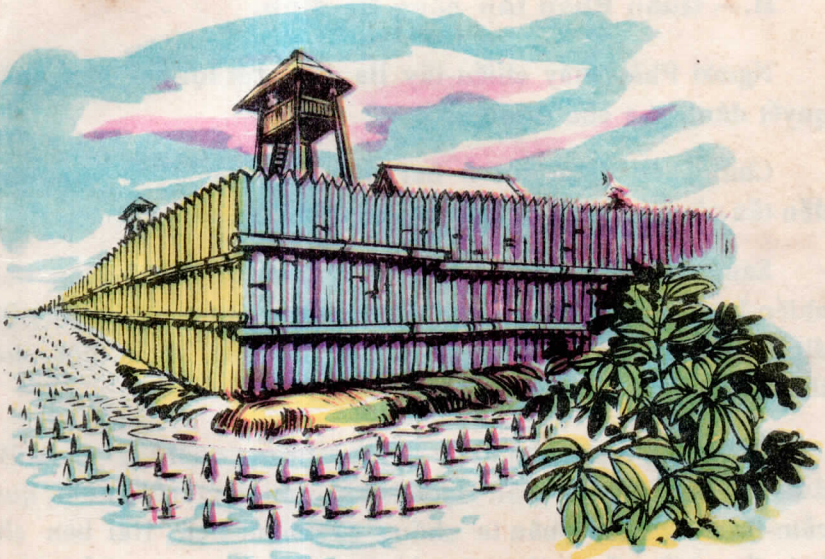
Thật là dân ta sánh với kẻ xâm lăng lúc đó chỉ kém súng to, đạn lớn, chứ nào có kém lòng dũng-cảm, chí hy-sinh.

Theo ĐOÀN-PHỒ-VĨNH.

Bài 25

PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC

Miền Trung : ĐÌNH-CÔNG-TRÁNG



BÀI GIẢNG :

I. — Xây chiến-lũy Ba-đình.

Hưởng-ứng phong-trào chống Pháp ở miền Trung, Đình-công-Tráng là người có tài thao-lược đứng ra xây chiến-lũy Ba-đình, thuộc tỉnh Thanh-hóa, để chặn đường tiếp-tế của quân địch từ Bắc vào Trung.

Chiến-lũy xây trên địa-phận ba làng Mỹ-khe, Mậu-thịnh và Thương-thọ, giữa một khu ruộng lầy thật rộng, bên cạnh có một con sông chảy từ Thanh-hóa ra Ninh-bình.

Từ chiến-lũy, Đinh-công-Tráng thường xuất binh đột-kích làm cho quân Pháp tổn-thất lớn-lao về quân-lính cũng như về vũ-khí và lương-thực.

II.— Quân Pháp tấn công Ba-dình.

Người Pháp thấy chiến-lũy Ba-dình rất lợi-hại nên nhất-quyết đánh phá cho được.

Chúng kéo quân-đội ở hai tỉnh Thanh-hóa và Nam-dịnh đến tấn công, nhưng bị thất-bại nặng-nề rồi phải rút lui.

Sau, Pháp huy-động đến 4.000 quân, lối 100 sĩ-quan và 4 chiến-hạm đầy-đủ súng ống, bắn vào như mưa. Chiến-lũy Ba-dình vẫn tro-tro, không nao-núng. Pháp lại thêm một phen thảm-bại.

Sau cùng, Pháp phải đem hết lực-lượng quân-sự ngoài Bắc đưa vào bao vây các mặt. Đại bác nả đạn long trời lở đất, quân cảm-tử xông vào. Quân ta chống cự mãnh-liệt. Hai bên chết hại rất nhiều. Sau 16 ngày đánh nhau vô cùng thảm-khốc, chiến-lũy mới vỡ.

III.— Tiếp-tục kháng-chiến.

Đinh-công-Tráng chạy về đồn Mã-cai (Thanh-hóa) tiếp-tục kháng-chiến. Quân Pháp kéo đến đánh, quyết hạ cho được đồn. Cuộc đánh nhau thật quyết-liệt, quân-sĩ hai bên tử-trận năm ngồn-ngang trên chiến-địa. Sau rốt, quân ta hết đạn phải bỏ thành-tri.

IV.— Bị phản bội.

Đình-công-Tráng đem tàn quân lần tránh trong làng xã. Một lý-trưởng phản-bội chỉ chỗ ẩn núp của ông cho Pháp đang đem đến vây bắt. Ông trúng đạn chết.

V.— Nhận xét.

Nhờ chiến-lũy Ba-dình, Đình-công-Tráng đã lập nên võ-công oanh-liệt bậc nhất trong công-cuộc chống Pháp.

CÂU HỎI

- 1.— Đình-công-Tráng có tài gì ?
- 2.— Ông lập chiến-lũy ở đâu ?
- 3.— Chiến-lũy Ba-dình thế nào ?
- 4.— Tại sao quân Pháp quyết hạ cho được chiến-lũy Ba-dình ?
- 5.— Lúc đầu quân Pháp thất-bại thế nào ?
- 6.— Về sau, tại sao chiến-lũy phải vỡ ?
- 7.— Đình-công-Tráng còn tiếp-tục chiến-dấu ở đâu ?
- 8.— Tại sao đồn Mã-cai phải thất-thủ ?
- 9.— Đình-công-Tráng dẫn tàn quân đi đâu ?
- 10.— Tại sao ông bị thiệt mạng ?

BÀI HỌC

Hương-ứng phong-trào chống Pháp ở miền Trung, Đình-công-Tráng xây chiến-lũy Ba-dình để chặn đường tiếp-tế của Pháp từ Bắc vào Trung.

Pháp đem nhiều quân với súng lớn đánh phá mãi không nổi.

Sau, Pháp phải đem đại-binh đến tử chiến nhiều ngày, chiến-lũy mới vỡ.

Ông thoát nạn nhưng sau cũng bị trúng đạn chết.

— Ba-dinh trăm trận xông-phá,

Đinh-Công đánh giặc, nước nhà về-vang.

BÀI ĐỌC

DINH-CÔNG-TRÁNG LÀ NGƯỜI THẾ NÀO ?

Phê-bình Đinh-công-Tráng, một Đại-ủy Pháp có lời như sau đây :

Đinh-công-Tráng là người có chính-trực và chân thành, biết giữ kỷ-luật trong quân đội và nghiêm-trị những tên lính đi những-nhiều xóm làng. Có tri quan-sát và nhân-nại, Tráng biết mình và biết người cho nên không khi nào dùng quân một cách vô-ích để đến nỗi hao binh tổn tướng. Tráng lại giỏi đặt địa-thế và khéo dụ quân địch vào những chỗ nguy.

Sau hết, chẳng nề nguy-hiểm, Tráng bao giờ cũng đi đầu, mạnh-bạo trong việc làm, hết lòng yêu nước. Tráng là một người binh-dân, nhưng nhờ những đức-lính ấy mà đứng đầu được số quan-lại phần nhiều là kiêu-hãnh.

Nếu Tráng được một ít người tài giỏi giúp đỡ thì quân Pháp còn bị chạt-vật với Tráng không biết bao nhiêu lần mà vị tất đã thắng nổi.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM

Bài 26

PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ NAM CHÍ BẮC

Miền Bắc : HOÀNG-HOÀ-THẨM



BÀI GIẢNG :

I.— Lập chiến-khu.

Hoàng-hoa-Thám. người phủ Yên-thế, tỉnh Bắc-giang, theo cai-tổng Hoàng-dinh-Kinh đánh nhau với quân Pháp từ lúc hai mươi tuổi. Ông được phong làm Đề-dốc nên người đồng thời gọi là Đề-Thám.

Sau khi cai-tổng Kinh thất bại, Đề-Thám vào Hà-tĩnh xin cộng-tác với Phan-dinh-Phùng. Nhưng Phan-dinh-Phùng khuyên ông hãy về Bắc hoạt-động để gây thêm ảnh-hưởng cho phong-trào cách-mạng. Đề-Thám bèn về đất Bắc lập chiến-khu ở Yên-thế.

II. — Chiến-khu Yên-thế.

Chiến-khu này là một vùng rộng mênh-mông toàn là núi cao rừng thẳm, cây to cỏ rậm, lối đi quanh co, gập ghềnh, đầy cam-bẫy. Đồn, trại xây dựng ở những nơi hiểm-yếu và có đào đường hầm ăn thông với nhau. Nơi nào cây cối được, quân lính làm ruộng để lấy lương-thực. Còn súng đạn thì mua tận bên Tàu do một con đường bí-mật đem vào.

III. — Gây tổn-thất cho Pháp.

Từ chiến-khu, Đề-Thám thường bắt thỉnh-linh xua quân đánh lửa các đồn giặc lẻ-tẻ hoặc phục-kích các đội-binh đi tuần-tiểu để cướp giựt vũ-khí. Có một đêm, ông kéo nghĩa-quân về đột-kích Hà-nội, tuy không thành công nhưng cũng làm cho quân Pháp kinh hồn hoảng vía.

Những khi quân Pháp đến đánh phá chiến-khu, ông dụ chúng vào sâu trong rừng núi rồi đem binh đánh bọc hậu làm cho chúng đại bại. Ngót 30 năm trời, Pháp tổn-hại rất nhiều.

Thật là oai danh « Hùm thiêng Yên-thế » lừng-lẫy trong xứ.

IV. — Bị thích-khách.

Sau, Pháp dùng quỷ-kế mượn tên khách Lương-tam-Kỳ cho thủ-hạ đến nhập đảng ông, rồi thừa lúc ông ngủ ám-sát ông.

V.— Nhận xét.

Nhờ có dũng-cảm và mưu-trí, lại thêm cương-quyết và kiên-nhẫn, Hoàng-hoa-Thám là vị lãnh-tụ cách-mạng Việt-Nam đã chống cự với quân Pháp lâu dài và kịch-liệt nhất.

CÂU HỎI

- 1.— Thuở còn trẻ, Hoàng-hoa-Thám theo ai để đánh Pháp ?
- 2.— Tại sao người ta gọi ông là *Đề-Thám* ?
- 3.— Sau khi cai-tổng Kinh thất bại, ông định làm gì ?
- 4.— Nhưng Phan-dình-Phùng khuyên ông làm gì ?
- 5.— Ông lập chiến-khu ở đâu ?
- 6.— Chiến-khu Yên-thế thế nào ?
- 7.— Từ chiến-khu ông xuất binh đánh Pháp thế nào ?
- 8.— Khi quân Pháp đến đánh ông, ông làm gì ?
- 9.— Ông chống cự với Pháp được bao lâu ?
- 10.— Tại sao người ta gọi ông là « *Hùm thiêng Yên-thế* » ?

BÀI HỌC

Cầm đầu phong-trào cách-mạng chống Pháp ở Bắc, *Đề-Thám* lập chiến-khu tại Yên-thế là một nơi rừng núi rất hiểm-yếu.

Ngót 30 năm trời, ông dùng chiến-thuật du-kích làm cho Pháp hao quân tốn của rất nhiều.

Sau, Pháp dùng kế mướn người giết ông.

— *Bắc-hà một thuở tung-hoành,*

Hùm thiêng Yên-thế oai-danh lưu truyền.

BÀI ĐỌC

RỪNG XANH VÙNG-VÃY

Yên-thế ! Một nơi hiểm-trở rừng xanh, nước độc, đầy thú dữ và lau sậy. Cảnh Yên-thế đã hiện ra chứa-chan những sự bí-mật hãi-hùng, ai nghe nói cũng phải rùng mình. Cây leo, cỏ rậm, suối cả, đèo cao, núi rừng Yên-thế rất khó qua lại cho những người mới từ nơi khác lạc lối tiến vào. Trong những khu rừng rậm rạp, những đèo đá chập-chờn thường có bóng người lúc ẩn lúc hiện như những bóng ma trôi.

Đêm đến cảnh Yên-thế lại càng bí-mật lạnh-lùng. Thỉnh-thoảng chúa rừng xanh lại cao đưa mấy tiếng gầm vang, thế là muôn loài lại im hơi lặng tiếng trong hang sâu hay bụi cỏ.

Dựa vào địa-thế thiên-nhiên hiểm-trở, một thủ-lĩnh Cần-vương đã tụ-tập đồng-chí chiếm cứ làm chúa-tể cả một miền này ngót 30 năm trời.

Người ấy là Hoàng-hoa-Thám.

Theo HUYỀN-QUANG
(Đề Thám)

CUỘC TRUNG-CẦU DÂN-Ý 23-10-1955

CHẾ-ĐỘ CỘNG-HÒA



BÀI GIẢNG :

I.— Quốc-gia lâm cơn nguy-biến.

Vào giữa năm 1954, Hội-nghị Giơ-neo chia cắt nước Việt-Nam ra làm hai. Ở miền Bắc, Việt-cộng được toàn quyền. Ở

miền Nam, các đảng phái võ-trang tranh quyền với nhau gây rối loạn. Tình-hình đất nước vô cùng đen tối. Nhân-dân xao-xuyến, mất hết tin-tưởng vào tương-lai.

II.— Nhà Chi-sĩ cứu quốc.

May thay, lúc bấy giờ, Chi-sĩ Ngô-dình-Diệm đã từ ngoại-quốc trở về nước nắm chánh-quyền. Sau khi thành-lập tân Chánh-phủ ngày 7-7-1954, ông cương-quyết thực-hiện ngay chương-trình cách-mạng quốc-gia với chủ trương: phản đế, bài phong, chống cộng.

Trong vòng một năm, Người đã thấu hồi được độc-lập hoàn-toàn cho Quốc-gia, dẹp tan các đảng phái phiến-loạn, đem lại trật-tự an-ninh từ thành-thị đến thôn-quê.

Người còn cải-tổ việc hành-chánh, bài trừ nạn tham quan ô lại và cải-tiến xã hội, nâng cao mực sống của nhân-dân.

Thật như đã nhờ một phép màu-nhiệm, tình-hình xứ-sở bỗng trở nên tươi sáng, toàn dân tin-tưởng nơi tương-lai và ghi ơn nhà Chi-sĩ cứu quốc.

III.— Cuộc trưng-cầu dân-ý 23-10-1955.

Vì vậy, ngày 23 tháng 10 năm 1955, trong cuộc trưng-cầu dân-ý, tất cả công-dân Việt-Nam nô-nức đi bỏ phiếu để tỏ ý-nguyện của mình. Kết-quả là toàn dân nhất quyết truất-phế Bảo-Đại và suy-tôn Chi-sĩ Ngô-dình-Diệm Tổng-Thống Việt-Nam.

IV.— Chế-độ Cộng-hòa.

Sáng ngày 26-10-1955, một cuộc meet-tinh vĩ-dại được tổ-chức tại Thủ-đô Saigon rồi diên-hành tới dinh Độc-lập để hoan-nghehnh Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm ra mắt quốc-dân.

Đúng 12 giờ trưa Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm long trọng đọc bản tuyên-cáo thành-lập nền Cộng-Hòa Việt-Nam.

Từ ngày đó đến nay, dưới sự lãnh-đạo anh-minh của Ngô-Tổng-Thống, Việt-Nam Cộng-Hòa càng ngày càng tiến mạnh trên đường dân-chủ.

V.— Nhận xét.

Ngày 26-10-1955 là ngày lịch-sử vẻ-vang đã hướng dẫn dân-tộc Việt-Nam theo một đường lối mới để tiến nhanh đến thịnh-vượng, phú-cường.

CÂU HỎI

- 1.— Hội-nghị Giơ-neo có hại cho Việt-Nam thế nào ?
- 2.— Sau Hội-nghị ấy, tình-hình nước ta thế nào ?
- 3.— Lòng dân lúc ấy ra sao ?
- 4.— Ai đứng ra cứu nước ?
- 5.— Để cứu nước, Chí-sĩ Ngô-dinh-Diệm định thực hiện chương-trình gì ?
- 6.— Trong vòng một năm, Người làm được những việc gì ?
- 7.— Để ghi ơn Người, toàn dân làm gì ?
- 8.— Cuộc trưng-cầu dân-ý mở vào ngày nào ?
- 9.— Ngày nào Chí-sĩ Ngô-dinh-Diệm tuyên bố thành-lập chế-độ Cộng-hòa ?
- 10.— Từ ngày đó, Việt-Nam Cộng-Hòa tiến bộ thế nào ?

BÀI HỌC

Giữa năm 1954, tình-thế Việt-Nam hết sức rối-ren.

Chí-sĩ Ngô-dinh-Diệm về nước nắm chính-quyền. Người giành lại độc-lập cho xứ-sở, dẹp tan đảng phái phiến-loạn, lập lại an-ninh trật-tự.

Toàn dân nhớ ơn Người, nên ngày 23-10-1955 đồng bỏ phiếu suy-tôn Người lên làm Tổng-Thống nước Việt-Nam.

Ngày 26-10-1955 Người tuyên-bố thành-lập nền Cộng-Hòa Việt-Nam.

— Mừng ngày 26 tháng mười,

Ơn Ngô-Tổng-Thống đời đời ghi sâu.

BÀI ĐỌC

LỄ CÔNG-BỐ KẾT-QUẢ CUỘC TRUNG-CẦU DÂN-Y 23-10-1955.

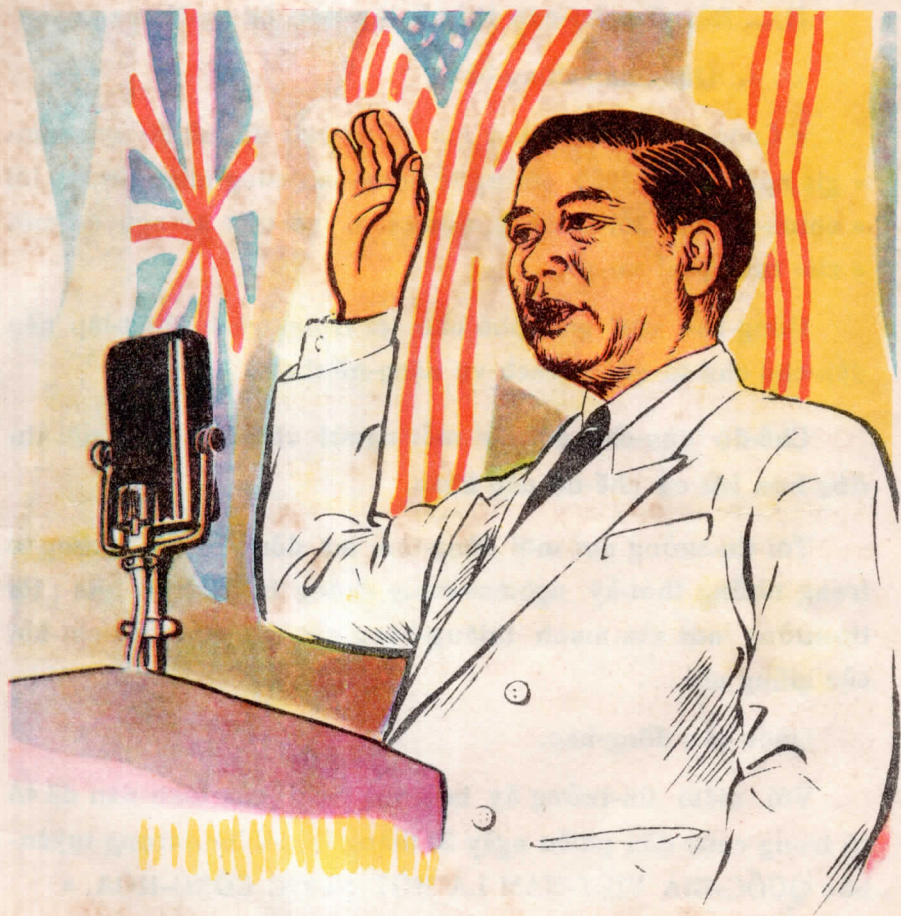
Sáng ngày 26-10-1955, Đô-thành Saigon rõ ra một ngày đại-hội. Các công-sở và tư-gia đều treo quốc-kỳ san-sát. Phần lớn các tiệm buôn đều đóng cửa. Người đi lại ở ngoài đường tấp-rập, rộn-rịp. Hàng mấy trăm ngàn người kéo nhau đến trước tòa Đô-chính dự lễ công-bố kết-quả cuộc Trưng-cầu dân-y.

Đúng 7 giờ rưỡi, công-trường rộng lớn trước Tòa Đô-chính không còn một chỗ nào hở, chỗ nào cũng đầy người đứng chen-chúc. Người ta hình như đứng trước một biển người và một rừng biểu-ngữ.

... Đúng 10 giờ, ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ tới nơi và đọc diễn-văn long trọng tuyên bố tổng kết-quả cuộc biểu-quyết của toàn dân.

Số công dân đã tham gia cuộc Trưng-cầu dân-y là 5.828.907 người. Số thăm biểu-quyết truất-phế Bảo-Đại và suy-tôn Chí-sĩ Ngô-dinh-Diệm là 5.721.735 phiếu. Số thăm biểu-quyết không truất-phế Bảo-Đại là 63.017 phiếu. Số người không tham gia cuộc Trưng-cầu dân-y là 131.392 người. Số thăm không hợp lệ là 44.155 phiếu.

Theo sách Công-Dân Giáo-Dục do Bộ
Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản.



BÀI GIẢNG :

I. — Tiểu dẫn.

Trong cuộc trưng-cầu dân-ý ngày 23-10-1955, toàn dân Việt-Nam nhất quyết truất-phế Bảo-Đại và suy-tôn chí-sĩ Ngô-dinh-Diệm Tổng-Thống Việt-Nam.

Ngày 26-10-1955, Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm đọc bản Tuyên-cáo thành-lập nền Cộng-Hòa cho Quốc-Gia Việt-Nam.

II.— Bản Tuyên-cáo thành-lập nền Cộng-Hòa

« ... Quốc-dân đồng-bào,

« Cuộc trưng-cầu dân-ý mà đồng-bào đã nhiệt-liệt tham-
« gia ngày 23-10-1955, chứng tỏ đồng-bào công nhận đường lối
« chính-trị của tôi là đúng, đồng thời mở một kỷ-nguyên mới
« cho tương-lai xứ-sở.

Đồng-bào vừa giao-phó cho tôi trọng-trách thiết-lập nền dân-chủ cho tổ-quốc, trách-vụ nặng-nề thay ...

Chế-độ dân-chủ đòi hỏi mỗi người chúng ta trau-giồi tín đức hơn bất cứ chế-độ nào khác.

Tôi tin-tưởng nơi mỗi đồng-tâm mà đồng-bào đã chứng tỏ trong những thời-kỳ nghiêm-trọng chúng ta đã vượt qua ; tôi tin-tưởng nơi sức mạnh thiêng-liêng của dân-tộc, nơi chí-khí của giống nòi ...

Quốc-dân đồng-bào,

Với niềm tin-tưởng ấy hợp với ý-chí của toàn dân đã tỏ rõ trong cuộc đầu phiếu ngày 23 tháng 10, tôi long-trọng tuyên-bố : QUỐC-GIA VIỆT-NAM LÀ MỘT NƯỚC CỘNG-HÒA. »

III.— Nhận xét.

Bản Tuyên-cáo thành-lập nền Cộng-Hòa mở rộng cho nước Việt-Nam tự-do một con đường dân-chủ để kịp tiến bước theo các nước giàu mạnh trên thế-giới.

IV.— Giải-thích.

Tuyên-cáo : báo cho mọi người biết. — *Trung-cầu dân-ý* : hỏi ý-kiến của dân. — *Nhiệt-liệt* : hết sức hăng-hái. — *Tham-gia* : dự vào. — *Kỷ-nguyên mới* : thời đại mới. — *Trọng-trách* : công việc lớn lao. — *Trách-vụ* : phận việc mình phải làm. — *Thời kỳ nghiêm-trọng* : những lúc khó-khăn, nguy-cấp. — *Thiên-giêng* : như có phép lạ để làm những việc khác thường. — *Nước Cộng-Hòa* : nước mà chủ quyền quốc-gia thuộc toàn thể nhân-dân.

CÂU HỎI

- 1.— *Cuộc Trung-cầu dân-ý đã tổ-chức vào ngày nào ?*
- 2.— *Tại sao toàn dân suy-tôn Chí-sĩ Ngô-dình-Diệm Tổng-Thống Việt-Nam ?*
- 3.— *Nhận lãnh trách-vụ, Tổng-Thống tin tưởng vào những gì ?*
- 4.— *Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm tuyên-bố thành-lập nền Cộng-Hòa Việt-Nam vào ngày nào ?*
- 5.— *Từ ngày thành-lập nền Cộng-Hòa, nước ta đã tiến-bộ như thế nào ?*

BÀI HỌC

... Quốc-dân đồng-bào,

Tôi tin-tưởng nơi mỗi đồng-tâm mà đồng-bào đã chứng-tỏ trong những thời-kỳ nghiêm-trọng chúng ta đã vượt qua ; tôi tin-

tưởng nơi sức mạnh thiêng-liêng của dân-tộc, nơi chí-khí của giống nòi...

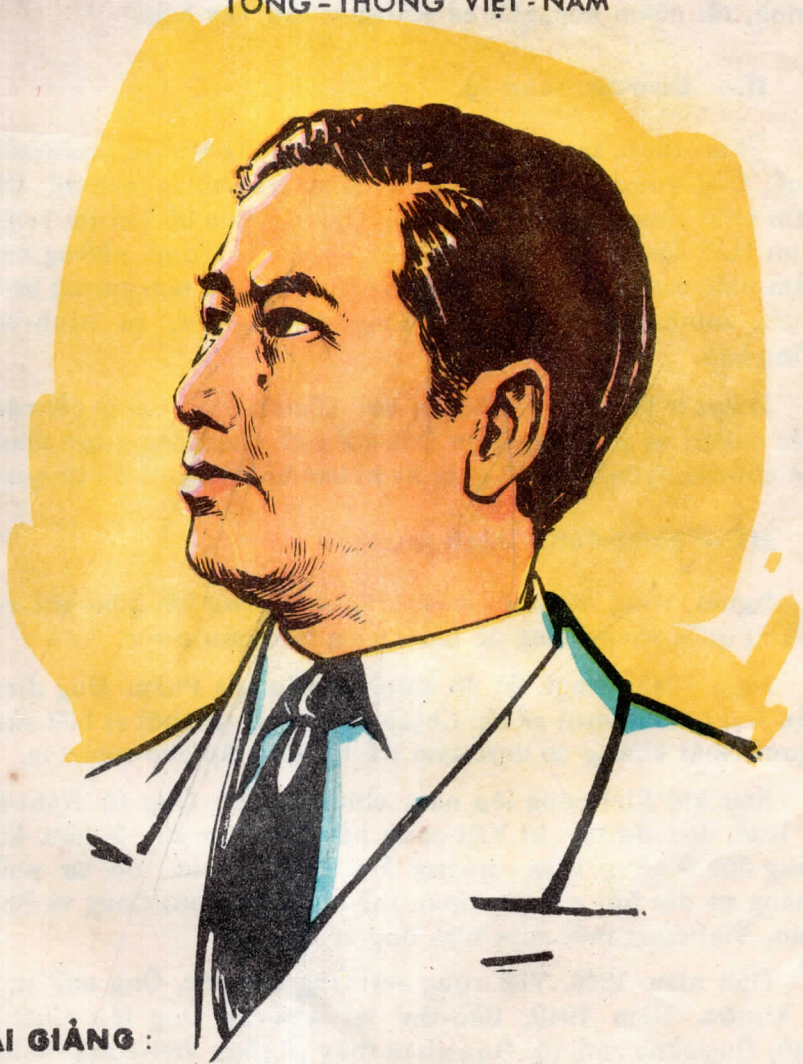
Quốc-dân đồng-bào,

Với niềm tin-tưởng ấy hợp với ý-chí của toàn dân đã tỏ rõ trong cuộc đầu phiếu ngày 23 tháng 10, tôi long-trọng tuyên-bố : QUỐC-GIA VIỆT-NAM LÀ MỘT NƯỚC CỘNG-HÒA.

— *Lập nên Chính-thề Cộng-Hòa,*

Ơn Ngộ Tông-Thống, quốc-gia hùng-cường.

**TIỂU-SỬ ÔNG NGÔ-ĐÌNH-DIỆM
TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM**



BÀI GIẢNG :

I. — Thời hoa-niên.

Chi-sĩ Ngô-dình-Diệm sinh năm 1901 tại Huế. Ông là con thứ ba cụ Ngô-dình-Khải, một vị đại-thần cương-trực và liêm-

khiết dưới triều vua Thành-Thái. Lúc nhỏ, Ông rất thông-minh, rất chăm học, giỏi cả Hán-học lẫn Tây-học.

II.— Đường hoạn-lộ.

Năm 1921, sau khi tốt-nghiệp ưu hạng trường Hậu-bồ ở Huế, Ông được bổ tri-huyện rồi thăng tri-phủ và tuần-vũ. Đến năm 1933, Ông được cử giữ chức Thượng-thư bộ Lại tại Triều-dinh Huế ngang chức Thủ-tướng bây giờ. Trong những năm đảm-nhiệm chức-vụ, Ông lúc nào cũng treo cao tấm gương liêm-khiết, minh-chánh, Ông giàu lòng thương yêu, và bình-vực đồng-bào.

Được ít lâu, Ông đề-nghị với Chánh-phủ Pháp cải-cách việc cai-trị và mở rộng viện Dân-biểu để nhân-dân được tham-gia chính-quyền. Lời đề-nghị ấy bị bác bỏ, Ông trả ấn từ quan.

III.— Hoạt-động cách-mạng.

Ngoài vòng bó buộc của thực-dân, Ông kết-giao với các nhà ái quốc cách-mạng để mưu toan việc cứu nước.

Năm 1945, Nhật lật đổ chính quyền của Pháp. Ông được Bảo-Đại hai lần mời ra lập Chính-Phủ. Ông từ chối vì biết rằng người Nhật không có thực-tâm trả lại độc-lập cho nước ta.

Sau khi Việt-cộng lên nắm chính quyền, Ông từ Nam-bộ ra Huế, dọc đường bị Việt-cộng bắt và đem đày ở một khu rừng độc ở vùng Tuyên-quang. Mãi 6 tháng sau, do sự phản kháng và đòi hỏi của các đoàn thể quốc-gia, giới Công và Phật giáo, Việt-cộng mới chịu đưa ông về Hà-nội.

Đầu năm 1946, Việt-cộng mời Ông hợp-tác, Ông một mực từ khước. Năm 1949, Bảo-Đại lại yêu-cầu Ông lập Chánh-Phủ, Ông cũng chối từ. Ông nhận thấy rõ rằng Việt-cộng thì lợi-dụng lòng ái quốc của toàn-dân, còn Bảo-Đại chỉ là bù-nhìn của thực-dân Pháp. Ông xuất-dương và tiếp-xúc với nhiều chánh-khách ngoại-quốc để gây một hậu-thuần quốc-tế có lợi cho cuộc tranh-thủ độc-lập của toàn-dân.

IV.— Công cứu quốc và kiến quốc.

Năm 1954, trong khi Hội-nghị Giơ-neo đang họp để chia xẻ Việt-Nam, tình-thế vô cùng rối-ren, lòng dân rất xao-xuyến, Ông trở về đảm-đương việc nước.

Ông lập Chánh-Phủ ngày 7 tháng 7 năm 1954. Nhờ sự lãnh-đạo cương-quyết và sáng suốt của Ông, nền độc-lập được kiện-toàn, phiến-loạn bị dẹp tan, xã-hội cải-tiến, kinh-tế phục-hưng. Sau cuộc Trưng-cầu dân-ý tháng 10 năm 1955, Ông được toàn dân suy-tôn lên làm Tổng-Thống. Ông tuyên-bố thành-lập nền Cộng-hòa, tổ-chức tổng-tuyển-cử để bầu Quốc-hội và ban hành Hiến-pháp để dân-chủ-hóa nước nhà.

V.— Nhận xét.

Chí-sĩ Ngô-dình-Diệm là một vị cứu tinh đã giải-thoát dân-tộc Việt-Nam khỏi cơn nguy-biến và hướng-dẫn quốc-gia Việt-Nam đến đài vinh-quang.

CÂU HỎI

- 1.— *Lúc nhỏ, Ông Ngô-dình-Diệm học-hành thế nào ?*
- 2.— *Lúc làm quan, Ông tỏ ra thế nào ?*
- 3.— *Tại sao Ông từ chức Thượng-thư bộ Lại ?*
- 4.— *Tại sao Ông không hợp-tác với Nhật ?*
- 5.— *Tại sao Ông không hợp-tác với Việt-Minh ?*
- 6.— *Tại sao Ông không hợp-tác với Bảo-Đại ?*
- 7.— *Ông xuất dương để làm gì ?*
- 8.— *Lúc nào Ông mới về nước ?*
- 9.— *Chánh-Phủ do Ông lãnh đạo đã làm được những việc gì ?*

BÀI HỌC

Chí-sĩ Ngô-dình-Diệm sanh năm 1901 tại Huế.

Năm 1933, Ông từ quan về nhà lo việc cứu nước.

Từ năm 1945 đến năm 1954, nhiều lần Nhựt, Việt-Minh, Bảo-Đại mời ông hợp tác. Ông chối từ và xuất-dương để hoạt-động cách-mạng.

Ông trở về nước lập Chánh-Phủ ngày 7-7-1954 và đưa nước nhà đến Độc-lập Vinh-quang.

Ngày 23-10-1955, toàn dân suy-tôn Ông làm Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.

— Trên đường cách-mạng gian-lao,
Lập nền dân-chủ, đề cao nhân-quyền.

SUY-TÔN NGÔ TỔNG-THỐNG

Ái bao năm vì sông núi quên thân mình,
Cứu đất nước thề tranh đấu cho tự-do.
Người cương-quyết chống Cộng, bài Phong-kiến bóc lột,
diệt thực-dân đang rắc-reo tàn-phá.
Bao công lao hồn sông-núi ghi muôn đời,
Gương hy-sinh ngàn muôn kiếp không hề phai.
Toàn dân quyết kết-đoàn cùng chung-sức với Người, thề
đồng-lâm xây đắp cho ngày mai.

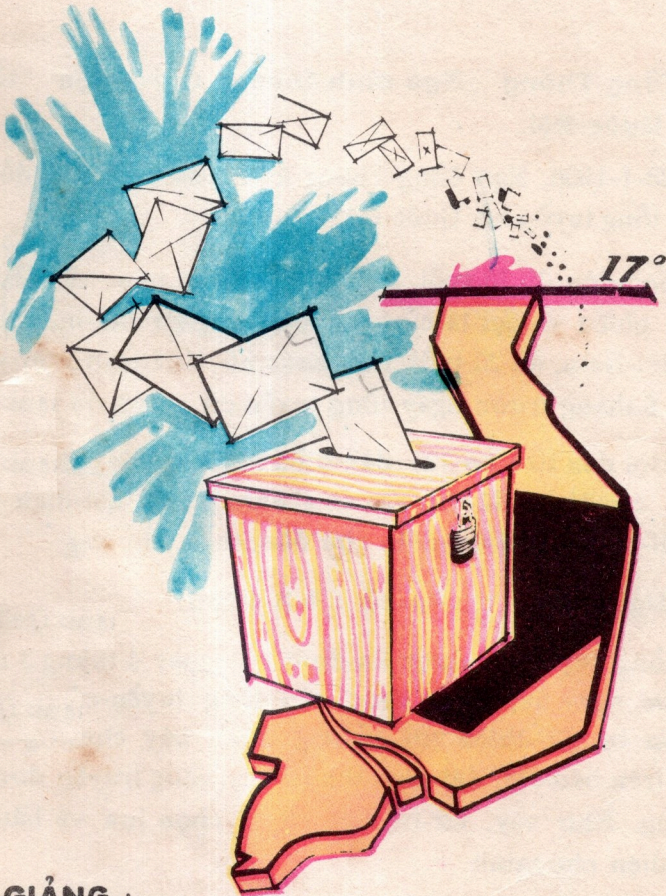
ĐK

Toàn dân Việt-Nam nhớ ơn Ngô Tổng-Thống.
Ngô Tổng-Thống, Ngô Tổng-Thống muôn năm.
Toàn dân Việt-Nam quyết theo Ngô Tổng-Thống.
Xin Thượng-Đế ban phước lành cho Người.
Toàn dân Việt-Nam nhớ ơn Ngô Tổng-Thống.
Ngô Tổng-Thống, Ngô Tổng-Thống muôn năm.
Toàn dân Việt-Nam quyết theo Ngô Tổng-Thống.
Chung đắp xây nền Thống-nhất Sơn-hà.

BÀI 31

TỔNG TUYỂN CỬ QUỐC-HỘI ĐẦU TIÊN

ngày 4-3-1956



BÀI GIẢNG :

I. — Tại sao phải bầu Quốc-Hội.

Sau ngày 26-10-1955, Việt-Nam là một nước Cộng-hòa và theo chính-thể dân chủ. Trong một nước dân-chủ chơn-chánh, người dân có quyền cho biết ý-kiến về sự tổ-chức chánh-quyền và về

việc đặt pháp-luật trong nước. Nhưng, tất cả mọi người không thể họp nhau lại để làm công việc ấy vì dân số trong nước rất đông. Bởi vậy nên, nhân-dân trong nước phải bầu ra một số người thay mặt cho mình gọi là dân-biểu, họp lại thành Quốc-Hội.

II.— Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm thực-hiện tổng tuyển-cử Quốc-Hội.

Ngày 23-1-1956, Ngô Tổng-Thống ký Dụ số 8 và số 9 để tổ-chức cuộc tổng tuyển-cử Quốc-Hội đầu tiên.

Mọi công-dân đủ 18 tuổi, không phân biệt nam nữ, đều có quyền bầu phiếu và gọi là cử-tri. Muốn ứng-cử dân-biểu, phải là người Việt-Nam, đủ 25 tuổi, nam hoặc nữ, đã lưu-trú tại Việt-Nam được 6 tháng trước ngày tổng tuyển-cử và có đủ tư-cách

Quốc-Hội đầu tiên có 125 dân-biểu : 107 vị đại diện cho dân-chúng các tỉnh, đô-thị và đô-thành, 12 vị đại-diện cho đồng-bào di-cư và 4 vị đại-diện cho đồng-bào Thượng.

III.— Ngày tổng tuyển-cử : 4-3-1956.

Cuộc tổng tuyển-cử được ấn-dịnh vào ngày 4 tháng 3 năm 1956. Trước ngày ấy, đã có cuộc vận-dộng tuyển-cử : những ứng-cử-viên tự giới-thiệu với cử-tri, trình bày chương-trình hoạt-động trên báo-chi, đài phát thanh hay bằng truyền đơn và bích-chương. Nhờ vậy, cử-tri biết rõ để chọn lựa và bầu-cử người đại-diện cho mình.

Ngày 4-3-1956, cử-tri toàn quốc, nam phụ lão ấu, đã nô nức đi bầu cử Quốc-Hội, để làm tròn nhiệm-vụ công-dân.

Việc công cử đã được tổ-chức trong một khung-cảnh hoàn-toàn dân-chủ và kết-quả được vô cùng mỹ-mãn.

